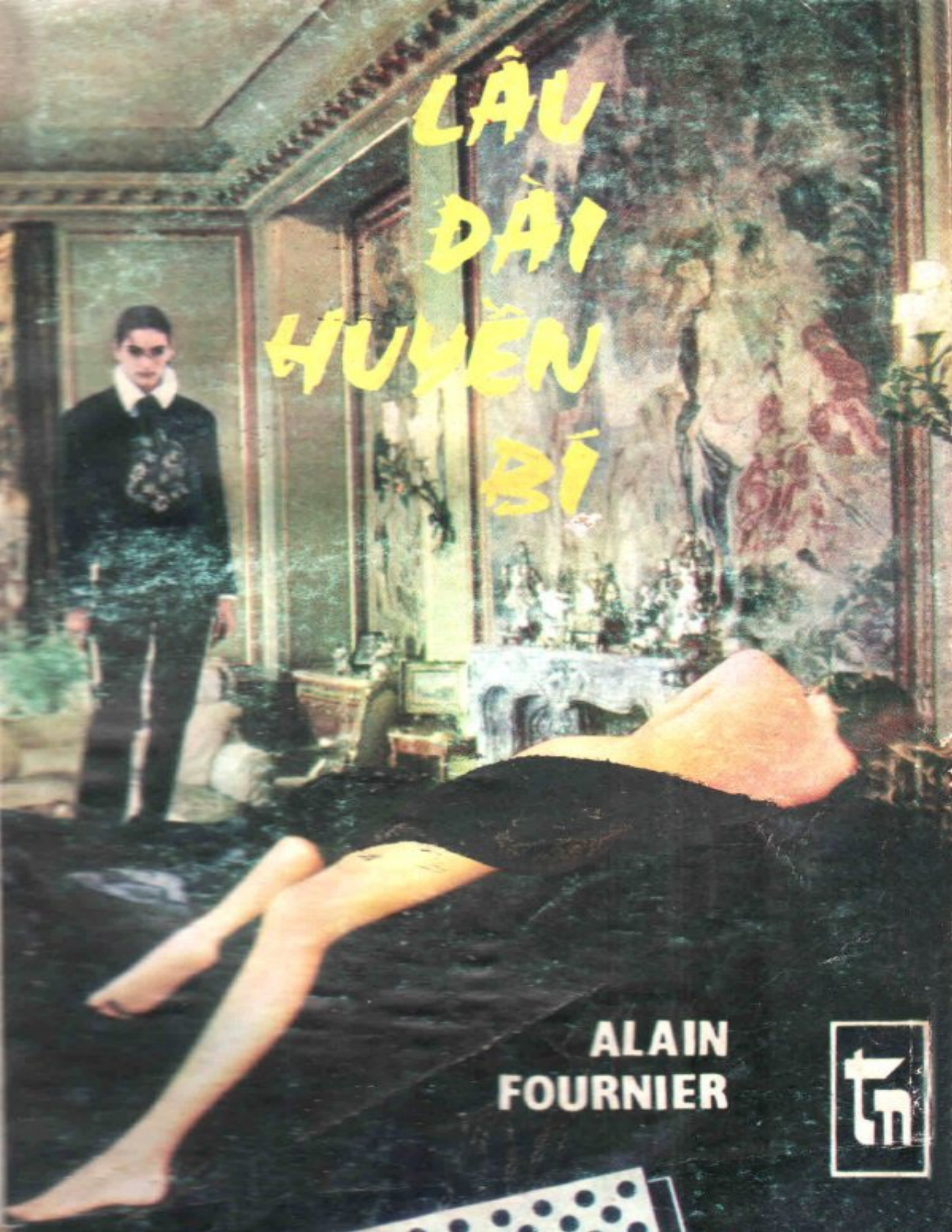




LÂU DÀI HUYỀN BÍ

ALAIN
FOURNIER



Lâu Đài Huyền Bí

Alain Fournier

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Lâu Đài Huyền Bí - Alain Fournier](#)

[Phần I - 1. Người Ở Trọ](#)

[2. Sau Bốn Giờ](#)

[3. Tôi Hay Lui Tới Một Hiệu Bán Mây Tre Đan](#)

[4. Bỏ Trốn](#)

[5. Về Chiếc Xe Trở Lại](#)

[6. Có Người Gõ Ô Cửa Kính Vuông](#)

[7. Chiếc Gi-Lê Lụa](#)

[8. Cuộc Phiêu Lưu](#)

[9. Trạm Nghỉ](#)

[10. Chuồng Cừu](#)

[11. Lâu Đài Bí Ẩn](#)

[12. Buồng Cửa Oenlinhtông](#)

[13. Cuộc Lễ Lạ Kỳ](#)

[14. Cuộc Lễ Lạ Kỳ \(Tiếp\)](#)

[15. Gặp Gỡ](#)

[16. Gặp Gỡ](#)

[17. Phăng Đơ Gale](#)

[18. Cuộc Lễ Lạ Kỳ \(Hết\)](#)

[Phần II - 1. Trò Chơi Quỷ Quái](#)

[2. Chúng Tôi Rơi Vào Một Ổ Phục Kích Trò Chơi Quỷ Quái](#)

[3. Chàng Bôhêmiêng Ở Trường](#)

[4. Vấn Đề Lâu Đài Bí Ẩn Là Ở Đâu?](#)

[5. Người Đi Giày Đế Vải Cói Đan](#)

[6. Cuộc Cải Lộn Trong Hậu Trường](#)

[7. Chàng Bôhêmiêng Tháo Bỏ Băng](#)

[8. Cảnh Sát](#)

[9. Đi Tìm Con Đường Đã Mất](#)

[10. Đồ Giặt](#)

[11. Tôi Phản Bội...](#)

[12. Ba Bức Thư Của Môn](#)

[Phần III - 1. Cuộc Đi Tắm](#)

[2. Ở Nhà Phlorăngtanh](#)

[3. Một Sự Hiện Hình](#)

[4. Tin Vĩ Đại](#)

[5. Cuộc Vui](#)

[6. Cuộc Vui \(Hết\)](#)

[7. Ngày Cưới](#)

[8. Tiếng Gọi Của Phrăng](#)

[9. Những Người Hạnh Phúc](#)

[10. "Nhà Của Phrăng "](#)

[11. Cuộc Chuyện Trò Dưới Mưa](#)

[12. Gánh Nặng](#)

[13. Quyển Vở Ghi Bài Tập Hàng Tháng](#)

[14. Bí Mật](#)

[15. Bí Mật \(Tiếp\)](#)

[16. Bí Mật \(Hết\)](#)

Phần I

BÀI CA MÙA XUÂN

"Một năm bắt đầu bằng mùa Xuân. Một đời bắt đầu bằng tuổi trẻ". Có lẽ vì vậy, mỗi người trong chúng ta luôn luôn có nhu cầu nhớ về tuổi thanh xuân, coi như thời kỳ quan trọng nhất trong đời mình. Và trên thế giới, gần như đã xuất hiện cả một nền văn học cho thanh niên, ấy là chưa kể nền văn học cho thiếu nhi đồ sộ về thực chất cũng là dành cho tuổi trẻ. Những thành tựu rực rỡ nhất của nền văn học ấy, có thể kê "Robinson Cruse"; "Alice ở xứ sở diệu kỳ", "Ruồi trâu"; "Thép đã tôi thế đấy"... Và hiện giờ, trước mặt chúng ta là "Meaulnes cao kều" (nhà xuất bản Thanh Niên đổi tên sách là "Lâu Đài Huyền Bí") của nhà văn Pháp: Alain Fournier.

Alain Fournier (Henri Fournier sanh ngày 3 tháng 10 năm 1886 ở Châtelain-d'Angillon, miền Bắc vùng Cher, 1886-1914) là tên bút của Henri Alban Fournier. Sở dĩ Henri lấy tên mới như vậy là để cho công chúng khỏi lầm mình với nhà vô địch đua xe đạp cùng tên. Là con của một đôi vợ chồng nhà giáo, Alain Fournier sống suốt tuổi thơ ở nông thôn. Dấu ấn sâu xa của gia đình và quê hương in đậm mãi trong tâm hồn cậu bé, về sau lộ ra ngay từ những trang đầu của kiệt tác duy nhất của ông. Chăm học, yêu say đắm thiên nhiên, ông quyết định không thi vào đại học sư phạm, trường từ xưa tới nay vẫn là vinh dự lớn nhất cho bất kỳ thí sinh nào. Tuy vậy, chính trong khi chuẩn bị thi, ông gặp và kết thân với Jacques Rivière (1886-1925), sau cũng là nhà văn. Ông gả em gái cho Jacques Rivière, đồng thời hai chàng trai thường xuyên thư từ với nhau trong suốt 11 năm của một tình bạn sâu sắc: thư từ này sẽ được xuất bản thành bốn tập đồ sộ. Alain Fournier rất thích Giamơ, nhà thơ Pháp, và Mateclinh, nhà văn Bỉ, đặc biệt mê Juyn Laphpocgiơ, nhà thơ Pháp gần cùng thời. Từ những năm chuẩn bị học đại học, ông đã làm thơ, viết truyện ngắn, nghiên cứu, sau tập hợp thành tập Huyền diệu, 1924.

Ngày 01 tháng 05 năm 1905, ông gặp một cô gái tên là Yvon de Kiêvracua. Ngày 11 tháng 6, ông được nói chuyện dài với cô trên cầu Anvalit. Chỉ thế thôi rồi cô biến mất. Nhưng thực tế cô đã trở thành mối tình lớn lao của đời ông, biểu tượng của lý tưởng, ông viết nhiều thơ tặng cô và dùng cô làm nguyên mẫu cho Yvonne de Galais trong cuốn tiểu thuyết bất hủ của mình được nghiền ngẫm khởi thảo ngay sau cuộc gặp sét đánh ấy. Năm 1907, Alain Fournier thi trật đại học sư phạm, hỏng môn văn đáp, đồng thời được tin Yvon de Kiêvracua đã lấy chồng mùa đông năm trước. Ông quyết định đi nghĩa vụ quân sự, đúng lúc tác phẩm đầu tiên, hai nghiên cứu Thân thể phụ nữ, được in. Năm 1909, được xuất ngũ với hàm sĩ quan, ông hiến hẳn mình cho nghề viết. Ông cộng tác với tờ Tạp chí Pháp mới, do Jacques Rivière làm chủ bút. Năm 1910, ông vào làm cho tờ Paris-Báo. Ông gặp Charles Péguy (1837-1914) nhà thơ Pháp có tầm cỡ. Péguy thốt lên: "Anh sẽ đi xa, Fournier ạ; và anh sẽ nhớ lại rằng chính tôi đã nói với anh như vậy". Cũng năm đó, 1911, ông làm quen với Saint-John Perse (1887-1975), nhà thơ được coi là một trong những đỉnh cao nhất của thi ca Pháp hiện đại. Tháng 5-1912, Péguy giới thiệu ông với Claude Cadimias- Pierre, ông này thuê ông làm thư ký. Do đó ông cũng được giới thiệu với bà chủ, nữ nghệ sĩ Simons. Lúc này, ông gần như đã hoàn thành "Meaulnes cao kều". Bà Simons đọc bản thảo và năm 1913, bắt đầu cho đăng lên tờ tạp chí Pháp mới, chỉ vài tháng sau cuộc gặp gỡ lần thứ hai của ông với Yvon de Kiêvracua - cuộc gặp gỡ cũng ngăn ngui như cuộc gặp lần đầu và chỉ diễn ra sau tám năm rông khổ đau và bần gan tìm kiếm của ông; lúc này Yvon de Kiêvracua đã có hai đứa con. Không khí huyền ảo của cuốn tiểu thuyết, sự chân thật của các bức họa về nông thôn, việc miêu tả rất đạt tuổi thanh niên đầy lo âu đem lại vinh quan tức thời cho tác giả, thiếu chút nữa là được giải thưởng Concourt. Phấn khởi, Alain Fournier phác thảo một vở kịch ba màn "Nhà trong rừng", và bắt đầu suy nghĩ suy nghĩ và viết, theo lời khuyên của bà Simons, một cuốn tiểu thuyết mới "Con bồ câu Blangxê". Cuốn này, mới có vài chương chưa hoàn chỉnh, không bao giờ ra mắt bạn đọc. Chiến tranh đã nổ ra. Ngày 2 tháng 8 năm

1914, Alain Fournier bị động viên. Và ngày 22 tháng 9, các báo loan tin rằng trung úy Alain Fournier đã mất tích trong khi chiến đấu ở một khu rừng ở Pháp.

o o o

Trong văn học, được ghi nhận là "người của một cuốn sách" là một vinh hạnh lớn. Văn học Pháp chỉ có vài trường hợp, hay có lẽ chỉ có hai. Đó là Sacre Bodole với tập thơ "Những bông hoa của cái xấu" và Alain Fournier với tiểu thuyết "Meaulnes cao kều". Vừa ra đời, "Meaulnes cao kều" đã gần như được mọi người, độc giả và nhà phê bình, mọi khuynh hướng văn học, cổ điển và hiện đại, đạo đức và tôn giáo, đồng thanh thừa nhận là một tác phẩm lớn. Cho đến nay, nó vẫn được tái bản liên tiếp, được coi là một trong những cuốn tiểu thuyết Pháp hay nhất. Tạp chí văn học "Châu Âu", một tạp chí tiên bộ có uy tín trong văn đàn thế giới, đã dành hẳn một số cho nó và Alain Fournier. Nó được đánh giá cao ở Liên Xô và được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài. Nó cũng đã được nhiều nhà làm phim của Pháp và các nước khác đưa lên màn ảnh.

Cuốn tiểu thuyết như một bài thơ trữ tình dài, một bài ca thiết tha ngợi ca tuổi thơ và tuổi trẻ. Những nét đặc trưng nhất của lứa tuổi này đều được thể hiện thật chính xác. Lãng mạn, phiêu lưu, liêu lĩnh nhưng mà chân thực, thủy chung, tự trọng. Non nớt, ngây thơ đấy, mà cũng vững vàng, chín chắn làm sao. Cái chín của chất người không gì làm hoen ố hay khuất phục được. Lầm lẫn, phải trả giá, nhưng biết vươn lên, biết ăn năn và sửa lỗi. Cuối cùng, qua bao vấp vấp, có thể nói là hy sinh nữa, khát vọng cái đẹp - gồm tình bạn, tình yêu, hạnh phúc - đã chiến thắng, nói khác đi, chất người chỉ càng thêm hùng mạnh và nên thơ. Đây chẳng phải là một chân lý trên cõi thế này?... Các nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết đều là thanh niên mới lớn, người nào cũng cao quý, tuy không phải là không có nhược điểm, tình bạn và tình yêu sao àm đẹp dễ, mặn nồng. Nhân vật Meaulnes đầy cá tính, là một điển hình đạt đến độ cổ điển. Những hình ảnh, đặc biệt là thiên nhiên và làng quê, được khắc họa thật khúc chiết, đầy cảm xúc, gợi lên sự hật dể lay động lòng người và chất thơ làm trào dâng những tư tưởng sâu xa và cao đẹp. Ấn tượng về sự thật của cuộc đời và tình người do tác phẩm gây nên không phải là không sâu sắc. các đẹp hơi buồn do toàn bộ tiểu thuyết gây nên - nhân vật, phong cảnh, cấu trúc, ngôn ngữ... đúng là hiện thân của tuổi xuân mà bản chất là đẹp.

Mặc dù đây đó còn những chỗ có phần quá "văn chương", Meaulnes cao kều thực sự chinh phục được bạn đọc, và là cần thiết cho tất cả, nhất là các bạn trẻ sắp bước vào đời. Có lẽ vì vậy, nó được gần như hết thảy các cây bút hiện đại của văn học Pháp yêu quý và học tập. Nó rất cần được chuyển đến như một tặng phẩm có giá trị cho mọi bạn trẻ vừa từ già tuổi thơ hay đang sống tuổi thanh niên. Nó cũng là một gợi ý tốt cho các nhà văn, nhất là các nhà văn đang tự đào tạo, sắp được công nhận hay sắp vào nghề. Mối liên hệ giữa tác giả và tác phẩm trong "Meaulnes cao kều" là một trường hợp điển hình cho làm thế nào để sáng tác thành công.

NGUYỄN VĂN QUANG

Chương 1

NGƯỜI Ở TRỌ

Anh đến nhà tôi một chủ nhật tháng 11, năm 189...

Tôi vẫn nói "nhà tôi" mặc dù căn nhà không còn là của gia đình tôi. Chúng tôi rời nơi đó chẳng bao lâu nữa đã 15 năm và chắc chắn không bao giờ trở lại.

Bây giờ, gia đình tôi ngụ trong khu nhà giáo sư ở Xanh-tơ-Agat. Cha tôi, mà tôi cũng gọi là ông Xơ-ren như các học sinh khác, vừa dạy lớp đại học để đào tạo giáo viên cấp một, vừa dạy trung học. Mẹ tôi dạy tiểu học.

Một ngôi nhà đồ dài ở đầu thị trấn với năm cửa ra vào lấp kín bên dưới những dây nho dài, một cái sân mênh mông với chỗ giặt quần áo và những khoảng dành cho trẻ em chơi, phía trước mở ra làng bởi một cổng lớn, phía bắc, dọc một hàng rào thấp lưới mắt cáo là con đường cái dẫn ra ga cách xa ba ki-lô-mét, phía nam và phía sau là những cánh đồng, vườn tược, đồng cỏ nhỏ nằm giữa các xóm thôn... ấy là đại khái chỗ ở của gia đình tôi, nơi đã trôi qua những ngày sôi nổi nhất và thân thiết nhất của đời tôi, nơi xuất phát các cuộc phiêu lưu của chúng tôi, và nơi chúng quay về sẽ vỡ tan như sóng biển húc vào một khối đá cô quạnh.

Cái bất chợt của những "cuộc chuyển trường", một quyết định của ông giám thị hay thanh tra giáo dục đã xô đẩy chúng tôi đến đó. Khoảng cuối kỳ nghỉ hè, lâu lắm rồi, một chiếc xe bò theo kiểu nông thôn, vốn đi trước gia đình tôi, đã đỗ mẹ tôi và tôi xuống trước hàng rào thấp lưới sắt mắt cáo hoen rỉ... Mẹ tôi, mà chúng tôi gọi là Mili, bà nội trợ điêu luyện nhất mà tôi được biết, liền đi vào những căn phòng phủ bụi vương đầy rơm rác, và ngay tức thì mẹ thất vọng, thừa nhận như các lần dọn nhà khác rằng đồ đạc đồ đạc của chúng tôi không bao giờ thọ nổi trong một ngôi nhà xây cất tồi như thế này... Mẹ ra phen nản với tôi. Vừa nói, mẹ vừa lấu mùi xoa khế lau bộ mặt mắng sữa của tôi sạm lại sau chuyển đi. Rồi mẹ quay vào đếm xem tất cả có bao nhiêu lỗ hổng phải bịt để ngôi nhà còn có thể ở được... Còn tôi, mũ rơm to trùm dính ruy-băng, tôi đứng đó, trên cái sàn xi măng xa lạ, chờ đợi, tò mò nhìn xung quanh giếng và dưới mái nhà kho.

Bây giờ í ra tôi cũng hình dung như vậy về lúc chúng tôi đến Xanh-tơ-Agat. Bởi vì vừa muốn tìm lại kỷ niệm xa xưa về cái đêm đợi chờ đầu tiên trên sàn xi măng, tôi vừa nhớ lại bao cuộc đợi chờ khác; tôi đã mừng tượng lại lúc mình bám hai tay vào chân song cổng, hồi hộp rình xem có ai xuống phố lớn không. Tôi thử hồi tưởng đêm đầu tiên phải ngủ trên gác xép ở giữa các gian kho trên tầng hai, kỷ niệm về bao đêm khác đã sống dậy; trong phòng nào chỉ mình tôi, một cái bóng lớn thân thiết và bồn chồn cứ đi dọc các bức tường và quần quanh trong phòng. Trong ký ức của tôi, tất cả quang cảnh thanh bình đó - ngôi trường, cánh đồng với ba cây hồ đào của lao Mactanh, khu vườn ngay từ bốn giờ hàng ngày đã có nhiều phụ nữ đến viếng thăm - mãi mãi sống động, hiền hòa bởi sự có mặt của con người đã khuấy động toàn bộ tuổi xuân của chúng tôi, và không để chúng tôi được yên ngay cả khi đã bỏ trốn.

Tuy vậy khi Meaulnes đến, chúng tôi đã ở xứ sở này được 10 năm.

Bây giờ tôi 15 tuổi. Đây là một Chúa nhật lạnh lẽo của tháng 11, ngày thu đầu tiên khiến ta nghĩ đến mùa đông. Cả ngày Mili đợi chờ từ phía nhà ga một chiếc xe mang đến cho mẹ một chiếc mũ chống rét. Buổi sáng, mẹ nhớ buổi lễ nhà thờ. Cho đến bài thuyết giáo, ngồi trong đội đồng ca với những đứa bé khác, tôi lo lắng nhìn mãi phía gác chuông, mong được thấy mẹ đội mũ mới đi vào.

Quá trưa, tôi phải đi lễ chiều một mình.

- Mối lại - mẹ nói để an ủi tôi, tay phải phủi quần áo cho tôi - ngay nếu như nó đến, chiếc mũ ấy mà, chắc chắn chủ nhật mẹ cũng phải sửa lại.

Chủ nhật mùa đông của gia đình tôi thường như thế này. Từ sáng, cha tôi đã đi khá xa ngồi trong thuyền câu cá chó ở một cái ao phủ sương. Mẹ tôi lại vá vúi những quần áo xoàng xĩnh trong căn buồng tăm tối của mình cho đến đêm. Mẹ cấm cung như vậy là vì sợ bắt đầu một bà bạn cũng nghèo khó và cũng kiêu hãnh như mình bắt gặp. Còn tôi, sau cuộc lễ chiều, tôi ngồi đọc sách trong phòng ăn rét mướt, chờ mẹ mở cửa xem mẹ có khỏe không.

Chủ nhật ấy, một sự nhốn nháo trước cửa nhà thờ đã giữ tôi lại bên ngoài sau buổi lễ chiều. Một lễ khai trương đội cứu hỏa tổ chức dưới vòm cổng lớn đã lôi kéo trẻ con bu đến. Trên quảng trường, có nhiều người lại vận quần áo cứu hỏa của họ, tùm nầm tùm ba, rét cóng, dận đế giày không ngót, họ lắng nghe ông đội trưởng Bu-Giác-dông thuyết lý rồi tinh rồi mù lên.

Buổi lễ đang ồn ào bỗng ngưng bật, tựa như người kéo chuông buông vội tay vì biết là nhầm giờ. Bu-Giác-Dông và quân của ông kéo nhanh cái bơm cứu hỏa đi. Họ khuất hẳn ở chỗ ngoặt đầu tiên, có bốn thằng bé nín thở đi theo, những đế giày to tướng của chúng xéo lên những ngọn cỏ hai bên vệ đường phủ sương giá mà tôi không dám bước lên để theo chúng.

Bấy giờ trong thị trấn chỉ có hiệu cà phê Daniel là còn thấy có tiếng người, ấy là các khách uống trò chuyện và bàn cãi lúc bỗng lúc trầm. Xoa xoa tay vào bức tường thấp của cái sân mênh mông ngăn cách nhà tôi với cả làng, tôi đi về bức tường rào lưới thép mắt cáo, không khỏi lo lo vì về muộn.

Cửa ra rào và trên hàng rào hé mở và tôi thấy ngay là vừa có chuyện gì khác thường.

Quả vậy, ở cửa phòng ăn - cửa gần nhất trong năm khuôn cửa lắp kính mở ra sân - một bà tóc đốm bạc khom người tìm cách nhòm qua màn cửa. Bà thấp bé, đội một cái mũ bằng nhung đen may theo lối cũ. Mặt bà gầy và thanh tú, nhưng hết sức lo lắng. Chẳng hiểu vì sao, vừa thấy bà, tôi đã sợ hãi đứng sững lại trước hàng rào.

- Cháu đâu? Lạy Chúa - bà thì thầm - Cháu vừa bên cạnh tôi thôi. Cháu đã đi quanh nhà một lượt. Để chừng cháu đã trốn...

Cứ sau một câu, bà lại khẽ gõ vào kính cửa ba cái mà ai không chú ý thì không nghe được.

Chẳng ai ra mở cửa cho người khách lạ. Không nghi ngờ gì nữa, nhận được cái mũ từ ga chuyển vào, không còn biết trời đất gì hết, mẹ Mili của tôi ngồi cầm cung trong căn phòng đó, trước cái giường, vật tứ tung ruy-băng cũ và lông chim đã là phẳng, đang tháo ra, may vào, hý hoáy sửa cái mũ chẳng có gì là ghê gớm... Thì đúng thế, khi tôi đi vào phòng ăn với bà khách theo sát gót, mẹ hiện ra, hai bàn tay hai bên đầu vẫn cầm nào chỉ khâu bằng đồng thau, nào ruy băng, nào lông chim, hai bên mũ xem ra đã cân lằm đầu... Mẹ mỉm cười với tôi bằng đôi mắt xanh lơ lộ vẻ mệt mỏi vì đã khâu trong ánh nhá nhem, miệng xuýt xoa:

- Con nhìn xem nào! Mẹ chờ khoe với con đấy!

Nhưng chợt thấy bà khách ngồi trong cái ghế bành rộng ở cuối phòng, mẹ chưng hửng, nín bật. Mẹ vội cởi phắt mũ ra, vá sau đó, cứ kẹp ngửa nó, áp vào ngực như một "tổ chim" bằng cách tay phải.

Cái túi da và cái ô trên hai đầu gối, bà đội mũ bắt đầu phân bua, đầu khẽ đung đưa, lưới chắc chắc như các bà khách hay làm. Bà đã trấn tĩnh. Thậm chí vừa dả động đến con, bà đã lộ vẻ trịch thượng và bí ẩn, khiến chúng tôi đâm tò mò.

Hai mẹ con bà đã đi xe từ La Pheclê-dănggiông cách Xanh-tơ-Agát mười bốn ki-lô-mét đến. Góa chồng, và rất giàu, theo như ngẫm tự giới thiệu, bà đã mất một trong hai con, thằng úy Angtoanno, nó đã chết vì một chiều đi học về, hai anh em xuống tắm dưới một cái ao nước rất độc. Bà quyết định đưa thành đầu, Oguyxtanh đến ở trọ nhà tôi để theo lớp cao học.

Chưa chi bà đã khoe rồi rút về con. Tôi không còn nhận ra bà già tóc lốm đốm bạc khom người trước cửa một phút trước đây, với cái nhìn cầu khẩn và hoảng hốt của con gà mái có thể mất con con duy nhất đang ấp.

Điều mà bà hãnh diện kể về con trai mình thật đáng ngạc nhiên: cậu ta thích làm vui lòng mẹ; thỉnh thoảng cậu cứ quần coc đi dọc bờ sông hàng kilomet để tìm trứng cuốc và trứng vịt trời trong các bụi kim tước đem về cho mẹ... cậu ta cũng bỏ lơ đơm cá... Đêm hôm nọ, cậu ta đã phát hiện trong rừng một con gà lôi trứng bầy...

Vốn không bao giờ dám về nhà nếu áo blu giông bẩn hay rách, dù chỉ một miếng nhỏ, giờ tôi kinh ngạc đưa mắt nhìn Mili.

Nhưng mẹ tôi không nghe nữa. Thậm chí mẹ còn ra hiệu bảo à khách im đi. Rồi thận trọng để cái "tổ chim" xuống bàn, mẹ lặng lẽ đứng lên như để bắt quả tang ai đó...

Thực thế, trên đầu chúng tôi, trong căn phòng hẻo lánh chất những mảnh pháo hoa cháy đen thui dịp Mười Bốn tháng Bảy vừa rồi, có một bàn chân lạ, tự tin, đi tới đi lui đến rung trần nhà, rồi đi qua mấy gian kho lẫm tối ở tầng hai, cuối cùng mất hút trong mấy phòng sát cạnh từ lâu không có người ở, giờ dùng để phơi cây đoạn, và rải cho táo chín.

- Lúc này, mẹ đã nghe tiếng chân này trong các phòng bên dưới - Mili thì thào - mẹ cứ tưởng là con về, Phăngxoa ạ...

Bà khách và tôi đều không đáp. Cả ba chúng tôi đứng lên, tim đập rộn, khi nghe có tiếng cửa kho ở đầu cầu thang dẫn xuống nhà bếp mở ra, rồi có người bước theo các bậc thang, đi qua nhà bếp và hiện ra trên lối vào phòng ăn mờ ảo.

- Con đấy ư, Ôguyxtanh? - bà khách hỏi.

Đấy là một chàng trai cao lêu đêu khoảng 17 tuổi. Trong bóng đêm đang buông, thoát đầu tôi chỉ nhìn thấy cái mũ phớt nông dân có lót ở phía sau và cái áo blu đen có dây thắt ngang lưng mà các học sinh hay mặc. Tôi cũng nhận thấy anh đang mỉm cười.

Anh nhận ra tôi. Và chưa ai hỏi han anh gì được, anh đã bảo tôi:

- Cậu ra ăn không?

Tôi do dự một chút. Rồi thấy Mili khôn giữ, tôi cầm lấy mũ cát-két và đi về phía anh. Chúng tôi qua cửa bếp, đi đến khoảng sân dành cho trẻ em chơi đã nhập nhoạng tối. Trong ánh ngày le lói sắp tắt, tôi vừa đi vừa nhìn bộ mặt xương xương với cái mũi thẳng và hàng lông tơ trên mép.

- Đây này - anh nói - tớ tìm thấy trong kho nhà cậu đấy. Chắc không bao giờ cậu để mắt đến kho phải không?

Anh cầm trong tay một bánh xe gỗ nhỏ đã sạm đen, một dây pháo hoa rách bươm quấn chung quanh, có lẽ đó là mặt trăng hay mặt trời trong đêm pháo hoa vừa rồi.

- Có hai tràng không bắn đi được. Nhưng chúng mình vẫn có thể đốt lên - anh nói giọng bình bình, vẻ tin tưởng sự việc sẽ đúng như thế.

Anh ném mũ xuống đất và tôi thấy đầu anh trọc lóc như đầu nông dân. Anh cho tôi xem hai tràng pháo bị bỏ xé mà ngòi bằng giấy đã cháy cụt một phần, quả nào cũng sém đen. Anh chôn ổ trục bánh xe xuống cát, rồi rút từ túi ra một bao diêm trước con mắt ngạc nhiên của tôi, bởi vì chuyên nghịch lửa, chúng tôi đã dứt khoát bị cấm. Anh thận trọng cúi xuống, châm ngòi pháo. Rồi anh nắm lấy tay tôi, hấp tấp lôi tôi lùi lại.

Mấy giây sau, lúc cùng mẹ Môn bước ra ngưỡng cửa sau khi đã bàn bạc ấn định giá ở trọ, mẹ tôi thấy vụt lên từ dưới nhà chơi của trẻ con chúng tôi hai chùm sao đỏ chói và trắng xóa, kèm với

tiếng xịt xịt. Trong chùng một giây, mẹ nhìn rõ tôi trong vùng sáng thần kỳ, tay bị chàng trai lêu đêu mới đến đang đứng lạng đi giữ chặt...

Lần này nữa, mẹ vẫn không dám nói gì.

Và buổi tối, bên bàn ăn gia đình trong bữa chiều, có một anh chàng cứ lặng lẽ ăn, đầu cúi thấp, chẳng hề quan tâm đến cái nhìn chăm chăm của ba chúng tôi.

Chương 2

SAU BỐN GIỜ

Cho đến tận bây giờ, tôi hầu như không lêu lổng trong phố với trẻ con thị trấn. Bệnh lao khớp háng mà tôi phải mang cho đến tận năm 189... ấy đã làm tôi khổ khổ và sợ hãi. Bây giờ, tôi vẫn như còn thấy mình nhảy lò cò khổ sở trên một chân, chạy theo những học sinh nhanh nhẹn trên các lối nhỏ trong trường...

Vì thế, cha mẹ tôi gần như không cho tôi ra khỏi trường. Tôi vẫn nhớ rằng dù rất hãnh diện về con, nhiều lần mẹ Mili vẫn bọp tai, lôi tôi về nhà, vì bắt gặp tôi nhảy lò cò với lũ nhãi trong làng.

Đúng lúc tôi khỏi bệnh thì Môn đến, vậy là bắt đầu một cuộc đời mới.

Trước khi có anh, hẳn cứ tan học vào lúc bốn giờ là đối với tôi lại bắt đầu một buổi tối cô đơn dài dằng dặc. Cha tôi chuyển lửa lò sưởi của lớp về lò sưởi trong phòng ăn nhà tôi. Dần dần những học sinh về muộn cũng rời khỏi ngôi trường lạnh lẽo bốc lên nhiều cuộn khói. Tuy thế, ở sân trường vẫn còn vài đám chơi nhảy ngựa. Rồi đêm xuống, hai học sinh trực nhật quét dọn xong, vào nhà kho lấy mũ và áo choàng, rồi cặp giỏ hối hả đi ra, để cổng trường mở toang...

Lúc ấy, nền trời còn le lói đủ sáng, tôi ngồi đọc sách trên một cái ghế đu gần cửa sổ mở ra vườn trong phòng lưu trữ đầy ruồi chết và các tấm áp phích phần phạt trong gió; phòng này nằm cuối nhà ban giám hiệu.

Nếu trời tối hẳn, chó ở trại bên cạnh bắt đầu tru lên, và cửa kính nhà bếp nhỏ bé của gia đình tôi sáng ánh đèn, thì tôi về nhà. Mẹ tôi đã bắt đầu làm bữa ăn chiều. Tôi trèo lên bậc thang trên kho thóc, lặng lẽ ngồi xuống, gục đầu vào tay vịn cầu thang giá ngất, chăm chú xem mẹ nhóm bếp trong căn phòng chật hẹp đã lung linh ánh sáng một ngọn nến.

Nhưng một người đã đến lôi tôi ra khỏi tất cả những thú vui ấy của tuổi thơ êm đềm. Người đó thổi tắt ngọn nến vốn chiếu cho tôi nhìn rõ khuôn mặt dịu hiền của mẹ cặm cụi chuẩn bị bữa tối. Người đó đã tắt phụt ngọn đèn mà quây quần xung quanh là tất cả chúng tôi - một gia đình hạnh phúc trong đêm, khi cha tôi đã cài các then gò cửa kính lại. Người đó chính là Ôguyxtanh Môn, mà chỉ ít lâu sau các học sinh khác gọi là *Môn cao kều*.

Ngay từ khi anh ở trọ nhà tôi, nghĩa là ngay những ngày đầu tiên của tháng 12, khu trường không còn vắng vẻ vào buổi chiều, sau bốn giờ nữa. Bất chấp gió lạnh đập cửa ra vào ầm ầm cùng tiếng kêu gào của các học sinh trực nhật - thậm chí bị cánh này té nước từ các xô của chúng - hôm nào tan học cũng có chừng 20 học sinh, nông thôn có, thị trấn có, lưu lại trong lớp, chen chúc nhau quanh Môn. Và thế là tranh luận triền miên, cãi vã không ngớt. Dĩ nhiên tôi cũng xen vào góp chuyện, vừa sợ sợ vừa thích thích.

Môn chẳng nói gì. Nhưng chính vì anh mà lúc nào cũng có một trong những tay ba hoa nhất tiến ra giữa nhóm viên một thằng bạn cảnh hầu liên thoắt phụ họa để làm chứng, kể một chuyện bầy dài lê thê mà cả nhóm há hốc mồm lắng nghe, vừa nén cười đến đau cả ruột.

Ngồi trên một cái bàn học sinh, vừa đứng đưa hai chân, Môn vừa nghĩ ngợi. Gặp đoạn chuyện hay, anh cũng cười, nhưng khế thôi, như thể anh dành những tiếng cười lớn khoái trá cho câu chuyện hay nhất của mình anh biết. Rồi khi đêm xuống, ánh sáng lọt qua cửa kính của lớp không còn soi rõ mặt nhóm học sinh được nữa, Môn đột ngột đứng lên, xuyên qua vòng trong vòng ngoài khép chặt.

- Về thôi - anh kêu kên.

Tất cả đi theo anh, chúng tôi còn nghe tiếng la hét của họ cho đến khi trời tối hẳn, từ trên cao của thị trấn dội về...

Bây giờ, chính tôi đi theo họ. Cùng Môn, tôi đến cửa các chuồng bò vào giờ người ta vắt sữa. Chúng tôi đi vào các cửa hiệu, ở đó, giữa tiếng reo vui của những cỗ máy, người thợ dệt nói:

"Các sinh viên đấy!"

Thường thường, vào giờ ăn tối, chúng tôi tụ tập gần lớp *Cao học*, nhà bác Dexan, thợ đóng xe kiêm bít móng ngựa. Hiệu của bác là một quán trọ cũ, với những cửa ra vào cao rộng, có hai cánh luôn mở toang. Ở ngoài đường phố, chúng tôi đã nghe tiếng bể lò rèn phì phò, và nhờ ánh than hắt lên nhìn thấy ở nơi tranh tối tranh sáng và ẩm ẩm này, khi thì mấy bác nhà quê dừng xe lại tán gẫu dăm ba câu chuyện, khi thì một cậu học trò như chúng tôi, dựa lưng vào một cửa, im lặng chăm chú nhìn.

Chính ở đây, khoảng tám ngày trước Noen, mọi chuyện đã xảy ra.

Chương 3

TÔI HAY LUI TỚI MỘT HIỆU BÁN MÂY TRE ĐAN

Trời mưa suốt ngày, đến tối mới tạnh. Cả ngày buồn nẫu ruột. Giờ nghỉ, chẳng ai ra khỏi lớp. Lát lát, chúng tôi lại nghe cha tôi, ông Xoren, kêu to:

- Các trò không được phá bĩnh.

Sau giờ ra chơi cuối cùng trong ngày, hay như chúng tôi nói, sau "mười lăm phút cuối cùng", ông Xoren, sau một hồi đi dọc đi ngang với vẻ suy tính, đứng sững lại, gõ mạnh thước lên bàn để dẹp yên tiếng rì rào hỗn độn cuối giờ học, thời gian mà học sinh chán ngấy rồi, và ông cất tiếng hỏi trong cái yên lặng đợi chờ.

- Ai ngày mai sẽ cùng với Phrăngxoa đi xe ra ga đón cụ ông cụ bà Sacpaăngchiê?

Ấy là ông bà tôi: ông tôi Sacpaăngchiê, làm nghề gác rừng, đã nghỉ hưu, với cái áo choàng len xám rộng thùng thình, cái mũ bonné lông thỏ mà ông gọi là mũ kepi... Lũ trẻ ranh rất biết ông. Sáng sáng, để lau rửa, ông múc một xô nước, rồi như kiểu các vị lính già, ông vớt nước lóc bóc, vổ vổ nhẹ vào bộ râu cằm. Một lũ trẻ chấp tay sau lưng quây lấy ngắm nghĩa ông một cách tò mò đầy kính trọng... Chúng cũng biết bà Sacpaăngchiê của tôi, bà lão nông dân thấp bé, với cái mũ đan tay, là vì mẹ Mili ít nhất cũng một lần đưa bà đến lớp các học sinh bé nhất.

Năm nào chúng tôi cũng ra ga đón ông bà vào chuyến tàu 4 giờ 2 phút, vài hôm trước Noel. Để đến thăm chúng tôi, ông bà đã đi xuyên qua cả tỉnh, vai vác nặng những balô đầy hạt dẻ và thực phẩm bọc trong mấy cái khăn mặt, quà mừng Thiên Chúa giáng sinh. Ngay cả khi hai người bước qua ngưỡng cửa, miệng mỉm cười, vẻ mắc cỡ và hơi sững sốt, chúng tôi đã đóng hết các cửa ra vào, và thế là bắt đầu một tuần mê li tưởng không bao giờ hết...

Để cùng tôi điều khiển chiếc xe chở ông bà về đây, cần có một người đứng dẫn để không ném chúng tôi xuống hố, đồng thời phải bản lĩnh nữa, tại vì ông tôi hay chửi tục, còn bà tôi cũng khá lắm lời.

Đáp lại câu hỏi của ông Xoren, chừng 10 học sinh đồng thanh la lớn:

- Môn cao kều! Môn cao kều!

Ông Xoren làm như không nghe thấy.

Số học sinh đó lại hét:

- Phrômăngxtanh!

Số khác:

- Giaxnanh Đoluso!

Thằng bé nhất trong mấy đứa con nhà Roi, thường cỡi lợn cái phóng phăng phăng ra đồng, cũng thét chói tai.

- Em! Em!

Duytorăngblay và Musohop chỉ rụt rè giờ tay.

Tôi muốn Môn được chọn. Với anh, cuộc du lịch nhỏ trên chiếc xe do lừa kéo này sẽ trở nên quan trọng hơn. Anh cũng muốn được đi, nhưng giả dờ lặng im không thém để ý. Tất cả học sinh lớn đều ngồi trên bàn, nhưng anh quay lưng lại, chân giẫm lên ghế băng, đó là điều chúng tôi hay làm khi có gì khoái quá hoặc được nghỉ giải lao lâu. Vén áo lên vắn vào xanh-tuya, Cophanh ôm lấy cây cột sắt đỡ xà nhà và bắt đầu leo lên tỏ vẻ thích thú. Nhưng ông Xoren giội lên đầu tất cả gáo nước lạnh:

- Rồi! Musohop sẽ đi.

Ai nấy lặng lẽ trở về chỗ.

Lúc 4g, chỉ có tôi và Môn ở ngoài cái sân mênh mông lạnh giá vừa bị mưa xối thành rãnh ngang rãnh dọc. Chẳng ai nói gì. Chúng tôi nhìn thị trấn sau mưa ướt loang loáng và đang được gió lốc thổi khô. Chưa lâu, đã thấy cậu bé Cophanh, mũ trên đầu, một miếng bánh trên tay, ra khỏi nhà mình, vừa xoa xoa tay trên tường vừa huýt sáo đi về phía nhà bác thợ bịt móng ngựa. Môn mở cổng trường, la gọi em, rồi nhoáng một cái, cả ba chúng tôi đã ở trong cửa hàng đồ rực và ấm nóng, đúng lúc từng đợt gió rét thổi vào. Cophanh và tôi ngồi bên lò rèn, chân thọc vào đám phôi bào trắng. Môn thọc hai tay trong túi, lặng im dựa lưng vào cánh cửa ra vào. Ngoài phố thỉnh thoảng lại có một phụ nữ trong làng đi qua, đầu cúi thấp để tránh gió, họ từ nhà hàng thịt về qua đây. Chúng tôi héch mũi lên để nhìn xem đó là ai.

Chẳng ai cất lời. Bác thợ đóng xe và anh phụ của bác, người thối bễ, kẻ đập sắt, ném lên tường những cái bóng lớn di động... Giờ tôi nhớ lại buổi tối hôm ấy như một trong những buổi tối vĩ đại nhất của tuổi thiếu niên của mình. Đối với tôi: tối hôm ấy vừa sùng sượng vừa khắc khoải: tôi sợ anh bạn tôi tước mất của tôi niềm vui tội nghiệp được ra ga bằng xe, tuy nhiên, không dám thú nhận, tôi hy vọng ở anh một cuộc phiêu lưu khác thường sẽ đảo lộn hết thảy.

Thỉnh thoảng, công việc đều đặn và thanh bình trong cửa hàng ngừng lại giây lát. Bác thợ buông búa, nó nảy nảy mấy cái nặng nề và dứt khoát trên đe. Bác kẹp mẫu sắt vừa rèn lên, chăm chú quan sát nó. Rồi bác ngẩng đầu hỏi chúng tôi, cốt để xả hơi một chút.

- Thế nào, khoe chứ thanh niên?

Anh thợ phụ vẫn nắm cần bễ trên cao, một tay chống nạnh nhìn chúng tôi mỉm cười.

Rồi công việc đập đinh tai lại tiếp tục.

Trong một vài lần nghỉ như thế, qua khung cửa mở rộng, tôi nhìn thấy Mili đi trong gió lớn, quần chặt trong một cái khăn san, tay mang mấy hộp nhỏ.

Bác thợ hỏi:

- Cụ Sacpaăngchiê sắp tới hả?

- Ngày mai ông bà cháu cùng đến ạ - tôi trả lời - Cháu sẽ ra ga đón chuyến tàu 4g2 phút.

- Chắc đi bằng xe của Phrômăngtanh?

Tôi đáp ngay:

- Không ạ. Bằng xe của lão Mactanh.

Bác thợ và anh phụ bật cười.

Anh phụ chậm rãi như để giảng giải:

- Dùng con ngựa cái của Phrômăngtanh, có thể ra đón hai cụ ở Viecdông. Tàu dừng ở đây một tiếng. Đoạn đường là 15 kilomet. Sẽ về nhà ngay khi con lừa của Mactanh chưa thắng xong.

- Phải - bác thợ tiếp lời - ngựa ra ngựa, đi đứng ra trò.

- Tôi tin ông Phrômăngtanh cho mượn ngay thôi.

Câu chuyện dừng ở đó. Gian hàng lại đầy ánh lửa và tiếng ồn, ở đó ai cũng theo đuổi ý nghĩ riêng của mình.

Nhưng đã đến giờ phải đi. Tôi đứng lên ra hiệu cho Môn, thoát tiên anh không nhận ra. Vẫn dựa vào cửa, đầu cúi gằm, anh có vẻ dăm chiêu ghê gớm về điều vừa được nghe. Thấy anh chìm đắm trong ưu tư, dăm dăm nhìn hai người thợ đang thanh toán làm việc như qua một biển sương mù, tôi chợt nhớ đến một hình ảnh trong *Robinson Cruse*, trong đó chúng tôi nhìn thấy cậu thiếu niên người Anh, trước cuộc ra đi vĩ đại, đã từng luôn luôn lui tới nhà một người bán đồ mây tre đan...

Và từ bấy, tôi hay nhớ lại hình ảnh này.

Chương 4

BỎ TRỐN

Một giờ chiều hôm sau, phòng học lớp cao đẳng sáng bừng lên giữa cảnh sương giá xung quanh, như một con thuyền trên đại dương. Chúng tôi ngửi thấy không phải mùi nước mắm hay mùi dầu mỡ hôi trên một con tàu đánh cá, mà là mùi cá mòi nướng trên lò sưởi và mùi khen khét từ những người vừa đi về đã ngồi sưởi quá gần bếp lửa.

Năm học sắp hết, chúng tôi được phát vở làm bài thi. Rồi trong khi ông Xoren viết lên bảng đề toán, cả lớp lắng hẳn, chỉ thỉnh thoảng đây đó mới có tiếng thì thào nói chuyện, hay những tiếng kêu cổ nén, hoặc những lời mách lẻo lấp lửng cốt làm cho bạn ngồi bên phải sợ:

- Thưa thầy, bạn... con...

Tay viết bảng, nhưng tâm trí ông Xoren để vào việc khác. Chốc chốc, ông quay nhìn cả bọn với vẻ vừa nghiêm khắc vừa dừng dưng. Trong một giây, tiếng mách lẻo ranh mãnh liền im bật, để rồi lại nổi dần lên, lúc đầu còn dè dặt, về sau thì táo tợn.

Giữa cảnh ấy, chỉ tôi là ngồi im. Ngồi ở đầu một trong những cái bàn dành cho các học sinh nhỏ tuổi hơn, ở gần những cửa kính lớn, tôi chỉ cần nhồm lên một chút là nhìn được khu vườn, con suối bên dưới, và đồng bãi.

Lát lát, tôi lại nhón chân đứng dậy, và lo lắng nhìn về phía trang trại Ngôi Sao Đẹp. Ngay từ đầu giờ học chiều, tôi nhận thấy Môn không về lớp sau giờ nghỉ trưa. Bạn ngồi bên anh dĩ nhiên cũng nhận ra như vậy. Nhưng bạn ấy vừa ngẩng lên, tin về Môn đã loang khắp lớp, và như thường lệ, một học sinh không quên la lên:

- Thưa thầy, Môn đã...

Tôi hiểu rằng Môn đã đi. Nói đúng hơn, tôi ngỡ anh bỏ trốn. Ăn trưa vừa xong, anh đã nhảy qua bức tường thấp, chạy ra đồng, lội qua suối, chạy tiếp qua Vây-Plăngso, đến tận Ngôi Sao Đẹp. Chắc anh đi mượn con ngựa cái để ra ga đón cụ Sacpăngchiê. Lúc này hẳn anh đang thắng ngựa.

Ngôi Sao Đẹp là một trang trại lớn ở sườn đồi bên kia suối, cứ mùa hè lại bị các hàng rào cây xanh và những cây du, cây sên trong sân che khuất. Nó nằm trên một đoạn đường ngắn, một phía nối với đường ra ga, phía kia với một thị trấn khác trong vùng. Bao quanh bởi những tường rào cao ngất tựa vào những trụ ộp đà mà chân giẫm trong phân gia súc, đến tháng sáu, tòa lâu đài phong kiến hùng vĩ bị lấp dưới tán cây rậm rì, và ở trường khi đêm xuống, chúng tôi chỉ nghe văng lại tiếng xe ba gác cọt két hay tiếng thét của thợ chăn bò sữa. Nhưng hôm nay qua kính cửa, tôi nhìn thấy giữa cây cối trụi lá bức tường xám cao ngất của cái sân, cổng vào lâu đài, và giữa các đoạn hàng rào là một phần con đường dẫn ra ga, chạy song song với dòng suối và bị sương giá phủ trắng xóa.

Chưa có gì động dậy trong quang cảnh mùa đông sáng sủa này. Chưa có gì đổi thay.

Ở đây, ông Xoren đã chép xong đề toán thứ hai. Thường ông cho ba đề. Nếu bỗng dưng hôm nay, ông chỉ cho hai... Ông sẽ trèo lên ngồi ngay vào ghế và phát hiện ra sự vắng mặt của Môn. Ông sẽ phái hai học sinh đi khắp thị trấn để tìm. Hai cậu ấy nhất định sẽ tìm ra anh trước khi anh thắng xong con ngựa...

Chưa xong đề toán thứ hai, ông Xoren bỏ thông cánh tay đã mỏi... Rồi, thật hú vía cho tôi, ông xuống dòng, vừa viết tiếp vừa bảo.

- Bây giờ đến một bài chỉ là một trò chơi của trẻ.

... Hai gạch đen nổi lên trên bức tường sân của trại Ngôi Sao Đẹp, đó có lẽ là hai gong xe, rồi biến mất. Tôi tin chắc rằng ở đó người ta đang chuẩn bị xe cho Môn lên đường. Đây, con ngựa cái đang đi ra để lộ đầu và ức giữa hai trụ của lối vào, rồi dừng lại, chắc chắn người ta đang buộc thêm vào sau xe một thùng xe nữa cho hai cụ già mà Môn đi đón về. Sau hết, cỗ xe ngựa lưng thưng ra khỏi sân, khuất một lát sau hàng rào, rồi cứ như thể chậm rãi tiến bước trên con đường trắng giá mà tôi nhìn thấy được giữa hai đoạn rào. Lúc ấy tôi nhận ra, trong cái hình đen đen điều khiển chiếc xe, với một cái tay tì uể oải vào thành xe, là người bạn Môn cao kều của tôi.

Một phút nữa thôi, rồi tất cả mất tăm sau hàng rào. Bây giờ, hai người vốn đứng ở cổng Ngôi Sao Đẹp nhìn theo bắt đầu bàn tán mỗi lúc mỗi kịch liệt.

Một người bắc tay lên mồm làm loa gọi Môn quay lại, rồi chạy theo một đoạn... Nhưng chiếc xe đã ra đến đường lớn, và từ đường nhỏ người ta khó nhìn thấy. Môn thay đổi thái độ. Một chân bước lên trước, người đứng thẳng như những người xà ích la Mã xưa, hai bàn tay giật cương, anh cho ngựa phi hết tốc độ, và chỉ trong chớp mắt đã khuất hẳn bên kia dốc đường. Người vừa gọi loa lại vùng chạy theo. Người thứ hai thì chạy thực mạng qua đồng, có lẽ về phía chúng tôi.

Mấy phút sau, đúng lúc ông Xoren rời bảng, xoa xoa hai bàn tay giầy phấn., và ba tiếng kêu đồng thanh cất lên từ phía cuối lớp:

- Thừa thầy, Môn Sếu đi rồi ạ.

Đúng lúc đó, người kia, bạn áo blu xanh da trời, hiện ra trên cửa ra vào vừa bất thần bị mở tung, ông nhấc mũ giơ lên cao và hỏi:

- Thừa thầy, có phải thầy cử cậu ấy đến mượn xe chúng tôi ra ga Viecdông đón hai cụ thân sinh của thầy không ạ? Chúng tôi ngờ ngờ...

- Không hề! - ông Xoren đáp.

Tức thì cả lớp loạn lên một cách đáng sợ. Ngồi ngay cửa ra vào, lại thường được giao việc ném đá đuổi dê cái hay lợn vào sân gặm cây hoa arabêi, ba ông tướng kêu to vừa rồi liền vọt ra khỏi cửa. Tiếng guốc đế sắt của các cậu choang chan chát trên hành lang lát đá, rồi lao xao đồn dập ngoài sân cát, rồi ngoặt qua hàng rào thấp mở ra đường. Chúng tôi đổ ra các cửa sổ hướng ra vườn. Một số trèo lên bàn để nhìn cho rõ...

Nhưng muộn rồi. Môn Cao Kều đã bỏ trốn.

- Con cứ đi với Musơbơp ra ga - ông Xoren bảo tôi - Môn chưa biết đường đến Viecdông. Đến ngã ba là nó lạc. Nó không thể đến kịp ga vào ba giờ.

Mili hiện ra trên ngưỡng cửa lớp học, dướn cổ sang hỏi:

- Có gì vậy ông?

Ở phố ngoài thị trấn, người ta bắt đầu tùm năm tùm ba. Người nông dân từ trại Ngôi sao Đẹp vẫn bất động, bướng bỉnh, mũ trên tay, như một kẻ đang đòi công lý.

Chương 5

VỀ CHIẾC XE TRỞ LẠI

Sau khi tôi đưa được ông bà từ ga về, khi ăn tối xong, ngồi trước cái lò sưởi cao ngất, ông bà bắt đầu kể tỉ mỉ mọi chuyện ở chỗ ông bà từ độ nghỉ hè đến nay, nhưng tôi liền nhận ra mình chẳng để tai đến chuyện đâu.

Hàng rào thấp ngoài sân thì át ngay cửa ra vào phòng ăn. Có ai mở, nó lại kêu ken két. Thường thường buổi tối, khi gia đình tôi quây quần chuyện vãn sau bữa ăn, tôi thầm đợi tiếng kêu này. Ngay sau nó là tiếng guốc lọc cọc bước hay chúi chúi lên thềm chúi chân trước ngưỡng cửa, có lúc lại là tiếng thì thào, tựa như khách bàn tính trước khi vào nhà. Sau đó là tiếng gõ cửa. và đấy là một bác hàng xóm, các cô giáo, hay một người đến góp chuyện vui với gia đình tôi.

Vậy nhưng tối hôm ấy, tôi chẳng có gì phải mong đợi như thế, bởi tất cả những người tôi yêu quý đều tụ họp ở nhà tôi. Nói thế thôi, tôi vẫn lắng nghe từng tiếng động trong đêm và mong mỗi có người tới gõ cửa.

Ông tôi ngồi kia. Già lắm rồi, râu tóc bù xù như một người chẵn cừu lão luyện vùng Gaxcônho, hai bàn chân nặng nề đặt trước mặt, cái gậy chống giữa hai cẳng chân, ông cúi nghiêng một bên vai, gõ tấu vào giấy. Bằng đôi mắt ướt nhèm nhân hậu, ông ngỏ ý tán đồng những câu chuyện của bà về chuyến đi, về đàn gà mái và các nhà hàng xóm của ông bà, về các bác nông dân chưa trả cho ông bà tiền thuê đất. Nhưng tôi quên bằng ông bà rồi, tuy vẫn ngồi đấy.

Tôi tưởng tượng nghe thấy tiếng xe lăn bánh bên ngoài và dừng lại trước cửa, rồi Môn nhảy ra khỏi chiếc xe có mui và đi vào như không có gì xảy ra... Hay có thể trước hết, anh đem xe trả cho trại Ngôi Sao Đẹp. Và tôi nghe tiếng chân anh bước bình tĩnh trên đường, tiếng hàng rào thấp lười mắt cáo mở ra...

Nhưng chẳng có gì. Ông nhìn chăm chăm trước mặt, đôi mí mắt hấp háy lúc lúc lại bết vào nhau như ông đang buồn ngủ. bà lúng túng nhắc lại câu nói cuối cùng mà chẳng ai nghe.

- Các bác và hai con đang bận khoản về cậu bé đó hả? - cuối cùng bà hỏi.

Quả thực ở ga, tôi có hỏi bà về Môn, nhưng vô hiệu. Ở Việcdông, bà không thấy ai giống anh. Có lẽ bạn tôi đến chậm hơn bà. Ý định của anh bị lỡ. Trên xe dọc đường về, tôi cứ loay hoay mãi với mối thất vọng, trong khi bà tôi trò chuyện với Musobop. Trên mặt đường trắng giá, lũ chim nhỏ cứ quay tròn quanh chân con lừa bước khập khểnh. Thỉnh thoảng, trong cái im lặng thăm thẳm của buổi chiều băng giá, vọng đến tiếng kêu xa thăm thẳm của một cô gái chẵn cừu hay một cậu bé hú gọi bạn từ rừng này sang rừng thông khác. Mỗi lần như vậy, tiếng hú gọi dường như bắt tận vang loang trên bao quả đồi trụi lại làm tôi rùng mình, như thể đấy là tiếng Môn từ xa tha thiết rủ tôi đến với anh...

Tâm trí tôi còn đang đắm vào những chuyện đó thì đã đến giờ đi ngủ. Chưa chi ông đã vào căn phòng đỏ, buồng ngủ kiêm phòng khách, ấm thấp và lạnh lẽo vì đóng cửa suốt từ mùa đông năm ngoái. Để ông nghỉ ở đấy, cha mẹ tôi đã lột các tấm đệm-ten bọc các ghế bành, lật trái ngược các tấm thảm nên nhà, dồn các đồ dễ vỡ vào một góc. Ông đã đặt chiếc gậy chống trên một cái ghế dựa, để đôi giày cà cỏ dưới một ghế bành. Ông vừa tắt nến, chúng tôi đứng chúc nhau ngủ ngon và sắp ai về phòng nấy, thì tất cả nín thít vì nghe có tiếng xe bò.

Có lẽ có hai xe nối đuôi nhau lăn bánh chậm chạp. Chúng chạy chậm dần, rồi dừng lại dưới cửa

sổ phòng ăn nhìn ra đường cái, nhưng đã bị đóng kín.

Cha tôi cầm đèn lên, và không chờ tiếng gõ, ông mở các cửa đã khóa bên trong, rồi đẩy hàng rào lưới mắt cáo thấp, ông ra mép bậc nhị cấp, giơ đèn lên trên đầu để nhìn rõ xem đó xe gì, của ai.

Đúng là hai cỗ xe dừng đó, ngựa xe sau buộc vào sau xe trước. Một người nhảy xuống đất, và ngập ngừng chưa muốn nói...

- Đây là trụ sở xã phải không ông? - ông ta vừa lại gần vừa hỏi - Ông chỉ giùm nhà Phrômăngtanh, tá điền của ấp Ngôi Sao Đẹp? Tôi đã bắt gặp con ngựa cái và xe ông ấy đi lang thang không người lái trên một con đường gần đường Xanh-ý-In-Đê-ba. Nhờ đèn lồng, tôi đọc được tên và địa chỉ ông ấy trên biển xe. Vì thuận đường, tôi đưa luôn ngựa và xe ông ấy về đây kẻo nhớ có chuyện chẳng lành, nhưng vậy là tôi bị muộn quá rồi.

Chúng tôi sững cả ra. Cha tôi đi tới, soi nhìn cỗ xe ó có mui

- Chẳng thấy vết tích nào của người đi xe - người khách tiếp - Thậm chí một tấm vải phủ chân cũng không có. Con ngựa rất mệt. Nó hơi tập tễnh.

Tôi tiến đến sát hai chiếc xe và cùng với mọi người nhìn mãi chiếc xe mất tích đã trở về, như một vật trôi giạt ngoài khơi xa mà sóng biển đã đưa trở lại bờ, vật vô chủ đầu tiên mà có lẽ cũng là cuối cùng, trong cuộc phiêu lưu của Môn.

- Nếu nhà Phrômăngtanh quá xa, tôi để cỗ xe ở đây cho các vị - người khách nói - Tôi mất quá nhiều thời gian rồi, hẳn ở nhà tôi đang lo lắng.

Cha tôi chấp thuận. bằng cách này, chúng tôi có thể trả cho trại Ngôi Sao Đẹp cỗ xe ngay trong đêm nay mà không cần thuật lại câu chuyện đã xảy ra. Sau đó, chúng tôi sẽ quyết định nên kể sự tình như thế nào với bà con lân cận và sẽ viết thư cho mẹ Môn ra sao nữa...

Người khách từ chối các rượu mời và ra roi cho ngựa đi liền.

Từ trong căn phòng dành cho ông đã lại sáng nhen, trong khi chúng tôi lặng thinh trở vào và cha tôi đánh cỗ xe đến trại Ngôi Sao Đẹp. Ông hỏi tôi:

- Sao? Thằng bé về rồi hả?

Mấy bà đưa mắt cho nhau trong một giây.

- vâng ạ. Nó về với mẹ nó rồi. Ông đi ngủ đi. Yên chí!

- Thế có phải hay không. Tao cũng nghĩ thế đấy - ông trả lời.

Yên lòng, ông tắt nhen và lên giường để ngủ.

Chúng tôi cũng giải thích với bà con thị trấn như với ông. Đối với mẹ kẻ bỏ trốn, chúng tôi quyết định chờ thêm nữa, rồi mới biên thư cho bà. Chúng tôi giữ gìn nỗi lo âu khắc khoải kéo dài ba ngày dằng dẳng. Tôi còn thấy cha tôi từ Ngôi Sao Đẹp trở về khoảng 11 giờ, bộ râu mép ướt sương, thì thầm với Mili bằng một giọng tức tối và uất ức...

Chương 6

CÓ NGƯỜI GỖ Ô CỬA KÍNH VUÔNG

Ngày thứ tư là một trong những ngày lạnh nhất mùa đông năm đó. Từ sáng sớm, các học sinh đến trước nhất chạy đuổi nhau quanh giếng cho ấm người lên. Chúng chờ trong trường đốt lò sưởi để nhào đến.

Nhiều học sinh chúng tôi thập thò sau cửa, rình chờ các bạn từ nông thôn đến. Bạn nao đến cũng mặt mày rạng rỡ vì đã xuyên qua những phong cảnh phủ sương giá, đã nhìn thấy những cái ao đóng băng, những khu rừng được phát quang luôn, ở đó bọn thú thấy người là lủi mất... Áo blu của các bạn thoang thoảng mùi cỏ khô và mùi chuồng bò, hai mùi này trở nên nồng nặc khi các bạn chen quanh lò sưởi cháy hồng rực. Sáng hôm ấy, một bạn mang theo trong giỏ một con sóc chết giá mà bạn ấy phát hiện trên đường đi. Tôi nhớ rằng bạn ấy đã cố móc móng của con vật dài ngoẵng đã cứng đơ để treo nó lên cái cột trong nhà chơi.

Rồi buổi học mùa đông nặng nề bắt đầu...

Một tiếng gõ đột ngột vào ô kính cửa khiến chúng tôi ngẩng cả lên. Chúng tôi nhìn thấy Môn cao kều đứng sẵn ở cửa, giữ giữ giá bám trên áo trước khi đi vào, đầu ngẩng cao và dáng vẻ kiêu hãnh!

Hai học sinh ngồi gần cửa nhất vội vàng nhào ra mở cửa cho anh. Ba người se sẽ trao đổi với nhau gì đó mà chúng tôi không nghe được, rồi kẻ đi trốn quyết định bước vào.

Luồng khí lạnh ùa vào từ cái sân hoang vắng, những cọng rơm vương trên quần áo Môn, và nhất là vẻ mặt mệt mỏi, đói khát nhưng ngầy ngất của anh, tất cả gợi lên trong chúng tôi một niềm thích thú và tò mò kỳ lạ.

Chỉ hai bước là ông Xoren bước xuống khỏi cái bục giảng nhỏ mà ở đó ông vừa đứng đọc chính tả cho chúng tôi. Môn đi về phía ông, vẻ khiêu khích. Tôi nhớ lại rằng vào giờ khắc đó, tôi thấy anh bạn cao lênh khênh của tôi đẹp vô cùng, bất chấp khuôn mặt võ vàng và đôi mắt đỏ ngầu vì những đêm ngoài trời chắc chắn không ngủ được.

Anh tiến đến tận cái ghế tựa và nói bằng giọng điềm nhiên của người chỉ dẫn gì đó cho người khác:

- Thưa thầy, em đã về.

- Tôi biết rồi - ông Xoren đáp, mắt xoi mói nhìn anh - Về chỗ đi.

Chàng trai quay về phía chúng tôi, lưng hơi còng, mỉm cười vẻ chế giễu, như các học sinh lớn vô kỷ luật thường làm lúc bị phạt. Một tay nắm lấy mép bàn, anh ghé ngồi xuống ghế băng của anh.

- Anh sẽ đọc một đoạn sách mà tôi chỉ cho - người thầy nói, còn chúng tôi nhất loạt quay nhìn Môn - trong khi các bạn viết nốt bài chính tả.

Buổi học lại tiếp tục. Thỉnh thoảng Môn quay nhìn tôi, rồi nhìn qua cửa sổ, từ đó chúng tôi có thể nhận thấy cái vườn trắng xộp như bông, im lìm, và những cánh đồng vắng ngắt hay đôi lúc có một con quạ đỗ xuống. Trong lớp bắt đầu ngột ngạt vì cái lò sưởi đỏ lừ. Bạn tôi, hai tay ôm

lấy đầu và chống cùi lên bàn để đọc. Hai lần tôi thấy anh díp mắt lại và tin rằng anh sắp ngủ thiếp đi.

- Thưa thầy, em muốn đi ngủ - cuối cùng anh nói, một cánh tay giơ lên nửa chừng - Đã ba đêm em không ngủ ạ.

- Đi đi! - ông Xoren nói, chủ yếu là vì muốn tránh một sự cố bất ngờ.

Tất cả chúng tôi ngẩng lên, bút vẫn trong tay chống trên bàn, lưu luyến nhìn anh ra đi với cái áo blu rách ở lưng và đôi giày đầy đất cát.

Buổi sáng sao ảm đạm thế! Gần đến trưa, tôi nghe tiếng động trên căn gác xép, đó là nhà du lịch chuẩn bị đi xuống với chúng tôi. Đến giữa trưa, tôi thấy anh ngồi trước lửa, gần ông bà tôi vẫn còn đang sùng sốt, trong lúc đồng hồ treo tường buông 12 tiếng, học sinh lớn bé tỏa ra cái sân phủ tuyết, rồi nối đuôi nhau như những cái bóng trước cửa phòng ăn.

Về bữa ăn này, tôi chỉ còn nhớ một sự nín thính bất tận và một nỗi ngưng ngừng không che giấu được mấy may - tất cả đều lạnh giá: mặt bàn ăn phủ giấy dầu, nhưng không có khăn trải bàn, rượu lạnh ngắt trong mấy cái cốc, những mảnh gạch vuông đã nung đến nóng lên, trên đó chúng tôi đặt bàn chân mình lên... Chúng tôi quyết định không ỏi gì người đi trốn, để tránh đẩy anh đến cái lộn, nổi loạn. Anh lợi dụng cuộc hòa hoãn đó để chẳng hé một lời.

Cuối cùng, ăn tráng miệng xong, cả hai chúng tôi được phốc ra sân. Sân trường, sau buổi trưa, nơi guốc học sinh đã hắt gần hết tuyết, cái sân đen sì, trên đó băng tan từ mái nhà chơi rỏ giọt xuống... cái sân đầy ắp trò chơi và tiếng kêu đỉnh tai. Môn và tôi chạy dọc các ngôi nhà. Vừa thấy chúng tôi, hai ba bạn người thị trấn đã bỏ cuộc chơi, ba chân bốn cẳng phóng về phía chúng tôi, làm bùn bắn tứ tung từ dưới guốc. Các bạn thọc tay trong túi, khăn quàng cổ bay tung. Nhưng anh bạn cao kều của tôi nhảy bổ vào phòng học lớp lớn, tôi bám theo sau, và chúng tôi đóng sập cửa kính lại, đúng lúc mấy bạn kia chạy đến ra sức đẩy. Tiếng kính rung loảng xoảng, tiếng guốc giậm lách cách trên ngưỡng cửa. các bạn đẩy mạnh đến nỗi cái lanh-tô bằng thép cong đi. Môn xô trở lại, cái nhẫn trên tay vỡ tung suýt nữa bắn vào mặt, và khóa trái được cửa.

Cách xử sự ấy, chúng tôi coi là rất đáng bực mình. Mùa hè, những bạn bị chặn ngoài cửa thường chạy nhào ra vườn, và leo lên qua một cửa sổ trước khi tất cả cửa sổ kịp đóng hết. Bây giờ đang tháng 12, cửa giả đều đóng sạch. Các bạn còn ráng sức đẩy cửa một lát nữa, và chửi chúng tôi ầm ĩ. Rồi từng bạn, từng bạn bỏ đi, đầu cúi gục, tay quấn lại khăn quàng.

Trong phòng học thoáng mùi hạt dẻ và rượu pikê, chỉ có hai người trực nhật đang chuyển dịch bàn ghế để quét nhà. Tôi đến bên lò sưởi để chờ buổi học chiều, trong lúc Môn lục lọi ngăn kéo bàn thầy giáo và các bàn học sinh. Ít phút thôi, anh đã tìm thấy một tập bản đồ nhỏ, anh liền đứng tì hai cùi tay lên bục giảng, hai tay ôm đầu, say sưa nghiên cứu nó.

Tôi đã sẵn sàng lại gần anh, định ôm vai anh và chắc chắn cùng theo dõi trên bản đồ quãng đường phiêu lưu mà anh đã đi, đúng lúc đó cửa cái thông với phòng học lớp bé đột ngột bị đẩy mạnh, mở toang ra, và Giaxmanh Đolusơ, theo sau là một bạn ở thị trấn và ba bạn ở nông thôn, hiện ra với một tiếng reo thắng lợi. Chắc hẳn một cửa sổ ở phòng học lớp bé đóng không chặt, các bạn đẩy ra được và nhảy qua đó mà vào.

Dù còn khá nhỏ, Đolusơ đã là một trong những học sinh nhiều tuổi nhất của lớp cao học. Nó ghen tị với Môn ghê lắm, tuy vẫn tự coi là bạn của anh. Trước khi anh bạn cao kều của tôi đến, Đolusơ là con gà trống của lớp (có nghĩa là được cả lớp yêu quý). Mặt nó xanh xao, khá đù đờ, tóc thì bôi nhầy sáp. Là con của bà góa Đolusơ chủ quán, nó đóng vai ông chủ trong nhà. Nó huênh hoang nhắc lại những lời nó ưng nói với đám đến chơi bi-a hay uống rượu véc-mút.

Thấy nó vào, Môn ngẩng lên, cau mày và vừa lắc lư vừa kêu với mấy tay đi theo ủa tới lò sưởi.

- Ở đây chẳng được yên lấy một phút!

- Nếu không hài lòng, hãy cứ ở nơi nào cậu đã ở - Giaxmanh Đơluso không ngẩng đầu đáp, hẳn là biết có tội bạn đi theo bệnh mình.

Tôi hiểu Môn rơi vào tình trạng mệt mỏi đến cẩu kính không sao kìm nổi.

- mày - anh vừa nói vừa đứng lên, và khép sách lại, mặt hơi tái đi - Mày hãy ra khỏi đây!

Đơluso cự lại:

- Chà - nó thét lên - trốn thoát ba ngày, mày tưởng mày sắp là ông chủ hả?

Rồi lôi kéo mấy cậu kia vào cuộc cãi lộn:

- Không phải mày có quyền đuổi chúng tao ra khỏi đây! Mày rõ chưa!

Nhưng Môn đã đề lên nó. Thoạt tiên, hai người vật lộn. tay áo blu của cả hai kêu xoạt và bực chỉ. Trong ba bạn ở nông thôn, chỉ có Mactanh xen vào thôi:

- Buông nó ra! - nó nói, lỗ mũi phồng to, đầu lúc lắc như một con cừu đực.

Mactanh bị Môn hất tung ra giữa phòng, hai tay chơi vơi, người lảo đảo. Rồi, một tay tóm cổ Đơluso, tay kia mở cửa, anh toan tổng cổ nó ra ngoài. Giaxmanh bấu lấy bàn ghế, miết chân xuống nền nhà lát đá, khiến đế giày đóng cá kêu kin kít, trong khi Mactanh đã lấy lại thăng bằng, lưng lững tiến lại, đầu giờ ra trước, vẻ hung dữ. Môn buông Đơluso để dồn sức cho cái thẳng ngu ngốc này, và có lẽ anh sắp rơi vào tình thế bất lợi. Vừa hay cửa lớp hé mở, ông Xoren hiện ra, đầu vận ngoái về phía nhà bếp nói nốt chuyện gì đó với ai đấy, trước khi đi vào...

Tức thì cuộc đấu ngừng lại. Các bạn khác xếp hàng quanh lò sưởi, đầu cúi gằm, tỏ vẻ không hề gây chuyện. Môn ngồi xuống chỗ của anh, hai ống tay áo bật chỉ và giãn hẳn ra chỗ gần vai. Giaxmanh thì toàn thân thâm tím. Nó còn hét trong mấy giây, trước khi vang lên tiếng thước gõ trên bảng báo hiệu buổi học bắt đầu.

- Bây giờ thì nó hết chống chế. Đầ lấu cá! Nó tưởng chúng ta không biết nó vừa ở đâu ra phỏng!

- Đồ ngu! Chính tao cũng không biết tao vừa ở đâu - Môn đập lại, trong lúc cả lớp đã khá yên lặng.

Rồi nhún vai, hai tay ôm đầu, anh bắt đầu học bài của mình.

Chương 7

CHIẾC GI-LÊ LỤA

Như tôi đã nói, buồng ngủ của chúng tôi là một căn gác khá rộng. Vừa là gác vừa là buồng. Nó có những cửa sổ mở ra các phòng khác bên cạnh. Chúng tôi không hiểu sao nó lại được chiếu sáng bởi một cửa sổ nhỏ trổ trên mái. Cửa ra vào bị xệ xuống nền nhà tầng dưới, nên không đóng khít được hoàn toàn. Mỗi buổi tối leo lên, chúng tôi phải lấy tay che nển khỏi những luồng gió lùa trong ngôi nhà rộng. Dù cố gắng đến đâu, chúng tôi cũng đành từ bỏ ý định khép kín cửa ra vào. Và suốt đêm chúng tôi cảm thấy cái yên lặng của ba phòng chứa thóc xung quanh lan thấm đến tận buồng của chúng tôi.

Chính ở đấy mà chúng tôi gặp lại nhau, Môn sếu và tôi, vào buổi tối của ngay cái ngày đông ấy. Trong khi tôi chỉ phẩy tay một cái là cởi tòng hết quần áo và chất đồng trên một ghế tựa đầu giường, thì Môn lại làm việc đó với dáng điệu dửng dờ dửng dĩnh. Trên chiếc giường sắt che ri-đô bằng vải croton vẽ cảnh nho mà tôi đã leo lên, tôi ngắm các cử động của anh. Lúc thì anh ngồi xuống chiếc giường thấp không ri-đô của mình. Lúc thì nah đứng lên, vừa đi quanh quần vừa cởi nốt quần áo. Cây nển mà anh đặt trên một cái bàn mây nhỏ do người Bôhêmiêng sản xuất hắt lên tường cái bóng to lớn và không ngừng di động của anh.

Hoàn toàn ngược với tôi, anh gấp và sắp xếp các đồ học sinh của mình thật cẩn thận, tuy với vẻ lơ đãng và đau khổ. Tôi thấy anh đặt thẳng băng trên một ghế tựa cái áo blu nhàu và bản kính khủng, cởi ra một cái có thể gọi là áo choàng màu xanh lơ đậm mà anh mặc bên trong áo blu, rồi quay lưng về phía tôi cúi người trải xuống chân giường... Nhưng khi anh đứng thẳng lên và quay lại, tôi thấy đáng lẽ là cái gi-lê chán ngắt, khuy đồng, cùng màu với cái áo khoác, anh mặc một cái gi-lê lụa kỳ dị, cổ rất rộng, phía dưới cài một hàng khuy xà cừ nhỏ.

Ấy là một kiểu y phục kỳ cục một cách duyên dáng mà hẳn các chàng trai từng nhảy với bà chúng ta trong các cuộc khiêu vũ năm một nghìn tám trăm ba mươi từng mặc.

Lúc này tôi nhớ lại và hình dung ra chàng học sinh nông thôn cao ngất ngưỡng đầu trần, bởi vì anh đã cẩn thận đặt chiếc mũ cát-két lên trên xếp đồ mặc, khuôn mặt trẻ măng, dửng cảm lắm, mà cũng đã cứng rắn vô cùng. Anh đi đi lại lại quanh phòng từ khi bắt đầu cởi bỏ khuy tấm gi-lê bí ẩn thuộc một bộ trang phục không phải của anh. Tôi cảm thấy thật kỳ lạ khi nhìn anh đứng đó, với hai cánh tay sơ-mi, cái quần áo quá ngắn, đôi giày dính đầy bùn, một bàn tay đặt trên cái gi-lê của bậc công hầu.

Ngay lúc chạm vào nó, sức tỉnh khỏi giấc mơ, anh quay về phía tôi và nhìn tôi với đôi mắt đầy lo lắng. Tôi chợt hơi muốn bật cười. Anh nhoẻn cười cùng một lúc với tôi và mặt anh sáng lên.

- Trời, cái gì vậy? - tôi bạo dạn hỏi khê - Anh lấy ở đâu thế?

Nhưng nụ cười của anh đã tắt. Anh đưa bàn tay nặng trĩu lên xoa cái đầu trọc hai lần, và hoàn toàn bất ngờ, tuồn như không cưỡng nổi mình, anh lại mặc lên thân mình thanh tú cái gi-lê lụa nom như áo ngắn của thủy thủ mà anh cài khuy thật kỹ thật chắc, rồi mặc cả cái áo blu nhàu bẩn... Sau đó, anh nhìn trộm tôi, thoáng do dự... Cuối cùng, anh ngồi phịch xuống mép giường, giũ đôi giày rơi lịch bạch. Rồi để nguyên quần áo như một người lính đang trong tình trạng báo động, anh ngả dài ra giường và tắt nển.

Khoảng nửa đêm, bỗng tôi thức dậy. Môn đang đứng giữa phòng, đầu đội cát-két, một áo khoác không tay trên lưng và anh đang tìm gì đó ở mắc áo. Căn phòng rất tối. Ngay cả ánh tuyết hắt

rơi vào cũng không có. Một làn gió buồn bã và lạnh lẽo thổi trong khu vườn chết và trên nóc nhà.

Tôi hơi nhồm lên và khẽ kêu với anh.

- Môn, anh lại đi à?

Anh không đáp. Tôi cuống lên:

- Phải, em đi với anh. Anh phải đưa em theo!

Anh lại gần, ôm lấy hai cánh tay tôi, ấn tôi ngồi xuống mép giường và nói:

- Tớ không thể đưa cậu đi cùng, Phrăngxoa ạ. Nếu tớ thao đường, cậu sẽ đi với tớ. Nhưng trước hết, tớ phải tìm đường trên bản đồ đã. Mà tớ chưa tìm được.

- Tức là anh không đi nữa chứ gì?

- Ừ, đi chỉ phí công... - anh ngao ngán đáp - Cậu ngủ tiếp đi. Tớ hứa không đi, nếu không có cậu!

Anh lại đi gang đi doc trong phòng. Tôi không dám hé răng gì nữa. Anh bước tới, dừng lại, rồi bước gấp hơn, như một người đang cố nhớ lại những chi tiết của một việc gì đó, rồi đối chiếu so sánh chúng với nhau, rồi cân nhắc và chợt tưởng đã tìm ra. Rồi một lần nữa, bỏ bằng mạch suy nghĩ này và bắt đầu tìm kiếm mạch khác.

Đấy không phải là đêm duy nhất, mà do bị tiếng chân anh thức dậy, khoảng một giờ đêm tôi thấy anh đi tới đi lui như vậy trong phòng ngủ của chúng tôi và sáng cả mấy gian dùng làm nhà kho - như các thủy thủ vùng Brolanho đã hồi hương nhưng vẫn không quên được thói quen đi tuần đêm trên tàu, và cứ đến giờ thuộc điều lệnh, dù ở ngay giữa làng quê hẻo lánh, vẫn thức dậy, mặc quần áo và canh gác đất đai trong đêm.

Hai hay ba lần, kéo dài trong tháng Giêng và nửa đầu tháng hai, tôi đã bị kéo ra khỏi giấc ngủ như thế. Môn cao kều kia, sừng sững, trang bị đầy đủ, áo khoác không tay trên lưng, sẵn sàng ra đi, và lần nào cũng vậy, cứ đến biên giới của xứ sở bí ẩn mà đã một phen anh lẩn trốn đến, là anh dừng lại, phân vân. Đến lúc nâng then cửa, lén ra ngoài qua cửa bếp mà anh mở dễ như bỡn và chẳng ai nghe thấy được, anh lại thoái lui... Sau đó, hàng giờ lê thê, anh sai bước trong mấy gian kho bỏ rơi, về bốn chồn suy nghĩ rất lung.

Cuối cùng một đêm, chừng như 15 tháng Hai, chính anh dịu dàng ôm lấy vai lay tôi dậy.

Ngày hôm trước, Môn tỏ ra bị kích động hết sức. Suốt giờ ra chơi cuối cùng buổi chiều chẳng màng gì tới chơi đùa với các bạn cũ, anh ngồi lì trên một chiếc ghế băng, mãi mê vẽ một bản đồ nhỏ bí hiểm, vừa lấy ngón tay trở làn đường, vừa tính toán rất lâu trên tập bản đồ vùng Sê. Các bạn chạy đi chạy lại không ngừng giữa sân trường và lớp học. Tiếng guốc chát chúa rộn rã. Các bạn đuổi nhau từ bàn này sang bàn khác, phốc một cái là nhảy qua các ghế băng và kê kê bục giảng... Các bạn biết rằng hễ Môn chăm chú làm gì thì lại gần anh chẳng hay ho gì đâu. Tuy nhiên, vì giờ giải lao kéo dài, hai ba bạn ở thị trấn, đùa thôi, rón rén đến đằng sau và nhìn qua vai anh... Một bạn còn cả gan xô hai bạn kia vào Môn... Anh thình lình gấp nhanh tập bản đồ, giấu tờ giấy đang vẽ, chộp lấy một trong ba cầu, hai cậu kia chạy thoát...

... Đó là anh chàng Giđôda quàu quau, vừa rện rỉ vừa tìm cách đá Môn, nhưng vẫn bị anh quăng ra ngoài kèm theo tiếng hét giận dữ:

- Đồ hèn! Chả trách chẳng ai ưa mày! Và đứa nào cũng muốn gây sự với mày!

Và tiếp theo là một chuỗi tiếng chửi mà chúng tôi để theo tuy không hiểu nghĩa.

Tôi la to nhất vì tôi đứng về phe Môn sếu. bây giờ giữa hai chúng tôi như có một giao kèo. Lời mà anh hứa đem tôi đi theo, chứ không nói với tôi như một người rằng "cậu đi sao nổi" đã vĩnh viễn gắn bó tôi với anh. Và tôi không ngừng tư tưởng đến chuyến đi bí hiểm của anh. Tôi tin chắc hẳn anh đã gặp một cô gái. Chắc chắn cô đẹp hơn gấp bội mọi cô gái trong vùng, đẹp hơn cả Jane mà người ta thấy trong vườn nữ tu nhìn qua lỗ khóa, hơn Madolen, con gái bác làm bánh, tóc hoe vàng óng ả, da hồng như trứng gà bóc; và hơn cả Jenny, con gái mục chủ ngôi thành cổ, đáng mê thật, nhưng bị điên và suốt đời cấm cung. Nhất định đêm đêm anh nghĩ đến một cô gái, khác gì một nhân vật tiểu thuyết. Tôi định bụng sẽ nói thẳng với anh điều đó ngay khi anh đánh thức tôi lần đầu...

Buổi chiều xảy ra cuộc chiến đấu kể trên, sau bốn giờ, cả hai chúng tôi đang bận chuyển dụng cụ - gồm cuốc chim và xẻng vừa dùng để đào hố từ vườn rào, thì nghe tiếng la ở trên đường. Đó là một đoàn thanh niên và trẻ nhỏ, đi đều theo hàng bốn, tiến lên như một đội quân được tổ chức hoàn hảo, do Doluso, Daniel, Giroda và một cậu nữa mà chúng tôi không biết dẫn đầu. Chúng đã thấy chúng tôi và ra sức hò la phản đối. Vậy là cả thị trấn chống lại chúng tôi và không hiểu họ dùng trò chiến tranh gì để loại bỏ chúng tôi đây.

Chẳng nói năng gì, Môn đưa cái mai và cái cuốc anh vừa vác trên vai vào kho.

Nhưng, nửa đêm, tôi cảm thấy tay anh nắm lấy cánh tay tôi. Tôi choàng tỉnh.

- Dậy - anh bảo - Ta đi thôi!

- Anh biết hết đường tới đích chưa?

- Tôi biết phần lớn rồi. Hiển nhiên ta phải tìm cho ra đoạn chót - anh đáp, rằng nghiêng chặt.

- Anh nghe nhé - tôi nhồm dậy nói - Anh hiểu không, ta chỉ có thể làm thế này. Dùng cái bản đồ anh có, hai chúng ta đi tìm quãng đường chưa biết ngay giữa bàn ngày cơ.

- Nhưng xa đây lắm?

- Thì đã sao? Ta đi xe vậy. Vào mùa hè này. Ngay khi ngày dài hơn hiện nay.

Anh im lặng hồi lâu, để chừng anh chấp nhận ý tôi.

- Vì anh em mình cùng đi tìm cô gái mà anh yêu, Môn à - cuối cùng tôi nói - Anh hãy cho em biết cô ấy là ai, hãy kể về cô ấy xem nào.

Anh ngồi xuống chân giường tôi. Trong ánh đêm, tôi nhìn thấy đầu anh cúi gục, hai tay khoanh trước ngực và đôi đầu gối của anh. Rồi anh hít thở rất mạnh, chả khác gì một người đau ngằm đã lâu và không nén được nữa, dốc bầu tâm sự...

Chương 8

CUỘC PHIÊU LƯU

Đêm ấy, Môn Sếu không kể cho tôi nghe về tất cả những gì đã xảy đến với anh trên đường. Thậm chí khi anh quyết định tâm sự hết với tôi, trong suốt những tháng năm khổ đau mà tôi sẽ nói, chuyện ấy trong một thời gian dài vẫn là bí mật lớn nhất của tuổi thiếu niên của chúng tôi. Nhưng giờ đây khi mọi sự đã chấm dứt, khi tất thảy chỉ còn cát bụi.

... của bao đau khổ, của bao tốt đẹp.

Tôi có thể kể ra cuộc phiêu lưu kỳ lạ của anh.

Vào lúc một rưỡi chiều, trên đường về Viecdông, giữa đất trời giá lạnh, Môn cho ngựa phi vun vút, vì biết mình không đến nơi trước giờ. Thoạt đầu, anh chỉ thích thú nghĩ đến sự kinh ngạc của tất cả chúng tôi, khi anh chở trên chiếc xe có mui vè, lúc bốn giờ, có ông và cụ bà Săpăngchiê. Lúc bấy giờ, nhất định anh không có ý đồ nào khác.

Dần dần thấm lạnh, anh phủ lên đôi chân cái chăn mà lúc nãy anh đã từ chối, nhưng gia nhân ở trại Ngôi Sao Đẹp đã cố nhét bằng được lên xe.

Hai giờ chiều, anh đi qua làng La Mót. Chưa bao giờ anh đi thế này trong một làng vào giờ lên lớp cả và cảm thấy thú vị khi được nhìn thấy làng này cũng vắng vẻ, cũng lặng lẽ như những nơi khác. Có gì sống động thì chỉ là xa xa trước mặt anh, thỉnh thoảng ột màn cửa vén lên, để lộ vẻ mặt hiếu kỳ đôn hậu của phụ nữ.

Ở cuối làng La mót, ngay sau ngôi trường, đường xẻ làm đôi, Môn đâm phân vân, rồi tin là mình nhớ đúng rằng phải rẽ trái mới đến được Viecdông. Chẳng có ai để hỏi. Anh cho ngựa đi nước kiệu trên con đường từ đây trở đi hẹp hơn và lát đá rất tồi. Trong một lúc, anh đi dọc một rừng thông, cuối cùng gặp một người đánh xe chở hàng, anh bắc loa miệng hỏi ông là xem đây có đúng đường đến Viecdông? Kéo căng dây cương, con ngựa cái tiếp tục nước kiệu. Ông kia hẳn không hiểu người ta hỏi gì. Ông vừa la lên gì đó vừa phác một cử chỉ mập mờ. Hoàn toàn không chủ định, Môn để ngựa lao theo con đường đang đi.

Lại đồng đất mênh mông và băng giá, chẳng có gì vui mắt cũng chẳng có gì khác thường. Chỉ thỉnh thoảng một con chim khách thấy chiếc xe thì hốt hoảng cất bay lên xa hơn, rồi đậu xuống một cây du không ngon. Người du lịch trẻ tuổi đã quần tẩm chăn rộng quanh vai như một áo choàng. Duỗi thẳng chân tay, tì tay lên một thành xe, anh ngủ gà ngủ gật một thôi dài...

Đến lúc, nhờ cái lạnh thấm qua chăn, Môn Sếu tỉnh ra và nhận thấy phong cảnh đã thay đổi. Không còn là những chân trời xa lắc, bầu trời cao thăm nhìn hút mắt, mà là những bãi cỏ non xanh với những bờ rào cao. Bên phải cũng như bên trái, nước đang chảy dưới băng. Có vẻ ắp đến một dòng sông nhỏ. Giữa hai hàng rào cao chất ngất, con đường chỉ còn là một lối đi lún sâu.

Con ngựa đã ngừng phi một lát. Môn quát cho nó một roi, nhưng nó vẫn dằn điệu bước một. CHống tay đằng trước xe, và nhìn sang bên, cậu học sinh cao ngất ngưỡng nhận thấy con vật - tập tễnh một chân sau. Anh liền nhảy xuống, lo vô cùng.

- Chưa bao giờ chúng mình ra Viecdông đi tàu - anh sẽ sẽ nói.

Anh không dám tự thú nỗi lo lớn nhất, đó là có lẽ anh đã nhầm đường, và đường này không phải là đường đi Việcdông.

Anh xem xét rất lâu chân con vật và không thấy chỗ nào bị thương. Hết sức sợ hãi, con ngựa nâng ngay chân đó lên khi Môn muốn chạm vào, rồi nó cào cào trên đất bằng cái móng guốc nặng nề và vụng dại. Anh hiểu rằng chỉ đòn thuần là một hòn sỏi găm vào móng nó. Ra về một cậu bé cai quản già súc lão luyện, anh ngồi xổm xuống, cố nắm lấy móng phải của con vật bằng tay trái và đặt vào giữa hai đầu gối, nhưng cái xe lăm vướng anh. Hai lần, con ngựa thoát ra và tiến lên mấy bước. Cái bậc xe đập vào đầu anh, bánh xe làm xoạc đầu gối. Anh vẫn nhất quyết và kìm được con vật sợ sệt. Nhưng viên sỏi lặn sâu quá, Môn phải dùng con dao nhà quê của mình mới kều ra được.

Xong việc, ngẩng lên, đầu như mù đi, mắt hoa lên, anh kinh hãi nhận thấy rằng đêm đang xuống.

Còn khác sao được, Môn tức khắc lộn về. Đây là cách duy nhất để không lạc thêm. Nhưng anh nghĩ rằng hẳn bây giờ anh xa La Mốt lắm rồi. Mới lại, có thể con ngựa đã đi đường tắt trong khi anh đang ngủ. Suy cho cùng, con đường ấy làm sao chẳng dẫn đến một làng nào đó...

Chúng ta hãy bổ sung vào tất cả những lý do đó rằng, trong khi leo lên bậc xe và con ngựa háu đi chưa chi đã kéo dây cương, chàng trai cao ngọc cảm thấy trời dật mỗi lúc một dào dạt niềm khao khát điên cuồng phải hoàn thành một việc gì đó, đi đến một nơi nào đó, bất chấp mọi trở ngại.

Anh quật con ngựa một roi, nó né đi và bắt đầu phi nước đại. Trời tối hơn. Trên con đường bắt đầu bị nước xối mòn, bây giờ chỉ còn đủ lối đi cho một chiếc xe. Thỉnh thoảng, một cành khô bên hàng rào vướng vào bánh xe và gây ròn đánh cắc... Khi trời tối hẳn, Môn bỗng chạnh lòng nghĩ tới phòng ăn ở Xanh-tơ-Agat, trong đó, hẳn giờ này tất cả chúng tôi đã quây quần bên nhau. Rồi anh tức giận. Rồi ngạo mạn và vui thắm thía vì trốn đi như thế này, dù chẳng muốn...

Chương 9

TRẠM NGHỈ

Đột nhiên, con ngựa chạy chậm lại, cứ như vì đường tối mà nó vấp chân. Môn thấy nó vưon cổ xuống và ngẩng lên hai lần. Rồi nó dừng hẳn, mõm cúi thấp, như hít hít gì đó. Xung quanh chân ngựa, nghe như có tiếng róc rách. Một dòng suối cắt ngang đường. Nếu là mùa hè, thì lội qua được. Còn dịp này, dòng nước chảy xiết đến nỗi băng không hình thành được, do vậy sẽ rất nguy hiểm nếu cứ đi dần lên.

Môn nhẹ nhàng thu cương, để lùi xe một đoạn, rồi hết sức bối rối, anh đứng lên trong xe. Chính lúc ấy, anh nhìn thấy ánh đèn qua lá cây. Đèn chỉ cách đường hai hoặc ba bãi cỏ thôi.

Chàng học sinh xuống xe, vừa dắt con ngựa cái về phía sau, vừa nói để trấn tĩnh cho nó khỏi lắc đầu kinh sợ.

- nào, ngựa cưng, ta không tiến lên đâu! Chúng ta sẽ biết ngay đây là chỗ nào.

Rồi đẩy hàng rào chắn đã mở cửa một bãi cỏ hướng ra đường, anh đưa xe ngựa vào đấy. Hai bàn chân anh bước ngập trong cỏ mềm. Chiếc xe lắc lư nhưng không thành tiếng. Đầu anh chạm vào đầu ngựa, anh cảm thấy nó thở hổn hển và truyền sức ấm sang người anh... Anh dắt nó đến cuối bãi, và khoắc tãm chắn lên lưng nó. Rồi rẽ cánh cây ở hàng rào cuối bãi, anh lại nhìn thấy ánh đèn, đó là đèn trong một ngôi nhà biệt lập.

Mặc dù vậy, anh vẫn phải vượt qua ba đồng cỏ nhỏ, nhảy qua một con suối hiểm độc mà suýt nữa anh sa cả hai chân xuống... Cuối cùng, sau khi nhảy từ đỉnh một bờ dốc thoai thoải xuống đất, anh thấy mình đang trong sân một ngôi nhà nông thôn. Một con lợn ủn ỉn trong chuồng. Nghe tiếng chân người trên đất giá băng, một con chó cất tiếng sủa dữ dội.

Cánh cửa bản ở lối ra vào mở sẵn. Ánh lửa mà Môn nhận thấy là do một bó củi đốt trong lò sưởi. Chỉ có lửa lò thôi, không thấy đèn đóm gì nữa. Một phụ nữ phúc hậu, ở trong nhà, đứng lên và lại gần cửa, không biểu lộ cái gì khác ngoài sợ hãi. Đúng lúc ấy, đồng hồ quả lắc điểm 7g30.

- Xin lỗi bà, bà già đáng thương - chàng trai cao ngồng nói - chắc cháu đã giẫm phải hoa cúc ngoài vườn của bà.

Đang cầm một cái bát trên tay, bà sững lại đăm đăm nhìn anh

- Hẳn thế - bà nói - ngoài sân tối quá, biết đâu mà né.

Một lát im lặng. Môn vẫn đứng, kịp nhìn mấy bức tường nhà dán kín giấy báo có minh họa như trong một quán trọ, rồi cái bàn trên có đặt một chiếc mũ đàn ông.

- ông chủ có nhà không ạ? - anh ngồi xuống.

- Ông ấy sắp vào - người đàn bà đáp, tỏ vẻ đã tin - ông ấy đi kiểm củi.

- Không phải cháu muốn hỏi ông ấy - chàng trai vừa nói tiếp vừa dịch ghế lại gần lò sưởi - Cánh thợ săn chúng cháu có nhiều người, đang phải rình chờ mồi. Cháu đến xin bà nhường cho chút bánh.

Anh, vâng, chàng Môn Sếu ấy mà, biết rằng ở nông thôn, nhất là trong một ngôi nhà trọ trọ giữa đồng giữa bãi, phải nói năng hết sức thận trọng, khôn khéo nữa kia, và nhất là chớ có hớ hênh rằng mình không phải là người cùng xứ.

- Bánh ấy à? - bà hỏi - Có lẽ chẳng còn để cho các anh đâu. Bác hàng bánh vẫn đến vào thứ ba hàng tuần, hôm nay không đến.

Trong một lúc, tưởng mình đã ở gần một làng, giờ nghe thế, Môn đâm hoảng.

- Bác bán bánh quê đâu cơ ạ? - anh hỏi.

- Vớ Nặngxay! - bà ta ngạc nhiên.

- Vớ Nặngxay, nói thật đúng, xa đây bao nhiêu ạ? - Môn lo lắng hỏi nữa.

- Cứ theo con đường đất mà đi, tôi không biết bao nhiêu. Còn theo đường chim bay thì ba dặm rưỡi.

Bà bắt đầu kể lể rằng con gái bà đang làm thuê ở đó, rằng cứ chủ nhật đầu tháng, nó lại về thăm bà, rằng ông bà chủ nó...

Nhưng hoảng hốt quá, Môn cắt ngang:

- Vớ Nặngxay có phải là làng gần đây nhất không ạ?

- Không. Làng Lê Lăngđơ cơ, cách 5km. Nhưng ở đó chẳng có người bán bánh, cũng chẳng có người bán hàng. Mỗi năm chỉ có một phiên chợ ở Xanh-Mactanh thôi.

Chưa bao giờ Môn nghe nói đến tên Lê Lăngđơ. Anh hiểu mình lạc quá xa rồi, nghĩ đâm buồn cười. Đang lúi húi rửa bát ở bồn rửa, người đàn bà quay lại, sừng sốt không kém, rồi nhìn thẳng vào mặt anh, nói từng tiếng một.

- Anh không phải người ở vùng này?

Lúc ấy, một người đàn ông có tuổi hiện ra trên ngưỡng cửa với một bó củi mà ông ném xuống nền lát gạch vuông. Người đàn bà nói rất to lên, như thể ông điếc, điều mà chàng thanh niên yêu cầu.

- Được thôi, có gì đâu - ông nói giản dị - Nhưng anh dịch vào gần nữa. Sưởi cho ấm đi.

Một lát sau, hai người ra gần giá gác củi. Ông già bẻ củi để cho vào lò đốt. Môn ăn bánh mỳ với sữa mà ông bà vừa cho. Nhà du lịch của chúng ta, sung sướng được ngủ trong ngôi nhà bình thường sau biết bao khắc khoải, và tưởng rằng cuộc phiêu lưu lạ lùng của mình đã kết thúc, chưa chi đã dự định sẽ rủ bạn về thăm những người dân nhân hậu này. Anh không biết rằng đây chỉ là lúc anh tạm nghỉ chân, rằng lát nữa đây thôi, anh lại tiếp tục phiêu bạt.

Anh vội nhờ ông già chỉ đường cho về La Mót. Nhưng dần dần hiểu ra sự thực, anh kể rằng cùng với xe của mình, anh rời khỏi các bạn sẵn và bây giờ hoàn toàn bị lạc.

Hai ông bà già nài mãi Môn mới chịu ngủ lại để mai sáng mới đi được. Trước khi ngủ, anh ra ngoài tìm ngựa đưa vào chuồng.

- Anh cẩn thận nhớ. Lối đi nhiều vũng lầy đấy - ông già dặn.

Môn không dám thú nhận rằng anh đã không theo lối ấy để vào đây. Anh toan nhờ ông lão đi cùng. Anh dùng dăng giấy lát trên ngưỡng cửa, vì người suýt lão đảo vì căng thẳng, nửa muốn nửa không. Rồi anh bước ra khoảng sân tối mịt.

Chương 10

CHUÔNG CỪU

Để nhận phương hướng, anh leo lên dốc ta-luy mà anh vừa nhảy qua lúc nãy.

Chậm chạp và khó khăn, như lúc đến, anh loay hoay trong cỏ trong cỏ trong nước, qua các hàng cây liễu, cố tìm cho ra chiếc xe mà anh đã để lại ở cội bãi cỏ. Cỗ xe không còn đấy nữa... Đứng im, đầu bập bùng như có trống đánh, anh giống tai nghe cho được mọi tiếng động trong đêm, tưởng lúc nào cũng có thể nghe thấy ngay bên tiếng chuông treo nơi cổ con ngựa của mình. Hàng rào chắn bị hé mở và ngã hẳn ra, như đã có một bánh xe trườn qua. Hẳn con vật đã tự thoát qua theo lối này.

Ngược đường một đoạn, chân anh vướng vào tấm chắn chắc chắn đã tuột từ lưng con ngựa xuống. Anh kết luận rằng con vật đã đi theo hướng này và anh bắt đầu chạy.

Anh chạy, không có ý nghĩ nào khác ngoài ý chí sắt đá và điên cuồng đuổi kịp chiếc xe, máu bốc hết lên mặt, làm đà cho nỗi khao khát khủng khiếp giống như nỗi kinh hoàng... Chốc chốc, anh lại vấp phải các dấu bánh xe. Ở các chỗ ngoặt, vì trời tối mịt, anh nhào cả vào rào, và vì quá mệt không dừng kịp, anh ngã sắp xuống, nhưng phải liều chống tay xuống trước, thà rách tay chứ không để xước mặt. Thỉnh thoảng, anh dừng lại lắng nghe, rồi lại chạy. Có lúc, anh tưởng nghe tiếng xe lăn. Nhưng đấy chỉ là một chiếc xe bò lắc lư lê bước rất xa trên con đường khác về tay phải.

Đến lúc bên đầu gối va vào bậc xe lúc nãy đau quá, anh phải dừng chân, bấp chân rần rại như thép. Lúc này, anh nghĩ nếu con ngựa cái không phi nước đại, ắt anh đuổi kịp lâu rồi. Anh cũng tự nhủ rằng một cỗ xe không thể lạc kiểu này, hẳn có ai đã bắt gặp nó. Cuối cùng, anh quay trở lại, kiệt sức, bực mình gần như nhích từng bước một.

Anh tin rằng dần dà, mình sẽ về đến những nơi mình vừa rời khỏi, và chả mấy chốc, sẽ nhìn thấy ánh lửa trong ngôi nhà ấm áp mà mình tìm kiếm. Một lối đi hun hút mở ra giữa hai bờ rào.

"Đây là lối đi mà ông lão nói với mình" - Môn tự nhủ.

Anh đi vào lối đó, mừng vì không phải nhảy qua hàng rào hay bờ dốc ta-luy. Được một lát, lối mòn ngoặt sang trái, ánh lửa như chuyển sang bên phải. Lê đến một ngã ba đường, vì muốn mau về ngôi nhà thăm hại, Môn đi bừa vào một ngã rẽ tưởng sẽ đưa mình đến nơi mà không dẫn đo gì. Nhưng chưa được mười bước, ánh lửa đã biến mất, có lẽ nó bị một hàng rào che lấp, mà cũng có thể chờ anh lâu đã mệt, chủ nhà đóng cửa đi ngủ. Không ngần ngại, chàng học sinh nhảy bừa xuống đồng, cứ nhắm ánh lửa vừa thấy mà tiến. Sau khi nhảy qua một hàng rào nữa, anh lại rơi vào một lối mòn mới.

Thế là đường về của Môn rồi dần lên, và mới liên hệ giữa anh và những người anh vừa rời bỏ cũng dứt theo luôn.

Chán chường và thất vọng, gần như hoàn toàn rã rời, anh quyết chí theo lối mòn này tới cùng. Đi được chừng trăm bước, anh đến trước một bãi cỏ lớn màu xám xám trên đó anh có thể phân biệt được đó đây những bóng đen, đấy chắc chắn là những cây đỗ tùng và một ngôi nhà gạch tối mờ trên một khu đất không bằng phẳng. Môn men đến gần. Đây chẳng qua chỉ là một loại vườn nhốt thú hay một chuồng cừu bỏ hoang. Cửa mở ra dễ dàng với một tiếng kêu "két" dài. Khi gió thổi bạt mây, trăng hiện ra và lọt vào nhà qua các khe phên ngăn. Trong nhà nồng nặc

mùi mốc.

Không tìm kiếm gì thêm phía trước, Mên ngả lưng trên đám rơm ẩm, hai cùi tay chống đất, hai bàn tay đỡ lấy đầu. Tháo dây lưng ra, anh nằm co quắp trong chiếc áo blu của mình. Lúc này, anh nhớ tới tấm chăn phủ ngựa mà anh đã để lại trên đường. Anh cảm thấy khổ sở vô hạn, giận mình vô hạn, đến nỗi muốn khóc òa lên...

Anh cũng gắng nghĩ tới chuyện khác. Lạnh thấu xương, anh nhớ lại một giấc mơ - đúng hơn là một ảo ảnh, mà anh đã thấy từ hồi còn rất nhỏ và chưa từng nói với ai: một buổi sáng, đáng lẽ thức dậy trong buồng mình, trong đấy có treo áo khoác và quần đùi của bản thân, anh lại thấy mình đang trong một phòng dài thăm thẳm màu xanh lá cây, với giấy dán tường giống như những chiếc lá. Anh sáng trong phòng này mượt mà và mềm dịu như một dòng mật ong chậm chảy, đến nỗi anh muốn nếm thử. Gần cửa sổ thứ nhất, một cô gái đang khâu, lưng quay ra ngoài, tuồng như đang đợi anh thức dậy... Anh không sao chuôi được xuống giường để bước đi trong căn phòng thần tiên. Anh lại ngủ thiếp đi... nhưng anh thề lần sau sẽ vùng dậy. Có thể sáng mai!....

Chương 11

LÂU ĐÀI BÍ ẨN

Tối rạng sáng, anh đã lại lên đường. Nhưng đầu gối bị sưng làm anh đau nhói. Mỗi khi quá đau, anh phải dừng chân ngồi nghỉ. Nơi anh đang đi là hoang vắng nhất vùng Xôlônho. Cả sáng, anh chỉ nhìn thấy một cô chần cừ lừ cừ ở tít chân trời. Anh gào gọi cô vô ích, cố chạy đuổi theo. Cô biến mất, nào nghe được tiếng anh.

Tuy thế, anh vẫn bước theo hướng cô, nhưng lê chậm đến đau lòng... Không một mái tranh, không cả tiếng kêu của một con chim chắt mỏ trong lau sậy ven ao đầm. Trên cái hoang vu toàn vện đó, chói lọi vàng mặt trời tháng 12 sáng rõ và lạnh lẽo.

Có lẽ phải ba giờ chiều, anh mới nhận thấy một ngọn tháp nhỏ màu xám hình mũi tên vươn lên bên trên một rừng thông.

"Một trang viên cổ bị bỏ hoang - anh tự nhủ - một nhà nhỏ cheo leo bên sườn núi cô liêu..."

Không rảo bước, anh tiếp tục cuộc hành trình. Đến góc rừng, anh đến trước một lối đi có trồng cây hai bên, anh đi vào lối đó. Được vài bước, anh dừng lại, kinh ngạc, lòng xúc động một cách khó tả. Rồi anh lại bước đi vẫn thất thểu như trước. Gió lạnh thổi khô nẻ môi, lúc lúc lại bật mắt hơi thở. Mặc dù thế, một sự mãn nguyện phi thường nâng đỡ anh, một sự thanh thản trọn vẹn và gần như ngây ngất, sự vững tin rằng mục đích của anh đã được đạt tới, và hiện giờ chỉ còn niềm hạnh phúc phải hy vọng mà thôi. Khác gì ngày xưa, hôm trước những ngày lễ lớn mùa hè, anh cảm thấy như ngất đi, khi đêm xuống, người ta trồng thông trong các phố thị trấn, và cửa sổ buồng anh bị cảnh thông bịt kín.

"Vui sao - anh tự nhủ - vì mình đi đến cái chuồng bồ câu cũ, nhưng đầy chim cú và gió lùa này..."

Rồi, giận dữ với chính mình, anh dừng lại, tự hỏi có nên rảo gót đi tiếp đến làng sau hay không. Anh cúi đầu ngẫm nghĩ, được một lát thì chợt nhìn thấy lối đi trước anh được quét dọn sạch thành những ô tròn rộng đều đặn, như ở quê anh bà con hay làm để đón lễ hội. Hóa ra anh đang đứng trên một con đường tương tự với phố chính của La Phectô, buổi sáng lễ Thánh mẫu thăng thiên. Anh nhận thấy ở chỗ ngoặt của lối mòn một tốp người vui vẻ đi bụi tung lên, như vào tháng sáu, anh ngạc nhiên, chưa bao giờ ngạc nhiên đến thế.

"Có thể có một cuộc lễ ở nơi vắng vẻ này chăng? - anh tự nhủ"

Tiến lên chỗ ngoặt đầu tiên, anh nghe tiếng cười nói lao xao đang đến gần. Anh nhảy nấp vào khoảng tùm non rậm rạp bên cạnh, ngồi xổm, nín thở lắng nghe. Đó là tiếng trẻ con. Một tốp trẻ con đi qua ngay sát anh. Một em trong nhóm,. Có lẽ là một bé gái, nói bằng giọng khôn ngoan và chín chắn, đến nỗi dù không hiểu hết ý em, Môn cũng không nén được một nụ cười.

- Tớ chỉ lo một điều thôi - cô ta nói - đó là vấn đề ngựa. Chẳng bao giờ người ta cấm Đanien, chẳng hạn, leo lên một con pônây vàng cao lớn.

- Không đời nào tớ bị cấm đâu - tiếng nói một cậu bé trả lời ý chế giễu - Chẳng phải chúng ta không được phép cưỡi con nào cũng được ư?... Ngay cả con làm chúng ta đau, nếu ta thích...?

Tiếng lũ trẻ a dần. Ngay lúc đó, một nhóm khác lại đã đến.

- Nếu băng tan - tiếng một cô gái nhỏ - ngày mai ta đi tàu thủy.
- Nhưng người lớn có cho phép không? - một giọng khác.
- Các cậu chẳng biết là buổi lễ được tổ chức theo ý chúng mình sao?
- Thế nếu Phrăng cùng vợ sắp cưới về ngay tối nay thì sao?
- Thì anh ấy sẽ làm cái ma chúng ta muốn!...

"Nhất định là một đám cưới - Môn Sếu tự nhủ - Nhưng ở đây trẻ con định đoạt à?... Thật là một lãnh địa kỳ lạ!"

Anh muốn ra khỏi chỗ nấp và hỏi xem mình có thể tìm ăn và uống ở đâu. Anh đứng lên, thấy nhóm trẻ cuối cùng đã xa. Đó là ba cô bé áo dài trắng băng đến đầu gối. Ba cô đội ba cái mũ có dải rất xinh. Cô nào cũng có một cái lông chim trắng thông xuống cổ. Một cô quay hẳn mình sang bên, hơi khom người, lắng nghe cô đi bên cạnh oang oang giăng giãi, ngón tay trở giơ lên trời.

"Mình sẽ quát chúng nó một mẻ" - Môn tự nhủ, mắt nhìn cái blu nông dân rách toạc và cái dây lưng nhỏ kỳ cục của mình - một học sinh trung học trường Xanhlơ-Agat.

Sợ nhớ bọn trẻ quay lại bắt gặp mình trên lối đi có cây, anh tiếp tục đi qua rừng thông, nhắm cái "chuồng chim bồ câu" không bắn khoả nhiều đến điều anh sẽ yêu cầu ở đây. Chẳng bao xa, anh đã bị một bức tường xanh rêu chặn lại bìa rừng. Phía bên kia, giữa bức tường và các nhà phụ của tòa lâu đài, là một cái sân hẹp dài chật đầy xe cộ, giống như sân một quán trọ vào ngày chợ phiên. Xe đủ loại đủ cỡ: xe lớn ghế băng; xe nhỏ bốn chỗ ngồi xinh xắn, càng ghếch lên trời; xe kiểu Bourbon đã lỗi thời với những lan can có đường viền; và ngay cả xe hòm cổ mà kính đã bị vỡ hết.

Vẫn nấp trong rừng thông vì sợ bị phát hiện, Môn quan sát bãi xe lộn xộn, đột nhiên nhìn thấy một cửa sổ hé mở ở khu nhà phụ, đúng ngay bên trên chỗ ngồi của một cỗ xe to cao có ghế băng, ở đầu kia sân. Có hai thanh sắt đóng cửa sổ này, như thường thấy ở các chỗ chuồng ngựa hay gia súc bao giờ cũng đóng kín đằng sau các tòa biệt thự. Nhưng thời gian đã phá mất dấu niêm phong.

"Mình sẽ vào đó - chàng học sinh cao ngộc tự nhủ - Mình sẽ ngủ trong cỏ khô và mờ sáng ngày mai là chuồn, chẳng khiến các tiểu thư xinh tươi phải hốt hoảng".

Anh len qua tường, leo khá vất vả vì cái chân đau, rồi vượt từ xe này đến xe kia, từ chỗ ngồi trên một xe lớn đến nóc một xe hòm, cuối cùng anh đến ngang tầm một ô cửa sổ mà anh đẩy ra êm ru như một cửa ra vào.

Vậy ra đây không phải là kho cỏ khô, mà là một phòng rộng trần thấp, ý chừng là một phòng ngủ. Trong ánh nhờ nhờ buổi chiều đông, anh nhận thấy rằng cái bàn, cái lò sưởi, thậm chí các ghế bành đều chất đầy những hình lớn, những vật có giá trị và vu khí cổ. Ở cuối phòng, các tấm ri-đô đều buông, chắc để che một khuê phòng.

Môn đóng cửa lại, phần vì lạnh, phần vì sợ bị bên ngoài nhìn thấy. Anh tiến đến nâng tấm ri-đô ở cuối lên, và phát hiện ra một cái giường lớn thấp lè tè. Phủ đầy sách cổ bìa mạ vàng, đàn lure cổ đứt dây, chân đèn vút lung tung. Anh gạt các thứ ấy vào một góc, rồi ngả lưng xuống nghỉ, và chợt nghĩ loáng thoáng đến cuộc phiêu lưu kỳ lạ mà mình đã dấn thân vào.

Cả tòa lâu đài chìm trong im lặng mênh mông. Đôi lúc mới nghe gió lộng cuối năm rên rĩ.

Nằm thẳng cẳng, Môn đi đến chỗ tự hỏi rằng, dù có những cuộc gặp gỡ ly kỳ như thế này, dù có tiếng lũ trẻ đi trên lối đi hai bên trồng cây, dù có xe pháo chất đầy trong sân, như anh tưởng lúc đầu, đây đơn thuần chỉ là ngôi nhà gạch cũ bỏ hoang trong mùa đông cô quạnh.

Nằm chưa nóng chỗ, anh cảm thấy hình như gió mang đến cho anh tiếng nhạc xa vời. Đây như một kỷ niệm đầy đắm say và luyến tiếc. Anh nhớ lại cái thời mà mẹ anh, hãy còn trẻ, chiều chiều ngồi vào đàn piano trong phòng khách, và anh, chẳng nói năng gì, ngồi sau cửa ra vào hướng ra vườn, mãi mê lắng nghe mẹ đàn cho đến đêm.

"Có lẽ ai chơi piano đâu đây?" - anh nghĩ.

Nhưng bỏ lửng câu hỏi, mệt nhoài, chẳng bao lâu, anh đã ngủ thiếp đi...

Chương 12

BUỒNG CỦA OENLINHTÔNG

Anh thức dậy thì rời đã tối, rét run, anh trần trọc mãi trên giường, làm nhàu chiếc blu đen dưới lưng. Một lần ánh sáng nhạt màu lục lam tươi đâm các tấm ri-đô che góc phòng anh đang nghỉ.

Anh ngồi lên, lách đầu vào giữa hai tấm ri-đô. Ai đó đã treo lên khuôn cửa hai cái đèn lồng xanh kiểu Vonido. Mới nhìn đảo một lượt, Môn đã nghe ở đầu cầu thang có tiếng bước chân rất khẽ và tiếng thì thầm. anh lại lui vào chỗ ẩn, đôi giày đóng cá chạm loảng xoảng vào những đồ đồng đã bị gạt vào rìa tường. Hú vía, anh gần như nín thở. Tiếng chân lại gần và hai bóng người lướt vào phòng.

- Khẽ chứ - một người nói.

- Hề, thế mà nó kịp thức dậy rồi! - người kia đáp.

- Cậu trang trí phòng nó chưa?

- Đương nhiên là đã! Như các phòng khác vậy.

Gió đập cánh cửa sổ để ngỏ.

- Cậu chẳng khép cửa sổ lại - tiếng nói thứ nhất - Gió thổi tắt một cái đèn rồi. Phải thắp lại thôi.

- Dào - tiếng đáp lại, lộ vẻ lười biếng và bỗng nhiên chán nản - Chiếu sáng phía này toàn đồng không mông quạnh phỏng ích gì? Ma nào nhìn thấy nào?

- Ma nào đấy ư? Ban đêm khách vẫn còn đến. Từ trên xe ngoài đường, thấy đèn họ sẽ yên tâm.

Môn lại nghe tiếng đánh diêm. Người vừa nói, và hẳn là phụ trách, lại nói tiếp với giọng chững chạc, như kiểu một người phu đào huyết của Shakespeare - Cậu cho đèn lồng xanh vào buồng Oenlinhtông. Cho cả đèn đỏ nữa... Về chuyện này, cậu không thể thạo hơn tở.

Im lặng.

- ... Oenlinhtông là người Mỹ hả? và màu xanh là một màu Mỹ à? Là nhà hài kịch từng chu du đó đây, hẳn cậu phải biết.

- Cha cha - nhà "hài kịch" đáp lời - từng chu du? Ừm, tôi từng đi đó đây thật. Nhưng chẳng thấy gì hết. Ngồi trong một căn nhà lẩn trên bánh xe có mà thấy...

Môn thận trọng nhìn qua khe các ri-đô.

Người chỉ huy là một tôn ông hộ pháp đầu trền lút trong một áo choang mệnh mông. Y cầm một cây sào dài treo đầy đèn lồng đủ màu sắc sặc sỡ. Và đứng bắt chéo chân, y thản nhiên nhìn gã kia làm lụng.

Còn nhà hài kịch, thì thân tàn ma dại không tưởng tượng được. Cao lênh khênh, gầy gơ xương, run cầm cập, mắt lác, màu lục lam, râu mép rủ xuống cái mồm, gã trông như một thằng chết trôi vừa được vớt lên đang còn rỏ nước ròng ròng. Gã chỉ mặc sơ-mi trần, nên mấy cái răng còn

lại cứ va lập cập. Lời nói và cử chỉ của gã đều để lộ sự khinh bỉ đối với chính mình.

Sau một lát tỏ vẻ suy nghĩ vừa đắng cay vừa hài hước, gã lại gần ông kia, dang hai tay ra và thổ lộ.

- Anh có muốn tôi nói cho nghe không...? Tôi không hiểu nổi tại sao người ta lại muốn những kẻ nhìn phát tỏm như chúng ta vào phục dịch trong một uộc lễ như thế này! Vậy đấy, tôi không hiểu nổi...

Đâu thềm để tâm đến nỗi niềm kia, ông hộ pháp vẫn đứng chéo chân, theo dõi công việc của gã, ngáp dài, lặng lẽ hít vào, rồi quay lại, vác sào lên vai, vừa bước đi vừa bảo:

- Đi thôi! Đến giờ bận trang phục cho bữa chiều rồi!

Gã tứ chiếng đi theo, nhưng khi qua khuê phòng:

- Ông đang ngủ ư - gã nói với giọng đùa cợt vừa cung kính vừa khúm núm - Xin quý ông dậy thôi, và ăn vận thật sang vào, ngay cả nếu ông cũng ốm o như tôi. Rồi mời ông xuống tham gia hội trá hình, vì đấy là niềm thích thú tuyệt vời của các đức ông và các tiểu thư này!

Gã nói thêm, hết sức tôn kính, với giọng phỉnh phờ như dân buôn ngoài chợ.

- Anh bạn Maloiô của chúng tôi, tùy viên nấu bếp, sẽ giới thiệu với ông nhân vật Acloơcanh, và người phục vụ ông sẽ giới thiệu nhân vật Pierô vĩ đại!

Chương 13

CUỘC LỄ LẠ KỲ

Họ vừa đi khuất, chàng học sinh đã ra khỏi chỗ ẩn. hai bàn chân lạnh ngắt, các khớp tê dại. Nhưng dù sao anh cũng đã được nghỉ ngơi và đầu gối xem chừng đã hết đau.

"Xuống ăn tối - anh nghĩ - lẽ tất nhiên mình sẽ xuống. Mình sẽ là một khách được mời mà người ta quên tên, đơn giản thế thôi. Vả chăng, mình không phải là một kẻ vào trộm chỗ này. Không hề nghi ngờ gì nữa, Malioô và bạn ông ấy chờ mình".

Ra khỏi khuê phòng tối mịt, anh nhìn khá rõ mọi thứ trong căn phòng ánh sáng đèn lồng xanh.

Gã tứ chiếng đã "trang hoàng" căn phòng. Nhiều áo măng-tô treo trên móc áo. Trên một cái bàn trang điểm nặng nề với mặt đá đã rạn, gã đã để sẵn các thứ có thể biến một anh chàng phải ngủ đêm trong một chuồng cừu hoang phế thành một ông hoàng sang trọng. Trên lò sưởi, mấy ao diêm đặt bên một cây nến to. Những gã đã quên đánh bóng rầm nhà. Còn nền nhà thì cát lạo xạo dưới chân. Một lần nữa, anh có cảm giác đang trong một ngôi nhà từ lâu hoang vắng... Trong khi đi về phía lò sưởi, anh suýt đụng phải một chồng hòm các tông lớn và hộp nhỏ. Anh bèn với tay, thấp nền, rồi cúi xuống cạy các nắp hộp lên xem.

Đây là trang phục thanh niên lâu đời rồi, áo rafanget cổ lông cao, gi-lê cổ rộng thanh tú, vô số cra-vat trắng, gầy đánh xi từ đầu thế kỷ. Anh không dám chạm vào bất cứ vật gì, dù là bằng đầu ngón tay. Nhưng sau khi rung người và phỉu sạch bụi bám, anh khoác ra ngoài cái áo blu học sinh của mình một trong những chiếc măng-tô dài nhất, rồi lật cổ áo bị gấp lên, thay đôi giày đóng cá bằng đôi giày lừng khiêu vũ thanh thoát, và chuẩn bị đi xuống, đầu trần.

Không đụng ai cả, anh xuống tận chân cầu thang gỗ ở góc khoảng sân tối om om. Gió đêm lạnh ngắt thổi vào mặt anh và hất một vạt áo măng tô lên.

Anh tiến vài bước, và nhờ ánh mặt trời mờ nhạt, anh nhận ra ngay cảnh vật chung quanh. Anh đang đứng trong một cái sân nhỏ bao bọc bởi mấy căn nhà phụ. Ở đây, tất cả có vẻ cũ kỹ và hoang tàn. Các chân cầu thang đều trống hoác như những cái mồm mở rộng, vì cửa giả đã bị gỡ đi không hiểu tự bao giờ. Các ô kính vỡ trên cửa sổ cũng không được thay thế, để trơ ra những hốc đen ngòm trên mặt tường đêm. Mặc dù vậy, mấy căn nhà vẫn đầy đủ vẻ bí ẩn của lễ hội. ánh đèn màu chập chờn trong các phòng thấp hắn cũng được đốt đèn lồng phía cánh đồng. Đường đi lối lại được giấy cỏ, quét sạch. Cuối cùng, chăm chú lắng tai, Môn tưởng như nghe thấy một bài ca, tiếng trẻ con và thiếu nữ, ở đằng kia, phía các ngôi nhà mờ ảo mà gió đang lay động cảnh cây trước những khoảnh sáng màu hồng, xanh lá cây hay cxanh lơ hắt ra từ cái cửa sổ.

Anh đang đứng đấy, trong cái măng-tô dài rộng, hơi lom khom, tai giồng lên nghe, thì một chàng trai bé nhỏ trông rất kỳ lạ đi ra từ căn nhà bên cạnh mà anh tưởng bỏ không.

Chàng trai đội một cái mũ cao rất tròn, lấp loáng như làm bằng bạc, cái áo thì cổ cáo chạm tóc, gi-lê cổ rất rộng,, quần dài quá gót... rất trang nhã, chừng mười lăm tuổi, chàng bước trên đầu ngón chân, tưởng như mép quần làm bằng chất co giãn, tuy thế chàng đi nhanh lạ lùng. Khi đi qua, chàng chào Môn một cách máy móc, hết sức thân ái, nhưng không dừng chân và biến vào bóng tối, về phía ngôi nhà chính, sừng sững không rõ là lâu đài hay tu viện, mà ngọn tháp nhỏ đã chỉ đường cho chàng học sinh vào đầu buổi chiều.

Sau một lát dẫn đò, người anh hùng của chúng ta đi theo nhân vật bé nhỏ hấp dẫn kia. Hai người xuyên qua một cái như vừa là sân, vừa là vườn, len lỏi giữa những khối non bộ, đi vòng một ao nuôi cá che chắn bằng hàng rào gỗ, một cái giếng, và cuối cùng đến cửa ngôi nhà chính.

Một cửa ra vào bằng gỗ nặng trịch trạch, phía trên tròn xoay và đóng đinh như cửa nhà mục sư, đã mở hé sẵn. Chàng trai trang nhã biến vào trong. Môn theo luôn, nhưng vừa vào hành lang, chẳng gặp ai, đã bị vây bởi những tiếng cười, tiếng hát, tiếng đuổi nhau.

Cuối hành lang dọc này là một hành lang chéo. Môn phân vân không biết nên đi đến đến cùng hay đẩy một cái cửa ra vào mãi từ đằng sau dội ra tiếng cười nói. Đúng lúc đó, anh thấy hai cô bé đuổi nhau ở cuối hành lang. Anh rón rén chạy đuổi theo hai cô, để nhìn cho rõ. Tiếng cửa mở ra, hai khuôn mặt tuổi 15 dưới hai cái mũ rộng có dải đỏ hồng lên vì khí mát ban đêm và cuộc ruốt đuổi, và tất cả sắp biến đi trong một vầng sáng chợt lóe lên.

Trong một giây, hai cô nghịch ngợm quay tròn quanh mình. Hai cái váy nhẹ bổng tung bay phồng lên. Môn nhìn thấy dải đăng-ten trên hai chiếc quần rất dài và ngộ nghĩnh. Sau trò xoay chong chóng, rụp một cái, cả hai nhảy vào trong và đóng cửa lại.

Như bị lóa mắt, Môn lao đảo giây lát giữa cái hành lang đen ngòm. Giờ thì anh sợ bị bắt quả tang. Dáng đi ngập ngừng và vụng về của anh nhất định khiến người ta cho anh là một thằng ăn trộm. Anh sắp quả quyết trở lại thì nghe tiếng chân và tiếng trẻ em ở cuối hành lang. Hai cậu bé vừa nói vừa đi đến gần.

- Sắp ăn chiều chưa? - Môn quả quyết hỏi.

- Đi với chúng em - cậu bé lớn trả lời - chúng em sẽ đưa anh đến đó.

Và với niềm tin và nhu cầu tình bạn mà trẻ em thường có hôm trước một cuộc lễ lớn, hai đứa bé nắm lấy mỗi đứa một bàn tay anh. Có lẽ các em là con nông dân. Bố mẹ đã vận cho các em trang phục đẹp nhất. Quần chần lửng ngang để lộ đôi tất len dày sù và đôi giày guốc đế gỗ, áo nịt ngang hông may bằng nhung xanh, mũ cát-két cùng màu và áo cra-vát trắng.

- Mà biết chị ấy không? - một cậu bé hỏi bạn.

- Mẹ bảo chị ấy mặc áo dai đen - cậu bé nhỏ hơn, có mái đầu tròn, mắt ngây thơ đáp lại - cổ áo chị ấy phồng. nên nom như một con chim sẻ xinh xẻo.

- Các em nói ai vậy? - Môn Sếu hỏi.

- Vợ chưa cưới mà anh Phrăng đi tìm ấy ạ...

Chàng trai chưa kịp nói gì thì ba anh em đã đến trước cửa một căn phòng rộng rục rờ ánh đèn. Bà ăn là những tấm ván, kê trên giá gỗ, phủ khăn trắng. Người đủ hạng đang ăn một cách trịnh trọng.

Chương 14

CUỘC LỄ LẠ KỲ (tiếp)

Đây là một bữa ăn, trong một căn phòng rộng lớn trần thấp, cũng như những bữa ăn mà người ta thiết đãi những bà con từ rất xa đến vào hôm trước ở nông thôn.

Hai đứa bé đã buông tay chàng học sinh và chạy vụt vào một căn phòng bên cạnh, từ đó vang ra tiếng trẻ thơ và tiếng cùi đĩa va vào đĩa. Can đảm và không xao xuyến, Môn bước qua một ghế dài, đến ngồi bên mấy bà lão nông dân. Tức thì anh bắt vào ăn hết sức ngon lành. Ăn được một thôi, anh mới ngẩng lên nhìn khách khứa và nghe trò chuyện.

Vả lại, khách ăn cũng nói ít thôi. Hình như họ ít quen biết nhau. Hẳn có người đến từ những xóm làng xa xôi hẻo lánh, có người đến từ những thành phố xa vời. Lác đác ở các bàn ăn, có những cụ già có râu mép, có những cụ mày râu cao nhẵn nhụi chắc trước là thủy thủ. Bên cạnh các cụ là những cụ ông khác giống hệt: cũng những bộ mặt như da thuộc, cũng những đôi mắt còn tinh nhanh dưới đôi mày rậm rì, cũng những cra-vát bé quăn như dây giày... Nhưng dễ dàng nhận thấy rằng các cụ già này chưa bao giờ đi xa, lênh đênh quá biên giới huyện. Nếu như hàng trăm nghìn lần các cụ từng lác lư và lảo đảo dưới cơn mưa rào hay trong gió lộng thì đó là vì cuộc du lịch nhọc nhằn nhưng không nguy hiểm nhằm lật luống cày cho đến cuối ruộng, rồi quay ngược trở về... Môn nhận thấy khách nữ ít thôi. Chỉ có vài bà cụ mặt tròn nhẵn nheo như táo khô với những cái mũ bonné là qua quýt.

Trong các khách ăn này, không có người nào mà Môn cảm thấy không tin cậy và dễ chịu khi ở gần. Về sau, anh giải thích ấn tượng ấy như sau: khi phạm một lỗi nặng nề không thể tha thứ, lòng đầy cay đắng, đôi khi anh nghĩ rằng: "dù sao trên cõi đời này vẫn có những người tha thứ cho ta". Anh tưởng tượng đến những bậc già cả, những người ông người bà đầy lượng bao dung, tất cả điều vững tin trước rằng mọi việc mà anh làm đều được làm tốt. Dĩ nhiên giữa những con người tốt đẹp ấy, những khách mời trong căn phòng rộng lớn này đã được lựa chọn. Số khách còn lại là thiếu niên và trẻ em.

Tuy nhiên ngay cạnh Môn, hai bà lão nông dân trao đổi:

- Cứ cho là mọi chuyện thông đồng bén giọt - bà lão nhiều tuổi hơn nói bằng một giọng kỳ cục và chói tai àm bà không sao giảm bớt được - trước ba giờ mai, cô dâu chú rể cũng chưa có mặt đâu.

- Thôi đi bà, bà đừng làm tôi sôi tiết lên - bà kia đáp hoàn toàn bình tĩnh.

Bà nhiều tuổi hơn vẫn ngang trán chiếc khăn trùm đầu đan tay. Rồi nói như không:

-Này nhớ. Đi tàu hỏa mất một giờ rưỡi từ Buôcgio đến Viecdông, rồi đi xe bảy dặm từ Viecdông đến đây...

Cuộc trao đổi tiếp tục. Môn không bỏ sót một lời. Nhờ uộc cãi vã này, Môn dần dần hiểu lơ mơ câu chuyện: Phrăng đơ Gale, con trai trong lâu đài - sinh viên, thủy thủ, hay thực tập sinh hàng hải gì đó - đã đi Buôcgio tìm một cô gái và cưới làm vợ. Nhưng lạ lùng là, chàng trai này, hẳn còn rất trẻ và thích chơi ngông, điều khiển mọi việc theo ý riêng. Chàng ta muốn rằng ngôi nhà mà vợ chưa cưới đi vào phải giống một lâu đài trong ngày hội. Để ăn mừng cô dâu, đích thân chàng mời lũ trẻ và các cụ ông cụ bà quá hiền hậu này. Đây là hai điểm mà cuộc bàn cãi đã xác định dứt khoát. Phần còn lại vẫn trong bí ẩn, hai cụ bà bàn đi bàn lại hoài về việc trở về của chú

rể cô dâu. Cụ thì bảo sáng mai họ về đến đây. Cụ thì cam đoan phải đến chiều .

- Moanen ời, bao giờ bà cũng điên như vậy. Rõ tội! - bà cụ trẻ hơn thốt lên.

- Còn bà, Aden đáng thương ạ, suốt đời ngang bướng. Bốn năm gặp lại, bà vẫn chứng nào tật nấy - cụ kia nhún vai, nhưng giọng vẫn như thường.

Hai cụ chẳng ai chịu ai, song về mặt cứ hiền khô. Môn Sếu xen vào, mong biết thêm câu chuyện.

- Thưa, cô dâu đẹp như người ta đồn chứ ạ?

Hai cụ nhìn anh, sững sốt. Đã có ai ngoài Phrăng nhìn thấy cô gái. Chính anh ấy, trên đường từ Tulông trở về, đã gặp cô một buổi tối trơ trọi giữa một trong những vườn hoa ở Buôcgior mà thiên hạ gọi là Các Đầm. Bố cô, một thợ dệt, đã đuổi cô khỏi nhà. Cô khá xinh và Phrăng quyết định ngay là sẽ lấy cô. Thật là một chuyện dị thường. Nhưng ông Gale, cha anh và chị gái Yvon nhất quyết không chấp thuận!...

Môn đang ngẫm nghĩ nêu tiếp câu hỏi, thì chợt hiện ra ở cửa một đôi thật đẹp: cô gái 16 tuổi áo cánh nhung, váy phồng to, chàng trai áo cổ cao, quần chun. Họ đi qua phòng, phác một bước nhảy đôi. Nhiều đôi khác theo họ. Rồi chạy ủa vào nhiều toán khác kêu chỉ chöhe, đuổi theo là một anh hề cao lêu đêu, tay áo dài lưng thụng, mũ bonné đen, mặt tái nhợt lại hoác cái mồm mồm ra cười. Anh xoạc cẳng chạy từng bước dài thật ngộ, đồng thời vung vẩy loạn xạ đôi tay áo nong. Thấy vậy, các cô gái hơi sợ. Cánh thanh niên thì siết tay anh. Anh tỏ ý muốn mua vui cho đám trẻ con vừa la ó vừa bám theo sau. Trên đường, anh nhìn Môn bằng đôi mắt dùng dục. Chàng học sinh tin mình nhận ra chính là bạn của Maloiô, chính là gã giang hồ lúc nãy đã treo đèn lồng, giờ thì đã cạo trụi râu.

Bữa ăn đã xong. Mọi người đứng dậy.

Trong các phòng ăn, người ta tổ chức nhảy điệu vòng tròn và phrăngđon. Đau đó, nổi lên tiếng nhạc điệu nhảy monayê... Đầu khuất một nửa trong cổ áo măng-tô, Môn cảm thấy như mình là ai khác. Cũng bị niềm hân hoan chung lôi cuốn, anh bắt đầu đi theo anh hề qua các hành lang lâu đài, khác nào kịch câm từ hậu trường sân khấu lan ra khắp nơi. Cho đến hết đêm, anh hòa vào đám đông vui nhộn áo quần lố lằng như thế. Đôi khi, anh mở một cửa, len vào một căn phòng mà người ta chỉ cho xem chiếc đèn lồng thần kỳ. Trẻ em gào lớn hoan hô. Đôi khi, trong một góc phòng khách mà người ta đang khiêu vũ, anh ắt chuyện với một công tử và được biết một cách quá vội vàng về trang phục sẽ mặc những ngày tiếp theo.

Dần dà, cảm thấy hơi đau khổ vì tất cả niềm hạnh phúc được hưởng, và lúc nào cũng sợ áo măng-tô hé mở để lộ chiếc áo blu học sinh trung học của mình, anh muốn tạm lánh vào một nơi nào đó tối nhất và yên tĩnh nhất của lâu đài. Ở đây, anh sẽ chỉ nghe bập bùng xa thẳm tiếng đàn piano.

Anh vào một căn phòng lặng lẽ, đây là một phòng ăn chiếu sáng bởi một ngọn đèn treo. Ở đây vẫn là hội, nhưng hội cho các em thơ bé nhất.

Một số em ngồi trên những ghế nệm thấp nhỏ, giở xem an-bom để trên đầu gối. Số khác ngồi xồm trước một cái ghế tựa và trang trọng trải lên mặt ghế các tấm ảnh. Ở nửa ngồi gần lò sưởi, chẳng làm gì, chẳng nói gì, nhưng lắng nghe tiếng hội vọng về từ xa trong lâu đài.

Một cửa ra vào của phòng ăn này mở toang. Có thể nghe được tiếng đàn piano ở phòng sát bên. Môn nghehnh cổ một cách tò mò. Đây là một kiểu phòng khách nhỏ kiêm phòng giao dịch công việc. Một phụ nữ hay một cô gái, vai khoác một áo măng-tô dài màu hạt dẻ, quay lưng lại, chơi thật tha thiết, các bản nhạc nhảy vòng tròn hay nhạc của các bài ca ngắn. Trên chiếc đi-văng

ngay bên cạnh, sáu bảy bé gái và bé trai, ngồi ngay ngắn như trong tranh, ngoan ngoãn như thói quen của trẻ khi đã khuya, đang lắng nghe chăm chú. Chỉ thỉnh thoảng, một em mới chống tay lom khom nhòm dấy, chuồn xuống nền nhà, đi vào phòng ăn. Tức thì, một trong số các em đã xem xong ảnh thay vào...

Sau cuộc lễ trong đó cái gì cũng đầy hương vị, nhưng mê mẩn và điên rồ, trong đó bản thân anh cũng cuồng lên chạy theo anh hề, giờ đây Môn đắm vào niềm hạnh phúc êm đềm nhất trần gian.

Không một tiếng động, trong khi cô gái vẫn chơi đàn, anh quay lại ngồi trong phòng ăn, rồi mở một trong những quyển sách bìa đỏ to tướng để tản mát trên bàn, anh bắt đầu đọc một cách lơ đãng.

Gần như cùng một lúc, một em nhỏ đang ngồi dưới nền nhà bước đến gần anh, bấu lấy cánh tay, leo lên đầu gối để xem sách cùng. Một em khác cũng leo lên phía bên kia như vậy. Bây giờ, đây chính là một giấc mơ giống như giấc mơ của anh thuở trước. Anh có thể mừng tượng rất lâu rằng anh đang ngồi trong ngôi nhà của chính anh, một tối đẹp trời, là chồng hẳn hoi, và con người dễ thương và xa lạ đang chơi piano kia, sát bên cạnh kia, chính là vợ anh...

Chương 15

GẶP GỠ

Sáng hôm sau, Môn là một trong những người sẵn sàng đầu tiên. Như người ta khuyên, anh mặc một bộ quần áo đen giản dị, theo một áo cũ, một áo dài thắt ngang lưng, ống tay phồng ở vai, một gi-lê chéo go, một quần loe, loe đến mức trùm kín đôi giày xinh xắn, và một cái mũ thành cao.

Khi anh xuống, sân còn vắng. Đi vài bước, anh bỗng cảm thấy bồi hồi như đang ngày xuân. Quả thật, đây là buổi sáng ấm áp nhất của ngày đông năm ấy. Trời nắng như vào đầu tháng tư. Gió tan và cỏ ướt long lanh như giát ngọc. Chim nhỏ hót líu ríu đó đây trên cành, và thỉnh thoảng gió ấm hiu hiu mơn man trên mặt chàng trai đang đi dạo.

Anh làm như các khách mời thức dậy trước chủ. Anh đi ra sân, từng phút từng giây mong, có ai đó kêu lên đằng sau, một cách thân ái và vui vẻ:

- Đây rồi, a, Ôguyxtanh?

Nhưng anh cứ dạo bước mãi, chỉ có một mình, qua sân vườn. Đằng kia, trong ngôi nhà chính, chưa có gì động tĩnh, ở cửa sổ cũng như ở ngọn tháp. Tuy thế, người ta đã mở hai cánh cửa cái ra vào bằng gỗ tròn xoay ở phía trên. Trong một cửa sổ trên cao, đã nhấp nháy những chùm tia nắng đầu tiên như trong mùa hè.

Lần đầu tiên, Môn ngược nhìn thấy giữa ban ngày phần bên trong của lâu đài. Vết tích của một bức tường phân cách khu vườn xơ xác với những khoảng sân vừa đổ cát và san phẳng chưa bao lâu. Cuối khu nhà phụ mà anh từng trú ngụ, là chuồng gia súc xây lộn xộn một cách tức cười. Vì vậy, ở đó có vô số góc gác mọc đầy nhô hoang và các loại cây dại nhỏ. Gần khắp xung quanh lâu đài là những rừng thông nhấp nhô như sóng che khuất nó trước cả một vùng bằng phẳng lân cận trừ phía đông, nơi có thể thoáng thấy những quả đồi xanh lam phủ đá hộc và cả cây thông.

Trong vườn, Môn đứng cúi một lát bên trên hàng rào gỗ lung lay quây lấy cái ao nuôi cá. Gần bờ vẫn còn một chút băng chưa tan, mỏng manh và gợn lăn tăn như bọt. Anh thấy mình trong nước, như nghiêng xuống bầu trời, trong bộ trang phục sinh viên lẳng mạn. Và anh tưởng như nhìn thấy một thằng Môn khác, không phải cửu học sinh lĩnh mất trong một chiếc xe ngựa nông dân có mui, mà là một nhân vật tuần tú và lẳng mạn, trung tâm của một cuốn sách hay quý giá...

Anh đi vội về ngôi chính vì đã đói bụng. Ở gian lớn mà anh đã ăn tối qua, một chị nông dân đã thay bộ đồ ăn. Môn vừa ngồi xuống trước một trong những chiếc chén xếp thẳng hàng trên khăn bàn, chị liền rót cà phê cho anh và bảo:

- Thưa ông, ông là người thứ nhất.

Anh không muốn trả lời, vì sợ đột nhiên bị phát giác là người lạ. Anh chỉ hỏi mấy giờ thì chuyển tàu đi chơi sáng sớm như đã thông báo sẽ khởi hành.

- Không trước nửa giờ nữa, thưa ông. Chưa ai xuống ạ.

Anh tiếp tục lang thang xung quanh tòa lâu đài với những cánh không đều nhau như một nhà

thờ để tìm nơi tàu cập bến. Khi vòng quanh cánh phía nam, anh chợt nhìn thấy lau mọc lít lất, tạo thành như một bức tường sừng sững đến nơi vô tận. Từ phía ấy, nước các ao đầm dâng đến đây làm ướt các chân tường gạch. Trước nhiều cửa ra vào, có những ban công nhỏ bằng gỗ vươn ra bên trên sóng nước vỗ oàm oạp.

Chẳng có việc gì làm, chàng trai dạo tiếp hồi lâu trên bờ nước đầy cát như đường kẻ cho tàu thuyền cập vào. Anh tò mò quan sát những cửa ra vào cao rộng với những ô kính phủ bụi mờ vào những căn phòng tiêu điều hay hoang phế, những bãi chất xe cút kít, dụng cụ hoen gỉ, lọ hoa vỡ. Đang mải mê như vậy, chợt anh nghe từ đâu kia các khu nhà vọng lại tiếng chân lạo xạo trên cát.

Ấy là hai phụ nữ, một còng lưng rất già, một trẻ măng tóc hoe, cao thon, với bộ trang phục duyên dáng, thoát nhìn tỏ ra khác thường đối với Môn cao ngồng sau tất cả những trò giả trang đêm qua.

Hai người dừng lại một lát ngắm phong cảnh, trong lúc Môn tự nhủ với sự kinh ngạc về sau anh mới thấy là lỗi bịch:

"Đây chắc chắn là một cô gái mà thiên hạ cho là lập dị - có lẽ một nữ nghệ sĩ được triệu đến cho cuộc lễ".

Hai phụ nữ đi qua sát Môn và anh đứng im nhìn cô gái. Về sau thường thường, khi thiếp đi sau bao cố gắng tuyệt vọng mong nhớ lại khuôn mặt xinh đẹp đã bị xóa mờ, anh mơ thấy từng đoàn cô gái giống như cô gái hôm nay. Cô thì giống ở cái mũi, cô giống ở dáng đi hơi cúi, cô khác giống ở cái nhìn trong sáng tuyệt vời, cô nữa giống ở thân hình thon thả, cô nữa cũng có đôi mắt xanh. Nhưng mãi mãi chẳng có cô nào là cô gái cao thon.

Môn kịp nhận thấy dưới bộ tóc dày vàng hoe một bộ mặt hơi ngẩn, nhưng các đường nét được vẽ ra với sự tinh tế gần như đau khổ. Vì loáng cái cô đã lên phía trước, anh ngắm phục sức của cô và nhận thấy đó là cách phục sức khéo léo giản dị nhất...

Bối rối, anh tự hỏi có nên đi theo không, thì cô gái buộc lòng phải quay về phía anh và nói với bà lão:

- Chắc tàu đến ngay giờ chứ ạ?...

Và Môn đi theo liền. Bà lão, run rẩy, cứ như gầy gập theo mỗi bước chân, cười nói thao thao bất tuyệt. Cô gái chỉ đáp lại nhỏ nhẹ, khi hai người đi xuống bến tàu, thậm chí cô còn có cái nhìn ngây thơ và trịnh trọng như muốn nói:

- Ông là ai? Ông làm gì nơi này? Tôi không quen ông. Thế nhưng, hình như tôi có biết.

Khách mời bây giờ đã tản mát dưới các gốc cây, chờ đợi. Ba chiếc du thuyền cập mạn, sẵn sàng đón các du khách. Từng người một đi qua trước hai người phụ nữ tỏ ra là bà chủ lâu đài và cô con gái. Các chàng trai chào hai người vô cùng kính cẩn. Các cô gái thì nghiêng mình. Ôi, buổi sáng tuyệt kỳ! Niềm vui thú kỳ diệu! Dù có mặt trời hiện rõ trên kia, trời đông vẫn lạnh. Các bà các cô quần quanh cổ những chiếc khăn bằng lông chim như những con trăn vốn là một lúc bấy giờ.

Bà lão dừng lại trên bờ, bà không hiểu sao, Môn xuống, cùng một du thuyền với tiểu thư con bà. Anh tì cùi tay lên cây cầu, một tay giữ chiếc mũ chực bay đi theo gió lộng. Anh có thể thoải mái ngắm cô thiếu nữ ngồi trong mũ. Cô cũng nhìn anh. Cô đáp lời các du khách, mỉm cười, rồi vừa hơi cắn môi vừa dịu dàng đặt đôi mắt xanh lên anh.

Hai bờ sông yên ả lạ thường. Con thuyền êm trôi trong tiếng máy và tiếng sóng đều đều nhỏ nhẹ. Tưởng như sắp cập thuyền vào một khu vườn nông thôn nào đó. Thiếu nữ sẽ bước lên, giương chiếc ô trắng che mình và đi dạo. Cho đến chiều, sẽ nghe chim cu gáy hoài bốn bên như than thở... Nhưng đột nhiên, một cơn gió lạnh ào ạt thổi về, nhắc du khách của ngày hội kỳ lạ này rằng bây giờ đang là tháng 12.

Thuyền ghé vào trước một rừng thông. Trên bến, du ngoạn phải chen chúc nhau, chờ cho người lái thuyền mở khóa ba-ri-e... Sau đó, Môn đã vô cùng xúc động nhớ lại phút giây, trong đó, bên bờ ao, anh đã có ngay bên mình khuôn mặt từ đó biến đi của thiếu nữ. Anh đã được ngắm nhìn khuôn mặt trông nghiêng vô cùng trong trắng của cô, bằng cả hai mắt của mình, cho đến lúc nước mắt sắp trào ra. Anh cũng nhớ nhìn thấy, như một bí mật ngọt ngào, rằng cô đã gởi lại một chút phần trên má anh.

Trên bờ, mọi việc diễn ra như trong một giấc mơ. Trong khi trẻ con chạy vù đi với những tiếng kêu la hoan hỉ, du khách kết thành nhóm và tản ra trong rừng. Môn dẫn vào một lối đi có cây ở hai bên, ở đó tiểu thư đang đi phía trước, cách anh mười bước. Anh đến sát bên cô, chưa kịp nghĩ ngợi gì:

- bạn rất đẹp! - anh thốt ra giản dị.

Cô rảo bước, và không trả lời, đi sang hướng khác. Các du khách đi dạo trên các đường lớn, ai muốn đi đâu, làm gì là tùy. Chàng trai hết sức ân hận về cái mà anh gọi là sự ngu dốt, thô鄙 và đại dộ của mình. Anh lang thang vô định, tin rằng không bao giờ còn gặp được người con gái kiều diễm. Vừa hay, anh thấy cô đang ngược về phía anh, dù muốn dù không cũng phải đi sát anh trên con đường hẹp. Cô đưa hai bàn tay trần vuốt thẳng nếp gấp trên cái măng-tô dài. Cô có đôi giày đen hở chân rất rộng. Da ở mắt cá mìn màng đến nổi như gợn lên theo từng bước đi và Môn sợ nó sắp rách đến nơi.

Lần này, chàng trai chào cô và nói rất khẽ:

- Bạn tha lỗi cho tôi chứ ạ?

- Tôi tha thứ cho anh - cô nói nghiêm khắc - Nhưng tôi phải đến với các em nhỏ vì chúng là chủ hội hôm nay. Vĩnh biệt!

Ôguyxtanh xin cô nán lại lát nữa. Anh nói ngượng nghịu, nhưng giọng đầy xúc động và bối rối, khiến cô chậm bước lại và lắng nghe.

- Thậm chí tôi chưa biết anh là ai - cuối cùng cô nói.

Tiếng nào cô thốt ra cũng đều đều như nhau, nhưng tiếng sau nghe vẫn dịu dàng hơn tiếng trước... Sau đó, cô lấy lại vẻ mặt bất động, làn môi hơi cắn, và đôi mắt xanh nhìn thẳng phía chân trời...

- Tôi cũng chưa biết tên bạn - Môn đáp.

Bây giờ hai người theo một con đường trụi cây và trông xa xa các du khách đang chen chúc quanh một ngôi nhà đơn độc giữa cánh đồng.

- Đây là "nhà Phrăng" - cô gái nói - Tôi phải đi đây...

Cô do dự mỉm cười nhìn anh một lát, rồi thưa:

- tên tôi ấy à?... Tôi là cô Yvon de Gale...

Rồi cô rảo bước.

o o o

Cho đến bây giờ "nhà Phrăng" không có người ở. Nhưng khi Môn đến, nó đầy người cho đến gian làm kho tàng trên. Vả chăng, anh không còn rảnh rỗi để xem xét nơi mình vừa đến: khách đang hối hả dùng bữa ăn lạnh đem theo trên thuyền, rất không hợp mùa, nhưng chắc chắn là do lũ trẻ đã quyết định. Ăn xong, mọi người đi ra. Vừa thấy tiểu thư Gale trên ngưỡng cửa, Môn sắp lại ngay, và đáp lại điều mà cô cho mình biết lúc này.

- Cái tên mà tôi sắp nói với bạn đẹp hơn - anh nói.

- sao? Tên gì? - cô vẫn giữ giọng nghiêm trang.

Nhưng anh chợt kinh hãi vì vừa nói một câu ngu xuẩn nên im bật.

- Tên tôi là Ôguyxtanh Môn - anh nói tiếp - tôi là sinh viên.

-Ồ, nah đang học? - cô hỏi.

Hai người trò chuyện lát nữa. Họ nói với nhau một cách thông thả, sung sướng, thân mật. Sau đó, thái độ của cô gái thay đổi. Bớt nghiêm khắc và kiêu sa, giờ đây cô cũng tỏ vẻ lo lắng hơn. Dường như cô hốt hoảng trước điều Môn sắp nói và chưa chi đã khiếp sợ. Đứng bên anh, cô run run không sao kìm được, khác nào một con én vừa bị đặt xuống đất đã run rẩy muốn cất cánh bay lên.

-Để làm gì? Để làm gì cơ? - cô nhỏ nhẹ đáp lại những sự định mà Môn đề nghị.

Nhưng cuối cùng, khi anh dám xin phép một ngày kia trở lại lãnh địa đẹp dễ này.

- Tôi sẽ chờ anh - cô đáp giản dị.

Họ đã đến chỗ nhìn thấy bến tàu. Cô chợt dừng chân và tư lự nói.

- Chúng ta là hai đứa trẻ. Chúng ta vừa làm một trò điên. Lần này không nên đi cùng thuyền. Vĩnh biệt, đừng theo tôi!

Môn chưng hửng, nhìn cô xa dần. Rồi anh bước tiếp. Và lúc ấy, từ phía xa, vào lúc sắp biến mất trong đám đông du khách, cô ngoái đầu lại, và lần đầu tiên, nhìn anh rất lâu. Phải chăng đây là ấu hiệu vĩnh biệt cuối cùng? Hay để cấm anh đuổi theo? Hay có thể cô muốn nói gì ới anh nữa?...

Khách vừa về đến lâu đài, người ta đã cho tiến hành ngay cuộc đua pônây trên một đồng cỏ, rộng và dốc, sau trang trại. Đây là phần cuối cùng của cuộc lễ. Theo dự kiến, cô dâu chú rể phải về kịp để tham gia và chính Phrăng sẽ điều khiển toàn bộ.

Đàn bắt đầu không có anh. Các chàng trai vận trang phục thúc ngựa, các cô gái - trang phục cưới, kẻ dắt ra những chú pônây nhanh nhẹn quấn ruy-băng, người đưa tới những bác ngựa già ngoan ngoãn. Giữa tiếng la cười của trẻ thơ, tiếng cá cược và tiếng chuông gióng giả đồ hồi, người ta tưởng như dưới chân mình đang là một bãi đua thu nhỏ như trong truyện cổ, với lớp cỏ xanh rờn xén phẳng.

Môn nhận ra Đanien với mấy cô bé đội mũ lông chim mà anh đã nghe tiếng nói chuyện hôm qua trên lối đi trong rừng... Sau đấy, anh không nhìn thấy gì nữa, vì đầu đầu tìm kiếm khắp nơi

trong đám đông người xem chiếc mũ cắm hoa hồng duyên dáng và chiếc áo măng-tô màu hạt dẻ. Nhưng tiểu thư Gale không xuất hiện. Anh còn đang tìm cô, thì một hồi chuông dài và báo tiếng hò la mừng rỡ laon báo cuộc thi đã chấm dứt. Một cô gái nhỏ cưỡi một con ngựa trắng già đã thắng cuộc. Cô dương dương diễu qua trên lưng ngựa và chùm lông mũ phất phơ trong gió.

Rồi cả bãi lặn đi. Trò chơi đã hết mà Phrăng chưa về. Người ta phân vân một lát, rồi lúng túng bàn bạc với nhau. Cuối cùng, từng tốp một, khách quay lại các nhà, nín lặng và bồn chồn chờ cô dâu chú rể.

Chương 16

GẶP GỠ

Sáng hôm sau, Môn là một trong những người sẵn sàng đầu tiên. Như người ta khuyên, anh mặc một bộ quần áo đen giản dị, theo một áo cũ, một áo dài thắt ngang lưng, ống tay phồng ở vai, một gi-lê chéo go, một quần loe, loe đến mức trùm kín đôi giày xinh xắn, và một cái mũ thành cao.

Khi anh xuống, sân còn vắng. Đi vài bước, anh bỗng cảm thấy bồi hồi như đang ngày xuân. Quả thật, đây là buổi sáng ấm áp nhất của ngày đông năm ấy. Trời nắng như vào đầu tháng tư. Gió tan và cỏ ướt long lanh như giát ngọc. Chim nhỏ hót líu ríu đó đây trên cành, và thỉnh thoảng gió ấm hiu hiu mơn man trên mặt chàng trai đang đi dạo.

Anh làm như các khách mời thức dậy trước chủ. Anh đi ra sân, từng phút từng giây mong, có ai đó kêu lên đằng sau, một cách thân ái và vui vẻ:

- Đây rồi, a, Ôguyxtanh?

Nhưng anh cứ dạo bước mãi, chỉ có một mình, qua sân vườn. Đằng kia, trong ngôi nhà chính, chưa có gì động tĩnh, ở cửa sổ cũng như ở ngọn tháp. Tuy thế, người ta đã mở hai cánh cửa cái ra vào bằng gỗ tròn xoay ở phía trên. Trong một cửa sổ trên cao, đã nhấp nháy những chùm tia nắng đầu tiên như trong mùa hè.

Lần đầu tiên, Môn ngược nhìn thấy giữa ban ngày phần bên trong của lâu đài. Vết tích của một bức tường phân cách khu vườn xơ xác với những khoảng sân vừa đổ cát và san phẳng chưa bao lâu. Cuối khu nhà phụ mà anh từng trú ngụ, là chuồng gia súc xây lộn xộn một cách tức cười. Vì vậy, ở đó có vô số góc gác mọc đầy nhô hoang và các loại cây dại nhỏ. Gần khắp xung quanh lâu đài là những rừng thông nhấp nhô như sóng che khuất nó trước cả một vùng bằng phẳng lân cận trừ phía đông, nơi có thể thoáng thấy những quả đồi xanh lam phủ đá hộc và cả cây thông.

Trong vườn, Môn đứng cúi một lát bên trên hàng rào gỗ lung lay quây lấy cái ao nuôi cá. Gần bờ vẫn còn một chút băng chưa tan, mỏng manh và gợn lăn tăn như bọt. Anh thấy mình trong nước, như nghiêng xuống bầu trời, trong bộ trang phục sinh viên lẳng mạn. Và anh tưởng như nhìn thấy một thằng Môn khác, không phải cửu học sinh lĩnh mất trong một chiếc xe ngựa nông dân có mui, mà là một nhân vật tuần tú và lẳng mạn, trung tâm của một cuốn sách hay quý giá...

Anh đi vội về ngôi chính vì đã đói bụng. Ở gian lớn mà anh đã ăn tối qua, một chị nông dân đã thay bộ đồ ăn. Môn vừa ngồi xuống trước một trong những chiếc chén xếp thẳng hàng trên khăn bàn, chị liền rót cà phê cho anh và bảo:

- Thưa ông, ông là người thứ nhất.

Anh không muốn trả lời, vì sợ đột nhiên bị phát giác là người lạ. Anh chỉ hỏi mấy giờ thì chuyển tàu đi chơi sáng sớm như đã thông báo sẽ khởi hành.

- Không trước nửa giờ nữa, thưa ông. Chưa ai xuống ạ.

Anh tiếp tục lang thang xung quanh tòa lâu đài với những cánh không đều nhau như một nhà

thờ để tìm nơi tàu cập bến. Khi vòng quanh cánh phía nam, anh chợt nhìn thấy lau mọc lít lất, tạo thành như một bức tường sừng sững đến nơi vô tận. Từ phía ấy, nước các ao đầm dâng đến đây làm ướt các chân tường gạch. Trước nhiều cửa ra vào, có những ban công nhỏ bằng gỗ vươn ra bên trên sóng nước vỗ oàm oạp.

Chẳng có việc gì làm, chàng trai dạo tiếp hồi lâu trên bờ nước đầy cát như đường kẻ cho tàu thuyền cập vào. Anh tò mò quan sát những cửa ra vào cao rộng với những ô kính phủ bụi mờ vào những căn phòng tiêu điều hay hoang phế, những bãi chất xe cút kít, dụng cụ hoen gỉ, lọ hoa vỡ. Đang mải mê như vậy, chợt anh nghe từ đầu kia các khu nhà vọng lại tiếng chân lạo xạo trên cát.

Ấy là hai phụ nữ, một còng lưng rất già, một trẻ măng tóc hoe, cao thon, với bộ trang phục duyên dáng, thoát nhìn tỏ ra khác thường đối với Môn cao ngồng sau tất cả những trò giả trang đêm qua.

Hai người dừng lại một lát ngắm phong cảnh, trong lúc Môn tự nhủ với sự kinh ngạc về sau anh mới thấy là lỗi bịch:

"Đây chắc chắn là một cô gái mà thiên hạ cho là lập dị - có lẽ một nữ nghệ sĩ được triệu đến cho cuộc lễ".

Hai phụ nữ đi qua sát Môn và anh đứng im nhìn cô gái. Về sau thường thường, khi thiếp đi sau bao cố gắng tuyệt vọng mong nhớ lại khuôn mặt xinh đẹp đã bị xóa mờ, anh mơ thấy từng đoàn cô gái giống như cô gái hôm nay. Cô thì giống ở cái mũi, cổ giống ở dáng đi hơi cúi, cô khác giống ở cái nhìn trong sáng tuyệt vời, cô nữa giống ở thân hình thon thả, cô nữa cũng có đôi mắt xanh. Nhưng mãi mãi chẳng có cô nào là cô gái cao thon.

Môn kịp nhận thấy dưới bộ tóc dày vàng hoe một bộ mặt hơi ngẩn, nhưng các đường nét được vẽ ra với sự tinh tế gần như đau khổ. Vì loáng cái cô đã lên phía trước, anh ngắm phục sức của cô và nhận thấy đó là cách phục sức khéo léo giản dị nhất...

Bối rối, anh tự hỏi có nên đi theo không, thì cô gái buộc lòng phải quay về phía anh và nói với bà lão:

- Chắc tàu đến ngay giờ chứ ạ?...

Và Môn đi theo liền. Bà lão, run rẩy, cứ như gầy gập theo mỗi bước chân, cười nói thao thao bất tuyệt. Cô gái chỉ đáp lại nhỏ nhẹ, khi hai người đi xuống bến tàu, thậm chí cô còn có cái nhìn ngây thơ và trịnh trọng như muốn nói:

- Ông là ai? Ông làm gì nơi này? Tôi không quen ông. Thế nhưng, hình như tôi có biết.

Khách mời bây giờ đã tản mát dưới các gốc cây, chờ đợi. Ba chiếc du thuyền cập mạn, sẵn sàng đón các du khách. Từng người một đi qua trước hai người phụ nữ tỏ ra là bà chủ lâu đài và cô con gái. Các chàng trai chào hai người vô cùng kính cẩn. các cô gái thì nghiêng mình. Ôi, buổi sáng tuyệt kỳ! Niềm vui thú kỳ diệu! Dù có mặt trời hiện rõ trên kia, trời đông vẫn lạnh. Các bà các cô quần quanh cổ những chiếc khăn bằng lông chim như những con trăn vốn là một lúc bấy giờ.

Bà lão dừng lại trên bờ, bà không hiểu sao, Môn xuống, cùng một du thuyền với tiểu thư con bà. Anh tì cùi tay lên cây cầu, một tay giữ chiếc mũ chực bay đi theo gió lộng. Anh có thể thoải mái ngắm cô thiếu nữ ngồi trong mũi. Cô cũng nhìn anh. Cô đáp lời các du khách, mỉm cười, rồi vừa hơi cắn môi vừa dịu dàng đặt đôi mắt xanh lên anh.

Hai bờ sông yên ả lạ thường. Con thuyền êm trôi trong tiếng máy và tiếng sóng đều đều nhỏ nhẹ. Tưởng như sắp cập thuyền vào một khu vườn nông thôn nào đó. Thiếu nữ sẽ bước lên, giương chiếc ô trắng che mình và đi dạo. Cho đến chiều, sẽ nghe chim cu gáy hoài bốn bên như than thở... Nhưng đột nhiên, một cơn gió lạnh ào ạt thổi về, nhắc du khách của ngày hội kỳ lạ này rằng bây giờ đang là tháng 12.

Thuyền ghé vào trước một rừng thông. Trên bến, du ngoạn phải chen chúc nhau, chờ cho người lái thuyền mở khóa ba-ri-e... Sau đó, Môn đã vô cùng xúc động nhớ lại phút giây, trong đó, bên bờ ao, anh đã có ngay bên mình khuôn mặt từ đó biến đi của thiếu nữ. Anh đã được ngắm nhìn khuôn mặt trông nghiêng vô cùng trong trắng của cô, bằng cả hai mắt của mình, cho đến lúc nước mắt sắp trào ra. Anh cũng nhớ nhìn thấy, như một bí mật ngọt ngào, rằng cô đã gởi lại một chút phần trên má anh.

Trên bờ, mọi việc diễn ra như trong một giấc mơ. Trong khi trẻ con chạy vù đi với những tiếng kêu la hoan hỉ, du khách kết thành nhóm và tản ra trong rừng. Môn dẫn vào một lối đi có cây ở hai bên, ở đó tiểu thư đang đi phía trước, cách anh mười bước. Anh đến sát bên cô, chưa kịp nghĩ ngợi gì:

- bạn rất đẹp! - anh thốt ra giản dị.

Cô rảo bước, và không trả lời, đi sang hướng khác. Các du khách đi dạo trên các đường lớn, ai muốn đi đâu, làm gì là tùy. Chàng trai hết sức ân hận về cái mà anh gọi là sự ngu dốt, thô鄙 và đại dốt của mình. Anh lang thang vô định, tin rằng không bao giờ còn gặp được người con gái kiều diễm. Vừa hay, anh thấy cô đang ngược về phía anh, dù muốn dù không cũng phải đi sát anh trên con đường hẹp. Cô đưa hai bàn tay trần vuốt thẳng nếp gấp trên cái măng-tô dài. Cô có đôi giày đen hở chân rất rộng. Da ở mắt cá mìn màng đến nổi như gợn lên theo từng bước đi và Môn sợ nó sắp rách đến nơi.

Lần này, chàng trai chào cô và nói rất khẽ:

- Bạn tha lỗi cho tôi chứ ạ?

- Tôi tha thứ cho anh - cô nói nghiêm khắc - Nhưng tôi phải đến với các em nhỏ vì chúng là chủ hội hôm nay. Vĩnh biệt!

Ôguyxtanh xin cô nán lại lát nữa. Anh nói ngượng nghịu, nhưng giọng đầy xúc động và bối rối, khiến cô chậm bước lại và lắng nghe.

- Thậm chí tôi chưa biết anh là ai - cuối cùng cô nói.

Tiếng nào cô thốt ra cũng đều đều như nhau, nhưng tiếng sau nghe vẫn dịu dàng hơn tiếng trước... Sau đó, cô lấy lại vẻ mặt bất động, làn môi hơi cắn, và đôi mắt xanh nhìn thẳng phía chân trời...

- Tôi cũng chưa biết tên bạn - Môn đáp.

Bây giờ hai người theo một con đường trụi cây và trông xa xa các du khách đang chen chúc quanh một ngôi nhà đơn độc giữa cánh đồng.

- Đây là "nhà Phrăng" - cô gái nói - Tôi phải đi đây...

Cô do dự mỉm cười nhìn anh một lát, rồi thưa:

- tên tôi ấy à?... Tôi là cô Yvon de Gale...

Rồi cô rảo bước.

o o o

Cho đến bây giờ "nhà Phrăng" không có người ở. Nhưng khi Môn đến, nó đầy người cho đến gian làm kho tàng trên. Vả chăng, anh không còn rảnh rỗi để xem xét nơi mình vừa đến: khách đang hối hả dùng bữa ăn lạnh đem theo trên thuyền, rất không hợp mùa, nhưng chắc chắn là do lũ trẻ đã quyết định. Ăn xong, mọi người đi ra. Vừa thấy tiểu thư Gale trên ngưỡng cửa, Môn sắp lại ngay, và đáp lại điều mà cô cho mình biết lúc này.

- Cái tên mà tôi sắp nói với bạn đẹp hơn - anh nói.

- sao? Tên gì? - cô vẫn giữ giọng nghiêm trang.

Nhưng anh chợt kinh hãi vì vừa nói một câu ngu xuẩn nên im bật.

- Tên tôi là Ôguyxtanh Môn - anh nói tiếp - tôi là sinh viên.

-Ồ, nah đang học? - cô hỏi.

Hai người trò chuyện lát nữa. Họ nói với nhau một cách thông thả, sung sướng, thân mật. Sau đó, thái độ của cô gái thay đổi. Bớt nghiêm khắc và kiêu sa, giờ đây cô cũng tỏ vẻ lo lắng hơn. Dường như cô hốt hoảng trước điều Môn sắp nói và chưa chi đã khiếp sợ. Đứng bên anh, cô run run không sao kìm được, khác nào một con én vừa bị đặt xuống đất đã run rẩy muốn cất cánh bay lên.

-Để làm gì? Để làm gì cơ? - cô nhỏ nhẹ đáp lại những sự định mà Môn đề nghị.

Nhưng cuối cùng, khi anh dám xin phép một ngày kia trở lại lãnh địa đẹp đẽ này.

- Tôi sẽ chờ anh - cô đáp giản dị.

Họ đã đến chỗ nhìn thấy bến tàu. Cô chợt dừng chân và tư lự nói.

- Chúng ta là hai đứa trẻ. Chúng ta vừa làm một trò điên. Lần này không nên đi cùng thuyền. Vĩnh biệt, đừng theo tôi!

Môn chưng hửng, nhìn cô xa dần. Rồi anh bước tiếp. Và lúc ấy, từ phía xa, vào lúc sắp biến mất trong đám đông du khách, cô ngoái đầu lại, và lần đầu tiên, nhìn anh rất lâu. Phải chăng đây là ấu hiệu vĩnh biệt cuối cùng? Hay để cấm anh đuổi theo? Hay có thể cô muốn nói gì ới anh nữa?...

Khách vừa về đến lâu đài, người ta đã cho tiến hành ngay cuộc đua pônây trên một đồng cỏ, rộng và dốc, sau trang trại. Đây là phần cuối cùng của cuộc lễ. Theo dự kiến, cô dâu chú rể phải về kịp để tham gia và chính Phrăng sẽ điều khiển toàn bộ.

Đàn bắt đầu không có anh. Các chàng trai vận trang phục thúc ngựa, các cô gái - trang phục cưới, kẻ dắt ra những chú pônây nhanh nhẹn quấn ruy-băng, người đưa tới những bác ngựa già ngoan ngoãn. Giữa tiếng la cười của trẻ thơ, tiếng cá cược và tiếng chuông gióng giả đồ hồi, người ta tưởng như dưới chân mình đang là một bãi đua thu nhỏ như trong truyện cổ, với lớp cỏ xanh rờn xén phẳng.

Môn nhận ra Đanien với mấy cô bé đội mũ lông chim mà anh đã nghe tiếng nói chuyện hôm qua trên lối đi trong rừng... Sau đấy, anh không nhìn thấy gì nữa, vì đầu đầu tìm kiếm khắp nơi

trong đám đông người xem chiếc mũ cắm hoa hồng duyên dáng và chiếc áo măng-tô màu hạt dẻ. Nhưng tiểu thư Gale không xuất hiện. Anh còn đang tìm cô, thì một hồi chuông dài và báo tiếng hò la mừng rỡ laon báo cuộc thi đã chấm dứt. Một cô gái nhỏ cưỡi một con ngựa trắng già đã thắng cuộc. Cô dương dương diễu qua trên lưng ngựa và chùm lông mũ phất phơ trong gió.

Rồi cả bãi lặn đi. Trò chơi đã hết mà Phrăng chưa về. Người ta phân vân một lát, rồi lúng túng bàn bạc với nhau. Cuối cùng, từng tốp một, khách quay lại các nhà, nín lặng và bồn chồn chờ cô dâu chú rể.

Chương 17

PHRĂNG ĐƠ GALE

Cuộc đua kết thúc quá sớm. Mới bốn giờ 30 và trời còn sáng, khi Môn trở lại phòng mình, tâm trí xôn xao bao sự kiện của cái ngày phi thường anh vừa mới trải qua. Anh ngồi xuống trước bàn, nhàn nhã, chờ bữa ăn chiều và cuộc hội thảo chắc chắn còn tiếp diễn.

Trời lại nổi gió to như đêm qua. Gió gầm gào như nước lũ hay rú rít ào ào như thác đổ. Mảnh che lò sưởi lát lát lại kêu lạch cạch.

Lần đầu tiên, Môn cảm thấy nỗi đau lo mơ hồ như siết lấy tim con người ta mỗi khi nhữn tháng ngày quá đẹp sắp chấm dứt. Anh định đốt lửa, nhưng nâng mãi không xong mảnh che lò sưởi đã gỉ. Anh bèn sắp đặt lại căn phòng. Anh treo các trang phục sang trọng của mình lên mắc áo, xếp dọc chân tường các ghế tựa để ngổn ngang, như thể anh chuẩn bị để lưu lại lâu dài nơi đây vậy.

Tuy nhiên, nghĩ rằng lúc nào cũng phải ăn sáng ra đi, anh vắt cẩn thận lên lưng một ghế dựa cái blu, như một áo du lịch, và các quần áo học sinh khác của mình. Dưới gầm ghế, anh đặt đôi giày đóng cá vẩy còn đầy đất.

Rồi anh lại về ngồi chỗ cũ, yên tâm hơn, chăm chú nhìn quanh gian phòng vừa thu dọn gọn ghẽ.

Thỉnh thoảng, một cơn mưa rạch loảng ngoảng trên tấm cửa kính hướng ra cái sân để xe và rung thông. Lòng dịu đi từ khi sắp xếp lại gian phòng, chàng trai cao ngồng cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc. Anh ngồi đó, bí hiểm, xa lạ, giữ thế giới xa lạ này, trong căn phòng tự chọn. Điều anh thu được vượt xa mọi hy vọng của anh. Giờ đây, chỉ cần nhớ lại khuôn mặt cô thiếu nữ quay về phía anh trong gió lộng là lòng anh đã náo nức rộn ràng...

Phải mơ màng, đêm xuống lúc nào anh cũng không biết và quên thấp nển. Một ngọn gió đập vào cửa ra vào căn phòng đằng sau cửa sổ cũng mở ra sân xe và thông với buồng anh. Môn quay lại đóng cái cửa sổ ấy thì nhận thấy ở phòng bên kia có ánh sáng, như của một cây nến cắm trên bàn. Anh thò đầu qua khe ửa. Người nào đã vào đó, chắc chắn là chui qua cửa sổ, và đang lặng thinh đi đi lại lại. Nếu anh không nhầm thì đó là một chàng trai còn măng sữa. Đầu trần, một áo choàng du lịch trên vai, chàng bước không ngừng, như không yên được bởi một nỗi khổ đau không chịu nổi. Gió từ ô cửa sổ mở toang thổi lật phật tà áo du lịch và mỗi khi chàng đi lại gần ngọn nến, Môn lại thấy lóe sáng hàng khuy vàng trên cái áo rođanhgôt xinh xắn của chàng.

Chàng huýt sáo một điều gì đó qua kẽ răng, có lẽ là một bài ca hàng hải, giống những bài mà thủy thủ và gái điểm hay hát trong các quán rượu hải cảng để giải sầu...

Đang đi lại bồn chồn, chàng dừng lại, cúi xuống bàn, lục trong một cái hộp và lôi ra nhiều tờ giấy... Môn nhìn thấy, từ phía bên trong và trong ánh nến, một khuôn mặt bầu bầu không ria mép, dưới một bộ tóc rậm chải đường ngôi hắc hoi. Chàng đã thôi huýt sáo. Mặt nhặt hẳn đi, đôi môi hé mở, chàng như người sắp đứt hơi, tựa vừa bị đâm trúng tim một cú khủng khiếp.

Môn bản thân không biết nên kín đáo rút lui hay tiến sang nhẹ nhàng nắm lấy vai chàng như bè bạn và cùng tâm sự. Chàng ngẩng lên và nhìn thấy Môn. Chàng nhìn anh chăm chăm giây lát, rồi, không có vẻ ngạc nhiên, lại bên và nói giọng quả quyết:

- Thưa ông, tôi không biết ông. Nhưng thấy ông, tôi hài lòng. Vì ông ở đây, tôi sẽ bực bạch với ông... vậy đó!...

Chàng lộ vẻ hoàn toàn lúng túng. Khi như "vậy đó!", chàng nắm lấy ve áo jacket của Môn, như cố để anh chú ý lắng nghe. Rồi chàng quay đầu ra cửa sổ, như suy nghĩ về điều sắp nói, mắt nháy nháy, và Môn hiểu rằng chàng tâm tức muốn khóc vô cùng...

Chàng nén ngay được trò tử thân trẻ con đó, rồi vẫn nhìn thẳng ra cửa sổ, nói bằng một giọng tỉnh khô:

- Vậy là hết, cuộc lễ hết rồi. Ông có thể xuống nói với họ như vậy. Vợ chưa cưới của tôi sẽ không đến. Do thận trọng, do sợ hãi, do thiếu niềm tin... Vả chăng, thưa ông, tôi sẽ giải thích để ông hay...

Nhưng chàng không nói tiếp được. Mặt chàng nhăn nhúm cả lại. Chàng chẳng giải thích gì cả, mở và đóng các ngăn kéo đầy sách và áo quần.

- Tôi sửa soạn để lên đường lần nữa - chàng nói - mong đừng ai quấy rầy gì tôi.

Chàng đặt lên bàn nhiều thứ, một hộp đựng đồ toilet, một khẩu súng lục...

Quá bối rối, Môn đi ra, không dám nói cũng không dám bắt tay chàng.

Dưới kia, hình như tất cả các khách khứa đều linh cảm thấy điều gì. Hầu như mọi cô gái đều thay áo khác. Trong nhà chính, bữa ăn tối đã bắt đầu, nhưng cặp rập và loạn xị như lúc ta vội đi đâu.

Anh lên xuống mãi từ phòng ăn rộng lớn này đến các phòng trên cao và các chuồng gia súc phía sau. Những khách ăn xong xúm lại chào từ biệt nhau.

- Chuyện gì vậy? - Môn hỏi một chàng trai nông thôn ăn vội ăn vàng, mũ phớt trên đầu, khăn mặt giắt trên gi-lê.

- Đi về - chàng trai đáp - vừa quyết định thôi. Lúc năm giờ, chúng tôi tụ họp lại, nhưng rơ ra toàn khách. Chúng ta đã đợi đến giây phút cuối cùng. Chú rể cô dâu không đến được nữa. Có người bảo: "Hay chúng mình cáo từ thôi..." Thế là ai cũng tất tưởi ra về.

Môn không đáp lại. Anh nữa, cũng đến lúc phải đi rồi. Chẳng phải anh đã đi đến tận cùng cuộc phiêu lưu của mình sao?... Chẳng phải lần này anh đã giành được toàn bộ những gì mà anh mơ ước? Giá như anh có chút thời gian để thanh thoi hồi tưởng lại cuộc chuyện trò tuyệt diệu buổi sáng. Giờ phút này, vấn đề là phải ra đi. Rồi chả bao lâu, anh sẽ quay lại - đường hoang, chứ không gian lận.

- Ông muốn đi cùng chúng tôi - chàng trai nông dân cùng tuổi tiếp lời - thì hãy tề chỉnh trang phục nhanh lên. Loáng cái là chúng tôi thắng ngựa xong.

Chàng ta bỏ đi tức tưởi, để lại đầy bữa ăn mới đựng dao nĩa, và quên báo cho các khách khác điều anh đã biết. Vườn hoa, vườn cây, cái sân chìm và buổi tối tối mịt. Đêm ấy không còn đèn lồng treo ngoài cửa sổ. Nhưng dù sao, vì bữa ăn này giống như bữa ăn cuối cùng của tiệc cưới, những người ít nhiệt tình hơn trong cách khách mời kia, có lẽ đã uống, bắt đầu cất tiếng hát. Khi chàng trai xa dần, Môn nghe văng lại những bài ca quán trọ mà họ hát, trong lúc anh vào cái vườn hoa lưu trữ biết bao ân huệ và kỳ ảo từ hai hôm nay. Vậy mà bây giờ bắt đầu bị hỗn loạn và tàn phá. Anh phi qua ao cá mà ngay sáng nay anh đã soi gương. Cứ như tất cả đã thay đổi..

Với bài hát này, họ đồng thanh hát đi hát lại, văng lại từng đoạn ngắn:

Giang hồ ơi, em từ đâu tới?

Mũ bonné của em hư hại

Tóc tai em thật chẳng làm sao...

và bài này nữa:

Giày anh màu đỏ

Vĩnh biệt em ơi

Giày anh màu đỏ

Xa nhau mãi rồi!...

Anh đi đến chân cầu thang lên căn phòng trọ trọ của mình, thì có người từ trên xuống, đứng vào anh trong bóng tối và nói:

- Vĩnh biệt ông!

Rồi quần chặt trong chiếc áo khoác du lịch, như thể là rét lắm, và biến mất. Đó là Phrăng đờ Gale.

Ngon nễn Phrăng để lại trong phòng vẫn sáng. Không có gì thay đổi. Chỉ có những dòng chữ sau đây, viết trên một tờ giấy viết thư, đặt ở chỗ dễ nhìn:

Vợ chưa cưới của tôi đã biến đi, khiến tôi nghĩ rằng nàng không muốn làm vợ tôi. Vả chăng, nàng chỉ là một thợ may, chứ không phải là một bà hoàng. Tôi không biết nên xử sự ra sao. Tôi bỏ đi đây. Tôi không thiết sống nữa. Xin chị Yvon thứ lỗi, nếu tôi không chào từ biệt. Nhưng chị chẳng làm gì được cho tôi đâu...

Cây nến đã cháy hết, ngọn lửa rung rinh, bùng lên một lần nữa rồi tắt. Môn vào phòng mình, đóng cửa lại. Mặc dù trời tối, anh vẫn nhìn ra từng đồ vật mà anh sắp xếp giữa ban ngày ban mặt, trong dạt dào hạnh phúc, cách đây mấy giờ. Từng thứ một, vẫn trung thành, anh gấp lại toàn bộ trang phục cũ khốn khổ của anh, từ đôi giày lính cho đến cái xăng-tuya khóa đồng thô kệch. Anh hối hả thay quần áo, nhưng khi để quần áo mượn lên ghế thì lại lơ đãng, nhằm gi-lê.

Tiếng ồn ào nổi lên trên cái sân để xe dưới cửa sổ. Tiếng kêu, tiếng gọi, tiếng kéo, tiếng đẩy, ai cũng muốn đưa xe mình ra cho nhanh. Lát lát, lại một người leo lên ghế ngồi xe nhỏ hay mui bạt xe lớn và giờ đèn soi chung quanh. Ánh lửa đốt hắt lên cửa sổ: phút chốc, xung quanh Môn, căn phòng giờ đây thân thiết mà mọi vật bên trong đều vô cùng gần gũi, như sống lại, phập phồng... Chính trong bối cảnh ấy mà Môn vừa cẩn thận khép cửa ra vào, vừa rời khỏi cái nơi bí ẩn mà chắc chắn không bao giờ anh còn gặp lại.

Chương 18

CUỘC LỄ LẠ KỲ (Hết)

Một dãy xe dài chưa chi đã từ từ lặn bánh trong đêm về phía hàng rào lưới mắt cáo của rừng. Đi trước là một người đàn ông đội tấm da dê, một tay cầm đèn lồng, còn một tay cầm cương con ngựa kéo cỗ xe đầu tiên.

Môn lật đật tìm người cho đi nhờ. Anh cuống cả lên, cần đi cho mau. Trong thâm tâm, anh sợ bỗng nhiên trở ra một mình trong lâu đài và sự gian dối của mình sẽ bị phát hiện.

Khi anh đến trước ngôi nhà chính, cánh lái xe đang xem xét sức chở của xe đã cân bằng chưa. Họ yêu cầu mọi du khách ra khỏi chỗ ngồi, để lùi lại hay dịch các thùng xe lên. Các cô gái khăn quàng kín mít đứng dậy một cách ngưỡng ngượng, chặn phủ chân tuột xuống cả bàn chân. Một số cô nghiêng đầu về phía các đồng lứa, lộ vẻ lo lắng.

Giữa các lái xe này, Môn nhận ra chàng trai nông dân lúc nãy đã ngỏ ý cho anh cùng đi.

- Tôi lên được chứ? - anh kêu lên với chàng ta.

- Chú mình về đâu ta? - một lái xe khác mà anh không quen, hỏi.

- Về Xanhlor-Agat ạ.

- Thế thì hỏi Maritanh.

Vậy là chàng học sinh cao lênh khênh phải đi tìm giữa bao khách nán lại ông đánh xe Maritanh chưa quen biết. Người ta chỉ ông ấy cho anh trong những tay đang vừa uống rượu và hát hò trong nhà bếp.

- Một tay bốc trời đấy - người ta bảo anh - Hắn còn uống đến ba giờ sáng cơ.

Môn chợt nghĩ rằng, hẳn đâu đây, có một cô gái dăm chiêu đau khổ đang thổn thức lắng nghe và sẽ nghe đến tận nửa đêm các bài ca quán trọ của những con sâu rượu này. Cô ta ở phòng nào? Cửa sổ phòng cô ở đâu giữa bao căn nhà bí hiểm nơi đây? Nhưng chẳng gì có thể là có giữ chàng học sinh ở lại. Phải đi thôi. Về đến Xanhlor-Agat là mọi chuyện sẽ rõ ràng. Anh không còn là một học sinh trốn học. Một lần nữa, anh lại có thể nghĩ đến cô tiểu thư con bà chủ chốn này.

Từng chiếc xe lần lượt chuyển bánh. Bánh xe nghiêng kèn kẹt trên lối đi lớn trồng cây hai bên. Trong ánh đêm, người ta thấy chúng rẽ ngoặt và biến mất, những chiếc xe chở nặng những phụ nữ mặc cỡ e lệ, nhữn đứa trẻ đã ngủ quẩn trong khăn quàng đàn bà. Hầy còn một xe có mui to lớn. Rồi một xe có ghế băng, trên đó các bà các cô ngồi ép vào nhau, đi qua, để Môn gần như tiu nghỉu trên ngưỡng cổng. Chút nữa thôi là cỗ xe cuối cùng, một cỗ xe hòm cổ do một người nông dân mặc áo blu điều khiển, đi qua nốt.

- Quý ngài có thể lên - ông ta đáp lại lời phân trần của Môn - Chúng tôi đi qua lối ấy.

Môn loay hoay mở một cách khó nhọc cánh cửa của cỗ xe già nua mà kính thì rung bần bật và bản lề thì cứ rít lên. Trên cái ghế băng ngắn ở một góc xe, hai đứa bé, một trai một gái, đang ngủ. Chúng chợt tỉnh vì tiếng động và hơi lạnh, vươn vai, nhìn lơ mơ, rồi run run, lại nhào về chỗ cũ và ngủ tiếp.

Chưa chi cỗ xe già đã lên đường. Khẽ kháng hơn, Môn đóng cửa lại và ngồi vào một chỗ, rồi háo hức nhòm qua mặt kính, gắng phân biệt những nơi mà anh sắp rời xa và con đường mà anh đã đến. Dù trời tối bịt bùng, anh cũng hiểu rằng chiếc xe đang qua sân và vườn, qua chân cầu thang dẫn lên phòng anh, vượt hàng rào thép lưới mắt cáo, ra khỏi lâu đài và đi vào rừng. Chạy ngược lại kính xe, đây là lò mờ những cây thông già cỗi.

"Phrăng đơ Gale, có thể chúng ta sẽ gặp lại" - Môn tự nhủ, tim đập bồi hồi.

Đột nhiên, trên con đường hẹp, chiếc xe né ra để khỏi đụng phải một vật cản. Theo hình dáng to lớn mà Môn thấy nhờ nhờ, thì đó là một căn nhà lẩn trên bánh xe, để ngay giữa đường từ gần hôm mở hội và trong suốt mấy ngày qua.

Vượt qua nhà xe, ngựa lại phi nước kiệu. Bắt đầu thắm mệt vì nhìn mãi qua kính, anh vẫn bướng bỉnh xuyên mắt qua màn đêm nhưng chỉ uống công. Đúng lúc đó, từ âu trong rừng lóe lên một ánh chớp và một tiếng nổ. Mấy con ngựa lao sang nước đại. Thoạt đầu, Môn không hiểu người đánh xe áo blu gắng ghì cương hay ra roi cho cún. Anh muốn mở cửa. Nắm cửa nằm bên ngoài, anh ra sức hạ tấm kính rồi lay nó mãi mà không được... Hai đứa trẻ giật mình tỉnh dậy, hốt hải ôm chặt lấy nhau, không nói được một câu. Trong khi lay và dán mặt vào tấm kính, Môn nhìn thấy, nhờ một chỗ ngoẹo đường, một hình người trắng trắng đang chạy. Đó là anh hề cao ngất ngều của cuộc lễ, chàng tứ chiếng mặc quần áo giả trang. Về hốt hoảng và dửng dưng, anh ta bế siết vào ngực một thân người... Rồi tất cả nhòa đi.

Trong chiếc xe lao với nước đại cực lớn xuyên đêm, hai đứa nhỏ đã ngủ. Chẳng còn ai để mà chia sẻ những sự kiện bí ẩn của ahì ngày này. Sau hồi lâu khắc khoải với tất cả những điều đã thấy và đã nghe, mệt lử và thắm buồn, chàng trai cũng chìm vào giấc ngủ như một em thơ buồn bã.

Lúc chiếc xe dừng lại và Môn bị ai gõ cửa kính đánh thức, trời vẫn chưa rạng. Người đánh xe vất vả lắm mới mở được cửa, và trong khi gió đêm giá rét làm cho Môn lạnh thấu xương, ôn gta kêu lên:

- Phải xuống đây thôi, trời sáng rồi. Chung tôi sẽ đi tắt. Xanhthơ-Agat gần quý ngài lắm.

Môn vâng lời tuy chưa tỉnh ngủ. Người gập làm đôi, anh máy móc đưa tay sờ soạng chỗ tối nhất trong xe để tìm chiếc cát kết vốn bị chân hai đứa trẻ đang ngủ đè lên. Rồi anh lom khom bước xuống.

- Xin chào - người xà ích vừa nói vừa trèo lên ghế - Quý ngài chỉ phải đi bộ hơn 6km thôi. Kìa, cột mốc ở vệ đường kia.

Chưa tỉnh hẳn, Môn lom khom chập chững bước đến cột mốc, rồi ngồi xuống đấy, tay khoanh trước ngực, đầu cúi gục, như thể ngủ lại.

- Hề, chó! - người đánh xe kêu lên - Đừng ngủ chỗ ấy. Trời lạnh khiếp thế này. Đứng lên nào, đi đi...

Chân nam đá chân chiêu như người say rượu, hai tay thọc túi, cổ rút lại, chàng trai cao lêu đêu lần từng bước trên con đường về Xanhthơ-Agat. Trong khi đó, dấu vết cuối cùng của cuộc lễ huyền diệu, cỗ xe hòm cổ lỗ, rời con đường cát sỏi, đi vào đồng cỏ, vừa lạng lẽ lắc lư, vừa lẩn bánh trong cỏ về xa. Chỉ còn thấy mũ người đánh xe nhảy nhót bên trên các hàng rào...

Phần II

Chương 1

TRÒ CHƠI QUỈ QUÁI

Gió to và trời lạnh, mưa và tuyết, khả năng không thể tiến hành những cuộc tìm kiếm lâu dài, tất cả ngăn chúng tôi. Môn và tôi, đã đến đến xứ sở đã mất, trước khi chấm dứt mùa đông. Chúng tôi không thể bắt tay vào một việc gì nghiêm chỉnh, trong suốt những ngày tháng giêng ngán ngùi này, trong suốt những ngày thứ năm thoát cái lại nổi gió đùng đùng, và luôn luôn kết thúc khoảng năm giờ bởi một trận mưa lạnh băng buồn nấu ruột.

Chẳng có gì gọi cho chúng tôi cuộc phiêu lưu của Môn, nếu không phải là việc từ buổi chiều anh về, chúng tôi không còn bạn nữa. Trong những giờ ra chơi, vẫn các trò chơi xưa được tổ chức, nhưng không bao giờ Giacxmanh bắt chuyện với Môn. Buổi chiều tan học, khi trường lớp đã được quét dọn, sân trường vắng tanh như ngay thời tôi còn cô đơn, và tôi trông thấy anh bạn cao lộc ngọc của mình lang thang từ vườn ra kho, từ sân vào phòng ăn, và ngược lại.

Sáng thứ năm nào cũng vậy, mỗi chúng tôi vào phòng học ngồi bên bàn thầy giáo, Môn và tôi đọc Ruxxô và Pôn-lui Cuariê mà chúng tôi lục được trong các tủ hộc tường, giữa những quyển sách về phương pháp học tiếng Anh và các vở ghi nhạc được chép hết sức thanh nhã. Buổi chiều một cuộc viếng thăm nào đó tạo cơ hội cho chúng tôi trốn khỏi trường. Rồi cũng phải trở lại... Đôi khi, chúng tôi nghe mấy lớp học sinh lớn như tình cờ dừng lại ở cổng trường cao rộng, vừa đụng vào cổng vừa chơi những trò quân sự không hiểu nổi, rồi bỏ đi...

Cuộc sống buồn tẻ ấy kéo dài cho đến tận cuối tháng hai. Tôi đang bắt đầu tin rằng Môn đã quên hết, thì một cuộc phiêu lưu còn ly kỳ hơn đến mở mắt cho tôi rằng tôi đã nhầm to, rằng một biến động dữ dội đang hình thành dưới bề mặt u buồn của cuộc sống mùa đông này.

Chính vào một tối thứ năm khoảng cuối tháng, tin tức đầu tiên của Lâu đài huyền bí, làn sóng đầu tiên của cuộc phiêu lưu mà cả hai chúng tôi không nhắc lại đã len đến tận chúng tôi. Gia đình tôi đang thức chuyện phấm. Ông bà đi rồi, chỉ còn lại với chúng tôi có Mili và cha tôi, cả hai đều không ngờ rằng cuộc giận nhau ngấm ngấm đã chia lớp chúng tôi thành hai phe.

Lúc tan giờ, vừa mở cửa ném bã vụn thức ăn ra ngoài, Mili đã kêu lên: "Ồi!" bằng một giọng kinh ngạc đến nỗi chúng tôi xúm lại xem. Trên ngưỡng cửa có một lớp tuyết... Vì trời tối quá, tôi tiến mấy bước ra sân để xem lớp tuyết có dày không. Tôi cảm thấy những bông tuyết nhẹ bồng chạm vào mặt và tan ngay tức khắc. Cha gọi giật tôi vào và Mili xuýt xoa vì lạnh bèn đóng ngay cửa lại.

Chín giờ, chúng tôi chuẩn bị leo lên phòng ngủ. Mẹ vừa cầm đèn lên thì chúng tôi nghe rõ mồn một hai tiếng gõ cực mạnh vào cánh cổng ở đầu kia sân. Mẹ đặt đèn xuống bàn, chúng tôi đứng sững, giống tai nghe.

Đừng có tính đến chuyện ra ngoài. Có khi chưa đi quá nửa sân, đèn đã phụt tắt và bóng đã rơi vỡ. Chúng tôi lạng đi giày lát, rồi cha bắt đầu nói: "Chắc chắn là..." thì vừa hay, ngay dưới cửa sổ phòng ăn mở ra đường đi đến ga như tôi đã nói, rúc lên một tiếng còi dài lạnh lốt vang đến tận phố nhà thờ. Tức thì, ngay sau cửa sổ vang lên những tiếng kêu chói tai có phần nhỏ đi vì bị kích chặn lại, do những người chắc đang bám vào các nắm đấm cửa leo lên một điểm tựa bên ngoài phát ra.

- Đưa nó đến đây! Đưa nó đến đây!

Từ đầu nhà kia, những tiếng y hệt đáp lại. Những kẻ trả lời đó, chắc đi qua đồng của lão Mactanh. Họ nhất định phải trèo lên bức tường thấp phân cách sân chúng tôi với đồng.

Rồi gần như chỗ nào cũng có khoảng mười giọng cố tình lạc đi cùng với tiếng thét lên không ngớt: "Đem lại đây! Đem lại đây!" - trên nóc hầm rượu nhỏ mà họ đã trèo lên, nhờ một chồng bó củi dựa vào bức tường bên ngoài, trên bức tường thấp nổi kho với cổng, nóc tường tròn cho phép lên ngựa thật thuận tiện, bức tường chằng lưới thép mắc các dọc đường ra ga có thể leo lên dễ dàng... Sau hết, ở khu vườn phía sau, một nhóm chậm trễ - vẫn chơi điệu Xarabăng ấy kép đến la lớn:

- Nhào vô!

Chúng tôi nghe tiếng thét của họ vang vang trong các phòng học rỗng mà họ đã mở cửa sổ.

Môn và tôi thông thuộc đường ngang ngõ tắt trong khu trường mênh mông, đến nỗi giờ đây chúng tôi thấy rõ như trên bản đồ tất cả những điểm mà họ đang tấn công.

Thực tình, chúng tôi chỉ sợ hãi lúc đầu thôi. Tiếng còi rúc khiến cả bốn chúng tôi nghĩ đến một cuộc tiến công của bọn rình trộm ban đêm và bọn giang hồ. Đúng vậy, từ nửa tháng nay, trên quảng trường sau nhà thờ, vẫn thấy một tay ăn trộm cao ngất ngھều và một gã tứ chiếng đầu đeo băng ngang băng dọc. Ở các hiệu đóng xe và bịt móng ngựa, cũng xuất hiện những công nhân không phải người trong vùng.

Nhưng vừa nghe tiếng hô của bọn tấn công, chúng tôi tin ngay rằng chúng tôi phải đương đầu với người - và có lẽ là thanh niên - của thị trấn. Thậm chí có cả trẻ con - chúng tôi nhận ra tiếng thét cao vút và non nớt của bọn chúng - trong nhóm đột kích nơi ở của chúng tôi, như đột kích một tàu chiến vậy.

- Chà, rõ là... - cha tôi thốt lên.

Mili hỏi khẽ:

- Nhưng thế là sao?

Đúng lúc đó, những tiếng thét ở cổng, ở bức tường trên đường ra ga, rồi ở cửa sổ ngưng bật. Hai tiếng còi rúc lên sau cửa sổ. Tiếng la của toán trên nóc hầm rượu nhỏ, cũng như của toán tiến công ở vườn nhỏ dần rồi lịm hẳn. Chúng tôi nghe dọc tường phòng ăn cả bọn học tốc rút lui, chạy im ru trên tuyết.

Hắn có ai phá rối chúng. Vào giờ đâu đâu cũng ngủ cả rồi này, chúng tưởng có thể yên ổn "công phá" ngôi nhà đơn độc, ở lối vào thị trấn của chúng tôi. Nhưng mưu đồ của chúng đã bị ngăn chặn.

Chúng tôi vừa kịp trấn tĩnh - vì cuộc tấn công hết sức bất ngờ, cứ như một cuộc công đồn mau lẹ - và sửa soạn đi ra, thì nghe tiếng ai đó rất quen gọi ngoài hàng rào mắt cáo thấp:

- Ông Xoren! Ông Xoren!

Đó là bác hàng thịt Paxkiê to béo nhưng lùn tịt. bác gọi, chúi guốc vào ngưỡng cửa, giữ giữ cái áo blu ngắn cũng cởn lăm chấm tuyết, rồi bước vào. Bác lộ vẻ vừa kinh hoàng vừa láu lỉnh của một người vừa nắm được toàn bộ bí mật của mọi việc bí ẩn.

- Lúc ấy, tôi đang ở ngoài sân nhà tôi, vốn hướng ra quảng trường Bốn Đường. Tôi toan đi đóng chuồng nhốt dê con. Đột nhiên, như từ dưới tuyết mọc lên, ông có biết tôi thấy gì không? Hai thằng như hai cái ào! Chúng ra bộ đi tuần hay rình mò gì đấy! Chúng đang hướng về cây thập tự. Tôi tiến đến, mới được vài bước, thì hấp, chúng ba chân bốn cẳng chạy về phía nhà ông. Chà chà, không chần chừ một phút, tôi vớ lấy đèn phalo và hét bảo: "Tôi sẽ mách ông Xoren ngay!"...

Hóa ra bác lại kể từ đầu:

- Bây giờ tôi đang ở ngoài sân sau nhà...

Đến đây, cha tôi mời bác một cốc nước và hỏi bác những chi tiết mà bác không cung cấp được.

Trên đường đến đây bác không thấy gì cả. Cả "đội quân" mà hai tên "lính tuần" bị bác phát hiện đánh thức cũng biến ngay tức khắc. Còn những kẻ "đưa thư" này có thể là ai thì...

- Có lẽ là bọn lang thang, bọn Bôhêmiêng... - bác nói trước - Một tháng nay chúng chui rúc ở quảng trường, chờ dịp giở trò. Đâu phải chúng không biết tổ chức trò xấu...

Vậy là bác chẳng giúp chúng tôi biết gì hơn. Chúng tôi vẫn đứng nguyên, hết sức trù trù, còn bác thì nhấp từng chút một cốc nước được mời và nhắc lại câu chuyện. vẫn chăm chú lắng nghe cho đến lúc này, Môn bèn nhấc chiếc đèn của bác từ dưới đất lên và nói quả quyết.

- Phải ra xem sao!

Anh mở cửa và chúng tôi theo sau, ông Xoren, bác Paxkiê và tôi.

Đã trấn tĩnh lại vì những kẻ đột kích đã rút chạy và bản tính rất ít hiếu kỳ, như một người thích ngăn nắp và hay câu nệ, Mili nói to:

- Cứ đi đi, nếu các ông muốn. Nhưng hãy khóa cửa và cầm chìa khóa theo. Tôi đi ngủ đây. Còn đèn, tôi sẽ để nguyên trên bàn.

Chương 2

CHÚNG TÔI RƠI VÀO MỘT Ô PHỤC KÍCH TRÒ CHƠI QUỈ QUÁI

Chúng tôi đi trên tuyết giữa bốn bên hoàn toàn vắng lặng. Môn đi trước, giơ cao cái đèn lồng có lưới sắt bao bọc, hắt xuống đường một vùng sáng hình rẻ quạt... Chúng tôi vừa bước khỏi cổng trường đồ sộ, thì từ sau cái cầu thang thẳng bằng cua thị trấn dựa vào tường nhà chơi của chúng tôi nhảy vọt ra cùng một lúc hai tên, đầu trùm kín mít, nhanh như hai con đa đa con bị động bất ngờ. Hoặc để chế nhạo, hoặc khoái chí vì trò chơi quái quỷ của mình, hoặc thần kinh bị kích động, hoặc sợ bị tóm, chúng vừa chạy vừa nói hai ba câu gì đó, rồi cất tiếng cười sằng sặc.

Môn buông chiếc đèn xuống tuyết, bảo tôi:

- Theo tớ, Phrăngxoa!

Bỏ mặc hai ông già, không đương nổi một tốc độ lớn như vậy, chúng tôi lao đuổi theo hai bóng đen, lúc đầu chúng đi theo đường Viây-Plăngsor chạy vòng quanh cuối thị trấn một hồi, rồi sau đó cương quyết ngược lên về hướng nhà thờ. Chúng chạy bình thường thôi, không quá nhanh, chúng tôi đuổi gần kịp không vất vả lắm. Chúng chạy xéo phố nhà thờ hoàn oàn yên ắng, rồi chạy ra sau nghĩa địa vào một khu toàn những phố nhỏ và ngõ cụt nhằng nhịt.

Đây là một khu của các nhà báo, thợ dệt và thợ khâu mà người ta gọi là những Góc Nhỏ. Khu này chúng tôi không thạo vì chưa bao giờ đến vào ban đêm. Ban ngày nó vắng lắm: nhà báo đi xa hết, thợ dệt cấm cung trong nhà. Trong cái đêm hoang vắng này, nó càng trống trải và âm lặng hơn các khu khác của thị trấn. Cho nên chẳng thể có chuyện may là ai đó thành linh xuất hiện và giúp mình.

Tôi chỉ biết một con đường. Đó là con đường chạy giữa những ngôi nhà bé nhỏ như hom các tông bọ đầu đặt đấy, rồi dẫn đến nhà một bà thợ khâu được đặt biệt hiệu là "Con Câm". Trước tiên xuôi xuống một cái dốc rấn đan, lát đá vài đoạn, sau đó ngoặt hai ba chỗ, giữa những chuồng gia súc rỗng hay các mảnh rào chật hẹp của các nhà thợ dệt, người ta đến một cái ngõ cụt rộng rãi bị chặn bởi một cái sân trại từ lâu bỏ hoang. Ở nhà Cô Câm, trong khi Cô vừa liếng thoảng đan với những ngón tay nhoay nhoáy tít mù, vừa thủ thỉ trò chuyện với mẹ tôi không lúc nào ngơi, chỉ thỉnh thoảng mới bị những tiếng kêu bệnh tật ngắt quãng, tôi có thể đưa mắt qua cửa sổ nhìn những bức tường cao của nhà cô, ngôi nhà cuối cùng của thị trấn về hướng này, nhìn hàng rào chắn bao giờ cũng đóng cửa cái sân khô nẻ, chẳng rơm cỏ, chẳng có người, ngựa đi qua bao giờ...

Hai tên lẹ mặt lủi theo chính con đường này. Đến chỗ ngoặt, chúng tôi lại sợ mất hút chúng. Nhưng lạ thay, bao giờ chúng tôi cũng đến chỗ ngoặt sang phố sau, khi chúng chưa chạy hết phố ấy. Tôi nói "lạ", bởi vì các dãy phố này ngăn ngủi, nếu chúng không chạy chậm lại, khi đã khuất khỏi tầm nhìn của chúng tôi, thì không thể có chuyện đó được.

Cuối cùng, không dẫn đo, chúng chạy vào ngõ cụt nhà Cô Câm. Tôi hét lên với Môn:

- Ngõ cụt! Ta tóm được chúng rồi!

Nói cho đúng, chính chúng đã tóm gọn chúng tôi. Chúng đã dẫn chúng tôi đến chỗ chúng muốn. Chạy đến bức tường, chúng cố tình quay về phía chúng tôi, một tên rúc lên một hồi còi giống hai hồi chúng tôi đã nghe thấy trong tối hôm ấy.

Ngay tức khắc, khoảng một chục đứa xông ra từ cái nhà bỏ hoang, nơi dường như chúng đóng chốt chỗ chúng tôi. Đầu đứa nào cũng trùm kín, mặt gần như khuất hẳn sau khăn quàng cổ.

Dù đây là ai, chúng tôi nhận ra ngay, chúng tôi cũng nhất quyết không thừa gì với ông Xoren, người mà công việc của chúng tôi không có gì liên quan đến. Có Đoluso, Đonix, Girôđa và các bạn khác. Chúng tôi nhận ra các bạn trong cuộc vật lộn nhờ kiểu chơi quen thuộc và tiếng la hò dứt quãng mọi khi. Nhưng có một điểm đặc biệt, và xem chừng khiến Môn kinh hãi: đó là trong các bạn, có một tay chúng tôi không biết, và hình như là kẻ cầm đầu...

Tay này không đụng đến Môn, mà chỉ nhìn quân lính của mình tả xung hữu đột, hè nhau lao vào chàng trai cao ngộc thở đứt hơi, mặc dù nhiều ohen ngã lăn trong tuyết, các bạn rách toạt từ chân đến đầu. Hai bạn được phân công "đả" tôi, gắng công tôi đứng im rất vất vả, vì tôi chống cự như một con quỷ. Tôi ngã ngối, đầu gối gập, cả người dồn lên hai gót chân. Các bạn giật cánh khuỷu hai tay tôi, và tôi ngồi xem vừa háo hức vừa e sợ.

Bị bốn thằng cùn lớp móc bám lấy áo blu, Môn xoay mình thật mạnh khiến cả bốn văng ra trên tuyết... Đứng thẳng trên hai chân, nhân vật không quen theo dõi cuộc đấu một cách hứng thú, nhưng bình thản, luôn mồm nhắc đi nhắc lại bằng một giọng dứt khoát.

- Dừng cảm lên... Làm lại... Gâu-on, Mai-boi... (tiếng Anh)

Hiển nhiên, hẳn ta chỉ huy... Hẳn từ đâu tới? Ở đâu và bằng cách nào hẳn lôi kéo được các bạn tôi vào trận đấu? Đây là một bí mật đối với chúng tôi. Cũng như quân của mình, mặt hẳn lấp kín gần hết trong khăn quàng cổ. Nhưng khi Môn thoát khỏi bốn địch thủ, tiến về phía hẳn với vẻ hăm dọa, thì động tác mà hẳn làm để nhìn cho rõ và đương đầu với tình thế đã để lộ một dải vải trắng quấn quanh đầu như băng vết thương.

Chính lúc đó, tôi hét bảo Môn:

- Cảnh giác phía sau! Có một thằng!...

Anh chưa kịp quay lại, thì từ hàng rào chắn sau lưng, một con quỷ cao lêu đêu hiện ra, tung thật chuẩn cái khăn quàng quấn lấy cổ bạn tôi, giật anh ngã ngửa. Nhanh như cắt, bốn tên địch vừa bị Môn cho cắn mũi xuống tuyết liền bấu lại trối nghiến hai chân anh bằng một sợi dây và hai tay anh bằng cái khăn quàng, khiến anh hết cự quậy, còn nhân vật đầu đeo băng thọc tay vào lục trong túi anh... Tên địch xuất hiện cuối cùng, người có khăn quàng làm dây thông lưng, thấp lên một ngọn nến nhỏ mà y phải lấy tay che cho khỏi tắt. Mỗi khi tìm được một tờ giấy mới, tay chỉ huy lại đến gần ngọn nến leo lét xem kỹ. Cuối cùng, hẳn gập tờ bản đồ mà Môn đã vẽ và ghi chú kín cả sau chuyến phiêu lưu trở về, rồi thốt lên mừng rỡ.

- Phen này chúng ta thắng rồi! Bản đồ đây! Chúng ta sẽ xem xem tên ông này có đến đúng cái nơi mà tớ tưởng tên ông đã đến không...

Tên đồng bọn tắt nến. Các tên khác nhặt cát-két hay xanh-tuya lên. Rồi cả bọn âm thầm chuồn đi như khi đến, để mặc tôi tự do cuống cuồng cời trối cho bạn mình.

- Chúng chưa đi xa đâu, tám bản đồ... - Môn vừa đứng lên vừa nói.

Chúng tôi đi không nhanh, vì Môn hơi tập tễnh. Đến đường nhà thờ, chúng tôi gặp lại ông Xoren và bác Paxkiê.

- Các cậu không thấy gì à? - hai người hỏi - Chúng tôi cũng vậy.

Nhờ trời tối mịt, cả hai chẳng nhận ra tí gì. Bác hàng thịt cáo lui, còn ông Xoren vào đi ngủ ngay.

Nhưng trong ánh sáng cây đèn mà Mili để lại trên bàn trong buồng mình, hai chúng tôi còn thức mãi, vừa vá vúi qua loa cái áo blu bạt chỉ vừa to nhỏ với nhau về chuyện vừa xảy đến với chúng tôi, chẳng khác nào hai bạn chiến đấu trong một đêm thất trận.

Chương 3

CHÀNG BÔHÊMIÊNG Ở TRƯỜNG

Hôm sau thức dậy người đau như dần. tám giờ rưỡi, khi ông Xoren ra hiệu vào lớp, hai chúng tôi hồn hển chạy đến đứng vào hàng. Vì đến chậm, chúng tôi cứ vào hàng bừa bừa. Còn bình thường, Môn đứng ở đầu cái hàng học sinh dài dằng dặc xếp khít nhau, với đủ sách vở, bút mực, để ông Xoren kiểm tra.

Tôi ngạc nhiên trước sự sốt sắng lạng lẽ của các bạn giãn ra cho chúng tôi chen vào giữa. Trong khi để chậm việc vào lớp ít giây, ông Xoren kiểm tra Môn Sếu, tôi tò mò nhìn phải nhìn trái để nhận mặt những kẻ thù của chúng tôi đêm qua.

Tên đầu tiên tôi nhìn thấy chính là chàng trai mà tôi không ngừng nghĩ tới, cũng là tên cuối cùng tôi không thể hy vọng gặp lại nơi đây. Chàng đứng ở vị trí quen thuộc của Môn, học sinh đầu hàng, một chân trên bậc đá, một bên vai và một góc cái cặp chàng mang trên lưng tì vào khung cửa. Bộ mặt thanh thú rất nhợt nhạt như có ánh đỏ hoe thì hơi cúi và quay về phía chúng tôi với vẻ vừa tò mò vừa hài hước vừa khinh bỉ. Đầu và cả một bên mặt chàng buộc băng trắng. Tôi nhận ra tên đầu lĩnh, chàng Bôhêmiêng tối qua đã cướp giật của chúng tôi.

Nhưng chưa chi chúng tôi đã phải vào lớp và ai về chỗ nấy. Người học sinh mới ngồi cạnh cột, bên trái cái ghế băng dài mà Môn ngồi ngay đầu bên phải.

Girôđa, Đorluxơ, và ba học sinh khác ngồi nép vào nhau để nhường chỗ cho chàng, như thể mọi chuyện đã được thỏa thuận trước.

Thường vào mùa đông, những học sinh tình cờ như vậy hay đến nhập hội với chúng tôi, đó có thể là những thủy thủ mà thuyền bị băng tuyết giữ lại trong kênh, hoặc các thợ học việc, các nhà du lịch phải bó chân một chỗ vì tuyết. Họ theo học hai ngày, một tháng, hạn hữu có người dài hơn... Suốt giờ đầu tiên họ bị lục vấn đủ mọi chuyện, nhưng rồi họ cũng nhanh chóng bị quên lãng và chìm đi trong đám đông học sinh bình thường.

Nhưng chàng trai này không thể bị quên ngay. Giờ đây tôi vẫn nhớ con người độc đáo và cả cái kho báu di thường mà chàng mang trong cái cặp khoác trên lưng. Trước hết là các cây bút sắt "nhìn đến phát thèm" mà chàng rút ra để viết chính tả. Nheo mắt nhìn vào một cái ống kính, các bạn thấy hiện lên rung rinh và đồ sộ đại giáo đường Luôcđơ hay một công trình xa lạ nào đó. Chàng chọn ra một ống, tức thì các bạn chuyền tay nhau khắp lượt. sau đó là một hộp bút Trung Quốc chứa đầy com-pa và các thứ ngộ nghĩnh. Các thứ này liền di động, qua ghế băng bên trái, rồi cứ lạng lẽ và tinh quái lướt từ tay này sang tay khác dưới các quyển vở, để ông Xoren không nhìn thấy được.

Cũng chuyển động như thế có cả những quyển sách mới tinh mà tên của chúng, tôi đã được đọc một cách thèm khát ở bìa mấy quyển sách cũ hiếm hoi trong thư viện của chúng tôi. Thời hạn cho khướu, Núi đá chim hải âu, Bọn Bơca của tôi... Bọn thì viết chính tả một tay, còn tay kia lần giở những quyển sách để trên đầu gối, chẳng hiểu do đâu mà có, do ăn cắp cũng nên. Bọn khác thì ném xoay tròn cây com-pa vào tủ hốc tường của mình. Bọn nữa, nhân lúc ông Xoren đi từ bàn ra cửa sổ và vẫn đọc chính tả, liền vội nhắm một mắt và ghé vào ống nhòm để ngắm Nhà thờ Đức bà Paris màu lục lam và như rỗng không. Còn chàng học sinh lạ, bút trên tay, một bên mắt ép vào cột, thì cứ nháy mắt, vẻ mãn nguyện với trò chơi vụng trộm đang diễn ra xung quanh.

Tuy nhiên, cả lớp đâm lo: các đồ vật được phát đi, cái nọ sau cái kia dần dần đều đến tay Môn sếu, nhưng anh vẫn giữ vẻ lo lắng, không nhìn thứ nào, mà cứ để hết ang bên cạnh. Chẳng bao lâu có hẳn một đồng đủ màu sắc và cái nào ra cái ấy, như dưới chân người đàn bà tượng trưng cho khoa học trong các tác phẩm ngụ ngôn. Thật tai hại, ông Xoren sắp phát hiện ra cái đồng kỳ dị này và hiểu rõ thủ đoạn của chúng tôi. Vả lại, hẳn ông đang suy xét để điều tra các sự việc đêm qua. Sự có mặt của chẳng Bôhemiêng sắp giúp ông dễ dàng đi tới đích.

Đúng vậy, chỉ một lát sau, ông Xoren sừng sốt dừng chân trước Môn cao kều.

- Của ai tất cả những cái này? - ông vừa hỏi vừa chỉ "cái này" bằng gáy quyển sách gập trên ngón tay trỏ của ông.

- Thưa thầy, em không biết - Môn cúi kính trả lời, đầu không ngẩng lên.

Chàng học sinh lạ mặt chen vào:

- Của tôi.

Rồi chàng tiếp luôn bằng một cử chỉ vương giả đại lượng và lịch sự mà ông giáo không biết nên đáp lại thế nào:

- Nhưng thưa ông, tôi xin để lại hầu ông, nếu ông muốn ngắm.

Bấy giờ, trong vài giây, không một tiếng động, như để không phá hỏng tình thế vừa xuất hiện, cả lớp tò mò lên đến xung quanh ông thầy đang nghiêng mái đầu vừa hỏi vừa quần xuống kho báu và chàng học sinh xanh xao đang giảng giải cho ông nghe với vẻ ung dung đắc thắng. Tuy vậy, hoàn toàn cô độc và lặng thinh trên ghế của mình. Môn đã giở vở nháp ra và cau mày nghiên ngẫm một bài toán khó.

Giờ ra chơi "mười lăm phút" đến giữa lúc chúng tôi đang mải mê theo dõi như vậy. Bà chính tả chưa viết xong, lớp mất trật tự. Nói cho đúng, giờ ra chơi kéo dài suốt từ sáng đến giờ.

Cho nên, đến mười giờ rưỡi, khi học sinh tràn ra khắp cái sân ảm đạm và ngầu bùn, chúng tôi nhận thấy ngay rằng bây giờ ông chủ mới sẽ cầm trịch các trò chơi.

Trong tất cả các trò vui mới mà chàng đưa vào trường chúng tôi ngay từ sáng hôm đó, tôi chỉ còn nhớ cái trò từng khiến chúng tôi đổ máu. Đó là trò đấu ngựa, mà ngựa là các học sinh lớn và người cưỡi là các học sinh bé ngự trên vai.

Chia thành hai nhóm xuất phát từ hai đầu sân, các con tuấn mã xông vào nhau, tìm cách quật ngã đối thủ bằng các cú húc trời giáng. Các kỵ sĩ dùng khăn quàng cổ làm thòng lọng, hai cánh tay làm lao, gắng quật đối phương ngã ngựa. Có những kỵ sĩ tránh đòn, mất thăng bằng, ngã nhào trên sân bẩn, chúi mũi xuống dưới ngựa. Có những kỵ sĩ gần như bị hất tung, song nhờ "ngựa" tóm được hai chân, lại trèo được lên vai và tiếp tục chiến đấu ngoan cường. Ngồi trên vai bạn Đolagior cao to, chân tay dài quá cỡ, tóc đỏ hoe, tai vĩnh như tai thỏ, chàng kỵ sĩ mảnh mai đầu đeo băng khích lệ hai phe và vừa điều khiển thật ranh mãnh con ngựa của mình, vừa cười như nắc nẻ.

Đứng ở cửa lớp, thoát đầu Môn nhìn những trò chơi mới với đôi mắt đầy ác cảm. Tôi đứng ngay bên anh, lưỡng lự vô cùng.

- hẳn là một thằng láu cá - anh nói qua kẽ răng, tay thọc túi - Từ sáng đã mò đến, đó là cách duy nhất để khỏi bị nghi ngờ. Và ông Xoren đã mắc mưu!

Anh đứng đó hồi lâu, mặc cho gió quần cái đầu trơn, điên khùng nguyên rửa các thằng hề kia ắp giết hết bọn con trai mà mới chưa lâu anh còn thống lĩnh. Dù bản tính hiền lành, tôi cũng không thể không ủng hộ anh.

Với sự vắng mặt của thầy giáo, cuộc huyết chiến diễn ra khắp nơi trên sân: kết cục các học sinh bé nhất bao giờ cũng đè lên nhau, bởi vì các bạn chạy trốn và ngã nhào trước khi bị đối phương quật trúng. Chả bao lâu chỉ còn đứng được ở giữa sân, một nhóm hăm hờ nhất, nhóm này quay tít mù đến bất cứ nơi nào xuất hiện ánh băng trắng của đầu thủ lĩnh mới.

Lúc này, Môn không cưỡng được nữa. Anh cúi đầu, chống hai tay lên đùi, gọi tôi.

- Nào, Phrăngxo, lên ngựa đi!

Sững ra vì quyết định bất ngờ ấy, tôi vẫn không mảy may dẫn đo, trèo lên vai anh, và loáng một cái, chúng tôi đã ở giữa cuộc đánh giáp lá cà, trong khi phần lớn chiến sĩ cuống cuống chạy đi và thét inh ỏi.

- Môn đấy! Môn Sếu vào cuộc rồi!

Ở giữa những chiến binh còn lại, anh vừa quay tròn vừa bảo tôi:

- Dang tay ra, chộp lấy chúng nó như tờ làm đêm qua ấy.

Choáng váng bởi cuộc chơi, tin chắc vào thắng lợi, tôi cố chộp lấy các bạn mà tôi gặp trong vòng quay. Các bạn giãy giụa vỡ ra, lao đảo giãy lất trên vai "ngựa" rồi ngã vật xuống bùn. Lát sau, chỉ còn đứng vững có anh chàng mới đến trên vai Đolagior. Nhưng Đolagior đâu có muốn đấu với Môn, nên cúi gập rồi dướn mạnh người lên, hất kỵ sĩ xuống.

Một bàn tay đặt trên vai Đolagior, như thể một thủ lĩnh nắm hàm thiếc ngựa, chàng trai đeo băng đầu đứng thẳng trên đất dăm dăm nhìn Môn, vẻ vô cùng cảm phục pha chút phẫn khích.

- May mắn xiết bao! - chàng thốt lên.

Vừa hay, chuông vào lớp kêu giòn, các bạn đang quây lấy chúng tôi háo hức chờ xem sự thể ra sao vội tản ra. Còn Môn, ăm ứ vì chưa thể cho kẻ địch của mình đo ván, liền vừa quay đi vừa nói giận dữ.

- Hẹn gặp lại!

Cho đến tận trưa, lớp học tiếp diễn như sắp đến kỳ nghỉ hè, và bị chen vào những "lớp" phụ mà chàng học sinh kiêm diễn viên hài kịch là trung tâm.

Chàng kể rằng do phải "hạ trại" vì trời lạnh quá, cũng không dám tính chuyện tổ chức diễn đêm, vì sẽ chẳng ai đến xem, họ quyết định chàng đến học với chúng tôi ban ngày để giải trí, còn bạn chàng trông nom con dê cái thông thái và lũ chim bắt từ các đảo. Rồi chàng kể các cuộc du lịch của họ ở các vùng lân cận, có lần mưa rào đổ như trút xuống mui xe bằng tôn, họ phải xuống bắt bánh. Các học sinh ngồi cuối phòng len lên gần để nghe cho rõ. Các bạn ít mơ mộng thì tranh thủ thời cơ quây lại sưởi ấm bên lò sưởi. Nhưng không thoát khỏi tò mò, họ ngoái lại và dịch đến gần nhóm "lớp phụ" giống tai nghe, tay vẫn nín bấu lấy nắm lò sưởi để giữ chỗ.

- Thế các em sống bằng gì? - ông Xoren hỏi.

Hóa ra ông lắng nghe tất cả câu chuyện với sự hiếu kỳ hơi trẻ con và không hợp lắm với một ông thầy. Rồi ông còn hỏi nhiều câu khác.

Chàng trai lưỡng lự một lát, tuồng như chưa bao giờ chàng băn khoăn về điều này.

- Bằng tất cả những thứ chúng em kiếm được trong mùa thu - chàng đáp - em nghĩ vậy, Ganaso lo chuyện ăn uống.

Không ai hỏi chàng xem Ganaso là ai. Nhưng tôi thì nhớ đến con quỷ cao ngất ngưỡng, đêm qua đã tấn công Môn từ phía sau một cách thâm độc và quật ngã anh.

Chương 4

VẤN ĐỀ LÂU ĐÀI BÍ ẨN LÀ Ở ĐÂU?

Buổi chiều, vẫn những thú vị ấy, và suốt buổi học, vẫn mất trật tự và trò chơi dân gian như vậy. Chàng Bôhêmiêng, mang đến những vật quý khác, vỏ hến, vỏ sò, đồ chơi, tập bài hát, và cả một con khỉ bé tẹo luôn tay cào sột soạt bên trong cái túi da của chàng... Gần như ông Xoren phải ngừng lời luôn luôn để xem chàng trai láu lĩnh vừa lôi cái gì ra khỏi cặp... Chuông đồng hồ điểm 4g, và Môn là học sinh duy nhất làm xong các bài toán.

Mọi người đi ra không vội vã. Hình như không còn cái ranh giới khắc nghiệt giữa giờ học trong lớp và giờ giải lao vốn làm cho đời học sinh đơn giản và đều đặn như sự kế tiếp giữa ngày và đêm. Thậm chí lúc bốn giờ kém mười, chúng tôi đã quên báo cho ông Xoren biết hai học sinh mà chúng tôi chỉ định ở lại quét dọn phòng học. Lâu nay không đời nào chúng tôi quên đâu, và đó là một cách báo sắp hết giờ để mau mau được nghỉ hẳn.

Oái oăm thay, hôm đó lại đến phiên Môn cao kều trực nhật. Từ sáng sớm trong khi nói chuyện với chàng Bôhêmiêng, tôi đã cho chàng biết rằng theo luật lệ, học sinh mới bao giờ cũng là người được phân công trực thư hai ngày hôm anh ta đến lớp.

Lấy được chiếc bánh quá trưa của mình rồi, Môn trở lại lớp ngay. Còn chàng Bôhêmiêng, thì mất tâm mãi đến khi trời sắp tối mới chạy đến.

- Cậu ở lại lớp nhé - bạn bảo tôi - Khi nào tớ tóm hẩn, cậu lấy lại tấm bản đồ mà hẩn đã cướp của ta.

Cho nên, tôi ngồi vào một cái bàn nhỏ bên cửa sổ đọc sách trong ánh ngày chạng vạng, mắt không quên liếc nhìn hai người lảng thính chuyển dịch bàn ghế. Môn thì trầm ngâm và dửng dưng, áo blu đen cài ba cúc phía au và thắt dây bụng, chàng kia, vẻ tế nhị, bị kích động, đầu buộc băng như một người bị thương. Chàng mặc một cái áo khoác tồi tàn, với nhiều chỗ bị xé rách mà tôi không để ý suốt ngày hôm nay. Tràn đầy sự hăng hái gần như hoang dã, chàng nâng và đẩy bàn cực kỳ nhanh nhẹn, môi thấp thoáng một nụ cười. Cứ như chàng đang diễn một trò chơi phi thường mà chúng tôi chưa biết kết thúc ra sao.

Chàng đi vào góc tối nhất, để dịch chiếc bàn cuối cùng.

Ở đây chỉ bằng một động tác tay, Môn có thể quật ngã địch thủ, mà người bên ngoài không thể thấy hay nghe được qua cửa sổ. Tôi không hiểu tại sao anh bỏ lỡ một cơ hội tương tự. Một khi quay lại gần cửa ra vào, chàng kia muốn thoát lúc nào cũng được, viên có công việc đã xong, thế là chúng tôi sẽ không gặp lại nữa. Tấm bản đồ cùng mọi lời chỉ dẫn mà Môn ráp tâm cướp lại để điều chỉnh, tổng hợp, sẽ mất vĩnh viễn.

Từng phút từng giây, tôi chờ ở ban tôi một dấu hiệu, một cử động báo tin cuộc đấu bắt đầu, nhưng anh có nhúc nhích gì đâu. Chỉ đôi khi, với vẻ chất vấn kỳ dị, anh nhìn chòng chọc vào dải băng của chàng Bôhêmiêng mà trong ánh nhập nhoạng, nom như bị một vết đen rất rộng.

Chiếc bàn cuối cùng đã xô dịch xong mà không có gì xảy ra.

Nhưng khi cùng đi lên đầu trên lớp, cả hai quét nốt ngưỡng cửa, thì Môn cúi đầu, không nhìn kẻ thù, nói nhỏ:

- Băng của bạn nhuộm đỏ máu. Quần áo thì bị xé rách.

Chàng Bôhêmiêng nhìn anh giây lát, không phải ngạc nhiên vì điều anh nói, mà hết sức xúc động được nghe tiếng anh.

- Lúc này trên quảng trường - chàng đáp - chúng nó muốn cướp tấm bản đồ của bạn từ tay tôi. Biết tôi đến đây trực nhật, chúng hiểu tôi sẽ giảng hòa với bạn, và chúng nổi loạn chống lại tôi. Song tôi đã cứu được tấm bản đồ - chàng vừa kiêu hãnh nói thêm vừa giơ cho Môn tờ giấy quý giá vẫn gấp nguyên.

Môn từ từ quay về phía tôi:

- Thấy chưa? Bạn ấy vừa chống trả đến nỗi bị thương vì chúng mình. Thế mà mình đánh bầy bạn ấy.

Rồi thôi dùng từ "bạn" mà các học sinh ở Xanh-tơ-Agat nghe lạ tai:

- Cậu là một người bạn thực sự! - anh nói và giơ tay ra cho chàng Bôhêmiêng kiêm diễn viên hài kịch.

Chàng siết chặt bàn tay ấy, và lặng đi một hồi... Nhưng chàng đã hăm hở nói tiếp với vẻ hiếu kỳ:

- Thế cậu định bắt tớ? Ngộ thật! Tớ đã đoán trước và tự nhủ: nhận lại tấm bản đồ, hai ông chủ tha hồ mà ngạc nhiên, vì sẽ nhận thấy nó đã được thêm thắt cho hoàn chỉnh.

- Hoàn chỉnh ư?

- Hãy khoan! Không hoàn toàn...

Giọng mất hồ hởi, chàng vừa thông thả vừa trịnh trọng nói tiếp, lại gần chúng tôi:

- Môn a, đã đến lúc tôi nói với bạn rằng chính tôi cũng đã đến nơi bạn từng đến. Tôi đã tham dự cuộc lễ phi thường. Khi các bạn ở trong lớp kể cho tôi nghe về cuộc phiêu lưu ly kỳ của bạn, tôi rất hiểu rằng vấn đề ở đây là tòa lâu đài cổ đã mất. Để chắc chắn mình không hiểu sai, tôi đã cướp của bạn tấm bản đồ... Nhưng cũng như bạn, tôi mù tịt về tên tòa lâu đài. Tôi cũng không biết lối quay về. tôi không biết hết con đường dẫn bạn từ đây đến đấy.

Phấn khởi và tò mò đến cực điểm, chúng tôi ôm chầm lấy chàng, lòng dạt dào tình thân. Môn háo hức hỏi chàng hết câu này đến câu khác. Hầu như cả hai chúng tôi đều tưởng chàng làm bộ không biết, chứ cứ nài thật lực, chàng sẽ nói ra thôi.

- Các bạn sẽ thấy, các bạn sẽ thấy - chàng trai trả lời với vẻ hơi buồn rầu và lúng túng - tôi đã thêm vào bản đồ vài điểm mà các bạn không có... Tôi chỉ làm được vậy thôi...

Rồi nhìn chúng tôi với ánh mắt hân hoan tràn trề cảm phục.

- Ô! Tôi muốn nói trước với các bạn - chàng thốt ra rầu rĩ và tự hào - rằng tôi không giống bọn trai khác đâu. Các đây ba tháng, tôi đã muốn tự bắn vào đầu, đó là điều lý giải cái băng này, như ở một người lính nghĩa vụ trên đông Xen, năm 1870...

- Và ầu đã đêm nay, vết thương lại mở miệng... - Môn nói triu mến.

Không để ý, chàng kia tiếp tục với giọng hoa mỹ:

- Tôi muốn chết. Vì chết không thành, tôi chỉ còn muốn chơi đùa như một đứa trẻ, như một tên Bôhêmiêng. Tôi đã bó hết. Tôi không còn mẹ cha, anh em, không còn tình yêu, nhà cửa... Hoàn toàn vô sản, như các bạn chơi cùng hội.

- Các bạn cùng hội đã phản bội anh - tôi xen vào.

- Ừ - chàng hí hửng trả lời - Đó là lỗi của một thằng tên Đolusơ thì phải. Nó đoán được tôi sắp về phe với các bạn. Nó đã làm mất tinh thần của đội quân rất có quy cũ của tôi. Các bạn đã chứng kiến cuộc đột kích đêm qua, thực hiện tuyệt vời, chỉ huy tuyệt vời. Từ đó đến nay, tôi chưa tổ chức được cái gì đạt như vậy!...

Mơ màng giây lát, chàng nói thêm để chúng tôi không còn chút mơ hồ nào về chàng.

- Nếu đêm nay, tôi đến với hai bạn, thì là bởi tôi nhận ra từ sáng, chỉ có thể vui với các bạn còn cánh kia... Nhất là Đolusơ, tôi ớn tận cổ. Mới 17 tuổi mà đã lên mặt thì thật... Tôi chưa ngán gì hơn nó... Các bạn xem có nên tóm cổ nó không?

- Tất nhiên - Môn bảo - Nhưng bạn ở với chúng tôi lâu không?

- Chưa biết. Tôi muốn ở lâu lắm chứ. Tôi cô đơn vô cùng. Tôi chỉ có Ganasơ...

Đang sôi nổi là thế, bỗng nhiên chàng mất vui. Chàng lộ vẻ tuyệt vọng, mỗi chán chường chắc chắn trước đây đã có khi chàng tự tử.

- hãy là bạn của tôi - chàng chợt nói - các bạn xem, tôi biết bí mật của các bạn, và tôi đã chống lại tất cả để bảo vệ nó. Tôi có thể đưa các bạn lần theo dấu vết mà các bạn đã mất.

Rồi chàng nói thêm gần như long trọng:

- Hãy là bạn tôi ngay cả khi tôi về bên cửa địa ngục như đã một lần... các bạn hãy thề sẽ đáp lại khi tôi gọi, khi tôi gọi như thế này... (và anh phát ra một tiếng kêu lạ: hu... ù... ú... một tiếng hú). Nào, Môn thề trước đi.

Hai chúng tôi thề, bởi lẽ, dù là trẻ con, chúng tôi vẫn bị hấp dẫn bởi tất cả những cái trang trọng hơn và khắc nghiệt hơn chuyện thường trong cuộc sống.

- Để đền đáp - chàng nói - bây giờ tôi có thể thừa với các bạn thế này: tôi sẽ chỉ cho các bạn ngôi nhà ở Pari mà cô tiểu thư lâu đài thường đến dự lễ Phục sinh và lễ Thánh thần hạ giới vào tháng sáu, và đôi khi một phần mùa đông.

Đúng lúc đó, một tiếng kêu lạ cất lên nhiều lần trong đêm ở cổng trường. Chúng tôi đoán ấy là Ganasơ, không dám hay không biết đi qua sân như thế nào. Tiếng kêu lo âu và cấp bách của chàng ta lúc trầm lúc bổng:

- Hú...ù... ú... hu... ú... u... ú!

- Nói đi! Nhanh lên! - Môn hét lên với chàng Bô-hê-miêng vừa rùng mình vừa chỉnh quần áo để ra đi.

Chàng nói nhanh với chúng tôi một địa chỉ ở Pari mà chúng tôi thề nhắc lại mãi. Rồi chàng lao vào màn đêm, đến gặp bạn ở hàng rào thấp lưới mắt cáo, bỏ mặc chúng tôi trong nỗi xốn xang khôn tả....

Chương 5

NGƯỜI ĐI GIÀY ĐỂ VẢI CỎI ĐAN

Đêm ấy, khoảng ba giờ sáng, bà góa Đolusơ, chủ quán ở trung tâm thị trấn, trỗi dậy nhóm lửa. Ông em chồng Duyma, vốn ở nhà bà, có việc phải đi lúc bốn giờ, và bà già tốt bụng mà u sầu có bàn tay phải đã co quắp lại do một vết bỏng, hồi hả chuẩn bị cà phê trong căn bếp tối mò. Trời lạnh. Bà đắp một cái khăn bịt đầu cũ lên trên cái áo chần, rồi một tay cầm cây nến đã tắt, tay kia - tay bị tật - nâng vạt tạp dề để che cho ngọn lửa, bà đi qua mảnh sân lũng củng những vỏ chai, hòm đựng xà phòng, đến mở cửa cái chòi chứa củi, cũng làm chỗ nhốt gà luôn, để lấy củi vụn... bà vừa đẩy cửa, thì một người hiện ra trong bóng đêm, vút mạnh cái mũ cát-két đánh soạt để tắt ngọn lửa, khiến bà ngã bổ chửng, rồi hấn ba chân bốn cẳng chạy dài, khiến gà mái sống tao tác ầm lên và di động.

Người ấy đã mang đi trong một cái dầy, như bà Đolusơ lồm cồm bò dậy kịp nhìn thấy và biết rõ sau này, mười hai con gà mái ghẹ đẹp nhất.

Nghe chị dâu kêu, ông Duyma chạy ra. Ông nhận thấy rằng để lên vào, thằng đều đã dùng một chìa khóa giả mở cửa vào sân, và bỏ chạy cũng qua lối đó, không kịp khép cửa lại. Tức thì,, với tư thế của một người chẳng lạ gì với bọn ăn cắp và săn bắn trộm, ông thắp cái đèn gương đeo ở xe của mình, rồi tay đèn tay súng, ông gắng lẩn theo vết chân thằng trộm, vết rất khó xác định - thằng này đi giày vải để cỏi đan - nhưng vẫn còn in dấu suốt trên đường ra ga, sau đó mất hút trước một hàng rào chắn một bãi cỏ. Buộc phải dừng cuộc truy tìm ở đây, ông ngẩng đầu, đứng lại... và nghe xa xa trên đường tiếng một cỗ xe phi nước đại chạy trốn...

Phần mình, Giaxmanh Đolusơ, con trai bà góa, cũng trỗi dậy, rồi trùm vội lên vai tấm khăn bịt đầu, đi giày vải, ra kiểm tra ngoài thị trấn. tất cả ngủ yên, tất cả chìm trong bóng đêm cảm bất thường ngự trị ngay trước ánh bình minh hé rạng. Đến chỗ Bốn Đường, cũng như ông chú, hấn chỉ nghe rất xa trên đồi Đê Riết tiếng một cỗ xe phi như bay, chắc ngựa chân không bén đất. Vốn ma lạnh và tự cao tự đại, hấn tự nhủ như sau này hấn nhắc lại cho chúng tôi nghe với cách phát âm hồng chịu nổi âm "r" theo kiểu của các làng ở Môngluxông:

- Bọn tớ đã chuồn ra ga. Nhưng thế không có nghĩa là mình không đem "nướng" bọn khác đang ở phía kia thị trấn.

Hấn quay gót, đi về phía nhà thờ, vẫn trong cái im lặng sâu thẳm của đêm.

Có ánh đèn trong cái nhà xe trên quảng trường. Nhất định có ai ốm. Hấn toan lại gần xem cơ sự ra sao, thì một bóng người lạng lẽ, giày để vải cỏi đan, hiện ra ở đầu phố Góc Nhỏ, và chạy mãi miết về chiếc xe, chẳng hề biết trời đất thế nào...

Quen dáng đi của Ganasơ, Giacxmanh đột ngột tiến ra vùng ánh đèn và hỏi nhỏ:

- Sao, chuyện gì vậy?

Vẻ dữ tợn, tóc tai bù xù, mồm móm mém, người kia dừng chân, nhìn hấn với cái nhếch mép thâm hại do sợ hãi và hực hơi, rồi hấn hấn trả lời:

- Ông bạn bị ốm... Tối qua cậu ấy đánh nhau và vết thương bị hoác ra... Tớ vừa đi tìm bà xơ.

Thực tế, trên đường về ngủ tiếp, Giacxmanh, vốn khá thâm hiểm, đã gặp ở trung tâm thị trấn

một nhà nữ tu đang rào bước.

Đến sáng, nhiều bà con ở Xanh-tơ-Agat ra ngưỡng cửa, mắt ai cũng thâm quầng hay mộng lên vì một đêm mất ngủ. Nhà nào cũng la lên phần nộ, khắp thị trấn xao xác như có bão.

Ở nhà Girôđa, khoảng hai giờ sáng, nghe tiếng một cỗ xe ngựa có mui dừng bánh, rồi chắt lên xe những bao tải khá mềm. Trong nhà chỉ có hai phụ nữ, đều không dám động dậy. Sáng ra, mở cửa nuôi gà vịt, hai người mới hiểu các bao tải kia toàn là gà vịt và thỏ.

Trong giờ ra chơi thứ nhất, Mili nhìn thấy nhiều que diêm cháy dở trước cửa phòng giặt. chúng tôi kết luận rằng chúng không biết mấy về chỗ ở của chúng tôi nên không vào nổi...

Ở nhà Pero, Bugiăcđông và Giêmăng, thoát tiên, ai cũng tưởng bị mất lợn, nhưng đến sáng thì thấy đàn lợn đang bới rau trong nhiều khu vườn. Chúng lợi dụng thời cơ và cửa mở để túa ra đi kiếm ăn đêm...

Hầu như chỗ nào cũng bị mất gia cầm. kẻ gian chỉ dùng ở đó thôi. Bà hàng bánh Pinhô suốt ngày ngoác mồm than thở rằng kẻ gian lấy mất của bà một cái bàn đập đồ giặt bằng gỗ và một livrơ thuốc nhuộm màu chàm, nhưng sự việc không bao giờ được xác minh, cũng không được lập biên bản.

Suốt buổi sáng, cả thị trấn cứ phát rồ, cuống cuồng và tào lao như vậy. Trong lớp, Giacxmanh thuật lại cuộc "tuần tra" của hắc hời đêm:

- Cha, chúng xỏ lắm! - hắc nói - Giá gặp thằng trộm nào, chú tớ chẳng bảo: tao bắn nó chết tươi như một con thỏ rồi ấy ư!

Nhìn chúng tôi, hắc tiếp:

- May chú không đụng Ganasơ, chú dễ cho một phát lắm. Một giuộc cả thôi, chú bảo vậy. Bác Êxênhơ cũng bảo vậy.

Tuy nhiên, chẳng ai nghĩ đến chuyện quấy rầy những người bạn mới của chúng tôi. Mãi tối hôm sau, Giacxmanh mới lưu ý chú hắc rằng Ganasơ, như kẻ trộm nhà hắc, đi giáy vải để cói đan. Hai chú cháu thỏa thuận là nên báo cho cảnh sát biết chuyện này. Hai người quyết định và hoàn toàn giữ kín, rằng hễ rồi ra là phải lên thị trấn huyện mời trước ông cảnh sát trưởng.

Những ngày tiếp theo, bị đau do vết thương hơi há miệng, chàng Bôhêmiêng trẻ măng cũng không xuất hiện.

Tối tối, chúng tôi lảng vảng trên quảng trường, chỉ để nhìn ngọn đèn của chàng sau tấm màn cửa xe màu đỏ. Chúng tôi hết sức bồn chồn, nhưng chỉ đứng xa, không dám lại gần cái nhà-xe xoàng xĩnh, nó có vẻ như lồi vào huyền bí và phòng đợi của xứ sở mà đường đi tới đó chúng tôi đã lạc mất.

Chương 6

CUỘC CẢI LỘN TRONG HẬU TRƯỜNG

Bao lo âu và hồi hộp đủ loại trong suốt những ngày qua đã không cho chú tôi để ý thấy rằng tháng ba đã đến và gió đã dịu đi. Nhưng ngày thứ ba sau cuộc phiêu lưu ấy, buổi sáng khi xuống sân, tôi đột nhiên hiểu rằng đang là mùa xuân. Một làn gió nhẹ dễ khiến ngất ngây như dòng nước ấm chảy loang bên trên bức tường, một trận mưa lạnh lẽ trong đêm đã làm ướt lá các cây mầu đơn. Đất trở mình trong khu vườn tỏa hương ngào ngạt, và tôi nghe trên cái cây cạnh cửa sổ tiếng một con chim đang học nhạc...

Giờ ra chơi đầu tiên, Môn bàn chuyện thử nga cuộc hành trình mà chàng học sinh Bôhemiêng đã nói rõ. Rất khó khăn, mới thuyết phục được anh đợi tới khi gặp lại người bạn nọ của chúng tôi, khi thời tiết thực tốt, khi mận ở Xanh-tơ-Á-gat đều nở hoa đã.

Tựa vào bức tường thấp dọc phố nhỏ, tay đút trong túi và đầu trần, chúng tôi trò chuyện với nhau. Gió khi thì khiến chúng tôi run run vì lạnh, khi thì mang đến những luồng hơi ấm thức tỉnh trong chúng tôi niềm hân hoan sâu thẳm những ngày xưa. Ôi, là anh em, bè bạn nhà du lịch, cả hai chúng tôi vững tin biết bao rằng hạnh phúc đang ở rất gần, rằng chỉ cần lên đường là đạt được.

Trong bữa ăn trưa lúc 12g20, chúng tôi nghe vọng lại tiếng trống đổ hồi ở quảng trường Bôn Đường. Chúng tôi nhảy phắt ra cửa hàng rào thấp lưới mắt cáo, khăn ăn trên tay... thì ra là Ganasơ laon báo 8g tối, "do trời đẹp" tổ chức một buổi biểu diễn ra trò trên quảng trường nhà thờ. Hoàn toàn ngẫu nhiên, "để phòng mưa", một cái trại sẽ được dựng. Tiếp theo là một chương trình dài dằng dặc, mà lời thông báo gió thổi bạt đi mất, nhưng chúng tôi vẫn nghe phổng chừng những "kịch câm, hài, trò cười ngựa...", tất cả bị ngắt quãng bởi những hồi trống mới.

Trong bữa ăn chiều, để báo đến giờ diện, tiếng trống cái vang lên như sấm dưới cửa sổ nhà tôi, làm rung kính. Chỉ lúc sau, người các làng tốp năm tốp ba vừa cười nói ầm ĩ, vừa lũ lượt đổ về về quảng trường nhà thờ, thế mà chúng tôi vẫn phải ngồi ăn, lòng nóng như lửa đốt.

Cuối cùng khoảng 9g, chúng tôi nghe tiếng chùy chân và tiếng cười nén lại ở hàng rào thấp, đó là các cô giáo đến tìm chúng tôi. Trời tối mịt, chúng tôi kéo cả đoàn ra chỗ biểu diễn. Từ xa, chúng tôi đã thấy bức tường nhà thờ sáng rực ánh đèn. Hai ngọn đèn dầu tỏa sáng trước cửa căn nhà bạt phập phồng theo gió...

Bên trong, các dãy ghế bậc thang được chỉnh đốn chỉnh tề như trong rạp xiếc. Ông Xoren, các cô giáo, Môn và tôi ngồi trên những ghế băng cuối rạp. Tôi nhìn chung quanh, khá chật chội, nhưng là rạp xiếc thực sự, với những khoảng tối lớn, trong đó ngồi trên các dãy ghế cao dần là bà hàng bánh Pinhô, bà hàng thực phẩm Phêcnăngđơ, các cô gái thị trấn, các thợ bịt móng ngựa, các mệnh phụ, lũ trẻ lau nhau, các bác nông dân và nhiều người khác nữa.

Chương trình đã diễn được quá nửa. Trên sân khấu, một con dê cái thông thái bé con đang đặt bốn chân thật khéo thật nhẹ lên bốn cái cốc, rồi lên hai, rồi chỉ một. Chính Ganasơ điều khiển nó bằng đôi que như gậy chỉ huy dàn nhạc, nhưng lo lắng nhìn về phía chúng tôi, mồm há to, mắt như chết.

Ngồi trên một cái ghế đầu, cạnh hai cây đèn dầu khác ở chỗ sàn diễn thông với nhà xe, đây là người chỉ huy đêm diễn, mà chúng tôi nhận ra trong cái áo nịt đen rất đẹp, trán vẫn còn băng.

Chúng tôi ngồi chưa ổn chỗ, thì nhảy tung vô ra sân khấu một con pônây yên cương đang hoàng, mà chàng trai bị thương, mặt còn búng ra sữa, cho chạy nhiều vòng, và lần nào nó cũng đứng trước một trong hai chúng tôi khi phải chỉ người đáng yêu nhất và dũng cảm nhất trong rạp. Nhưng bao giờ cũng trước bà Pinhô, khi phải phát hiện người đàn bà hay lừa dối nhất, keo kiệt nhất, hoặc "đa tình nhất"... Xung quanh bà rộ lên tiếng cười, tiếng thét, tiếng vẹt đục, cửa như một đàn ngỗng bị một con chósăn xua đuổi.

Trong khi đổi tiết mục, chàng chỉ huy đến trao đổi với ông Xoren, vốn không còn tự hào từng tiếp chuyện Tanma hay Lêôta nữa. Chúng tôi hau háu lắng nghe chuyện của chàng: về vết thương - đã kín miệng như cũ, về buổi diễn này - chuẩn bị suốt những ngày đông dài lê thê, về việc ra đi của họ - không trước cuối tháng, vì họ còn muốn hiến bà con ở đây nhiều chương trình mới lạ và đa dạng.

Đêm diễn sẽ kết thúc bởi một màn kịch câm.

Sắp hết giờ nghỉ, bạn chúng tôi cáo từ, và để về chỗ ở lối vào nhà xe, buộc phải đi qua một đám khán giả mà chúng tôi nhận ra ở giữa là Giacxmanh Đơlusơ. Các bà các cô dẫn ra. Trang phục đen, đáng vẻ bi thương, dị thường và quả cảm, chàng đã cảm phục được tất cả đám phụ nữ này. Còn Giaxmanh, chợt lộ vẻ như vừa đi du lịch về, và đang thì thào gì đấy với bà Pinhô, hẳn tưởng rằng sự chinh phục của hắn đã được bảo đảm bởi cái giầy lưng tu sĩ, cổ cùn thấp, và đôi ống quần chùng rộng thùng thình... Hắn thọc ngón tay cái vào ve áo vét-tông, tư thế vừa hóm hỉnh vừa ngượng ngập. Khi chàng Bôhêmiêng đi qua, với một cử chỉ bất cần, hắn nói to với bà Pinhô một câu mà chúng tôi không nghe được; nhưng chắc chắn đó là một câu chửi, một lời khiêu khích nhằm vào bạn chúng tôi. Hắn đấy là một lời hăm dọa nghiêm trọng và bất ngờ, bởi lẽ chàng trai không nén nổi, ngoái lại nhìn trừng trừng thẳng kia, mà để khỏi mất bình tĩnh, hắn phải cười khẩy, hích khuỷu tay vào người ngồi bên hông tìm sự đồng tình... Tất cả chỉ diễn ra trong vài giây. Chắc chắn tôi là người duy nhất trên hàng ghế của tôi nhìn thấy.

Chàng chỉ huy đêm diễn đi vào với bạn sau tấm ri-đô che lối ra vào sân khấu. Khán giả về chỗ, đình ninh phần thứ hai của chương trình sắp bắt đầu. Rạp lắng dần đi. Bây giờ, trong khi những tiếng rì rầm cuối cùng của người xem im hẳn, thì đằng sau tấm ri-đô nổi lên tiếng cãi nhau. Chúng tôi không nghe nổi nội dung câu chuyện, nhưng nhận ra hai giọng khác nhau, của chàng Bôhêmiêng, và của gã cao ngất nghểu - giọng thứ hai giải thích, thanh minh; giọng thứ nhất la mắng vừa tức giận vừa buồn phiền.

- Thật khốn khổ! - giọng này nói - sao không nói trước với tôi.

Sau đấy chúng tôi không phân biệt được nữa, dù cố lắng nghe. Rồi bỗng im bật. Rồi lại nghe lời qua tiếng lại rất khẽ. Bọn trẻ trên các hàng ghế cao bắt đầu hét lên:

- Đưa đèn măng-xông ra! Bắt đầu thôi - và dậm chân loạn xạ.

Chương 7

CHÀNG BÔHÊMIÊNG THÁO BỎ BĂNG

Cuối cùng, từ từ thò qua hai cánh màn bộ mặt đầy nếp nhăn ngang dọc, giãn hết ra khi thì vui thích, khi thì vì thống khổ, và đầy vết bánh mỳ như đóng dấu niêm phong - của một thằng bé cao ngất ngưỡng gồm ba phần ghép vào nhau khá vụng về, bụng co rúm như đang bị tháo dạ, chân bước trên đầu ngón như do quá thừa sợ hãi và thận trọng, hai bàn tay thì vương vãi trong hai ống tay áo quá dài quét lê thê trên sàn diễn.

Giờ đây, tôi không khôi phục lại được nữa chủ đề màn kịch câm. Tôi chỉ nhớ rằng, vừa ra sân khấu, cố đứng một cách vô ích và tuyệt vọng, chú hề đã ngã sóng xoài. Chú gương đứng dậy nhưng uống công. Định mệnh mạnh hơn chú: chú vẫn ngã. Chú loay hoay muốn ngồi lên cả bốn cái ghế tựa cùng một lúc. Thế là chú lại đổ nhào, kéo theo một cái bàn to kèngh vừa được đưa ra sàn diễn. Chú lăn ra bên kia hàng rào chắn sân khấu, nằm lẫn dưới chân khán giả, phải khích lệ mãi, rồi nắm lấy chân chú mà lôi, và sau nhiều cố gắng giả vờ, mới đặt chú đứng lên được. Nhưng chú lại ngã, lại được vực dậy. Mỗi lần ngã, chú thốt ra một tiếng kêu nhỏ, tiếng kêu nhỏ nhẹ không chịu nổi, nghe đau đớn và mãn nguyện như nhau. Đến phần cời nút, trèo lên một chổng ghế tựa, chú trình diễn một cuộc ngã mệnh mông và rất chậm chạp, kèm một tiếng cú kêu mừng thắng lợi cứ xói vào tai nghe thật là bi thương, tiếng kêu kéo dài suốt cuộc ngã, hòa vào tiếng khán giả nữ rú lên khiếp sợ.

Trong phần hai của tiết mục kịch câm, tôi lại thấy mà chẳng hiểu vì đâu, chính "chú hề hay ngã đáng thương", chú lôi ra khỏi một tay áo một con búp bê nhỏ nói được, và với nó, chú trình bày cả một màn bi hài kịch. Kết cục, chú làm cho con búp bê nhả hết âm thanh trong bụng nó ra. Tiếp theo, với những tiếng tỉ tê đáng thương hại, chú nhồi cháo sữa vào miệng búp bê. Vào lúc hấp dẫn nhất, khi người xem ai cũng trề môi, dán mắt vào con búp bê vỡ tung, bê bết đầy cháo, chú đột ngột nắm tay nó, ném vút qua đầu khán giả, vào mặt Giacxmanh Đolusơ, nhưng nó chỉ dây bẩn tay thằng này thôi, rồi rơi bộp lên cái dạ dày của bà PinhoÔ, ngay bên dưới cằm. Bà hàng bánh gào lên, ngửa mặt người ra sau, các bà cùng ngồi cũng làm vậy, cái ghế gãy rắc, thế là bà hàng bánh, Phecnăngđơ, bà góa Đolusơ sầm sập cùng khoảng 20 người khác ngã ngửa xuống nền, chân chới với trên không, trong lúc cả rạp cười la ầm lên và hoan hô nhiệt liệt. Còn chú hề, do mất đà, vừa ngã ấp mặt xuống sân khấu, đã đứng lên chào đáp lễ:

- Chúng tôi rất vinh sự được cảm ơn quý ông quý bà!

Chính lúc đó và giữa bốn bề ồn ã, Môn Sếu, yên lặng xem từ đầu tiết mục kịch câm và mỗi lúc một tỏ ra chăm chú hơn, đột ngột đứng dậy, khoác tay tôi, tuồng như không nén được nữa, và thốt ra:

- Cậu nhìn tay Bôhêmiêng kia! Nhìn xem! Nhìn xem! Tớ nhận ra rồi!

Chưa nhìn, tôi đã hiểu cả, cứ như từ lâu lắm rồi, một cách vô ý thức, ý nghĩ ấy đã ấp ủ trong tôi, chỉ chờ thời cơ để nổ ra thôi. Đứng gần một cái đèn dầu ở lối vào nhà xe, nhận vật không quen biết đã gỡ bỏ băng đầu và khoác lên người một áo choàng du lịch. Trong ánh đèn dầu vẫn khời, cũng như mới đây trong ánh nến ở căn phòng tòa lâu đài, chúng tôi lại thấy một khuôn mặt không ria mép rất bầu bĩnh, rất khô ngô. Xanh xao, môi hé mở, chàng thoăn thoắt lật giở một quyển album nhỏ màu đỏ, chắc là một tấm bản đồ bỏ túi. Trừ một vết sẹo ngang thái dương bị tóc trùm kín, đấy chính là vị hôn phu của lâu đài bí mật, y như Môn đã miêu tả tỉ mỉ cho tôi hay.

Hiển nhiên, chàng bỏ băng đi là để chúng tôi nhận ra. Nhưng vừa hành động vừa kêu lên như

vậy xong, chàng đã đi vào nhà xe, sau khi trao cho chúng tôi một cái nhìn cảm thông và một nụ cười đượm buồn vốn quen thuộc nơi chàng.

- Còn người kia - Môn hào hứng nói luôn - sao tớ không nhận ra ngay nhì. Anh hề ở cuộc lễ đăng ấy chứ ai!

Anh bước theo các bậc ghế đi xuống để đến gặp chú hề. Nào còn đâu, Ganasơ đã cắt hết các mối liên hệ với sân khấu. Chú lần lượt tắt cả bốn cây đèn dầu. Đoàn phải theo đám đông đang nhích ra ngoài rất chậm và chen chúc giữa các hàng ghế song song trong bóng tối, chúng tôi sốt ruột giậm chân hoài.

Vừa ra đến ngoài, Môn đã nhào đến cái nhà-xe, trèo lên gác, gõ cửa, nhưng cửa đóng im ỉm. Không nghi ngờ gì nữa, trong cỗ xe treo ri-đô, cũng như trong cỗ dành cho con dê cái thông minh, con ponây và bầy chim rừng, tất cả đều đã trở vào và bắt đầu ngủ.

Chương 8

CẢNH SÁT

CChúng tôi phải về nhập bọn với nhóm các ông các bà đang đi về phía lớp cao học qua các phố tối tăm. Lần này chúng tôi hiểu tất cả. Cái bóng người trắng trắng cao lóng không chạy giữa các gốc cây, mà Môn thấy đêm cuối cùng của cuộc lễ, chính là Ganasơ. Chú đã đón lấy chàng rể tuyệt vọng và cùng trốn đi với chàng. Còn chàng thì đã chấp nhận cuộc sống hoang dã đầy dẫy những hiểm nguy, vui thú và phiêu lưu đó. Chàng thấy hình như mình bắt đầu sống lại tuổi ấu thơ

Cho đến nay, Phrăng đơ Gale đã giấu chúng tôi tên chàng. Chàng cũng giả vờ không biết đường đến lâu đài, chắc chắn chỉ vì sợ bị buộc quay về với cha mẹ. Nhưng vì sao đêm ấy, chàng đã bằng lòng tự "hiện nguyên hình" trước chúng tôi, và để chúng tôi đoán ra tất cả sự thật?

Môn nảy ra bao ý định trong khi nhóm người xem dẫn điệu qua thị trấn. nah quyết định ngay sáng ngày mai, thứ năm, anh sẽ đi gặp Phrăng, và hai người sẽ đi về nơi ấy! Đi trên con đường ẩm ướt đó sẽ thật là tuyệt kỳ! Phrăng sẽ giải thích mọi chuyện. Chuyện nào sẽ vào chỗ chuyện ấy. Cuộc phiêu lưu kỳ diệu sẽ tiếp tục vào chỗ nó bị cắt ngang...

Còn tôi, tôi bước trong màn đêm mịt mù mà lòng rộn ràng khó tả. Tất cả hòa vào nhau khiến cho lòng tôi vui, từ sự chờ đợi ngày thứ năm, đến sự phát hiện rất lớn lao mà chúng tôi vừa được thấy, cho đến dịp may khổng lồ chúng tôi mới để tuột. Tôi nhớ lại rằng, đang lúc hồ hởi như thế, tôi lại gần cô con gái xấu nhất của ông chương khế, mà đôi lần toán người xem bắt tôi phải khoác tay, và tôi bỗng bột trao tay cho cô.

Ôi, những kỷ niệm đau lòng! Những hy vọng hảo huyền bị chà đạp!

Hôm sau, ngay từ tám giờ, khi chúng tôi ra đến quảng trường nhà thờ, với đôi giày đánh xi bóng nhoáng, khóa dây lưng lau đến soi gương được, và mũ cát-két mới tinh, Môn, cho đến lúc ấy, hề nhìn tôi lại cố nén cười, liền kêu lên một tiếng và lao vào quảng trường trống không... Ở chỗ dựng rạp xiếc và để xe, chỉ còn mấy cái giẻ lau và một bình vỡ. Các chàng Bôhêmiêng đi rồi...

Một làn gió nhẹ mà chung tôi cảm thấy lạnh ngắt chồn vờn thổi. Tưởng chừng mỗi bước chân chúng tôi đều sắp vấp ngã trên mặt đất rắn đánh rải sỏi ở quảng trường. Cuồng lên, Môn nhào theo con đường Vơ-Năngxay, rồi theo con đường Xanh-lu-đê-boá. Anh đưa bàn tay lên chắn ngang bên trên mắt, hy vọng các bạn của chúng tôi chỉ vừa đi thôi. Nhưng để làm gì? Mười vết bánh xe chồng chéo lên nhau trên quăng trường, rồi mất đi trên con đường rắn đánh. Đành đứng trơ ra.

Khi chúng tôi lộn về, qua làng quê đang bắt đầu đón buổi sáng thứ năm, thì bốn người cảnh sát cưỡi ngựa được Đolusơ mật báo đêm qua phóng đến quảng trường, rồi tản vào các phố để chặn hết lối ra... Nhưng muộn rồi! Ganasơ, gã ăn trộm gà, đã cùng bạn trốn thoát. Cảnh sát không tìm thấy chú, cũng như những kẻ tòng phạm đã chất lên mấy chiếc xe những con gà thiếu mà chú đã bóp cổ. Kịp biết qua câu nói khinh suất của Giacxmanh, hăng Phrăng vỡ lẽ câu chuyện bên chàng và chàng vẫn sống bằng nghề gì mỗi khi hai người cạn túi. Vô cùng xấu hổ và tức giận, chàng đã tức khắc dừng cuộc hành trình và quyết định bỏ đi trước khi cảnh sát đến. Nhưng, từ nay không còn sợ người ta bắt đem về cho cha, chàng đã muốn xuất hiện không bằng bó trước chúng tôi, rồi mới lặn mất tăm.

Điểm duy nhất không bao giờ sáng tỏ: làm sao Ganasơ có thể vừa ăn trộm gà vịt, vừa mời được bà xơ đến thăm bệnh sốt cho bạn mình? Nhưng đây chẳng phải toàn bộ tiểu sử của con người đáng thương sao? Một mặt là thằng trộm cắp và lêu lổng, mặt khác là một người thánh thiện.

Chương 9

ĐI TÌM CON ĐƯỜNG ĐÃ MẤT

Khi chúng tôi trở về, mặt trời đã xua tan màn sương mù mỏng tang buổi sáng,. Trên ngưỡng cửa các nhà, các bà nội trợ đang giữ thăm hay chuyện vãn. Trên các cánh đồng và trong các rừng cây ở các cửa ngõ thị trấn, bắt đầu buổi sáng xuân tươi đẹp nhất còn lại mãi trong lòng tôi.

Tất cả học sinh lớn của lớp đều phải có mặt khoảng tám giờ ngày thứ năm ấy. Họ phải chuẩn bị trong buổi sáng, một số thì thi tốt nghiệp cao học, số khác thì thi đại học sư phạm. Khi hai chúng tôi đến - Môn thi với tâm trạng luyến tiếc và bồn chồn, đứng ngồi không yên; tôi thì hết sức nản lòng - chúng tôi thấy trường vắng tanh... Anh mặt trời tươi tắn lướt trên một ghế băng một phủ bụi và quả địa cầu đã tróc sơn.

Làm sao có thể ngồi đây trước một quyển sách để đắm chìm trong thất vọng, trong khi bên ngoài tất cả vậy gọi chúng tôi: chim chóc đuổi nhau trên cành bên cửa sổ, các học sinh khác phòng ra bãi cỏ và rừng cây, và nhất là nỗi khát khao cháy bỏng được thử càng sớm càng hay cuộc hành trình chưa hoàn chỉnh mà chàng bôhêmiêng đã kiểm tra - phương kế cuối cùng của chúng tôi, chiếc chìa khóa cuối cùng trong chùm chìa khóa, sau khi đã thử tất cả những chiếc khác? Điều này ở trên sức của chúng tôi! Môn đi loanh quanh, đến bên các cửa sổ nhìn ra vườn, rồi quay lại nhìn thị trấn, như thể anh đợi một người chắc chắn không đến.

- Em nghĩ rằng - sau cùng tôi nói - em cho rằng không xa như ta tưởng đâu.

- Trong bản đồ của tớ, Phrăng đã gạch hẳn một đoạn trên con đường lớn mà tớ dự định sẽ đi... Thế tức là, có thể thôi, trong khi tớ ngủ, con ngựa cái đã đi vòng rất xa một cách vô ích.

Tôi nửa đứng nửa ngồi trên góc một chiếc bàn lớn, một chân đặt trên đất, chân kia đu đưa, đầu cúi, vẻ rối rĩ và chán nản.

- Thế nhưng - tôi nói - khi về trên chiếc xe hòm, anh đã chu du suốt đêm.

- Chúng tớ khởi hành vào nửa đêm - anh hăng hái trả lời - Họ cho tớ xuống lúc 4g sáng, cánh Xanhlor-Agat khoảng 6km về phía tây, thế mà tớ lại ra đi theo đường từ ga về phía đông. Vì vậy, ít ra cũng phải tính đến 6km này trong khoảng cách giữa Xanhlor-Agat và Xứ sở đã mất. Thực tế, tớ thấy hình như ra khỏi khu rừng Camin, tớ chưa xa nơi chúng ta tìm kiếm ủa hai dậm.

- Đúng là hai dậm này còn thiếu trong bản đồ của anh.

- Quả vậy. Cửa rừng cách đây một dậm rưỡi. Nhưng đi bộ giỏi thì một buổi sáng là xong.

Vừa lúc đó, Musorơp đến. Cậu này có xu hướng đáng bực mình, phải tỏ là một học sinh tốt, không phải bằng cách học hành tốt hơn các bạn, mà bằng cách làm sao để nổi bật lên trong những hoàn cảnh như hôm nay.

- Tao biết mà - cậu ta hí hửng nói - chỉ có hai thằng mầy đến thôi. Chúng nó đi rừng Comunô ráo cả. Cầm đầu: Giazmanh Đơluso, nó biết chỗ nào có tổ chim.

Rồi ra về ta đây đạo đức, cậu bắt đầu thuật lại tất cả những gì mà các bạn kia đã nói để trêu tức nhà trường, ông Xoren và chúng tôi, khi quyết định đi chơi trong rừng.

- Nếu các cậu ấy ở trong rừng, thì thế nào lúc đi qua tớ cũng gặp - Môn nói - vì tớ cũng đi đây. Mười hai rưỡi tớ sẽ về.

Musorop ngáy ra.

- Cậu không đi à? - Môn hỏi tôi, trong khi ngừng lại giây lát ở ngưỡng các cửa vừa hé mở, do đó mà ủa vào căn phòng màu xám cùng với một luồng không khí ẩm áp ánh mặt trời, là đủ thứ tiếng reo hò, kêu gọi, chí chöhe, tiếng gàu mức nước va vào gò giếng, tiếng một cây roi vút xa xa.

- Không - tôi đáp - dù rất muốn đi, em vẫn không thể, vì còn ông Xoren. Nhanh lên anh nhé, em chờ. Sốt ruột chờ anh đấy.

Anh phác một cử chỉ mơ hồ, rồi bước đi, hết sức lạnh lẽ, đầy vẻ hy vọng.

Khoảng 10g, ông Xoren đến. Ông đã cởi bỏ cái áo vét đen vải anpaga, mặc vào một áo khoác dân chài, với những túi rộng cài khuy, đầu đội mũ rơm, cổ chân quấn xà cạp ngắn, quét sơn, bó chặt lấy gấu quần. Tôi tin rằng ông chẳng lạ gì khi không thấy một ai. Ông không muốn nghe Musorop lặp lại ba lần câu mà cánh đi chơi rừng Comunô đã nói:

- Cần chúng tao thì ông ấy cứ đến đây!

Ông ra lệnh:

- Các em buộc chặt trang phục và đội mũ vào, đến lượt chúng ta đi lòi chúng ra khỏi tổ... Phrăngxoá, đi bộ đến đó được không?

Tôi khẳng định là "được" và chúng tôi lên đường.

Chúng tôi thỏa thuận để Musorop dẫn đường và gọi to để định hướng thay ông Xoren... Nghĩa là cì biết các khu cây lớn ở đó tập trung các học sinh đi bắt tổ chim, lát lát cậu ta sẽ gọi to:

- Ê. Ê, Girôđa! Đơlusơ! Chúng mày ở đâu?... Có tổ không?... Tìm thấy chưa?...

Khoái biết bao, tôi được giao việc đi dọc bờ rừng phía đông, để phòng các học sinh trốn học lỉnh ra theo phía này .

Vậy mà, trong tấm bản đồ đã được chàng Bôhêmiêng hiệu đính, và chúng tôi - Môn và tôi - đã nghiên cứu bao phen, hình như có một con đường thẳng băng, một con đường đất, xuất phát từ bờ rừng này để đi về hướn lâu đài. Giá sáng nay tôi tìm ra con đường ấy!... Tôi bắt đầu tin rằng trước buổi trưa, tôi đã có mặt trên con đường dẫn đến điền trang đã mất!...

Cuộc dạo chơi kỳ diệu!... Chúng tôi vừa đi qua Glaxi và đi vòng Cối Xay Gió, tôi đã rời hai bạn đường, ông Xoren trông như đang ra mặt trận - tôi tin ông mang trong túi một khẩu súng ngắn cũ, và thằng Musorop lừa thầy phản bạn.

Theo một lối tắt, chả bao lâu tôi đã đến bờ rừng - lần đầu tiên trong đời đi một mình qua đồng, như một đội quân tuần tiểu đã mất chỉ huy.

Tôi tưởng rằng ở nơi đây, tức là tôi đã ở bên niềm hạnh phúc huyền diệu mà Môn thoáng nhìn thấy ngày nào. Cả buổi sáng là dành cho tôi, để tôi thám hiểm bờ rừng, nơi tươi mát nhất và hẻo lánh nhất trong vùng, trong khi anh trai tôi cũng đi thám hiểm. Đây như thể lòng một dòng suối cũ. Tôi đi qua dưới những cành lá thấp la đà của những cây mà tôi không biết tên, nhưng chắc chắn thuộc họ cây trăn. Tôi vừa nhảy qua một hàng rào cho nhò leo ở cuối đường mòn và

giờ đây đang trên con đường lớn phủ cỏ xanh biếc như cuộn cuộn chảy dưới lá cây; trên đó thỉnh thoảng xéo lên các bụi tầm ma, chà bẹp các bụi nữ lang.

Thỉnh thoảng, chân tôi giẫm nhẹ vài bước lên một dải cát mịn. Trong tĩnh mịch, tôi nghe một con chim - tôi tưởng là chim họa mi, nhưng chắc hẳn tôi nhầm, vì họa mi chỉ hót về đêm. - một con chim bướng bỉnh hót mãi một câu: tiếng thốt ra buổi sáng, lời thủ thỉ dưới bóng cây, lời mời ngọt ngào đi dạo giữa các cây trần. Không cho nhìn thấy, ngang ngạnh, dường như nó cứ đi theo tôi dưới lá cây rừng.

Vậy là lần đầu tiên, chính tôi cũng đang trên đường phiêu lãng. Tôi không đi tìm vỏ ốc mà nước để lại, dưới sự chỉ bảo của ông Xoren như xưa, cũng không tìm nữa giống lan củ mà ông thầy không biết, cũng không tìm nữa, ngay cả, như chúng tôi vẫn gặp luôn trên cánh đồng của lão Mactanh, cái mạch nước rất sâu đã cạn, có đây một tấm lưới sắt, bị chôn vùi dưới bao tầng cỏ dại, mà mỗi lần muốn tìm lại tốn thêm thời gian... Tôi tìm cái gì kỳ diệu hơn kia. Đó là lối đi vốn là một vấn đề trong nhiều cuốn sách, con đường đầy trở ngại xưa, con đường mà vị hoàng tử mệt mỏi không tìm được lối vào. Lối đi kia được phát hiện vào giờ không ngờ nhất của buổi sáng, khi tôi đã quên từ lâu lắm rằng sắp mười một giờ, sắp trưa rồi...

Đột nhiên, trong khi giờ hai tay ngang mắt, ngáp ngừng rẽ các cành cây giữa cây lá rậm rạp, tôi nhìn thấy nó như một đại lộ tối tăm dài thăm thẳm mà lối ra là một lỗ ánh sáng tròn bé tẻo teo.

Đang hy vọng và ngây ngất như thế, bất đồ tôi bước ra một khoảng trống như một kiểu rùn thừa, thực tế chỉ là một bãi cỏ đơn thuần. Không chú tâm, tôi đã đến điểm mút của rừng Komunô mà tôi vẫn tưởng là xa lắm. Bên phải tôi, rì rầm như tổ ong dưới bóng râm giữa nhiều đồng gỗ chất cao, là nhà bác gác rừng. Đôi tất chân phơi trên thành cửa sổ. Mấy năm xưa, khi đến cửa rừng, bao giờ chúng tôi cũng chỉ cái đốm sáng ở đầu con đường tối đen thăm thẳm này mà nói:

- Đây là nhà bác gác rừng, nhà bác Baladiê.

Nhưng chưa lần nào chúng tôi đi đến tận đó. Đôi lần, chúng tôi được nghe, như về một cuộc thám hiểm phi thường.

- Hẳn đã đến tận nhà bác gác rừng cơ đấy!

Tôi bắt đầu khốn khổ vì chân đã mỏi và vì cái nóng đến giờ tôi mới cảm thấy. Tôi sợ phải đi về một mình. Đúng lúc này, tôi nghe tiếng Musơbơp gọi to thay cho ông Xoren, rồi nhiều tiếng khác la gọi tôi...

Đây là một nhóm sáu học sinh lớn, trong đó chỉ mình thằng lừa thầy phản bạn Musơbơp là có vẻ đặc chỉ. Mấy cậu đó chính là Girôđa, Obacgiê, Đolagiô... Nhờ tiếng gọi thay của Musơbơp, ông Xoren tóm được một số đang vắt vẻo trên một cây anh đào dại lẻ loi trong khoảng rừng thưa, số khác đang bắt tổ chim gõ kiến. Thằng ngốc Girôđa mắt híp, ao bly\u cáu bần, đã giấu con chim con vào trong áo trước bụng. hai cậu trong cánh trốn học đã bỏ chạy khi biết ông Xoren đến gần, hiển nhiên đó là Đolusơ và Côpanh lùn. Lúc đầu, hai tay này đã trên bằng cách đáp lại "Musovaso" (Musơbơp: ruồi bò đực, Musovaso: ruồi bò cái) mà tiếng vang dội đi dội lại mãi trong rừng. Musơbơp điên lên, nhưng tin thế nào cũng tóm được hai cậu kia nên ngốc nghếch trả lời:

- Liệu đấy. Có mà chạy đằng trời. Thầy Xoren đây...

Hai tay kia im bặt. Chúng đang lặng lẽ luồn qua rừng. Thuộc rừng như lòng bàn tay, chúng không cần gặp các bạn khác. Ông Xoren cũng không biết Môn ở đâu. Khi Musơbơp gọi, ông không nghe trả lời. đành phải từ bỏ ý định đi tìm anh.

Quá trưa chúng tôi mới về đến đường và Xanh-tơ-Agat, đầu cúi, chân nặng như chì, vẻ phờ phạc, người lấm lem bụi đất. ra đến cửa rừng, chúng tôi lau cạo bùn bám trên giày và thấy trời nắng khá gắt. Chưa chỉ đã hết buổi sáng xuân tươi mát và rục rịch. Nhưng âm thanh của buổi chiều đã bắt đầu. Xuống khỏi Glaxi, chúng tôi dừng chân một lát, trò chuyện với các công nhân nông nghiệp đã tiếp tục làm việc sau bữa ăn trưa. Họ đứng tì vào ba-ri-e để tiếp chuyện, ông Xoren bảo họ.

Thật là những tướng con cự phách! Các ông hãy nhìn Girôđa kia! Hắn cho con chim vào trong áo sơ-mi. Lũ chim nhãi muốn thì cứ việc thôi. Sạch thật!...

Toán công nhân phì cười, tôi có cảm tưởng họ cũng cười cả thất bại của tôi. Vừa cười, họ vừa lắc đầu, nhưng không đổ hết lỗi cho các học sinh mà họ rất hiểu. Thậm chí, khi ông Xoren lại đi lên dẫn đầu hàng quân, họ còn cho chúng tôi hay.

- Có một cậu qua đây, cậu cao ngồng ấy, dĩ nhiên các vị thừa biết... Khi trở về, hắn gặp xe nhà Giảng-giơ hắn được đi nhờ. Hắn xuống xe ngay, người đầy đất cát, áo quần rách bươm. Cha đây là chỗ rẽ vào trại Giảng-giơ mà. Chúng tôi bảo hắn, các vị đã đi qua đây và chưa về. Thế ư hắn lặng lẽ đi về Xanh-tơ-Agat.

Thật vậy, Môn đang ngồi trên một trụ cầu Glaxi chờ chúng tôi, vẻ mệt mỏi vô bờ. Trả lời các câu hỏi của ông Xoren, anh nói rằng chính anh cũng đi tìm cánh học sinh bỏ học đi chơi. Với câu hỏi rất khế của tôi, anh chán ngán lắc đầu và chỉ nói:

-Không! Có gì giống thế đâu! Chẳng gì cả!

Ăn trưa xong, vào căn phòng học đóng cửa tối đen và trống rỗng giữa xung quanh trời đất huy hoàng, anh ngồi xuống một cái bàn lớn, gục đầu lên hai cánh tay khoanh mà ngủ mê một rất lâu, một giấc ngủ buồn chán. Đến chiều, sau khi ngẫm nghĩ kỹ càng, như vừa có một quyết định quan trọng, anh ghi cho mẹ một cánh thư. Đây là tất cả những gì tôi còn nhớ được về đoạn kết thúc buồn bã của một ngày thất trận vĩ đại.

Chương 10

ĐỒ GIẶT

Chúng tôi tưởng mùa xuân đã đến, nhưng thật là quá sớm và hão huyền.

Chiều thứ hai, chúng tôi muốn làm bài tập ngay sau 4g như đang giữa mùa hè. Để nhìn rõ hơn, chúng tôi đưa hai cái bàn ra sân. Nhưng trời tối sập ngay xuống. Một giọt mưa rơi vào một quyển vở. Chúng tôi rúc tốc quay vào. Trong căn phòng mênh mông tối sẫm, chúng tôi lặng lẽ đưa mắt qua các cửa sổ rộng nhìn mây bay vun vút trên bầu trời xám.

Cũng đang ngấm mây như chúng tôi, một tay nắm lấy nắm đấm cửa sổ, Môn không nén được đã thốt lên, dường như đang tiếc ngơ tiếc ngẩn:

- A, mây bay khác thế kia, lúc tớ đang rong ruổi trong chiếc xe của trại Ngôi Sao Đẹp trên đường!

- Đường nào? - Giaxmanh Đolusơ hỏi.

Môn không đáp.

- Em - tôi lên tiếng để lái sang câu chuyện khác - em thích chu du như thế trên xe không mui, đầu che một cái ô thật lớn.

- Và dọc đường cứ chúm mũi đọc sách như ở trong nhà - một bạn tiếp lời.

- Có mưa đâu, tớ cũng không muốn đọc - Môn đáp, tớ chỉ thích ngắm cảnh thôi.

Girôđa hỏi:

- Cảnh nơi nào?

Môn lại lờ đi. Còn Giacxmanh nói:

- Tao biết... Bao giờ cũng một cuộc phiêu lưu vĩ đại!...

Hắn nói bằng một giọng làm lạnh và long trọng, như thể hắn cũng có tham gia đôi phần vào bí mật của Môn. Nhưng vô ích, đừng hòng lấy lòng anh. Trời đã tối, ai cũng lật áo blu lên che đầu và lao đi dưới mưa rào giá lạnh.

Cho đến hứ năm sau, trời vẫn mưa sụt sùi. Thứ năm này còn buồn hơn thứ năm trước. Đồng bãi mọi nơi đều chìm trong một biển sương mù như băng, như trong những gày đông xấu trời nhất.

Bị cái nắng tươi vui hôm nọ đánh lừa, Mili đã cho giặt giũ quần áo chăn nệm. Song đừng có nghĩ đến việc đem phơi trên hàng rào goài vườn hay ngay cả trên dây trong nhà kho tầng hai, vì lạnh và ẩm thế này cơ mà.

Bàn với ông Xoren, mẹ bỗng nảy ra ý đem trái đồ giặt trong các lớp học, và đốt thật to các lò sưởi trong những phòng ấy lên, vì hôm nay là thứ năm. Để tiết kiệm lửa trong nhà bếp và phòng ăn, mẹ nấu thức ăn trên lò sưởi, và suốt ngày, Môn và tôi ở trong phòng học lớn.

Mới đầu - tôi còn trẻ con biết bao! - tôi coi sự thay đổi đó như một ngày hội.

Hội gì mà tẻ!... Đồ giết hút hết hơi nóng lò sưởi, phòng vẫn lạnh thấu xương. Ngoài sân, mưa bụi mùa đông buông dầm dề không dứt, ẩm ướt vô cùng. Vì vậy, chán ngán hết chỗ nói, ngay từ 9g sáng, tôi đã tìm gặp Môn. Chúng tôi gục đầu vào chấn song cánh cửa, lắng thính ngấm một đám ma từ một làng xa, đến quảng trường Bốn Đường phía đầu thị trấn. Cổ quan tài mà người ta chở đến trên một chiếc xe bò được hạ xuống, đặt lên một tấm đan ở chân cây thập tự lớn, nơi mà gần đây bác hàng thịt đã nhìn thấy mấy bạn của chàng Bôhemiêng đi rình mò. Giờ chán gở đâu, viên chỉ huy trẻ tuổi đã chỉ đạo tài tình cuộc tập kích đêm ấy? Như một thông lệ, mục sư và các ca sĩ đến trước cổ quan tài, và các bài hát buồn thảm vang lên đến tận chỗ chúng tôi. Chúng tôi biết đây sẽ là cảnh tượng duy nhất của ngày hôm nay, diễn ra trọn vẹn như nước trôi trong mương.

- Bây giờ - Môn bỗng nói - tớ đi chuẩn bị hành lý, Phrăngxoa ạ, tớ viết thư cho mẹ tớ thứ năm tuần trước, để xin mẹ cho học nốt ở Paris. Hôm nay tớ lên đường.

Anh vẫn nhìn về phía thị trấn, hai bàn tay chống vào chấn song ở độ cao ngang đầu. Còn gì mà phải hỏi xem liệu mẹ anh, vốn chịu anh hết mực, lần này có chịu anh không. Cũng chẳng phải hỏi làm gì xem vì sao anh bỗng dừng lại muốn đi Pari!...

Nhưng chắc chắn trong anh có niềm lưu luyến và nỗi sợ hãi phải rời xa mảnh đất Xanh-tơ-Agat thân yêu này, nơi anh đã lên đường phiêu lãng. Phần tôi, tôi rụng rời chân tay, đau xót và bàng hoàng, mà thoát đầu tôi không cảm thấy.

- Lễ Phục sinh sắp đến rồi! - anh nói để tôi đỡ ngạc nhiên, và cất tiếng thở dài.

- Tìm thấy người phương xa là anh biên thư cho em chứ? - tôi hỏi.

- Tớ hứa, đương nhiên. Cậu chẳng phải là bạn và em của tớ hay sao?

Rồi anh dịu dàng gồm lấy vai tôi.

Dần dần tôi hiểu rằng thế là hết, bởi vì anh muốn học tiếp và thi tốt nghiệp ở Paris, không bao giờ tôi còn có bên mình người bạn vĩ đại nữa...

Để gập lại, chúng tôi chỉ còn hy vọng vào căn nhà ở Paris, nơi hẳn có vết tích của cuộc phiêu lưu thất bại... Nhưng để thấy Môn héo hon đi, thì hy vọng ấy há chẳng là cơ cực đối với tôi chẳng?!

Cha mẹ tôi được báo tin. Ông Xoren rất ngạc nhiên, nhưng hiểu ngay tất cả khi Môn trình bày. Mili vốn thích nhà cửa ngăn nắp dễ chịu, lấy làm buồn nhất, khi nghĩ rằng mẹ của Môn sẽ thấy nhà tôi mất sự ngăn nắp quen thuộc... Ôi, hòm đồ đạc của anh sẽ được sửa soạn ngay! Chúng tôi tìm dưới gầm cầu thang những đôi giày anh đi chủ nhật, trong tủ một ít quần áo, rồi sách vở và giấy tờ của anh... tất cả những gì mà một chàng trai 18 tuổi được sở hữu trên đời.

Đến trưa, bà Môn đi xe của mình tới. Bà ăn trưa ở quán cà phê Daniel cùng Môn, và gần như không giải thích một lời, bà đưa anh đi, ngay khi ngựa đã được ăn cỏ và thắng vào xe. Chúng tôi đứng trên ngưỡng cửa chào từ biệt hai người. Và chiếc xe mất hút ở chỗ ngoặt trên quảng trường Bốn Đường.

Mili chùi chân trước cửa, rồi đi vào phòng ăn lạnh lẽo, sắp xếp lại những chỗ bị mất trật tự. Còn tôi, lần đầu tiên sau bao tháng dài, tôi chỉ còn một mình trước một đêm thứ năm dài lê thê - với cảm tưởng rằng tuổi niên thiếu của tôi vừa ra đi mãi mãi trên chiếc xe cũ kỹ kia.

Chương 11

TÔI PHẢN BỘI...

Làm gì?

Trời ửng lên đôi chút. Có lẽ mặt trời sắp mọc.

Có tiếng cửa ra vào kẹt lên trên phòng học lớn. Rồi lại im lìm. Lát lát, cha tôi lại đi qua sân để lấy một xô than đá cho vào lò sưởi. Tôi nhìn thấy những ra trải giường trắng phơ trên các dây phơi và không còn muốn vào căn phòng học đã biến thành sân phơi hay phòng sấy trông thật đáng buồn cười, để đối diện với cuộc thi cuối năm, cuộc thi vào đại học sư phạm từ nay là lo toan duy nhất của tôi.

Lạ thay, xen vào nỗi buồn vẫn khiến tôi bàng hoàng đau nhói này là một cảm giác như được tự do. Môn ra đi - cả cuộc phiêu lưu chấm dứt và bị bỏ lỡ, ít ra tôi cũng thấy hình như mình được giải phóng khỏi nỗi lo âu kỳ dị và mối bận tâm khó hiểu không cho phép tôi hành động như mọi người. Môn ra đi, tôi không còn là người bạn phiêu lưu của anh, tôi cũng hết là em của chàng thợ săn chuyên lòng cá nêo lối! Tôi lại trở thành người thiếu niên của thị trấn như các bạn khác! Chuyện này thì dễ rồi và tôi chỉ còn việc đi theo sở thích tự nhiên nhất của mình.

Cậu em út trong mấy anh em nhà Roi vừa đi trên đường phố lép nhép bòn, vừa xoay tròn một sợi dây đầu buộc ba hạt dẻ tây, rồi tung rút lên trời, ba hạt dẻ rơi vào sân trường cùng với sợi dây. Chẳng có việc gì làm, tôi bèn nhặt ba hạt dẻ và hai, ba lần từ trong tường ném trả lại cậu ta.

Bỗng nhiên tôi thấy nó bỏ trò chơi trẻ con ấy để chạy về phía một chiếc xe bò từ đường Viây-Phăngso đi tới. Nó nhờ người trên xe kéo lên bám phía sau, trong lúc xe vẫn lăn bánh. Tôi nhận ra đó là chiếc xe nhỏ của Giacxmanh Đơluso, nhưng lại do ngựa kéo. Giacxmanh điều khiển xe, Bugiacđông ục ịch thì dừng. Hai gã từ đồng cỏ trở về.

- Phrăngxo, đi với chúng tao đi! - Giacxmanh la to. Chấn chấn chúng biết việc Môn đi rồi.

Quả thật, không báo cho cha mẹ biết, tôi leo lên chiếc xe lắc la lắc lư, và đứng dựa vào một cọc xe như hai người khác, Giacxmanh đưa chúng tôi về nhà mình...

Bây giờ chúng tôi ở sau cửa hàng, nhà người đàn bà tốt bụng vừa là chủ quán trọ vừa bán thực phẩm. Một chùm tia nắng trắng chiếu qua khung cửa sổ thấp, rồi lướt trên những hộp sắt trắng và các thùng ton-nô dấm. Thằng Bugiacđông ngồi trên thành cửa sổ, quay về phía chúng tôi, với một tràng cười ục ục của một người béo bệu, nó dùng thìa chén bích-quy. Hộp bánh mở sẵn và đã bị ăn dở, đặt trên một thùng ton-nô vừa tầm tay với. Cậu Roi con thốt lên những tiếng kêu khoái chí. Một kiểu tình bạn xấu đã nảy ra giữa mấy chúng tôi. Bây giờ Giacxmanh và Bugiacđông là bạn của tôi, tôi biết rõ như vậy. Đời tôi bỗng chốc thay đổi. Tôi cảm thấy hình như Môn bỏ đi đã lâu, lắm lắm rồi và cuộc phiêu lưu của anh chỉ là một câu chuyện rầu rĩ, nhưng kể hết rồi.

Cậu Roi con đã lôi từ dưới tấm ván lên một chai rượu uống dở, Đơluso mời chúng tôi uống, nhưng chỉ có một cái cốc, và cả bốn chúng tôi uống chung. Chúng mời tôi dùng trước, có vẻ chiếu cố tôi chưa quen với kiểu cách ăn nhậu này của nông dân và thợ săn... Tôi có phần ngượng ngập. Chợt ba thằng kia đã động đến Môn, tôi bỗng nảy ra ý muốn cho chúng hiểu rằng tôi biết chuyện của anh và sẽ kể lại, để che giấu sự ngượng ngập và lấy lại thăng bằng của mình. Chuyện này làm sao có thể làm hại anh, một khi bất cứ cái gì liên quan đến các cuộc phiêu lưu

nơi này của anh đã chấm dứt?...

Phải chăng tôi kể chuyện về anh quá kém? Nó không tạo ra được tác động mà tôi chờ đợi.

Như những người dân quê phúc hậu, không gì khiến phải ngạc nhiên, và các bạn hiện thời của tôi không sống sốt vì một câu chuyện còn con như vậy.

- Xì, một đám cưới chứ gì! - Bagiacđông nói.

Đolusơ đã xem một đám ở Prévơrănggiơ, còn ly kỳ hơn.

Lâu đài ư? Thế nào chẳng tìm được những nơi trong vùng nghe nói đến nó.

Còn tiểu thư? Đi nghĩa vụ quân sự xong, Môn sẽ cưới chứ sao.

- Lẽ ra - một trong ba thằng tiếp lời - nó phải kể với chúng tao và cho chúng tao xem bức bản đồ. Ấy thế mà nó lại tìm một thằng Bô-hê-miêng...

Mắc cỡ vì không đạt được ý định, tôi muốn tranh thủ thời cơ để kích thích tính tò mò của chúng: tôi quyết định bảo cho chúng biết chàng Bô-hê-miêng là ai, từ đâu tới, số phận thế nào... Bugiacđông và Đolusơ chẳng mấy may muốn nghe:

- Chính thằng ấy gây ra tất cả. Nó làm cho Môn xa lánh bạn bè, chứ Môn chân thật có thừa. Chính nó đầu têu những cuộc tấn công và tập kích ngu ngốc đêm ấy, sau khi lôi kéo chúng tao vào như một đội quân học sinh...

- Mà biết đấy - Giacxmanh vừa khẽ lắc đầu vừa nhìn Bugiacđông nói - tao tố giác nó với cảnh sát là chí phải. Nó là một thằng đã làm hại thị trấn và có lẽ còn làm hại nữa...

Tôi gần như tán đồng với chúng. Chắc rằng mọi việc sẽ khác hẳn, nếu chúng tôi không gán cho các sự kiện tính bí hiểm và bi kịch quá lớn. Ấy là vì ảnh hưởng của chàng Phrăng đã bị mất...

Tôi đang suy nghĩ lan man thì chợt nghe có tiếng động trong cửa hàng. Giacxmanh đolusơ vội cất bình rượu vào sau một thùng ton-nô. Bugiacđông béo phì chuôi từ thành cửa sổ xuống, chân đạp phải một vỏ chai đầy bụi, cái chai lún nên nó hai lần suýt ngã ngựa. Thằng Roi lỏm con đẩy lưng hai thằng lớn, cũng lùi ra ngoài cho nhanh, suýt sặc vì cười.

Chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao, tôi cũng chạy đi với chúng. Chúng tôi chạy qua sân, trèo thang lên một gian để chứa cỏ khô. Tôi nghe tiếng một bà già mắng chúng tôi là đồ vô dụng...

- Tao không ngờ mụ về sớm thế! - Giacxmanh thì thào.

Bấy giờ tôi mới hiểu chúng tôi vừa ăn vụng bánh và uống trộm rượu. Tôi thật thất vọng, cứ như một người chết đuối tưởng đang nói chuyện được với một con người, nhưng bất ngờ nhận ra đó là một con khỉ. Tôi chỉ muốn rời đi ngay, những chuyện vớ vẩn này đáng ngán vô cùng. Mới lại, trời tối rồi... Chúng đưa tôi ra cửa sau, đi qua hai mảnh vườn, vòng một cái ao. Tôi đã ra ngoài đường phố đầy bùn bẩn, ướt lấp lánh, phản chiếu ánh đèn hiệu cả phê đanien.

Tôi chẳng hãnh diện về chuyện vừa rồi. Thế là đã đến quảng trường Bốn Đường. Đến chỗ ngoặt, không sao cưỡng được, bỗng nhiên tôi thấy một khuôn mặt nghiêm khắc và thân thiết mỉm cười với mình, cái vẫy tay cuối cùng và cổ xe biến mất...

Áo blu của tôi kêu sột soạt trong một làn gió lạnh. Cơn gió này sao giống đến thế cái gió trời tươi đẹp và bi thảm đến xót lòng mùa đông vừa qua. Chỉ vậy thôi, tôi đã thấy mọi chuyện bớt

đơn giản và dễ dàng. Trong phòng học lớn mà cha mẹ tôi đang chờ tôi về ăn tối, từng luồng gió lạnh đột ngột thốc vào, trong khi lò sưởi chẳng tỏa ấm được bao. Cha mẹ trách tôi cả chiều đi lêu lổng, còn tôi thì rét run cầm cập. Để trở lại cuộc sống bình thường trước đây, tôi cũng không được hưởng niềm an ủi là ngồi vào bàn ăn ở chỗ quen thuộc của mình. Tối hôm ấy, mẹ tôi không bày bàn ăn. Chúng tôi để đĩa ăn trên đầu gối, muốn ngồi đâu trong căn phòng ấm đạm cũng được. Tôi lặng lẽ ăn bánh đa nướng đến cháy sém trên nắp lò sưởi đỏ rực. Đây hẳn là sự đền bù cho ngày thứ năm nghỉ ngay trong lớp học.

Sau đó, trơ trọi trong căn phòng xưa, tôi đi nằm sớm để gạt đi nỗi ân hận mà dù rất buồn, tôi vẫn cảm thấy. Nhưng, trong đêm khuay khoắt, hai lần tôi choàng tỉnh. Lần đầu, tôi tưởng như nghe thấy tiếng cọt kẹt của chiếc giường bên cạnh, trên đó Môn vốn hay đột ngột trở mình. Lần hai, tiếng chân anh lướt nhẹ trên các gian kho trong cùng tầng hai như người thợ săn đang rình con thú...

Chương 12

BA BƯỚC THƯ CỦA MÔN

Cả đời, tôi chỉ nhận được của Môn ba cánh thư. Hiện chúng vẫn còn trong một ngăn tủ com-mốt nhà tôi. Mỗi lần đọc lại, tôi vẫn man mác buồn như mới gần đây thôi.

Thư thứ nhất đến với tôi một ngày sau khi anh lên đường.

"Phrăngxoa thân yêu của tớ,

Hôm nay, ngay khi đến Paris, tớ đã đến trước ngôi nhà được chỉ. Tớ chẳng hề thấy gì. Có ai ở đấy đâu. Sẽ chẳng bao giờ có ai ở đó.

Ngôi nhà mà Phrăng nói chỉ là một khách sạn nhỏ hai tầng. Buồng của tiểu thư Gale chắc hẳn là ở tầng hai. Các cửa sổ tầng ấy bị che khuất hơn tầng dưới. Như đi trên vỉa hè, có thể nhìn thấy khá rõ. Các màn cửa đều khép kín, và có điện mới hy vọng rằng một ngày nào đó, bộ mặt của Yvon de Gale có thể hiện ra giữa các màn cửa đã kéo sang bên ấy.

Nhà nằm trên một đại lộ... Mưa rơi lộp bộp trên những cây lớn đã ngắt xanh. Có thể nghe rõ tiếng chuông leng keng của những đoàn tàu điện xuôi ngược không ngừng.

Suốt gần hai giờ, tớ quanh quẩn dưới các cửa sổ. Thấy có một hàng rượu, tớ dừng lại vào uống để khỏi bị ngờ là một thằng cướp sắp định giở trò gì. Rồi lại tiếp tục cuộc rình chờ không hy vọng.

Đêm đã đến. Gần khắp các nơi, các cửa sổ đều sáng ánh đèn, nhưng cả căn nhà này vẫn tối như bưng. Chắc chắn là không có ai. Vậy mà lễ Phục sinh sắp đến.

Lúc tới sắp bỏ đi, một cô gái, hay một người đàn bà trẻ - tớ không biết - đến ngồi xuống một trong những cái ghế băng ướt nước mưa. Cô mặc trang phục đen với cái cổ hồng trắng nhỏ. Khi tớ đi, cô vẫn còn ngồi đó, bất động, bất chấp cái lạnh của đêm, chờ ai hay cái gì nào ai biết được. Cậu biết Paris đầy những thằng điên như tớ.

Ôguyxtanh"

Thời gian trôi qua, tôi đã hoài công đợi chờ một lời của Môn và thứ hai là ngày Lễ Phục sinh và suốt những ngày sau đó - hết sức êm đềm sau lễ Phục sinh vĩ đại, những ngày này dường như chỉ gọi ra ý nghĩ là hè sắp đến. Tháng sáu đem về các cuộc thi và cái nóng khủng khiếp với hơi nước đọng ngọt ngào khắp nơi trong vùng mà không có một ngọn gió nào đến phá. Ban đêm trời cũng chẳng dịu đi, nên vẫn phải chịu đựng cực hình đó. Chính trong tháng sáu không chịu nổi ấy, tôi nhận được cánh thư thứ hai của Môn.

"Tháng Sáu, 189...

Bạn thân yêu của tớ,

Lần này, chẳng còn hy vọng gì nữa. Tớ biết vậy từ đêm qua. Nỗi khổ mà tớ gần như chưa cảm thấy ngay dâng lên từ lúc đó.

Đêm nào tớ cũng đến ngồi trên cái ghế băng kia, rình chờ, suy nghĩ, hy vọng, bất chấp tất cả.

Đêm qua, sau bữa tối, trời tối đen và ngột ngạt. Người ta trò chuyện đó đây trên vỉa hè, dưới các tàn cây. Bên trên những vòm lá đen lốm đốm ngời xanh dưới ánh điện, tầng hai, tầng ba các ngôi nhà đều sáng đèn. Chỗ này chỗ kia, thấy có một cửa sổ đã được mùa hè mở rộng... Tớ nhìn thấy cây đèn sáng rực rỡ trên bàn, gần như chà nát cái tối đen nóng bỏng của tháng sáu xung quanh. Tớ có thể nhìn tới tận cuối phòng... Ôi, giá như cái cửa sổ đen ngòm của phòng Yvon de Gale cũng sáng lên như thế, tớ đâm lao lên cầu thang, gõ cửa, đi vào, tớ tin như vậy...

Cô gái mà tớ kể với cậu vẫn ngồi kia, chờ đợi như tớ. Tớ nghĩ cô ta phải biết ngôi nhà, nên hỏi.

- Tôi biết - cô ta đáp - rằng trước đây, một thiếu nữ vẫn cùng cha đến nghỉ ở nhà này. Tôi lại được tin rằng em trai cô đã trốn khỏi lâu đài cha mẹ, mà chắc chắn người ta cũng chẳng bao giờ có thể tìm thấy, còn thiếu nữ thì đã lấy chồng. Vì vậy, nhà này quanh năm đóng cửa.

Tớ bỏ đi. Được mười bước, tớ vấp và suýt ngã. Đến khuya - đây là đêm cuối cùng - Khi trong các sân, phụ nữ và trẻ em im tiếng, để yên cho tớ ngủ, tớ bắt đầu nghe thấy ngoài phố tiếng máy chiếc xe ngựa thuê lẫn bánh. Chúng cứ đi qua và xa dần. Nhưng khi một chiếc qua hẳn, dù không chủ tâm, tớ vẫn chờ tiếp theo; theo chuông cổ rồi tiến chân ngựa gõ rền trên nền đường trải nhựa... Có một ý này cứ lặp lại hoài: đây là một thành phố hoang vắng, đây là tình yêu đã mất của người, đêm vô tận, mùa hè, cơn sốt...

Phrăngxoá, bạn của tớ, tớ đang đau khổ đến cùng quẫn.

Ôguyxtanh"

Dù sao thì những bức thư này cũng thật ít tâm sự. Môn không cho tôi biết cả việc vì sao anh im hơi lặng tiếng lâu đến thế lẫn việc giờ đây anh dự định làm gì. Tôi có cảm tưởng anh cắt đứt với tôi, bởi vì cuộc phiêu lưu của anh đã chấm dứt, khác gì anh cắt đứt với quá khứ của anh. Thực tế, tôi đã uống công ghi thư cho anh, anh không trả lời tôi nữa. Chỉ một lời chúc mừng khi tôi đỗ bằng Sơ lược yếu học tháng chín, tôi được biết qua một bạn học rằng anh đã về nghỉ hè ở nhà với mẹ tại La Phectê-đ'Ănggiông. Năm ấy, được bác Phlôrăngtanh, ở Viơ Năngxay mời, chúng tôi phải đến nghỉ hè ở nhà bác. Do đó anh đã trở lại Paris mà tôi không gặp.

Lúc khai giảng năm học mới, đúng vào cuối tháng 11, trong khi hăng hái một cách buồn bã bắt tay vào chuẩn bị thi bằng Cao học, với hy vọng được phong là giáo viên năm sau, không phải qua trường sư phạm ở Buốcgior, tôi nhận được cánh thư thứ ba trong ba cánh thư mà tôi nhận được của Môn:

"Tớ vẫn đi qua dưới cái cửa sổ ấy - anh viết - Chẳng còn hy vọng gì, tớ vẫn chờ đợi, chỉ vì điên rồ thôi. Cuối những ngày chủ nhật mùa thu lạnh lẽo này, khi trời sắp tối, tớ không sao dứt khoát trở về đóng chặt cửa phòng mình, mà không quay lại nơi ấy, trên cái phố lạnh băng đó được.

Tớ như mù điên ở Xanh tơ-Agát, lát lát lại ra ngưỡng cửa che tay lên mắt, nhìn về phía nhà ga xem thằng con trai đã mất của mình có về hay không.

Ngồi run rẩy một cách khốn khổ trên ghế băng, tớ thích thú tưởng tượng rằng có ai đó diu dàng khoác lấy tay tớ... Tớ sẽ quay lại. Nàng! "Em đến chậm một chút" - nàng nói giảo dị. vậy là hết khổ đau, chẳng còn loạn trí. Hai đứa tớ đi vào nhà của mình. Lông trên mũ và trên cổ áo của nàng giá ngắt, tấm mạng thưa che mặt ướt đẫm. Nàng mang theo vào hương vị sương mù bên ngoài. Khi nàng lại gần lửa, tớ thấy mái tóc hoe vàng lốm đốm phủ sương giá, bộ mặt nhìn nghiêng nom thật dịu hiền của nàng nghiêng trên ngọn lửa...

Ôi, kính cửa trắng ngời lên vì tấm ri-đô phía sau. Tiểu thư của "Lâu đài đã mất" vừa mở nó ra, bây giờ đây, tớ còn biết nói gì nữa với nàng?...

Cuộc phiêu lưu của chúng tôi sẽ chấm dứt. Mùa đông năm nay thê lương như trong mồ. Có lẽ chỉ khi chúng ta từ giã cõi đời, thần chết mới trao cho chúng ta chìa khóa, phần tiếp theo và kết cục của cuộc phiêu lưu thất bại.

Phrăngxoá, tớ yêu cầu cậu có nhớ đến tớ thì sau này hãy nhớ. Bây giờ thì ngược lại, quên tớ đi thì hơn. Quên đi tất cả thì hơn...

A.M''

Và đây là một mùa đông mới, cũng tang thương như mùa đông trước đã khởi sắc lên nhờ một cuộc sống bí ẩn: quảng trường nhà thờ không còn các chàng Bô-hê-miêng, sân trường vắng tanh ngay sau bốn giờ chiều, ... căn phòng của lớp chúng tôi chỉ còn mình tôi ngồi học không hứng thú... Đến tháng giêng, lần đầu tiên trong mùa đông, tuyết rơi, vĩnh viễn chôn vùi thiên truyện phiêu lưu huyền hoặc năm qua của chúng tôi, phá rối mọi con đường, xóa đi những dấu vết cuối cùng. Như Môn đã viết thư yêu cầu, tôi gần quên đi tất cả.

Phần III

Chương 1

CUỘC ĐI TẮM

Hút thuốc, vẩy nước đường lên đầu cho tóc quăn, ôm hôn các nữ sinh bồ túc trên đường, kêu to "Cướp lấy cái mũ vải!" từ sau hàng rào để trêu cô nữ tu đi qua, đó là niềm vui của tất cả các ông mãnh mặt trơ trán bóng trong vùng. Vả chăng, ở tuổi hai mươi, các ông tưởng như vậy rất có thể tu tỉnh lại và đôi khi khá nhạy bén với cái tốt. Sẽ nghiêm trọng nếu ông mãnh có bộ mặt già héo, nếu hắn ta kể những chuyện nửa kín nửa hở về phụ nữ trong xứ, nếu hắn thao thao bao nhiêu chuyện bậy bạ về Ginbectơ Pôkơlanh để mua vui cho đồng bọn. Tuy nhiên, cũng chưa hết hy vọng.

Ấy là trường hợp của Giacxmanh Đolusơ. Không hiểu tại sao, dù chắc chắn không hề muốn thi cử, hắn vẫn theo học lớp cao đẳng mà mọi người đều muốn bỏ hắn. Trong thời gian đó, hắn học với chú Đuyma của hắn lam nghề thạch cao. Chẳng bao lâu chỉ còn thằng Giacxmanh này, cùng Bugiacđông và một cậu khác rất hiền tên là Đonix, còn viên trợ lý, là những học sinh lớn mà tôi lui tới luôn luôn, bởi lẽ họ thuộc "thời của Môn".

Mới lại, Đolusơ cũng thành thật muốn là bạn của tôi. Nói cho cùng, từng là kẻ thù của Môn, hắn muốn trở thành chính Môn trước con mắt toan trường, ít ra hắn có lẽ cũng tiếc đã không là tùy tùng của anh. Không thô thiển như Bugiacđông, hắn đã cảm thấy tất cả những gì là phi thường mà Môn đem vào cuộc sống chúng tôi, tôi nghĩ thế. Tôi hay nghe hắn nhai đi nhai lại.

"Chuyện ấy thì Môn sếu thừa hiểu...", hay là "A, Môn Sếu nói thế này..."

Ngoài việc ra dáng đàn ông hơn chúng tôi, Giacxmanh còn có một kho cửa quý dùng vui chơi, khiến hắn hơn hẳn chúng tôi: một con chó đực đa chủng, lông xù màu trắng, biết đáp lại khi bị gọi giễu là Bêcali, biết câu tha về những hòn đá người ta ném ra xa, dù không có khả năng biểu diễn trò thể thao nào khác, một xe đạp cũ mua rẻ mà thỉnh thoảng sau buổi học, Giacxmanh cho chúng tôi cưỡi, còn đối với các cô gái thì hắn rất thích cho tập; sau cùng và trên hết là một con lừa trắng bị mù có thể buộc vào mọi loại xe.

Đây là lừa của chú Đuyma. Mùa hè, chú cho Giacxmanh mượn khi chúng tôi tắm ở sông Sê. Dịp ấy, mẹ hắn cho một chai nước chanh mà chúng tôi để dưới ghế ngồi giữa đám quần đùi khô cứng. Và chúng tôi đi ra, tám hay mười học sinh lớn của lớp, có ông Xoren đi cùng, kẻ đi bộ, người leo lên chiếc xe lừa kéo, mà chúng tôi để lại ở trong trại Giăng Phong, khi con đường đến sông Sê đã bị nước xói mòn quá nhiều.

Tôi nhớ lại một cách cặn kẽ một trong những chuyến đi thường lệ như vậy. Trong chuyến đi đó, con lừa của Giacxmanh chở đến Sê quần đùi, hành lý của chúng tôi, nước chanh và ông Xoren, còn chúng tôi đi bộ phía sau. Bây giờ đang tháng tám.

Chúng tôi vừa thi xong. Được giải thoát khỏi nỗi lo ấy, chúng tôi cảm thấy hình như tất cả mùa hè, tất cả hạnh phúc trên đời này là của chúng tôi, và vào những giây phút đầu tiên củ buổi chiều thứ năm tươi đẹp, chúng tôi vừa đi vừa hát, chẳng hiểu vì sao cũng chẳng biết trời đất gì nữa.

Lướt đi, có một cái bóng ngã xuống bức tranh ngày thơ ấu. Chúng tôi nhìn thấy Ginbectơ

Pôkolanh đi đằng trước. Thân hình nở nang, váy lưng ngang bắp chân, giày cao gót, cô có cái vẻ dịu hiền và sợ sệt của một cô bé con vừa thành thiếu nữ. Cô rời đường cái, vào một đường vòng, chắc chắn là đi mua sữa. Cậu bé Côphanh liền bảo Giacxmanh cho xe đuổi theo:

- Chẳng phải lần đầu tao ôm hôn nó đâu - Giacxmanh trả lời.

Rồi hắn bắt đầu tuôn ra vô khối chuyện tục tĩu về cô và các bạn cô. Trong khi đó, nổi máu anh hùng rơm, chúng tôi rẽ vào con đường cô gái đang đi, để mặc ông Xoren tiếp tục cuộc hành trình trên chiếc xe lừa. Nhưng chả mấy nổi, các anh hùng rơi dần khỏi bọn. Ngay Đolusơ cũng tỏ ra ít quan tâm đến việc tấn công cô gái đi phía trước. Hắn giữ cự ly cách cô khoảng 50 mét. Có vài tiếng lục tục như gà mái, vài tiếng huýt sáo nịnh đầm. Rồi chúng tôi bỏ cuộc quay lại, có phần ngượng ngập trên đường trời nắng chang chang, nhưng vẫn phải chạy. Chẳng còn ai hát nữa.

Trong các rừng liễu héo ven bờ sông Sê, chúng tôi cởi áo ra, rồi lại mặc vào. Liễu có thể ngăn được mắt người, chứ không ngăn được nắng. Chân giẫm trên cát và bùn khô, chúng tôi chỉ nghĩ đến chai nước chanh của bà góa Đolusơ đang ngâm mát trong mạch nước Grăng Phong đào ngay bên bờ sông. Dưới đáy mạch nước, bao giờ cũng có những đám cỏ màu xanh lam, và hai hoặc ba con vật tựa như con mọt ỉm. Nhưng nước trong lắm, đến nổi người đi câu không ngần ngại quỳ xuống, hai tay chống hai bên bờ và uống.

Ôi, ngày hôm ấy cũng như mọi lần... Khi đã ăn mặc chỉnh tề, ngồi chắp bằng thành vòng tròn, cùng thưởng thức nước chanh tươi mát rót vào hai cốc vai, sau lúc đã mời ông Xoren dùng phần dành cho ông, hầu như mỗi chúng tôi chỉ được nhấp một chút bọt, đâm ngứa cổ và càng khát. Bấy giờ, chúng tôi lần lượt ra mạch nước mà thoát đầu coi thường, rồi cúi mặ xuống gần mặt nước. Nhưng đã bạn nào quen với cách uống này của dân quê đâu. Cũng như tôi, nhiều bạn đã không khát. Bạn thì vì không thích nước đầy. Bạn thì không nuốt nổi vì sợ nuốt phải con mọt ỉm. Bạn vì thấy nước trong tưởng nó cạn nên vục cả mặt vào, đến nổi sặc nước, mũi cay xè. Bạn thì vì tất cả những lý do đó cộng lại... Chả sao! Trên bãi bờ cỏ cỗi của sông Sê, chúng tôi cảm thấy hình như nơi này cất giữ tất cả cái mát mẻ của đất. Thậm chí ngay bây giờ, chỉ cần nghe đến tiếng "mạch nước" vang lên ở bất cứ đâu, tôi vẫn nhớ mãi đến mạch nước ngày xưa ấy.

Cũng như lướt đi, trời nhập nhoạng, chúng tôi mới ra về, lòng hoàn toàn vô tư lự. Dẫn lên đường cái, con đường Grăng-phông là một dòng suối về mùa đông, một lạch khô về mùa hè, nhan nhản những bó và rễ cây to, cứ thoải thoải đi lên giữa hai rặng cỏ thụ như hai hàng rào.

Một bộ phận nhóm chúng tôi do nghịch ngợm đi vào con đường ấy. Còn chúng tôi cùng ông Xoren, Gaicxmanh, và nhiều bạn khác đi theo con đường cát êm chạy dọc cánh đồng bên cạnh, sonh song với con đường kia. Chúng tôi nghe các bạn ấy cười nói rất gần, bên dưới chúng tôi, nhưng không thấy người. Trong khi đó, Đolusơ ba hoa những chuyện "nam nhi" của hắn... Trên đỉnh những ngọn cây của hàng rào cao sừng sững, rả rích tiếng những con côn trùng mà chúng tôi nhìn thấy rung động quanh những tấm dăng-ten-la còn in ro trên nền trời mờ ảo. Thỉnh thoảng, một con bắt ngờ bút ra, bổ nhào xuống, kêu vù vù và nghe rõ mồn một. Đẹp sao buổi chiều hè thanh bình!... Trở về sau một cuộc chơi đồng thảm hại, không hy vọng, nhưng cũng không lo lắng. Lại chính Giacxmanh, dù không cố ý, khuấy động cái vô tư ấy của chúng tôi.

Vào lúc chúng tôi lên đến đỉnh đồi, ở chỗ có hai tảng đá cổ khổng lồ có lẽ là dấu tích của một tòa lâu đài đồ sộ, hắn bỗng huyền thuyên về những lâu đài mà hắn đã thăm, đặc biệt là một lâu đài khá hoang tàn ở ngoại vi Viơ Năngxay: lâu đài Xabloanic. Với giọng khoa trương hóm hĩnh chỗ này và nhún nhường kiểu cách chỗ kia, hắn đã nhìn thấy một cái miếu đồ nát của tòa lâu đài cổ ấy một tấm bia mộ khắc dòng chữ:

Đây yên nghỉ chàng hiệp sĩ Gôloa

Một lòng với em, Chúa trời và Hoàng đế

- Dà! Dà! - Ông Xoren khẽ nhún vai thốt lên, vẻ hơi ngượng với kiểu cách nói chuyện, nhưng vẫn muốn để chúng tôi bô bô như những người đàn ông thực thụ.

Giaxcmanh tiếp tục mô tả lâu đài, như thể hắn từng sống ở đấy.

Nhiều lần trên đường từ Vior Năngxay trở về, chú Duyma và hắn cứ bận khoản đầy hiếu kỳ trước một ngọn tháp xám nhỏ thấp thoáng bên trên các ngọn thông. Ở đấy, nơi rừng sâu, hắn có nhiều tòa ngang dãy dọc mà chú cháu hắn có thể đến thăm khi chủ vắng nhà. Một hôm, một người gác lâu đài mà chú cháu hắn mời lên xe đã đưa hai người về tòa lâu đài chưa quen biết. Nhưng từ đó, người ta đã cho triệt hạ hết. Chỉ còn trang trại và một nhà nhỏ ngồi chơi hóng mát. Luôn luôn chỉ có hai nhân khẩu ở đó thôi: một sĩ quan về hưu già gần như phá sản hoàn toàn và con gái ông.

Hắn kể... hắn kể hoài... Tôi chăm chú lắng nghe, và linh cảm thấy rằng đó chính là chuyện mà tôi đã biết rõ. Bỗng như có phép màu, những chuyện phi thường chẳng xảy ra thế này là gì. Giaxcmanh quay sang, chạm vào tay tôi, vẻ xúc động bởi một ý nghĩ chưa từng có.

- Này, tao bảo nhé, thằng Môn Sếu ấy mà, mày còn nhớ nó không, nhất định thằng Môn Sếu đã đến đó...

- Đúng vậy - hắn tiếp lời, vì tôi vẫn lặng thinh - tao nhớ rằng ông gác có nói đến con trai của ông chủ lâu đài, một gã lập dị, đầu toàn những ý nghĩ khác đời...

Tôi không nghe hắn nữa, ngay từ đầu đã định ninh rằng hắn đoán đúng, rằng trước mặt tôi, xa Môn, xa mọi hy vọng, vừa mở ra rành rành và thật dễ đi, như một lối mòn quen thuộc, còn đương đến lâu đài không tên.

Chương 2

Ở NHÀ PHLORĂNGTANH

Càng cảm thấy lối thoát của cuộc phiêu lưu trong đại tùy thuộc vào mình, tôi càng thấy mình là một em bé đau khổ vừa mơ mộng vừa ngốc nghếch, tôi càng cương quyết, như hay cha mẹ tôi nói, càng "quyết tâm".

Từ đêm ấy, tôi rất tin vậy, đầu gối tôi khỏi hẳn, không khiến tôi đau đớn gì nữa.

Sinh sống ở Vior Năngxay, nơi có lâu đài Xablonie, có toàn bộ đại gia đình ông Xoren, đặc biệt là nhà bác Phlorăngtanh, một nhà buôn, mà thỉnh thoảng chúng tôi đến nghỉ cuối tháng chín. Được giải phóng khỏi thi cử, tôi không muốn chờ đợi nữa, và được cha mẹ cho tôi tới thăm bác ngay. Nhưng tôi quyết định không báo gì cho Môn, chừng nào còn chưa chắc chắn sẽ mang đến cho anh tin mừng. Thực vậy, ích gì việc lôi anh ra khỏi thất vọng, để rồi có thể đẩy anh sâu hơn nữa vào chính nỗi thất vọng đó?

Một thời gian dài, Vior Năngxay là mảnh đất tôi thích nhất trên đời, xứ sở của thời gian cuối các cuộc nghỉ hè của chúng tôi, nơi chúng tôi mới đến, khi có xe để thuê mà đi. Ngày xưa, có chuyện bất hòa giữa gia đình tôi với ngành họ sồn gở đó, chắc chắn do vậy mà mỗi lần leo lên xe, Mili lại cầu nguyện rất lâu. Riêng tôi, tôi rất băn khoăn về những việc ỉ eo ấy!... Nhưng vừa đến nơi, tôi liền như mê đi và nhảy nhót giữa các bác các chú, các anh chị em họ gái và trai, trong một cuộc sống bận rộn với bao trò vui ngộ nghĩnh và thú vị khiến tôi ngây ngất...

Chúng tôi xuống xe ở nhà bác trai Phlorăngtanh, và bác gái Giuyli. Hai bác có một con trai cùng tuổi tôi, anh Phiêcmanh, và tám con gái, mà hai người lớn tuổi nhất, chị Mari Lui và Sáclốt, có lẽ 17 và 15 tuổi. Hai bác mở một cửa hàng rất lớn ở một trong những lối vào làng Xôlônho, ngay trước nhà thờ - một cửa hàng tổng hợp, ở đó, tất cả các chủ lâu đài cổ kiêm thợ săn của cái vùn ghèo lánh cách nhà ga ba mươi kilomet mua được mọi thứ hàng cần thiết dùng ngay hay dự trữ. Với những quầy hàng lương thực khô cùng gia vị và vải vóc, cửa hàng hướng ra đường bởi nhiều cửa sổ, và hướng ra quảng trường nhà thờ mênh mông bởi cái cửa ra vào lấp lánh. Nhưng, nền nhà vẫn là đất nện, đó là chuyện bình thường ở nên nghèo khổ này, vậy mà chúng tôi vẫn lấy làm lạ.

Phía sau là sáu phòng, mỗi phòng chất đầy một loại hàng: phòng chứa mũ, phòng chứa đồ làm vườn, phòng chứa đèn... còn gì nữa nhỉ? Thờì còn là một đứa trẻ và đi qua cái mê cung hàng hóa này, tôi có cảm giác không bao giờ chán mắt với tất cả những vật kỳ diệu ấy. và cũng chính thời đó, tôi thấy rằng chỉ nghỉ ở đó mới là nghỉ hè thật sự.

Gia đình bác sống trong một căn bếp rộng rãi mà lối vào thông với cửa hàng - căn bếp mà năm nào khoảng cuối tháng chín cũng bùng bùng những ngọn lửa lớn trên lò sưởi, mà cánh thợ săn được phép và thợ săn trộm vốn bán con thịt săn được cho bác Phlorăngtanh thường đến từ mờ sáng để uống rượu, trong khi các con gái nhỏ của bác đã dậy, vừa chạy nhảy vừa hò reo, vừa vẩy lên tóc nhau chất nước "thơm lắm này". Trên tường treo những bức ảnh cũ, những nhóm thầy trò xưa đã ố vàng, trong đó có cha tôi - khá lâu chúng tôi mới nhận ra, vì cha mặc đồng phục giáo sinh đứng giữa các bạn của cha ở trường sư phạm...

Đó là nơi chúng tôi thường chơi qua buổi sáng, chúng tôi cũng chơi buổi sáng ở mảnh sân, nơi bác Phlorăngtanh trồng thực được và nuôi gà Nhật; nơi những người nhà bác ngồi lên các hòm rỗng vốn đựng xà phòng để rang cà phê, nơi chúng tôi dỡ những kiện hàng đựng đầy các thứ khác nhau mà chúng tôi không biết tên, được đóng gói cẩn thận.

Suốt ngày, cửa hàng đầy khách, ấy là nông dân hay phu đánh xe ở các lâu đài lân cận. Trước cửa ra vào lấp kính, dừng lại và biến dần vào sương mù tháng chín là những cỗ xe ngựa từ các vùng quê xa. Từ trong bếp, chúng tôi lắng nghe các bác nông dân trò chuyện, tò mò không bỏ sót chuyện nào.

Chị Mari Lui, con cả nhưng thuộc loại thấp bé nhất nhà, phải cuộn cho xong vải da thành súc, rồi xếp ngăn nắp trong cửa hàng. Chị khuyến khích chúng tôi vào chơi để giải khuây nỗi đơn điệu của chị. Thế là anh Phiêcmanh, các chị họ và tôi ủa vào cửa hiệu mệnh mông, quay các cối xay cà phê, nhàoai lên nhàoai xuống các quầy hàng, và vì nền đất nện như mời chúng tôi nhảy, thỉnh thoảng anh Phiêcmanh lại lên nhà kho đựng thóc lấy xuống mấy cái kèn toromban cũ đầy gỉ đồng.

Giờ đây, tôi vẫn đỏ mặt khi nhớ lại rằng mấy năm trước, tiểu thư Gale đã có thể đến vào giờ này và bắt gặp chúng tôi với những trò con trẻ kia... Một buổi chiều tháng tám như bây giờ, trước khi trời tối một lát, tôi đang mải trò chuyện với Mari Lui và Phiêcmanh, thì được trông thấy cô lần đầu tiên.

Ngay từ tối hôm đến Vior Năngxay, tôi đã hỏi anh Phiêcmanh về lâu đài Xablioniê.

- làm gì ờn là Lâu đài - anh đáp - Người ta đã bán tất tậ, và kẻ mua được, cánh thợ săn, đã triệt hạ các ngôi nhà cũ để mở rộng đất săn. Sân chính bây giờ chỉ còn là một cái trường mọc đầy thanh thảo và kim tước. các chủ cũ chỉ giữ lại trang trại và một ngôi nhà hai tầng. Cậu sẽ có dịp gặp tiểu thư Gale ở đây. Tiểu thư đích thân đến mua đồ ăn thức uống, khi cưỡi ngựa, khi ngồi xe, nhưng lần nào cũng một con ngựa, con Bêlide lụ khụ... Người với ngựa đi với nhau nom ngô vô cùng!

Tôi hỏi họ đến không biết nên hỏi tiếp thế nào để có thể rõ thêm.

- Dù sao, họ cũng giàu chứ anh?

- Ừ. Ông Gale tổ chức hội hè để giải trí cho cậu con, một công tử khác người, có những ý nghĩ kỳ quặc. Làm được gì cho cậu ta vui, ông làm tất. Ông cho mời dân Paris, trai Pari và trai các nơi khác đến... Gia đình Xablonnien phá sản đến nơi, vợ ông sắp lìa đời, ông vẫn tìm cách mua vui cho con, chiều theo mọi thói ngông của công tử. Mùa đông vừa rồi, không, mùa đông trước nữa kia, ông cho tổ chức một hội giả trang linh đình. Một nửa khách được mời là dân Paris, nửa còn lại là dân nông thôn. Ông sai mua hay thuê vô số quần áo sang trọng, đồ chơi, ngựa, tàu thuyền. Vẫn chỉ để mua vui cho Phrăng de Gale. Gia đình bảo công tử sắp lấy vợ, và hôm ấy là lễ đính hôn. Nhưng chàng còn quá trẻ. Đùng một cái, mọi việc lở dở, chàng bỏ trốn, từ đấy chẳng ai gặp lại... Bà chủ qua đời, tiểu thư Gale bỗng trở trối với người cha, ông đại úy hải quân già.

- Tiểu thư chưa lập gia đình ư? - sau cùng tôi hỏi.

- Chưa, tớ chưa nghe nói gì về chuyện ấy. Cậu sẽ cầu hôn chứ?

Ngó ra, tôi cố gắng thú nhận thật vắn tắt và thận trọng rằng Ôguyxtanh Môn, người bạn thân nhất của tôi, có thể là một người cầu hôn.

- Chà - anh Phiêcmanh thốt lên, miệng mỉm cười - Nếu cậu ấy không quan tâm đến của cải, thì đây là một đám tuyệt vời... Tớ có phải thưa với ông Gale không? Đôi lần ông vẫn đến tận đây mua đạn súng săn. Lần nào tớ cũng mời ông nếm rượu mạnh nhà trữ lại từ tháng ba.

Tôi liệu xin anh đừng hé răng gì hết, hằng chờ đã. Tôi cũng không gì vội mà báo tin cho Môn. Bao may mắn đến dồn dập khiến tôi hơi lo. Nỗi lo này buộc tôi không lộ cho Môn biết gì hết, ít

nhất là cho đến khi tôi gặp tiểu thư Gale.

Tôi không phải chờ lâu. Hôm sau, đêm xuống trước bữa ăn chiều một chút. Cùng buồng là một màn sương mù mát mẻ, đây là sương tháng chín, chứ không hẳn là sương tháng tám. Đoán cửa hàng sắp vắng khách một lát, anh Phiêcmanh và tôi đến chỗ Mari-Lui và Sáclôt. Tôi đã tâm sự với hai chị về điều bí mật khiến tôi đến Viơ Năngxay sớm hơn dự định. Đứng chống hai cùi tay trên quầy hàng hai ngồi chống hai bàn tay trên hế gỗ bôi dầu, chúng tôi kể cho nhau nghe những điều mình biết về tiểu thư bí ẩn - mà hiểu biết của ai cũng hạn chế lắm - vừa hay, tiếng bánh xe lăn khiến chúng tôi quay nhìn.

- Tiểu thư đây rồi - mọi người thì chào với tôi.

Vài giây sau, cặp người ngựa kỳ lạ dừng lại trước cửa quầy hàng lấp kính. Một cỗ xe ngựa trang trại cũ kỹ với những tấm thanh xe tròn trịa, giá hành lý đúc mà chúng tôi chưa từng thấy trong vùng. Một con ngựa trắng già vừa đi vừa cúi đầu như lúc nào cũng gặm cỏ trên đường. Và trên ghế ngồi, tôi nói điều này với cái đơn giản của lòng tôi, nhưng rất hiểu điều mình nói, là cô gái có lẽ đẹp nhất trên đời từ trước tới nay.

Chưa bao giờ tôi thấy một cô gái duyên dáng và nghiêm nghị đến thế. Trang phục của nàng tôn tấm thân mảnh mai đến như cỏ lá. Một áo măng-tô dài màu hạt dẻ mà nàng cói ra lúc đi vào, khoác hờ trên vai. Đây là cô thiếu nữ nghiêm trang nhất, người đàn bà mỏng manh nhất. Một bộ tóc hoe dày phủ nặng trên trán và khuôn lấy bộ mặt thanh tú như vẽ. Mùa hè đã điếm đôi chấm tàn nhang lên làn da mơn mớn. Ở cái sắc đẹp ngời ngời này, tôi chỉ thấy một chút tì vết thôi. Đó là khi buồn bã, thất vọng, hay chỉ đắm chiều thôi, khuôn mặt tươi sáng ấy thoán gần những nốt đỏ, như mặt một số người ốm nặng mà chính người ấy cũng không biết. Lúc ấy, sự ngưỡng vọng của kẻ nhìn nàng nhường chỗ cho một tình thương càng đau xót hơn, vì nó trỗi dậy bất ngờ.

Ít nhất thì đấy cũng là những cái tôi phát hiện ra, trong khi nàng đĩnh đạc xuống xa và cuối cùng, Mari-Lui giới thiệu tôi với nàng thật tự nhiên thoải mái và gọi cho tôi bắt chuyện với nàng.

Người nhà đẩy cho nàng một cái ghế tựa đáng véc-ni, nàng ngồi xuống, lưng dựa quầy hàng, còn chúng tôi vẫn đứng. Nàng tỏ ra thông thuộc và yêu thích cửa hàng. Vừa được báo tin, bác Gluyli của tôi đã đến ngay. Bác khôn khéo tiếp chuyện nàng, hai tay chắp trên bụng, cái đầu nửa dân quê nửa dân buôn chụp mũ bonne trắng khế lúc lắc. Thành ra giờ phút tôi được nói chuyện với nàng tôi hơi run khi nghĩ đến giây phút đó - cứ chậm lại...

Câu chuyện thật là bình thường.

- Vậy là - tiểu thư Gale lên tiếng - anh sắp sửa thành thầy giáo?

Bác gái tôi thắp cây đèn để sứ trên đầu chúng tôi lên, ánh đèn rọi yếu ớt trong cửa hàng. Tôi nhìn thấy khuôn mặt dịu hiền như mặt trẻ con của cô gái, đôi mắt ngây thơ xanh lạ lùng, tôi cũng ngạc nhiên không kém về giọng nói của nàng: đoang trang, và khúc chiết. Khi nàng ngừng nói, đôi mắt nàng đắm đắm nhìn đi chỗ khác, bất động, và nàng hơi cắn môi.

- Tôi cũng sẽ đi dạy học - nàng bảo - nếu cha tôi muốn. Tôi sẽ dạy các em bé nhất, lớp một, như cụ bà của anh...

Rồi nàng mỉm cười, để lộ rằng các bác, các anh chị tôi đã nói về tôi với nàng.

- Ấy là, vì - nàng nói tiếp - bao giờ bà con nơi thôn dã cũng lịch sự, dịu dàng với tôi và sẵn sàng giúp đỡ. Tôi yêu họ vô cùng. Nhưng thử hỏi làm sao tôi có thể yêu họ?... Trong khi họ kêu ca và

keo kiệt với cô giáo? Họ không ngót than vãn nào bút con họ bị mất, nào giấy vở quá đắt, nào có những đứa trẻ chẳng học được gì?... Không sao, tôi sẽ trao đổi với họ, và thế nào họ cũng sẽ thích tôi. Như thế sẽ khó hơn nhiều...

Không mỉm cười, nàng lấy lại dáng ngồi tư lự và trẻ thơ, cái nhìn xanh lơ bất động.

Cả ba chúng tôi đều lúng túng bởi nàng nói thật dễ dàng và thoải mái về những điều tế nhị, những nỗi niềm thầm kín cao khiết chỉ để bộc bạch trong sách àm thôi. Một lát yên lặng. Một cuộc trao đổi dần dần chớm nở...

Nhưng, tiếc thương và thù hận điều gì đó bí ẩn trong đời mình, tiểu thư nói tiếp:

- Rồi tôi sẽ dạy cho các chàng trai biết khôn ngoan, cái khôn ngoan mà tôi nắm được. Tôi sẽ không để còn trong họ cái thèm khát đi lang thang khắp chốn trên đời, như chắc chắn ông sẽ làm, thưa ông Xoren, khi ông là phụ giáo. Tôi sẽ chỉ cho họ cách tìm thấy hạnh phúc ngay bên họ, niềm hạnh phúc có vẻ xa vời...

Chị Mari-Lui và Phiêcmanh cùng kinh ngạc như tôi. Chúng tôi lặng đi. Hiểu chúng tôi ngượng nghịu, nàng ngừng lời, cắn môi, cúi đầu, rồi mỉm cười như thể chế giễu chúng tôi.

- Cho nên - nàng nói - có lẽ, có một chàng điên cao lộc ngọc đang đi tìm tôi nơi chân trời góc bể, trong khi tôi ngồi ngay đây, trong cửa hiệu của bác Phlorăngtanh dưới ngọn đèn này, ngựa chờ ngoài cửa. Nhìn thấy tôi, hẳn chàng không muốn tin?

Thấy nàng mỉm cười, tôi bạo lên, biết đã đến lúc nói. Tôi cười cười:

- Chàng trai cao ngồng điên rồ đó, nếu tôi quen thì sao?

Nàng nhìn tôi xởi lởi.

Vừa lúc đó, chuông cửa reo, hai bà hầu bước vào.

- Các cháu đi sang phòng ăn nhé. Ở đây tĩnh mà - bác gái tôi vừa đẩy cửa phòng ăn vừa bảo chúng tôi.

Tiểu thư Gale từ chối vào và muốn đi ngay, bác bảo:

- Ông Gale hiện ở đây, đang nói chuyện với bác Phlorăngtanh bên lò sưởi.

Bao giờ trong gian bếp rộng cũng có một bó củi thông cháy lép lép, ngay cả trong tháng tám. Ở đây cũng có một chiếc đèn sứ cháy sáng. Và một ông già mặt hiền khô, tóc bạc, hốc hác, cạo nhẵn, gần như chỉ im lìm như một người bị đè nặng dưới tuổi tác và kỷ niệm, đang ngồi bên ác Phlorăngtanh, trước hai cốc rượu bã.

Bác Phlorăngtanh chào tôi.

- Chào cháu, Phrăngxoa! - bác kêu to như thói quen nói lớn ở chợ, vì bác là nhà buôn. Bác làm như tôi cách bác hẳn một dòng sông hay một cánh đồng - Bác vừa nảy ra ý chiều thứ năm tuần sau tổ chức một buổi vui bên bờ sông Sê. Sẽ có đánh cá, săn bắn, tắm, nhảy... Mời tiểu thư đến nhé, xin tiểu thư đến nhé, xin tiểu thư cứ đi ngựa. Tôi đã bàn với cụ Gale rồi. Mọi việc tôi đã cùng cụ trao đổi kỹ... Còn Phrăngxoa - bác nói thêm, tuồng như chỉ nghĩ đến chuyện này - cháu có thể rủ bạn cháu tới, cậu Môn... Đúng tên cậu ta là Môn không?

Tiểu thư Gale đứng dậy, mặt đột nhiên tái mét. Mãi lúc này, tôi mới nhớ rằng ở trong bờ ao lâu

đài kỳ lạ, trước đây Môn đã xưng tên với nàng...

Khi nàng giơ tay cho tôi bắt để chào tạm biệt, giữa chúng tôi đã có, dứt khoát hơn bao lời nếu nói ra, một sự ын ý ngầm mà chỉ có cái chết mới có thể phá vỡ, và một tình bạn còn cảm động, hơn một tình yêu lớn.

... Bốn giờ sáng hôm sau, anh Phiêcmanh gõ cửa căn phòng nhỏ mà tôi nghĩ trong sân gà sao, trời vẫn còn tối. Loay hoay mãi tôi mới tìm thấy quần áo mình trên cái bàn lủng củng những chân đèn bằng đồng, và những tượng thánh mới tinh, tất cả được chọn ra trong cửa hàng nhà anh để trang hoàng phòng này trước khi tôi đến. Tôi nghe anh Phiêcmanh bơm cái xe đạp đánh cho tôi ngoài sân, bác gái thì thổi lửa trong bếp. Khi tôi đi ra, trời mới bừng. Chỉ một ngày, tôi phải đi khá nhiều. Trước hết, tôi sẽ về ăn trưa ở Xanhtrơ-Agat để giải thích vì sao tôi sẽ vắng mặt lâu. Sau đó, trước khi trời tối, tôi phải đến nhà Ôguyxtanh Môn, bạn tôi ở La Pectê-đănglông.

Chương 3

MỘT SỰ HIỆN HÌNH

Chưa bao giờ tôi đi xa bằng xe đạp. Đây là lần đầu tiên. Dù tôi đau đầu gối, từ lâu, Giaxmanh đã bí mật tập cho tôi đi xe đạp. Nên từ lâu xe đạp đã là một đồ chơi thú vị đối với một thanh niên trạc tuổi tôi, thì hôm nay, ngay từ ki-lô-mét thứ tư, nó còn là hơn thù đối với một chàng trai tội nghiệp như tôi vốn trước đây chuyên đời cuốc bộ!... Từ trên sườn đèo lao xuống thung lũng giữa cảnh trí thiên nhiên; từ xa đã nhìn thấy các ngã đường tác ra và nở hoa thấy như mình đang bay trên trời; chỉ trong chớp mắt, đã xuyên qua một làng và bỏ nó phía sau một cách đặc thẳng... Cho đến giờ, chỉ trong mơ, tôi mới trải qua một cuộc đi nhẹ bỗng và diệu kỳ thế này, đạp ngược dốc, tôi vẫn không giảm phần hăng hái. Bởi lẽ, cần phải nói ra, đây chính là đường đến nhà Môn, con đường mà tôi như uống mãi vào lòng.

"Cách lối vào làng một đoạn", Môn từng bảo tôi khi tả làng anh cho tôi nghe, "có một bánh xe lớn có guồng quay trong gió...". Anh không biết nó dùng làm gì, cũng có thể nah vờ không biết để kích thích thêm tính tò mò của tôi.

Mãi xế chiều cái ngày cuối thu ấy, tôi mới thấy chiếc bánh xe lớn quay trong gió trên một cánh đồng cỏ mênh mông, hẳn để guồng nước cho một vùng đất cây rẽ bên cạnh. Đằng sau những cây bạch dương trên đồng cỏ, đã thấy hiện ra ngoại vi cửa làng. Càng đi sâu vào con đường ngoặt vòng quanh con suối, phong cảnh càng mỹ lệ và mở ra thăm thẳm... đến cầu, tôi nhìn thấy phố chính.

Thấp thoáng sau những lùm lau sậy của thảo nguyên, lũ bò sữa đang gặm cỏ, tôi đã nghe rõ tiếng chuông cổ của chúng. Tôi xuống xe, tí hai tay lên ghi-đông, ngắm làng quê mà tôi sắp đem vào một tin trọng đại. các ngôi nhà, mà muốn vào phải qua một cây cầu gỗ nhỏ, đều sắp hàng trên bờ một con mương chạy dọc phố, nom như một dây thuyền cuốn buồm buông neo trong cái tĩnh mịch của chiều tà. Đây là giờ nhà nào cũng nổi lửa.

Lúc này, tôi mất hết can đảm, vì bỗng nhiên thấy vừa sợ vừa tiếc là mình đến khuấy động cái thanh bình tuyệt đỉnh nơi đây. Cùng lúc, như để tô đậm thêm cái nhu nhược bất thành linh, tôi nhớ ra rằng bà dì Moanen vẫn ở đây, trên một quảng trường hẹp của Laphectê Anglông.

Bà là một trong những bà dì của tôi. Các con bà đều chết cả rồi, mỗi người con út còn sống, đó là cậu Ecnet mà tôi có biết, sắp thành thầy giáo trường làng. Ông chú Moanen, viên lục sự già, không rời cậu nửa bước. Bà dì của tôi trợ trợ trong căn nhà kỳ cục của bà, trong đó thảm lát nền là vô số mảnh mẩu hàng khâu lại, trên các bàn toàn là gà sống, gà mái và mèo bằng giấy, nhưng tường được dán phủ bởi các bằng cấp cũ, các ảnh chân dung những người đã khuất, các trái tim đeo ảnh kết bằng tóc người chết.

Với biết bao tang tóc và tiếc thương, bà tỏ ra vừa lập dị vừa phúc hậu. Khi nhận ra quảng trường hẹp nơi có nhà bà, tôi gọi to tên bà qua cửa ra vào hé mở, và nghe bà thốt lên một tiếng kêu nhỏ nhưng chói tai từ cuối ba căn phòng nối nhau.

- Ôi, Lạy Chúa!

Bà đổ cà phê vào lửa - vào giờ này, làm sao bà pha được cà phê nhỉ? - và bà hiện ra... Lưng như gập làm đôi, bà đội một cái mũ không ra mũ, không ra khăn trùm, không ra mảnh mũ mưa ngay trên chòm đầu, bên trên cái trán dô rất rộng vừa như phụ nữ Mông Cổ, vừa như dân Hốt-tăng-tốt. Bà cười lặng lẽ, để lộ những chiếc răng còn lại rất xinh.

Nhưng trong lúc tôi ôm hôn bà, bà hồi hã và vung về nắm lấy một bàn tay tôi đang ở sau lưng. Với một sự bí ẩn hoàn toàn vô ích bởi vì chỉ có hai bà cháu thôi, bà lẹ bỏ vào tay tôi một đồng tiền nhỏ mà tôi không dám nhìn, chắc đấy là một phrăng... Rồi vì tôi làm bộ xin giải thích cho, hay cảm ơn, bà bắt ngờ bộp tai tôi và kêu lên:

- Cút đi! Tao biết tổng đi rồi!

Bà suốt đời nghèo nàn, suốt đời vay mượn, suốt đời hào phóng.

- Cả đời bà gốc ghếch và khốn khổ - bà nói không chút đả đay, nhưng giọng cao vút đến đáng sợ.

Tưởng rằng tiền tài cũng khiến tôi bận lòng như mình, bà dì tốt bụng chẳng lo tôi xoáy mất, và bà đã cất trong bàn tay chút tần tiện mỏng manh trong ngày của bà. Sau đó, bà tiếp tôi với một thái độ như vậy.

Bữa ăn chiều cũng kỳ dị - vừa buồn vừa lạ lùng - như sự chào đón. Vẫn là một cây nến vừa tầm tay, khi thì bà cầm đi mất, bỏ tôi trong bóng tối, khi thì bà đặt lên chiếc bàn nhỏ để trên bàn nào bát đĩa, nào bình lọ, tất cả đều sứt mẻ hay vỡ đôi.

- Cái bình kia - bà nói - bọn Phổ đã đánh vỡ quai năm bảy mươi, vì chúng không đem đi được.

Lúc ấy, khi nhìn chiếc bình lớn với lịch sử bi thảm, tôi chỉ nhớ lại rằng ngày xưa chúng tôi từng ăn chiều và ngủ ở đây. Đạo ấy, cha tôi đem tôi đến Yonnor, chữa đầu gối trong nhà một chuyên gia về bệnh này. Chúng tôi phải đáp một chuyến tàu nhanh và dài dằng dặc qua đây trước khi trời sáng... Tôi nhớ lại bữa ăn chiều buồn bã thuở ấy cùng tất cả câu chuyện của ông lục sự già.

Tôi cũng nhớ lại nỗi khiếp sợ của mình...! Ăn tối xong, ngồi trước lò sưởi, bà dì kéo riêng cha tôi né về phía bà; kể cho cha nghe một câu chuyện ma... "Chao ôi, cháu Lui yêu quý ạ, dì thế gì cháu biết không... Một mụ đàn bà thấp bé, xám xịt..." Bà lục từ trong đầu ra toàn những chuyện nhảm nhí kinh khủng như vậy.

Và đêm nay, sau bữa ăn tối, do mệt mỏi sau chặng dài đạp xe, tôi vừa đi vào nằm trong căn buồng rộng không, với chiếc sơ-mi ngủ kẻ ca-rô của ông chú Moanen, bà đã đến ngồi ở đầu giường và bắt đầu bằng cái giọng kim đầy bí ẩn.

- Phrăngxoa tội nghiệp của bà, bà phải kể cho cháu nghe câu chuyện mà bà chưa kể với ai...

Tôi nghĩ: "Rõ khéo, mình lại bị quấy rối suốt đêm, như mười năm trước..."

Tôi lắng nghe. Bà lắc đầu, nhìn thẳng trước mặt, như thể bà kể cho chính mình.

"... Bà cùng ông Moanen đi dự một buổi lễ hội về. Đó là đám cưới đầu tiên mà hai ông bà cùng đến từ khi Ecnet tội nghiệp của bà mất. Ở đám cưới, bà gặp bà em Aden đã bố năm chưa giáp mặt. Một ông bạn già của ông Moanen rất giàu đã mời bà ấy đến ăn cưới con trai ông ta ở lâu đài Xablonnie. Ông Moanen và bà đã thuê một xe ngựa. Tiền thuê đắt lắm. Ông bà ra về lúc khoảng bảy giờ sáng, giữa mùa đông cực rét. Mặt trời đang mọc. Trên đường vắng tanh vắng ngắt. Cháu có biết bắt đầu bà trông thấy gì trên đường không? Một người đàn ông nhỏ bé, một chàng trai nhỏ bé đẹp ngời ngời, đứng im trên đường, nhìn chiếc xe của ông bà đi tới. Đến gần ông bà nhận rõ một bộ mặt xinh xắn, không hiểu sao lại trắng và xinh đến phát sợ!

"Bà nắm lấy tay ông Moanen, run như chiếc lá. Bà tưởng đấy là Chúa lòng lành, liền bảo ông:

"- Ông ơi nhìn kia, đó là Chúa hiện hình!

"Ông cúi kính thì thào đáp lại:

"- Tôi cũng thấy. bà lắm lời lắm. Im đi không...

"Ông chưa biết đối phó ra ao, thì con ngựa dừng bước... Đến bên, đó là một khuôn mặt xanh xao, trán lấm tấm mồ hôi, một cái mũ nổi bần và một cái quần dài lượt thướt. Ông bà nghe thấy một tiếng nói nhỏ nhẹ:

"- Cháu không phải con trai. Cháu là con gái. Cháu bỏ trốn, đến đây thì không đi được nữa. Ông bà có vui lòng cho cháu đi nhờ xe không ạ?

"Ông bà cho cô ấy lên liền. Vừa lên ghế, cô ấy đã ngất đi. Cháu có đoán được ai đấy không? Chính là vợ chưa cưới của con trai chủ lâu đài Xablonie, Phrăng de Gale, mà ông bà vừa được mời đến dự lễ cưới".

- Nhưng còn cưới xin gì nữa ạ - tôi xen vào lời bà - tại vì cô dâu đã bỏ cuộc.

- Ủ, ừm - à gương ngệu nhìn tôi, nói tiếp - không còn hôn lễ nữa. Chỉ tại con diên ấy tự nhét vào đầu bao nhiêu chuyện diên rồ mà sau đó nó giải thích cho ông bà hiểu. Nó là con gái một người thợ dệt nghèo. Nó định ninh, rằng bấy nhiêu hạnh phúc đối với nó là không thể có, rằng so với nó, thằng kia quá trẻ, rằng tất cả những viễn cảnh tươi đẹp mà thằng này vẽ ra cho nó đều là ảo tưởng, cho nên khi Phrăng đến tìm, Valăngtin đâm ra sợ. Thằng này đi dạo cùng nó và cô chị trong vườn của bà Tổng giám mục ở Buôcgior bất chấp trời rét và gió lộng. Do tế nhị, hiển nhiên rồi, và cũng do yêu cô em, thằng ấy tỏ ra rất chú ý lắng nghe cô chị. Bây giờ con bé diên của bà chẳng hiểu đang tưởng tượng cái gì, nó bảo nó về nhà lấy cái khăn bịt đầu. Để chắc chắn không bị đuổi theo, nó cải trang thành con trai, và rảo bước trên đường đi Paris.

"Chồng chưa cưới của nó nhận một bức thư trong đó nó viết rằng nó đến đoàn tụ với chàng trai âm nó yêu. Nào có phải như vậy...

"- Thà hy sinh tình yêu, còn sung sướng hơn thành vợ anh ấy - nó nói với bà như thế.

"Ừ, cháu ngốc của bà ơi, trong thời gian chờ đợi kết quả tìm kiếm, thằng Gale không mảy may có ý nghĩ cưới cô chị. Nó tự bắn một phát súng lục vào đầu. Trong rừng vẫn còn vết máu, nhưng từ bấy có tìm thấy xác nó đâu".

- Thế ông bà đã đối xử như thế nào với cô gái đau khổ đó ạ? - tôi hỏi.

- Trước hết, ông bà cho nó uống vài ngụm rượu. Sau đó, cho nó ăn. Và nó ngủ thiếp đi khi ôn bà về đến nhà. Nó ở nhà ông bà gần suốt mùa đông. Hôm nào cũng như hôm nào, trời sáng là nó dậy, cắt và khâu áo dài, khăn, mũ và lau nhà, chăm chỉ lắm. Chính nó làm các thảm trải nền và "treo tường" mà cháu thấy đấy. Từ khi nó ở đây, chim én cũng đến làm tổ ngoài kia. Nhưng tối đến, công việc xong xuôi, bao giờ nó cũng tìm được cơ để đi ra sân, vườn hay hiên nhà, ngay cả khi ngoài trời băng đông đến nứt đá. Bà bắt gặp nó đứng đấy khóc như gió như mưa.

"- Sao vậy, còn gì chưa ổn nữa cháu?

"- Thừa bà Moanen, không... có... gì... đâu...ạ!

"Nói rồi, nó đi vào.

"Hàng xóm bảo bà:

"- Bác Moanen ạ, bác tìm được một đứa con ở đến kháu.

"Dù ông bà khuyên nhủ và van vãn hết điều, nó vẫn muốn đi tiếp đến Paris, vào tháng ba. Bà cho nó mấy cái áo dài để nó cắt may lại. Ông Moanen mua vé và cho thêm ít tiền.

"Nó không quên ông bà. Nó làm thợ may bên cạnh Nhà thờ Đức Bà ở Paris. Nó còn viết thư hỏi xem ông bà có được tin gì về gia đình Xablonnie không. Để nó khỏi bận tâm, bà đã báo cho nó biết rằng lâu đài đã bị bán, bị hạ, cậu con trai đã biệt tích, cô con gái đã lấy chồng. Từ đó, Valangtin của bà viết thư dần đi..."

Đây không phải một chuyện ma, mà bà dì Moanen kể với giọng kim vốn rất thích hợp với những chuyện ma quái. Tuy nhiên, tôi đâm vô cùng lúng túng và buồn phiền. Ấy là do chúng tôi đã thề cớ chàng Bô-hê-miêng Phrăng de Gale rằng chúng tôi sẽ phụng sự chàng như anh em, và bây giờ, thời cơ đã đến...

Liệu đây có phải là lúc làm hỏng niềm vui mà tôi sắp đem đến cho Môn sáng mai, khi nói với anh điều mà tôi vừa biết chưa? Ném anh vào một việc ngàn lần không thể được phỏng có ích gì? Thực tình, chúng tôi đã có địa chỉ cô gái, nhưng biết tìm đâu chàng Bô-hê-miêng luôn luôn lang thang trên mặt đất này?... hãy mặc bọn điên đi với bọn điên, tôi nghĩ. Đơluso và Bugiacđông đã không nhầm. Bao khổn khổ chàng Phrăng lãng mạn đã gây ra cho chúng tôi! Tôi quyết định không hé răng chừng nào Môn chưa cưới tiểu thư Gale!

Quyết định thế rồi, tôi vẫn có cảm giác nặng nề về một điềm xấu - cảm giác vô lý mà tôi mau chóng gạt đi.

Ngon nển cháy gần hết. Một con ruồi bay vo ve. Nhưng bà dì Moanen, đầu cúi thấp dưới cái khăn trùm nhung mà bà chỉ rời ra khi ngủ, hai cùi tay chống trên hai đầu gối, bắt đầu kể lại câu chuyện... Đôi lần, bà đột ngột ngẩng đầu nhìn tôi, ý chừng để xem cảm tưởng của tôi ra sao hay tôi có mất ngủ không. Cuối cùng, tôi lấu cá hạ đầu gối xuống, nhắm nghiền mắt lại, giả vờ thi u thi u ngủ.

- Kìa, thằng ông mãnh ngủ rồi!... - bà thốt lên bằng giọng kém chỏi và có phần thất vọng.

Tôi thương bà, bèn cự nự:

- Cháu không đâu, bà ạ. Cháu cam đoan...

- Cháu có ngủ - bà đáp - Mới lại, bà hiểu chuyện này chẳng thú vị gì mấy đối với cháu, bà có nói đến những người cháu đã quên biết đâu...

Lần này, buồn ngủ thật sự, tôi không trả lời.

Chương 4

TIN VĨ ĐẠI

Sáng hôm sau, khi tôi đến phố chính, tươi đẹp lạ lùng trong một cuộc nghỉ hè: bốn bề tuyệt vời yên tĩnh, và khắp thị trấn rộn lên bao âm thanh vô cùng thanh bình, vô cùng thân thuộc, đến nỗi tôi lấy lại được tất cả cái vững dạ đầy vui thú của một người mang đến tin lành...

Ôguyxtanh Môn và mẹ sống trong ngôi trường cũ. Khi cha mất sau thời gian dài nghỉ hưu, và gai tài được thừa hưởng đã lớn lên, Môn ngỏ ý xin mẹ mua lại ngôi trường trong đó ông thầy giáo già đã giảng dạy suốt hai mươi năm, và chính anh cũng đã học đọc. Mà chẳng phải vì bề ngoài của nó dễ coi. Đó là một ngôi nhà đồ sộ, vuông như một thị sảnh, chính nó trước đây cũng là thị sảnh. Các cửa sổ tầng trệt hướng ra phố cao đến nỗi chẳng ai nhìn qua được. Cái sân sau, chẳng một bóng cây, lại có một nhà cho học sinh chơi ngăn mất tầm mắt nhìn ra cánh đồng, là một mảnh sân trường khổ nhất và vắng lặng nhất mà tôi được thấy.

Trong cái hành lang rắc rối mà bốn cửa ra vào mở ra, tôi gặp mẹ Môn mang từ vườn về một thùng to đồ giặt, mà bà phải đem phơi ngay trong giờ đầu trên cửa buổi sáng nghỉ hè này. Mái tóc điểm bạc của bà hơi rối, có những món xõa xuống mặt. Dưới cái mũ cũ, bộ mặt đều đặn hơi phệ và lộ vẻ mệt mỏi như vừa qua một đêm thức trắng. Bà buồn bã cúi đầu với vẻ nghĩ ngợi.

Nhưng chợt thấy tôi, bà nhận ra và nở một nụ cười:

- Cháu đến rõ đúng lúc, bác vừa giặt xong và đang đem phơi quần áo, để Môn lên đường đây. Suốt đêm qua, bác thức để tính toán các khoản nó sẽ phải chi tiêu, và sửa soạn hành lý cho nó. Năm giờ thì tàu chạy, nhưng chúng ta vẫn kịp...

Thấy bà hết sức tự tin, tôi nghĩ chắc bà đã quyết định như vậy. Thế nhưng, nhất định là không biết Môn sẽ đi đâu.

- Lên đi cháu. Em nó đang viết trong "thị sảnh" ấy.

Tôi học tốc leo cầu thang, mở cửa ra vào bên phải mà bên trên còn treo cái biển "thị sảnh", và thấy mình đã ở trong một phòng mênh mông có bốn cửa sổ, hai mở ra thị trấn, hai mở ra đồng, trên tường còn treo chân dung đã ố vàng của các Chủ tịch Grêvy và Cacánô. Trên một cái bệ dài suốt dọc tường vách, vẫn còn một cái bàn phủ thảm xanh lá cây và mấy cái ghế tựa của hội đồng thị trấn. Giữa phòng, ngồi trên một cái ghế bành cũ, ghế của chính ông thị trưởng, Môn đang viết, chấm mực trong một cái bình bằng sứ hình trái tim đã lỗi thời. Cái nơi như được tạo ra cho một người hưởng lợi tức đồng niên chính là chốn ẩn dật Môn thường lui vào trong những ngày hè dài dằng dặc khi không lang thang bên ngoài...

Nhận thấy tôi, anh ngẩng đầu, nhưng không vồn vã như tôi tưởng.

- Phrăngxoa! - anh chỉ nói thế vẻ kinh ngạc.

Đây vẫn là chàng trai cao lêu đêu với khuôn mặt xương xương và cái đầu trọc lóc. Một hàng ria không tỉa tốt đã lún phún trên môi. Vẫn cái nhìn chân thành... nhưng dường như bầu nhiệt huyết mấy năm qua đã bị bọc bởi một lớp sương mù mà thỉnh thoảng cái sôi sục xưa mới xóa tan đi...

Gặp tôi, anh tỏ ra rất xúc động. Tôi nhảy phốc lên bệ bọc giáng. Nhưng lạ sao, anh thậm chí

quên cả chìa tay ra cho tôi. Anh quay về phía tôi, hai tay sau lưng, chống lên bàn, người ngửa ra sau, vẻ vô cùng lúng túng. Chưa chỉ trong khi đắm đắm nhìn tôi mà không thấy, anh đã như bị thu hút hết vào cái điều mà anh sắp thổ lộ. Như ngày xưa và như bất cứ lúc nào, lần chần mãi mới lên tiếng, khác nào những người độc thân, người đi săn hay người phiêu lưu, anh đã có một quyết định mà không băn khoăn đến lời lẽ cần phải có để giải thích nó. Mãi giờ đây, có tôi trước mặt, anh mới nghiền ngẫm một cách khó nhọc về những lời cần nói.

Tuy nhiên, tôi vui vẻ kể với anh tôi đã đến đây ra sao, tôi ngủ đêm qua nơi nào, tôi ngạc nhiên đến mức nào khi nghe thấy mẹ anh chuẩn bị cho anh đi...

- Mẹ tớ nói với cậu rồi à? - anh hỏi.

- Vâng. Em nghĩ, chẳng phải một chuyến đi dài chứ?

- Không. Một chuyến rất dài.

Bối rối một lát, cảm thấy chỉ tí nữa, bằng một lời thôi, mình sẽ phá tan cái quyết định mà mình không hiểu này, tôi không dám nói gì nữa, cũng không hiểu nên bắt đầu phần sự của mình từ đâu.

Cuối cùng, chính anh lên tiếng, như muốn biện bạch.

- Phrăngxoá, cậu biết cuộc phiêu lưu kỳ lạ của tớ ở Xanhtrơ-Agat đối với tớ là như thế nào. Đó là lẽ sống, là niềm hy vọng của tớ. Hy vọng nà mà tan vỡ, tớ còn sống làm gì nữa?... Làm sao có thể sống rập khuôn với hết thảy mọi người! Cho nên, tớ thử gắng sống ở đó. Ở Paris, một khi tớ hiểu rằng đã hết, rằng chẳng đáng bỏ công tìm kiếm lâu đài đã mất... Nhưng một người đã đặt chân lên thiên đường làm sao có thể bằng lòng với cuộc sống thường tình nơi trần gian? Điều người khác cho là hạnh phúc, tớ chỉ thấy nực cười. Và một ngày nào đó, thành thật và cương quyết hành động như mọi người, tớ chỉ chuốc lấy ân hận vĩnh viễn mà thôi...

Ngồi trên một ghế tựa trên bục giảng, đầu cúi thấp, lắng tai nghe mà mắt không nhìn anh, tôi chỉ mãi miết với những lý lẽ mù mờ này:

- Cuối cùng - tôi nói - anh Môn, anh hãy nói rõ hơn xem. Sao phải có chuyến đi dài này? Phải chăng anh có lỗi lầm nào cần sửa chữa? Hay một lời hứa phải giữ đúng?

- Đúng vậy - anh đáp - Cậu còn nhớ tớ hứa với Phrăng de Gale gì không?

- Trời ơi - tôi kêu lên, cảm thấy dịu lòng - Chỉ vì thế thôi ư?

- Vì thế đấy. Cũng có thể vì một lỗi lầm phải sửa chữa. Cả hai, vì cả hai cùng một lúc...

Tiếp đó là một khoảng im lặng, trong đó, tôi quyết định bắt đầu nói ra và chuẩn bị từng lời.

- Chỉ có một lý do mà tớ tin thôi - anh nói tiếp - Dĩ nhiên, tớ từng muốn gặp lại tiểu thư Gale, duy nhất gặp cô thôi... Nhưng bây giờ tớ tin tưởng rằng, khi đã phát hiện ra lâu đài không tên, tớ đã vương tới một tầm cao của sự trong sáng và sự hoàn thiện mà sau này không bao giờ còn đạt tới được. Chỉ cái chết, như tớ đã viết cho cậu, may ra tớ tìm thấy cái đẹp của thời gian ấy...

Vừa xíc lại gần tôi, anh vừa đổi giọng và nói một cách sôi nổi khác thường.

- Nhưng Phrăngxoá ơi! Mưu đồ mới này, cuộc viễn du này, và lỗi lầm mà tớ đã phạm và cần phải sửa chữa này, nói gọn lại, đó chỉ là sự tiếp tục của cuộc phiêu lưu ngày xưa.

Lại im lặng, gồng sức một cách đau đớn anh nhớ lại kỷ niệm cũ. Tôi đã bỏ lỡ thời cơ lúc này. Lần này, tôi không thể bỏ mất, nhất định như vậy. Thế là tôi cất lời quá hấp tấp, bởi lẽ về sau tôi xót xa luyến tiếc đã không chờ nghe những điều thú nhận của anh.

Tôi thốt ra cái câu vừa chuẩn bị một lát trước đây, nhưng bây giờ không tiện nói nữa. Tôi nói, không một cử chỉ, đầu hơi ngẩng lên:

- Vậy nếu em đến báo cho anh biết rằng không phải mọi hy vọng đã mất?...

Anh trừng mắt nhìn tôi, rồi đột nhiên lặng nhìn chỗ khác, mặt đỏ tía tai, mạch máu thái dương đập dồn.

- Cậu muốn bảo sao? - cuối cùng anh hỏi, giọng nghẹn ngào.

Tôi liền kể một mạch tất cả những gì tôi biết, tôi làm, và mọi việc quay ngược lại cứ như Yvon de Gale phái tôi đến với anh.

Anh tái nhợt đi một cách đáng sợ.

Trong suốt câu chuyện mà anh im lặng lắng nghe, cổ hơi rụt, với thái độ của một người bị bắt quả tang không biết tự vệ, ẩn nấp hay chạy trốn thế nào, anh chỉ ngắt lời tôi một lần, tôi nhớ rõ như vậy. Nhân tiện, tôi kể với anh rằng gia đình Xablonie đã tiêu vong, rằng lâu đài ngày xưa không còn nữa.

- Ô, cậu biết đấy... (cứ như anh vẫn đang chờ dịp thanh minh cho cách xử sự, cũng như nỗi thất vọng mà anh rơi vào)... cậu biết đấy: thế là chẳng còn gì nữa...

Để kết thúc câu chuyện, vả lại, sau cùng tin rằng bao điều dễ dàng sắp tới sẽ làm tiêu tan hết nỗi khổ tâm của anh, tôi kể cho anh nghe một phần cuộc vui mà bác Phlô-răng-tanh sẽ tổ chức, tiu thư Gale sẽ đi ngựa đến, rằng chính anh cũng được mời... Nhưng anh tỏ ra hết sức bối rối và vẫn chẳng đáp được gì.

- Phải hủy ngay kế hoạch chuyển đi của anh - tôi nôn nóng nói - chúng ta cùng đi báo cho mẹ anh biết thôi.

Và chúng tôi cùng đi xuống:

- Cuộc vui đó hả? - anh hỏi, vẻ phân vân - Qua thật tớ phải dự?...

- Chứ sao - tôi đáp.

Anh lộ vẻ miễn cưỡng, cũng như người bị ai nắm vai đẩy xuống dưới nhà, anh báo cho mẹ anh hay rằng tôi sẽ ăn trưa và ăn chiều với mẹ con anh, đêm nay sẽ ngủ lại, rằng ngày mai, anh sẽ thuê một cái xe đạp và cùng tôi đi đến Vi-ơ-Năng-xây.

- Phải lắm - bà gật đầu thốt lên, làm như Môn vừa xác nhận những dự đoán của bà.

Tôi ngồi trong phòng ăn bé, dưới những tấm lịch có vẽ tranh, những con dao găm có trang hoàng những hình phụ nữ Xudăng mà một người anh của bố Môn, cựu lính thủy đánh bộ, đã đem về từ những cuộc viễn du.

Môn bỏ tôi một lát trước bữa ăn, và trong phòng bên, nơi mẹ anh đã chuẩn bị hành lý cho anh, tôi nghe anh bảo mẹ, giọng hạ đi một chút, đừng dờ dẫm đồ trong ôm du lịch của anh ra - bởi vì chuyển đi của anh có thể chỉ hoãn lại một thời gian.

Chương 5

CUỘC VUI

Trên đường về Vior Năngxây, tôi theo Môn khá vất vả. Anh phóng nhanh như một người đua xe đạp. Lên dốc, anh cũng không xuống xe. Thay vào cái do dự khó hiểu hôm qua của anh là một sự bông bột, một sự nôn nóng, một sự thèm khát làm sao đến nơi nhanh nhất, chẳng cần biết là tôi hơi hoảng. Ở nhà bác tôi, anh vẫn như ngồi trên đồng lửa, anh tỏ ra không thể quan tâm đến bất cứ cái gì, cho đến lúc tất cả chúng tôi đã an tọa trong xe, khoảng 10g sáng hôm sau, và sẵn sàng đi đến bờ sông.

Đã cuối tháng tám, mùa hè sắp tan. Những vỏ hạt dẻ rỗng ứa vàng đã bắt đầu rải rác trên những con đường trắng xóa. Đường đi không xa, ấp nhà Oldê, gần Sêla nơi chúng tôi đến, ở bên kia ấp Xablonic không đến hai km. Đi càng xa, chúng tôi càng hay gặp các khách trầy hội bằng xe, thậm chí các chàng trai đi ngựa, mà bác Phlôrăngtanh đã táo bạo mời nhân danh cụ Gale... Cũng như ngày xưa, người ta cố gắng hòa hợp kẻ giàu người nghèo, lãnh chúa và nông dân. Chính do vậy mà chúng tôi thấy Giacxmanh Đolusơ đi xe đạp đến, hẳn vừa làm quen với bác tôi nhờ ông gác rừng Baladiê.

- Kia kia - Môn nói khi thấy hẳn - đấy là kẻ nắm được chìa khóa của mọi chuyện, trong khi hai chúng ta tìm kiếm đến

Mỗi khi nhìn hẳn, Môn lại càng bức tức với hẳn. Nhưng ngược lại, tưởng có quyền được chúng tôi biết ơn, hẳn bám lấy xe chúng tôi cho đến cùng. Chúng tôi thấy rõ hẳn đã tốn công một cách vô ích, và đáng thương, để chải chuốt cho ra người, và hai vạt áo jacket sờn của hẳn cứ đập lật phật vào cái chân pháo trên cái xe đạp hẳn cưỡi.

Mặc dù hẳn tỏ ra đáng yêu, bộ mặt nom già sớm của hẳn vẫn mất cảm tình. Riêng tôi, có lẽ hẳn gợi ra một sự thương hại mơ hồ. Nhưng có ai àm tôi sẽ không thương trong suốt ngày hôm ấy?

Nhớ lại cuộc vui ấy, không bao giờ tôi không thấy luyến tiếc một cách khó hiểu, cứ như bị hết hơi. Tôi đã tưởng tượng trước cho ngày ấy biết bao niềm vui. Mọi việc lớn nhỏ xem ra đã được bàn tính hết sức chu đáo để chúng tôi được sung sướng. Vậy mà chúng tôi được vui có đáng là bao!...

Bờ sông Sê đẹp vô cùng! Ở phía chúng tôi dừng chân, ngọn đồi thoải thoải, mắt đồi phủ những đồng cỏ nhỏ xanh ngắt - đấy là những khu trồng liễu phân cách bởi những hàng rào - như những mảnh vườn nho nhỏ. Phía bên kia bờ sông là những quả đồi đá xám dốc đứng. Đến những quả xa nhất, chúng tôi phát hiện ra giữa các ngọn thông những lâu đài lằng mạn nho nhỏ cỡ thấp. Xa xa, thỉnh thoảng chúng tôi nghe tiếng sữa của đàn chó ở lâu đài Prêvơrăngiơ.

Chúng tôi đến bờ sông nhờ một mạng lưới đường mòn rồi rậm, khi thì lởm chởm sỏi trắng, khi thì đầy cát - ở những lối đi đến bờ sông, các mạch nước tự nhiên đã biến thành suối. Dọc đường, các cành phước bồn tử hoang quật vào tay áo chúng tôi. Lúc thì chúng tôi chìm vào bóng râm mát mẻ dưới đáy các thung sâu, lúc thì ngược lại, khi các "bờ rào cây" bị đứt quãng, chúng tôi phơi mình ra trong ánh sáng rực rỡ của cả thung lũng. Xa xa ở bờ bên kia, khi chúng tôi gần đến nơi, một người đàn ông leo bám vào các tảng đá, chặm rãi chằng lưới bắt cá. Trời đẹp lắm, lạy Chúa tôi!

Chúng tôi dừng lại, sửa soạn vui chơi trên một bãi cỏ trong một khoảnh đất thụt vào hình thành từ một rừng phong được phát luân. Đấy là một bãi cỏ rộng, lớn, xén phẳng, trên đó hình

như có những chỗ để vui chơi bất tận.

Xa được tháo ra, ngựa dắt vào ấp Obriê. Chúng tôi bắt đầu tháo các đồ ăn uống mang theo, và dựng trên bãi cỏ những cái bàn gấp nhỏ mà bác tôi đã mang tới.

Lúc này, cần có những bạn tự nguyện ra đầu đường lớn bên cạnh để xem còn có ai tới nữa không và chỉ cho họ chỗ ở của chúng tôi. Tôi xung phong ngay. Môn cũng theo tôi, chúng tôi ra đóng chốt ở chỗ gặp nhau của các lối mòn và con đường cái từ Xablonie đến.

Trong lúc chờ đợi, chúng tôi đi loanh quanh, nói chuyện về quá khứ, cố giải trí cho vui. Vì Vior Năngxây, còn một xe nữa đi đến, khách trên xe là những nông dân lạ mặt và một cô gái cao lớn đeo dây ruy-băng. Rồi hết hẳn. Ô không, còn ba em nhỏ trên một chiếc xe do lừa kéo, những em bé ở mảnh vườn con Xablonie.

- Cảnh này hình như là cảnh ngày xưa - Môn nói - Chính chúng nó, tớ tin lắm, ngày ấy, đã nắm tay dẫn tớ đến bữa tiệc chiều, vào đêm đầu tiên cuộc lễ...

Nhưng, vừa đến đây, con lừa không muốn bước nữa, lũ trẻ xuống xe để thúc, kéo, đánh nó. Thất vọng, Môn cho rằng mình nhầm.

Tôi hỏi xem các em có gặp cụ Gale và tiểu thư con cụ đang đi đến đây không. Một em đáp là nó không để ý. Em khác: "Tôi nghĩ rằng cò, thưa ông. Chúng tôi chưa xa lắm". Cuối cùng, lũ trẻ xuôi xuống bãi cỏ, một em cầm lấy dây cương kéo con lừa nhỏ, hai em đẩy xe. Chúng tôi tiếp tục chờ. Môn nhìn đăm đăm chỗ đườn ngoặt vào Xablonie, đau khổ ngóng trông cô gái mà anh từng dày công tìm kiếm. Một sự bực bội kỳ lạ và gần như hài hước, mà anh dồn vào Giacxmanh Đơluso, bụng đầy trong anh. Từ trên mặt cái ta-luy thấp mà chúng tôi leo lên để nhìn cho xa, chúng tôi thấy một tốp khách đang đi ở bãi cỏ bên dưới; trong tốp đó, Đơluso cố làm ra vẻ vui mừng.

- Nhìn kìa, thẳng góc đó ba hoa khiếp chưa - anh bảo tôi.

Tôi đáp:

- Thây kệ, anh ạ. Hẳn chỉ làm những gì hẳn có thể làm thôi. Rõ tội cho hẳn.

Môn không buông vũ khí. Đằng kia, một ả thổ cái hay một chú sóc vừa phóc ra khỏi một khoảng rừng rậm. Để giữ bình tĩnh, Giacxmanh vờ đuổi theo con vật.

- Chà, nó còn chạy kìa!... - Môn thốt lên, như thể hành động này của Giacxmanh là hành động dũng cảm nhất từ trước tới giờ mà anh chưa được thấy.

Lần này, tôi không nhịn được cười. Môn cũng vậy, nhưng anh ngừng ngay.

Mười lăm phút sau.

- Nếu nàng không tới?... - anh hỏi.

Tôi trả lời.

- Nhưng tiểu thư đã hứa. Bình tĩnh, anh!

Anh lại chờ mong. Sau rốt, không kham thêm được sự đợi chờ không chịu nổi, anh bảo:

- Nghe đây, tớ xuống kia với các bạn. Tớ không biết hiện giờ cái gì chống lại tớ. Nhưng cứ ở

đây, tớ cảm thấy nản sẽ vĩnh viễn không đến, không thể có chuyện lát nữa, ở cuối con đường này, nàng sẽ xuất hiện.

Rồi anh bỏ tôi lại một mình và xuôi xuống bãi cỏ. Để giết thời gian, tôi đạp loanh quanh trên con đường nhỏ. Ngay ở khúc ngoặt đầu tiên, tôi đã thấy Yvon de Gale, như một nữ kỹ sư, cười trên lưng con ngựa trắng già, nom hết sức lạnh lợi, tuồng như nàng phải ghìm ngựa, không thì cả người cả ngựa sẽ phi nước đại. Phía đầu con ngựa, cụ Gale bước lạng lẽ vô cùng mệt nhọc. Dọc đường, chắc hẳn hai cha con đã thay nhau cười ngựa.

Thấy tôi có một mình, tiểu thư mỉm cười, tắt tưởi xuống ngựa, giao cương cho cha, đi về phía tôi cũng đang hồi hả chạy đến đón.

- Tôi thật sung sướng - nàng nói - thấy anh đi một mình. Bởi tôi không muốn cho ai, ngoài anh, thấy con ngựa già Bêlidê, tôi cũng không muốn buộc nó bên những con ngựa khác. Trước hết, nó quá xấu, quá già. Sau nữa, tôi luôn sợ nó bị một con khác đá bị thương. Thế mà, tôi chỉ cười có nó; khi nó chết, tôi sẽ thôi dùng ngựa.

Ở tiểu thư Gale cũng như ở Môn, tôi cảm thấy dưới cái vẻ linh lợi xinh đẹp, dưới cái duyên dáng chùng chùng như hết sức đường hoàng là sự bồn chồn đến khắc khoải. Nàng nói nhanh hơn thường lệ. Dù hai má lúm đồng tiền của nàng ửng đỏ, nhưng quanh mắt và trên trán vẫn lộ ra những mảng tái nhợt tố cáo tất cả sự hồi hộp của nàng.

Chúng tôi thỏa thuận buộc con Bêlidê vào một cái cây trong một khu rừng nhỏ gần bãi cỏ. Vẫn lăm lăm như mọi khi, ông già Gale lôi cái dây tròng cổ trong cái bị đựng lưng củng toàn đồ gang và tròng vào con vật, hình như hơi thấp. Tôi hứa sẽ gọi từ trại nhà đến cho cụ cỏ khô, lúa mạch, rơm...

Như ngày tiểu thư Gale đi đến bãi cỏ xưa, tôi tưởng tượng như thế, nàng đi xuôi xuống bờ hồ, ấy chính là lúc đầu tiên Môn thấy nàng.

Đưa tay cho cha khoác, lấy bàn tay trái gạt vạt áo măng-tô dài rộng quần lấy mình, tiểu thư tiến về phía các khách mời, vẻ vừa trẻ con vừa trang trọng. Tôi đi sau nàng. Những khách đang chơi hay tản mát ở xa đều đứng lên và tập trung lại chào đón nàng. Bỗng lặng cả đi, người nào cũng chăm chăm nhìn nàng đi tới.

Môn lẫn vào nhóm các chàng trai, và không có gì ngoài thân hình lêu đêu giúp người ta nhận ra anh, vả chăng, cũng có những chàng cao không kém gì anh. Anh không làm gì để thu hút chú ý của người khác, không một cử chỉ, không một bước vượt lên trên. Tôi thấy anh đứng gìm trong bộ đồ xám và cũng như các chàng kia, đắm đuối nhìn cô tiểu thư vô cùng xinh đẹp đang đến gần. Cuối cùng, bằng một động tác ngược ngùng và không cố ý, anh đưa một bàn tay lên cái đầu thó trọc, kiểu nông dân như để giấu nó đi, giữa những mái đầu bè bạn tóc dài chải chuốt cẩn thận.

Rồi cả nhóm quay lấy tiểu thư Gale. Người ta giới thiệu với tiểu thư những cô gái và chàng trai mà nàng chưa biết... Sắp đến lượt bạn tôi được giới thiệu, tôi cũng hồi hộp chẳng khác gì anh. Và tôi cũng đã sắp sẵn lời giới thiệu anh với nàng.

Nhưng tôi chưa kịp nói gì, tiểu thư đã tiến về phía anh một cách quả quyết và nghiêm trang đáng kinh ngạc:

- Tôi đã nhận ra Ôguyxtanh Môn - nàng nói.

Và nàng giơ tay ra cho anh.

Chương 6

CUỘC VUI (Hết)

Các khách khứa vừa tiến lại gần chào Yvon de Gale và hai người trẻ tuổi bị ngăn cách nhau. Một ngẫu nhiên đau khổ muốn rằng họ không hề được cùng ăn trưa bên một bàn ăn nhỏ. Song hình như Môn đã lấy lại được dũng khí và niềm tin. Vì đứng trơ trọi giữa Đoluso và cụ Gale, nhiều lần tôi thấy bạn tôi từ xa đưa tay làm hiệu thân thiết với mình.

Mãi khoảng cuối tối vui, khi các trò chơi, tắm, các cuộc trò chuyện, dạo chơi bằng thuyền ở cái đầm bên cạnh gần như được tổ chức khắp nơi, Môn mới lại được đối diện với cô gái. Trên những chiếc ghế tựa vốn được dùng ngồi ngoài vườn mà chúng tôi mang theo, Môn và tôi đang nói chuyện với Đoluso, thì tiểu thư Gale nhất quyết rời một nhóm thanh niên mà nàng tỏ ra ngán ngấm và lại gần chúng tôi. Nàng hỏi, giờ tôi vẫn nhớ, tại sao chúng tôi không lướt ca-nô trên hồ như các bạn khác.

- Chúng tôi đã bơi mấy vòng lúc chiều - tôi đáp - nhưng tẻ nhạt ghê và chúng tôi mau mệt.

- Thế sao các anh không ra sông? - nàng hỏi.

- Nước chảy quá mạnh, khéo bị cuốn mất.

- Phải có ca-nô chạy dầu hay tàu hơi nước như lần trước cơ - Môn nói.

- Chúng tôi không còn nữa - nàng gần như thầm thì - chúng tôi bán cả rồi.

Tất cả nín thinh ngượng ngập.

Giacxmanh tranh thủ báo rằng hắn đến với cụ Gale.

- Tôi biết muốn gặp cụ thì tìm ở đâu - hắn nói.

Cái kỳ lạ của tình cờ! Hai con người hoàn toàn khác nhau này đã vừa lòng nhau, và suốt từ sáng gần như không rời nhau. Lúc chập tối, cụ Gale lôi riêng tôi ra, báo cho hay rằng tôi có một người bạn đầy tư cách, hết sức tế nhị, và biết kính trọng người già. Thậm chí có lẽ cụ thổ lộ với hắn bí mật sự tồn tại của con Bêlιδê và nơi nó ẩn náu.

Chính tôi cũng muốn tách ra, nhưng cảm thấy chàng trai và cô gái đều quá lúng túng; quá hồi hộp trước mặt nhau, nên thề là không nên làm thế...

Bao ý tứ của Giacxmanh, bao thận trọng của tôi hầu như chẳng được việc gì. Môn và tiểu thư Gale nói chuyện với nhau. Nhưng bất di bất dịch, với một sự ương ngược mà chắc chắn anh không nhận thức được, Môn luôn luôn quay về những kỷ ảo ngày xưa. Và lần nào cũng vậy, cô gái bị dày vò phải nhắc lại với anh rằng tất cả đã mất rồi: lâu đài cổ hết sức kỳ lạ và phức tạp đã bị triệt hạ, cái đầm lớn đã khô và bị lấp đầy, và tản mác hết rồi nhưng đứa trẻ ăn mặc xinh tươi rạng rỡ...

- Ôi! - Môn chỉ thất vọng kêu lên, làm như nỗi mất mát ấy đều là có để anh chống lại cô gái hay tôi.

Chúng tôi đi bên nhau. Tôi cố gắng nhưng hoài công trong việc xua tan nỗi buồn đang xâm

chiếm cả ba người. Một lần nữa, Môn lại nhượng bộ ý nghĩ cố định của anh bằng một câu hỏi đột ngột. Anh muốn được biết về tất cả những gì anh được thấy ngày ấy: các cô gái nhỏ, người lái chiếc xe ngựa hòm cũ, những con ngựa pônây tham gia cuộc đua...

- Lũ pônây cũng bị bán rồi ư? Ở lâu đài không còn ngựa nữa sao?...

Tiểu thư đáp rằng không còn nữa. Nàng không dám động đến con Bêlidê.

Bây giờ anh gọi lại các đồ vật trong phòng nàng: các chân đèn, tấm gương lớn, chiếc đàn lure bị gãy... Anh dò hỏi về mọi chuyện hết sức nhiệt tình, như thể anh muốn tự thuyết phục rằng chẳng có gì trong cuộc phiêu lưu đẹp đẽ của anh còn tồn tại, rằng cô gái không mang tới cho anh chút gì khả dĩ chứng tỏ rằng nàng và anh đang tỉnh chứ không mơ, khác nào người thợ lặn chỉ mang được dưới đáy nước lên mấy cọng rêu và vài hòn sỏi.

Tiểu thư Gale và tôi, chúng tôi không tìm được một nụ cười buồn bã, nàng quyết định giải thích cho anh hiểu:

- Anh sẽ không thấy lại tòa lâu đài kỳ diệu mà ba tôi và tôi đã sắp xếp cho em Phrăng đáng thương.

"Suốt đời, chúng tôi chỉ chuyên một việc là thực hiện tất thảy những gì em đòi hỏi. Em là một người kỳ cục vô cùng, mà cũng xiết bao hấp dẫn! Nhưng tất cả đã biến mất cùng em vào buổi tối hôn lễ của em bị hủy!

"Thế là chưa chi ba tôi đã phá sản, nào tôi và mẹ có hay biết đâu. Phrăng đã mang công mắc nợ với bạn bè. Biết em mất tích, họ liền đòi ba mẹ tôi. Gia đình tôi nghèo đi. Mẹ tôi chết, chỉ trong mấy ngày, chúng tôi mất hết bạn hữu.

"Ước gì Phrăng trở về, nếu em chưa chết! Ước gì em gặp được bầu bạn và vợ chưa cưới của em! Ước gì cuộc hôn lễ dở dang sẽ được tiếp tục và có thể tất cả lại tươi đẹp như xưa! Nhưng dĩ vãng có quay về chăng?

- Làm sao biết được? - Môn trả lời, và tư lự.

Anh không hỏi gì nữa.

Trên lớp cỏ thấp và đã hơi ngả vàng, ba chúng tôi êm bước: Môn có ngay bên tay trái anh cô gái mà anh tưởng muôn đời biến mất. Mỗi khi anh thốt ra một câu hỏi hóc hiểm và nặng nề như kể trên, nàng lại từ từ quay sang anh để đáp, bộ mặt kiêu diễm lộ vẻ lo âu, và một lần, vừa nói, nàng vừa dịu dàng đặt một bàn tay lên cánh tay anh, cử chỉ đầy tin cậy và yếu đuối. Vì sao ở đây Môn cao kêu lại như một người xa lạ, một kẻ không tìm thấy điều đang tìm kiếm, không quan tâm tới điều gì cả. hạnh phúc này, ba năm trước, có lẽ anh không chịu nổi, nếu không kinh hoàng hay phát điên. Vậy thì do đâu mà có sự trống rỗng, sự xa lánh, sự bất lực trước hạnh phúc đang ngự trị trong anh lúc này?

Chúng tôi đến gần khu rừng mà lúc sáng cụ Gale đã buộc con ngựa Bêlidê. Ánh chiều tà kéo dài bóng chúng tôi trên cỏ. Từ đầu đàng kia bãi cỏ, chúng tôi nghe vọng đến tiếng các cô gái nhỏ và những người đang vui chơi, vì xa nên chỉ còn là tiếng rì rầm đầy sung sướng, như tiếng một đàn ong. Chúng tôi đang lặng đi trong cái tĩnh mịch đáng yêu, thì nghe tiếng hát phía bên kia rừng, hướng trang trại Obiê bên bờ nước. Đây là tiếng hát trẻ trung và sâu thẳm của một người đưa súc vật đi uống nước, nhạc của bài ca nhịp nhàng như khiêu vũ, nhưng người hát cứ ngân dài từng nốt một cách uể oải như một bản balat buồn thưở xa xưa:

Giày anh màu đỏ...

Xa nhau mãi rồi...

Giày anh màu đỏ...

Vĩnh biệt em ơi!...

Môn ngẩng đầu lắng nghe. Đó chẳng là gì khác ngoài một trong những bài ca mà những người nông dân chùng chình chưa về hát ở Lâu đài không tên, trong đêm cuối cùng của cuộc lễ khi tất cả sụp đổ rồi... Chỉ là một kỷ niệm - tang thương nhất - về những ngày tươi đẹp không bao giờ trở lại.

- Tiểu thư có nghe thấy không? - Môn thì thảo - Ơi - tôi sẽ đến xem ai đấy.

Và anh rảo bước ngay vào cánh rừng nhỏ. Gần như tức khắc, tiếng hát im bật; trong giây lát, chúng tôi còn nghe tiếng người kia huýt sáo miệng đuổi hô, rồi không còn gì nữa.

Tôi nhìn cô gái. Đăm chiêu và xúc động, nàng trân trân nhìn khoảng rừng thưa mà Môn vừa biến vào. Bao lần về sau, nàng vẫn nhìn với vẻ tư lự như thế, nẻo đường mà Môn sẽ vĩnh viễn ra đi!

Tiểu thư quay sang tôi:

- Anh ấy không hạnh phúc - giọng nàng chứa chan đau khổ.

Rồi nàng thêm:

- Có lẽ tôi không làm được gì để giúp anh ấy?...

Tôi ngập ngừng chưa trả lời, ví sợ Môn thoát cái đã về đến trại và hiện đang quay lại qua rừng, chớp được cuộc trao đổi của chúng tôi. Tuy thế, tôi đang toan động viên, bảo nàng đừng sợ là nàng bực bội anh, rằng nhất định có chuyện gì thầm kín khiến anh thất vọng, rằng không đời nào anh thổ lộ chuyện ấy với nàng cũng như với bất kỳ ai - thì đột nhiên, từ phía bên kia rừng vọng đến một tiếng kêu; sau đó chúng tôi nghe thấy tiếng giẫm đạp như tiếng chân ngựa, và tiếng vật lộn hỗn hển... Tôi hiểu ngay có chuyện với Bêlidê rồi, và chạy về phía tiếng ồn. Tiểu thư theo tôi cách một quãng xa. Từ cuối bãi cỏ, hẳn người ta nhận thấy hành động của chúng tôi, bởi vì lúc bắt đầu vào khoảng rừng thưa, tôi nghe tiếng nhiều người vừa kêu vừa ào tới.

Vì dây tròng buộc vào thân cây quá thấp, con Bêlidê vướng một chân trước vào dây này. Nó không động đật được, cho đến lúc cụ Gale và Đolusơ đi dạo qua nhìn thấy. Cuồng lên vì món lúa mạch người ta đem cho, nó điên khùng giãy dụa để thoát ra và chàng trai gắng gở cho nó; nhưng cả hai đều quá vụng về, nên nó càng bị vướng hơn, và hai người có cơ bị xới những cú đá. Chính lúc ấy, trên đường từ Ôhiê trở về, Môn bắt gặp. Ngửa mắt trước sự vụng về của hai con người, Môn ấy mạnh, làm họ suýt ngã bấn vào bụi. thận trọng, nhưng chỉ trong nháy mắt, anh đã gỡ được con Bêlidê ra. Muộn quá rồi vì tai hại đã xảy ra, con ngựa bị treo chân, có chỗ nào đó bị gãy, bởi vì nó cứ đứng ử rử, một cách tội nghiệp, cái yên xô về một bên lưng, một chân trước gấp dưới bụng và run bần bật. Môn khom người sờ nắn nó, chẳng nói năng gì.

Khi anh ngẩng đầu lên, gần như mọi người đã tề tựu đông đủ, nhưng anh chẳng nhìn thấy ai. Anh đang giận dữ, mặt đỏ tía lên:

- Đòi thuở nào lại cột ngựa thế này! - anh rít lên - Định để yên trên lưng nó suốt ngày sao? Và ai, ai dám đóng yên con ngựa già đến thế, cùng lắm chỉ kéo nổi một chiếc xe không cà khổ thôi.

Đorlusơ muốn phân trần - tất cả trách nhiệm đổ lên đầu hẳn.

- Im đi! Tại mày thì có! Tao đã thấy mày đã lôi dây tròng để gỡ chân ngựa.

Rồi anh lại khom người và bắt đầu xoa bóp khuỷu gối cho con vật.

Vốn vẫn lặng thinh, cụ Gale cố thoát khỏi tình trạng khó xử của mình. Cụ lắp bắp:

- Cá sĩ quan thủy quân có thói quen... Con ngựa của tôi...

- Trời, nó là của bác? - Môn đã bốt giận, nhưng mặt vẫn đỏ gay; anh vừa hỏi vừa quay đầu về phía ông già.

Tôi tưởng anh sắp đổi giọng và xin lỗi. Anh đứng thở một lát. Và tôi thấy anh lộ vẻ thích thú một cách cay độc và tuyệt vọng, niềm thích thú phá tan mãi mãi mọi chuyện, khi thốt ra một cách xác xược:

- Nhưng cháu không khen bác đâu!

Ai đó gợi ý:

- Có lẽ phải có nước lạnh... Nhúng nó xuống chỗ lội qua sông...

Môn không đáp lời, mà nói:

- Trong khi nó còn đi được, phải dắt ngay con ngựa già này - không được chậm trễ, về chuồng và đừng có đưa nó ra nữa.

Tức thì, nhiều chàng trai xung phong xin đi. Nhưng tiểu thư Gale chỉ nồng nhiệt cảm ơn họ. Mặt đỏ bừng, tưởng sắp ta thành nước mắt, nàng chào từ giả mọi người, thậm chí cả Môn đang bối rối cũng không dám ngược nhìn nàng. Nàng cầm lấy cương ngựa, như ta trao tay cho người khác, đi đến gần nó hơn, chứ không phải để dắt nó đi... Giờ cuối hè, gió thổi ẩm xiết bao trên con đường về Xablonie, đến nỗi người ta tưởng đang là tháng năm, và lá cây trên các hàng rào run rẩy trong gió nam hây hây... Chúng tôi ngắm nàng rời đi, cánh tay thò một nửa ra ngoài áo măng-tô, bàn tay bé bỏng nắm chặt dây cương to tướng bằng đồng. Cha nàng nhọc nhằn bước đi bên cạnh...

Cuộc vui kết thúc thật là buồn! Dần dần, khách khứa thu dọn hòm xiểng và chăn nệm của mình, gập ghế lại, tháo bàn ra; từng chiếc xe chở đầy người và hành lý lần lượt chuyển bánh với những chiếc mũ giơ cao và những chiếc mù xoa vẩy vẩy. Sẽ là những người về sau rồi, chúng tôi nán nã trên bãi vui với bác Phlorăngtanh cũng đang lặng lẽ nung nấu niềm luyến tiếc và nỗi thất vọng ê chề như chúng tôi.

Lòng xốn xang giận dỗi, chúng tôi cũng lên đường trong cỗ xe chở đầy nỗi phân vân do con ngựa hồng đẹp dễ kéo. Bánh xe rít lên trong cát ở chỗ đường ngoặt. Môn và tôi, ngồi ở hàng ghế sau, và chả bao lâu, chúng tôi thấy biến đi trên con đường cái hẹp, lối có nẻo tắt mà con Bêlιδê già nua và hai vị chủ của nó đã đi vào.

Nhưng kìa, bạn tôi - người tôi biết khó khóc nhất trên đời - bỗng quay sang tôi, bộ mặt biến dạng đi vì một cơn xúc động làm nước mắt trào ra không sao kìm nổi.

- bác vui lòng dừng xe chứ ạ? - anh đặt một bàn tay lên vai bác Phlorăngtanh và đề nghị - Xin bác đừng bận tâm về cháu. Cháu sẽ đi bộ về.

Một tay nắm lấy cái chần bùn của xe, anh nhảy xuống đất. Trước sự sững sờ của chúng tôi, anh bắt đầu chạy ngược trở lại, cho đến con đường nhỏ mà chúng tôi vừa vượt qua, đường về Xablonie. Anh phải đến lâu đài bằng lối đi trồng thông hai bên, mà anh từng đặt chân ngày ấy, lối mà ở đó, với tư cách là một gã lang thang ẩn mình trong các cành cây thấp, anh từng được nghe cuộc chuyện trò bí ẩn của lũ trẻ xinh đẹp xa lạ...

Và tối hôm ấy, với những tiếng nước nở, anh cầu hôn tiểu thư Gale...

Chương 7

NGÀY CƯỚI

A y là một thứ năm đầu tháng hai, một chiều thứ năm lạnh giá, đẹp trời, gió lồng lộng thổi. Đã ba giờ rưỡi, rồi bốn giờ... Trên các hàng rào sát các làng, các đồ giặt trải phơi từ giữa trưa đã khô trong gió lùa. Trong nhà, lửa trong phòng ăn chiếu lên một loạt đồ chơi trẻ em sáng bóng. Chơi đùa đã mệt, đứa bé ngồi bên mẹ nó đòi kể cho nghe ngày cưới của mẹ nó.

Những ai không muốn hạnh phúc chỉ việc leo lên gác thượng và chờ cho đến tối, nghe bao đợt gió rền rĩ như những tiếng khóc than người chết đuối; chỉ việc đi ra ngoài đường, và gió sẽ quật cái khăn họ đang quàng nơi cổ vào miệng họ như một cái hôn bất ngờ cháy bỏng khiến họ òa khóc. Còn ai yêu hạnh phúc, thì đã có, bên một con đường ngàu bùn, căn nhà của gia đình Xablonnie mà anh bạn cao kều Môn của tôi đã đi vào cùng Yvon de Gale, người đã trở thành vợ anh từ trưa.

Thời gian đính hôn kéo dài năm tháng. Thời gian ấy thật êm đềm, cuộc thoả hiệp đầu tiên sóng gió bao nhiêu thì thời gian đính ước thanh bình bấy nhiêu. Môn đến Xablonnie luôn luôn, khi bằng xe ngựa, khi bằng xe đạp. Mỗi tuần trên hai lần, ngồi khâu hay đọc sách bên khung cửa sổ rộng nhìn ra đầm và rừng thông, tiểu thư Gale đột ngột trông thấy lướt nhanh qua tấm ri-đô cái bóng cao lêu đêu của anh, bởi vì bao giờ anh cũng đến bằng cái lối ngoặt anh từng đi ngày trước. Nhưng đó chỉ là lời bóng gió - ngầm thôi - mà anh gợi nhớ về quá khứ. Dường như hạnh phúc đã ru ngủ được nỗi giày vò kỳ lạ trong anh.

Nhiều sự kiện nhỏ đáng được ghi lại trong năm tháng ấy. Tôi đã được bổ nhiệm làm giáo viên ở Xanh Bơnoadê Săng. Xanh Bơnoadê Săng không phải một làng. Đây chỉ là tập hợp nhiều trang trại rải rác trên đồng, trường học thì hoàn toàn biệt lập trên một gò đất lớn bên đường. Tôi sống khá trơ trọi. Nhưng đi bộ qua đồng thì chỉ cần bốn mươi lăm phút là đến được Xablonie.

Đơluso hiện ở nhà chú hấn, một ông chủ thầu nghề nề ở Viơ Năngxây. Chẳng bao lâu nữa, hấn sẽ là ông chủ. Hấn thường đến thăm tôi. Do tiểu thư Gale van vơ, giờ đây Môn tỏ ra rất đáng yêu với hấn.

Điều đó giải thích vì sao hấn và tôi còn đang lang thang vào bốn giờ chiều, khi khách dự cưới đã về cả.

Lễ cưới tiến hành thật lặng lẽ vào giữa trưa trong ngôi nhà thờ nhỏ cũ kỹ của gia đình Xablonnie mà người ta không phá đi. Nhà thờ nằm trên sườn quả đồi tiếp theo và bị rừng thông che khuất một nửa.

Sau một bữa trưa ăn vội, mẹ của Môn, ông Xoren và bà Mili, bác Phlorăngtanh và những khách khác đã leo lên xe. Chỉ còn lại Giacxmanh và tôi.

Chúng tôi tha thẩn ở bìa các cánh rừng sau nhà Xablonnie, trên bờ vùng đất hoang mênh mông, vị trí xưa của tòa lâu đài nay đã bị phá đổ. Không muốn thú nhận, mà cũng chẳng hiểu vì sao, cả hai chúng tôi đều hết sức bồn chồn khắc khoải. Chúng tôi cố gắng gạt và quên đi bằng cách vừa đi vắn vơ vừa chỉ cho nhau những hang thỏ cái, những vệt thối đực vừa vạch ra trên cát như những luống cày tí hon... một bầy chim giăng sẵn... dấu vết của một tay săn trộm... nhưng chỉ vô ích... Dù đi hướng nào, sau cùng chúng tôi vẫn quay về bìa khu rừng thưa, từ đấy, có thể phát hiện ra căn nhà đóng chặt, lặng tờ...

Bên dưới cái cửa sổ lớn mở ra rừng thông, có một cái ban-công bằng gỗ bị cỏ dại nằm rạp trước gió mọc lẫn cả lều. Một chút ánh sáng le lói như một ngọn lửa phản chiếu lung linh trên kính cửa sổ. Thỉnh thoảng, một bóng người lướt qua. Khắp xung quanh, trong vườn rau, trên các cánh đồng lân cận, trong ngôi nhà duy nhất còn lại trong khu nhà phụ là sự tĩnh mịch và cô liêu. Các tá điền đã đến lâu đài ăn mừng hạnh phúc của các vị chủ.

Chốc chốc, gió ẩm ướt mang nước mưa phủ ướt mặt chúng tôi và đem đến chỗ chúng tôi tiếng đàn pi-a-nô chìm ngấm trong im lặng. Đằng kia, trong ngôi nhà đóng cửa, có ai đó đang chơi đàn. Tôi dừng chân và lặng lẽ lắng nghe từ xa vọng tới, thoát đầu đó như một tiếng người run rẩy, không dám ca lên niềm vui của mình... Đó như tiếng cười của một cô bé đã lạc mất hết đồ chơi trong phòng mình bày ra trước mặt cậu bạn. tôi cũng nghĩ đến niềm vui pha chút ngượng ngịu của một phụ nữ đã mặc chiếc áo dài đẹp đem khoe mọi người, mà không hiểu mình có khóc lên không... Bản nhạc mà tôi không biết nay cũng là một câu kinh, một lời thỉnh cầu được hưởng niềm hạnh phúc không quá tàn nhẫn, một lời chúc và như một sự quý gởi trước hạnh phúc...

Tôi tự nhủ: "Rốt cuộc, họ được hạnh phúc rồi. Môn đang ở đây, bên tiểu thư..."

Biết như thế, chắc chắn như thế, vậy là đã đủ cho một đứa trẻ trung hậu như tôi mãn nguyện.

Đúng lúc đấy, đang hoàn toàn chìm đắm trong suy tư, mặt ướt gió đồng và sương biển, tôi cảm thấy có người nắm lấy vai tôi.

- Nghe kia! - Giacxmanh thì ào.

Tôi nhìn hắn. Hắn ra hiệu không được động đây, và chính hắn, đầu nghiêng đi, lông mày nhíu lại, hắn giống tai nghe ngóng....

Chương 8

TIẾNG GỌI CỦA PHRĂNG

H"ú... ù... ú"

Lần này, tôi nghe thấy. Đây là một tín hiệu, một tiếng hú gồm hai âm, cao và trầm, mà ngày xưa tôi từng nghe... A, tôi nhớ lại rồi: đó là tiếng hú của chàng Bô-hê-miêng cao lớn khi chàng ta gọi anh bạn trẻ tuổi của chàng ở hàng rào song sắt của trường. Ấy là tiếng hú mà Phrăng đã khiến chúng tôi thề rằng sẽ nghe thấy là chúng tôi sẽ đến ngay, dù là đi đâu và bất cứ lúc nào. Nhưng chàng yêu cầu gì, ở đây, hôm nay?

- Tiếng hú từ rừng thông bên trái - tôi khê bảo - Nhất định là một người săn trộm.

Giacxmanh lắc đầu:

- Cậu thừa hiểu là không phải.

Rồi hạ giọng hơn, hẳn tiếp:

- Họ lẩn quẩn ở đây, cả hai, ngay từ sáng.

"Tớ đã bắt gặp Ganasơ lúc 11 giờ, y đang rình trong một cánh đồng sát nhà thờ nhỏ. Thấy tớ, y chuồn ngay. Họ từ xa đến, có lẽ bằng xe đạp, người lấm tấm đầy bùn cho đến giữa lưng...

- Nhưng họ tìm gì?

- Tớ chịu. Nhưng nhất định phải tổng cổ họ đi, không được để họ lờn vờn quanh đây. Nếu không, những trò điên rồ cuồng dại lại bắt đầu.

Tôi cũng nghĩ thế, nhưng không nói ra.

Tôi bảo:

- Hay nhất là tìm gặp xem họ muốn gì và nói cho ta nghe ra lẽ phải...

Lặng lẽ, chậm rãi, chúng tôi cúi rạp người, tiến qua khu rừng thưa, cho đến tận cánh rừng thông bạt ngàn, từ đây vẫn vọng đến, sau những quãng dừng đều đặn, tiếng hú kéo dài, tự nó chẳng buồn hơn các chuyện khác, nhưng cả hai chúng tôi đều cảm thấy là điềm gở.

Ở phần này của rừng thông, nơi nhìn đâu giữa các cách thông cách nhau đều đặn cũng thấy hun hút, thật khó chop được một người, và cũng khó tiến lên mà không bị phát hiện. Chúng tôi không liều mạng thế. Tôi "chốt" ở một góc rừng. Giacxmanh đến chốt ở góc đối diện, làm sao có thể từ bên ngoài kiểm soát được hai cạnh của tam giác, và không để các chàng Bô-hê-miêng chạy mất mà mình không kịp kêu để họ nghe ra. Cả hai yên vị rồi, tôi bắt đầu đóng vai lính trinh sát yêu hòa bình và cất tiếng gọi:

- Phrăng!...

- ... Phrăng! Đừng sợ gì hết. Tôi, Phrăngxoa đây. Tôi muốn nói với anh!...

Một phút im lặng, tôi toan kêu nữa thì từ giữa rừng thông mà tôi không nhìn thấy thật rõ vọng đến tiếng đáp:

- Ở đâu cứ nguyên đấy. Anh ấy sắp đến gặp.

Dần dà, giữa những cây thông sừng sững cao vút hình như càng xa càng sát vào nhau, tôi phân biệt bóng chàng trai đang lại gần. Chàng ăn mặc lôi thôi và bê bối bần. Mấy cái cạp (cạp quần để đi xe đạp) vẫn nép lấy hai ống quần, một cái mũ cát-két cũ có dải thắt thít lấy cái đầu tóc tai bờm xờm; rồi tôi thấy mặt chàng hốc hác...

Dễ chàng đã khóc.

Chàng lại gần tôi, và quả quyết:

- Anh muốn gì? - chàng hỏi xác láo.

- Còn anh, Phrăng, anh làm gì ở đây? Sao anh đến quấy nhiễu những con người hạnh phúc? Anh yêu cầu những gì? Hãy nói ra!

Bị hỏi thẳng như vậy, chàng hơi đỏ mặt, chỉ đáp ứng được một câu:

- Tôi đau khổ, vâng, tôi đau khổ.

Rồi, gục đầu vào cánh tay, dựa vào một thân cây, chàng bắt đầu nức nở một cách cay đắng. Chúng tôi đã đi vài bước trong rừng thông. Nơi này tĩnh mịch lạ kỳ. Ngay cả tiếng gió vi vu mà các ngọn thông cao ngoài bìa rừng giữ được cũng không có. Giữa các thân cây thông cách quãng nhau đều dần cứ vang lên, rồi lại tắt đi tiếng nức nở nghẹn ngào của chàng trai. Tôi chờ chàng dịu đi, rồi nắm lấy vai chàng:

- Phrăng, anh đi với tôi. Tôi dẫn anh đến với họ. Họ sẽ đón mừng anh như đón một đứa bé mất tích đã tìm lại được và mọi chuyện sẽ ổn.

Nhưng chàng không muốn nghe gì hết. Vừa nghẹn ngào một cách đau khổ, chàng vừa nói bằng một giọng buồn bã và giận dữ:

- Thế là Môn không đoái hoài đến tôi nữa sao? Tại sao khi tôi gọi, anh ấy không đáp lại? Vì sao anh ấy không giữ lời hứa?

- Kìa Phrăng - tôi đáp - thời thơ ấu mong với những trò trẻ con qua rồi. Không nên đem những cái ngón ngắn làm vẩn đục hạnh phúc của những người mà anh yêu quý. Của chị anh và Ôguýxtang Môn.

- Nhưng chỉ có anh ấy mới cứu được tôi, anh rõ rồi đấy. Chỉ có anh ấy mới có khả năng tìm thấy dấu vết tôi đang tìm. Mới đó mà đã ba năm, Ganasơ và tôi lang thang khắp nước Pháp mà không kết quả. Tôi chỉ còn tin vào bạn. Vậy mà anh ấy không đáp lời tôi nữa. Anh ấy đã tìm lại được hạnh phúc của mình. Vì sao, bây giờ, anh ấy không ghé đến tôi? Anh ấy phải lên đường. Chị Yvon sẽ để anh ấy đi... Chưa bao giờ chị ấy từ chối tôi điều gì.

Chàng phô ra trước tôi bộ mặt lấm lem bụi đất, trên đó nước mắt chảy ngoằn ngoèo như những luồng cây li ti bắn thiu, đó là bộ mặt phờ phạc của một thằng nhãi già cằn. Đôi mắt chàng đầy quầng đỏ, cằm tua tủa râu vì lâu chưa cạo hay cạo qua quýt, tóc tai quá dài chớm xuống cái cổ nhờn ghét. Hai tay thọc túi, chàng rét run cầm cập. Trong bộ quần áo tả tơi, chàng không còn là đứa trẻ ngạo nghễ như vua chúa mấy năm xưa. Hết sức chân thật - điều này thì chắc chắn - chàng còn trẻ hơn bao giờ hết; thích làm oai ngông nghênh, nhưng ỉu xiu ngay tức khắc.

thật khó chịu đựng cái tính khí trẻ con này ở một chàng trai phảng phất nét già trước tuổi... Vừa mới đó, chàng tràn đầy bao sức xuân kiêu hãnh mà trò ngông nào trên đời cũng "xong". Giờ đây, mới đầu người ta không khỏi ái ngại cho thất bại của chàng trên đường đời. sau đó, không thể chê trách chàng về cái vai một nhân vật lãng mạn trẻ tuổi mà tôi thấy chang khur khur cố giữ. Cuối cùng, tôi không sao không nghĩ rằng chàng Phrăng đẹp trai của chúng tôi, người có một mối tình cao đẹp, đã phải bắt đầu trộm cắp để sống, y hệt bạn đồng hành Ganasơ của chàng. Bao kiêu ngạo đã dẫn đến chỗ đó!

- Nếu tôi hứa với anh - tôi lên tiếng sau khi suy nghĩ kỹ - rằng vài hôm nữa, Môn sẽ "ra trận" vì anh, chỉ vì anh thì sao?

- Anh ấy sẽ chiến thắng, phải không nào? Anh tin thế chứ? - rằng chàng va lập cập.

- Tôi cũng nghĩ thế. Anh ấy có thể làm được mọi việc.

- Tôi làm sao để biết? Ai sẽ báo cho tôi?

- Đúng vào giờ này sang năm, anh về đây: anh sẽ gặp cô gái mà anh yêu.

Nói như vậy, tôi nghĩ mình sẽ không làm phiền đôi vợ chồng mới cưới, ngược lại, sẽ dò hỏi bà dì Moanen và chính tôi sẽ khẩn trương tìm ra cô gái.

Chàn lại lộ vẻ thất vọng khi buộc phải nói:

- vâng, chúng ta sẽ cùng đi!

Anh đam đắm ngấm, dĩ nhiên với trái tim nhói đau, cánh rưng bao quanh àm anh sắp phải xa một lần nữa.

- ba ngày nữa, chúng tôi sẽ đi trên những nẻo đường nước Đức - anh nói - Chúng tôi để xe lại cách đây khá xa. Từ ba mươi tiếng đồng hồ rồi, chúng tôi đi bộ không nghỉ. Chúng tôi muốn về kịp trước lễ cưới để đưa Môn đi, cùng tìm người yêu của tôi, như anh ấy từng đi tìm lâu đài Xablonnie...

Rồi, lại nổi cơn con nít:

- Hãy gọi thằng Đorlusơ đến đây - chàng vừa bỏ đi vừa bảo - tôi mà gặp nó thì sẽ kinh khủng đấy.

Cái bóng xám của chàng mất dần trong rừng thông.

Tôi gọi Giacamanh và chúng tôi tiếp tục cuộc canh gác của mình. Nhưng gần như ngay lúc đó, ở đằng kia, chúng tôi nhìn thấy Môn đóng cửa ra vào nhà anh lại, và chúng tôi sững người trước dáng đi rất lạ của anh.

Chương 9

NHỮNG NGƯỜI HẠNH PHÚC

Về sau, qua những chi tiết cụ thể, tôi được biết mọi chuyện xảy ra ở đây...

Ngay đầu buổi chiều, Môn và vợ anh, mà giờ đây tôi vẫn gọi là tiểu thư Gale, được hoàn toán riêng biệt với nhau trong phòng khách nhà Xablonnie. Khách khứa về hết rồi, cụ Gale đã mở cửa ra vào làm cho trong một giây gió lộng thốc vào và rền rĩ; rồi cụ sang Vườn Nặng xây; đến giờ ăn chiều cụ mới về, khóa tất cả các cửa ra vào và ra lệnh cho nhà tá điền. Bây giờ, không tiếng động nào bên ngoài lọt được vào chỗ hai người trẻ tuổi. Chỉ một cảnh hồng không lá từ phía đầm chạm vào cửa kính. Như hai du khách trên con tàu trôi giạt phiêu diêu, họ là hai người tình ẩn khuất với hạnh phúc của mình giữa bốn bề gió đông thổi lộng.

- Khéo lửa tắt mất - tiểu thư Gale kêu và toan lấy một cây củi trong hòm củi.

Nhưng Môn nhanh hơn và tự tay đặt củi vào lò.

Rồi anh nắm lấy bàn tay nàng chưa kịp rút về, và hai người đứng sững đó trước mặt nhau, lặng đi như có một tin trọng đại chưa thể thốt ra.

Giò ào ào như một dòng sông tràn bờ. Thỉnh thoảng một giọt nước vach chéo trên cửa kính như mưa phủ vào cửa sổ tàu hỏa.

Đến đây, cô gái chuồi ra. Cô mở cửa hành lang và biến mất với một nụ cười bí hiểm. Môn hóa tro troi giây lát tron ánh sáng mờ ảo... Tiếng tích tắc của một đồng hồ quả lắc nhỏ gọi nhớ phòng ăn ở Xanh-tơ-Agat... Anh tự nhủ: "Đây chính là ngôi nhà ta hằng tìm kiếm, cái hành lang ngày xưa tràn đầy tiếng thí thảo và tiếng đi lại kỳ ảo..."

Đúng lúc ấy, hẳn anh nghe thấy - tiểu thư Gale về sau bảo cũng nghe thấy - tiếng hú đầu tiên của Phrăng gần nhà họ.

Lúc này, người vợ trẻ đem khoe với anh những kỷ vật tuyệt vời của nàng: đồ chơi thưở bé, ảnh chụp lúc còn thơ; nàng trong trang phục nữ chủ quán, nàng và Phrăng trên đầu gối mẹ, trông nàng xinh quá... rồi những chiếc còn lại trong bao áo dài trang nhã thời xưa của nàng. "Còn đây là cái em mặc, anh nhìn này, vào khoảng thời gian anh sắp biết em, đúng lúc anh đi học ở Xanh-tơ-Agat, em tin thế".

... Môn còn tâm trí đâu mà nhìn mà nghe nữa.

Tuy nhiên trong một phút, anh có vẻ sực nhớ tới niềm hạnh phúc phi thường, không tưởng tượng nổi nữa của mình.

- Bây giờ em ở đây - giọng anh khản đặc, tuồng như kỷ niệm xưa làm anh choáng váng - em đi sát bên bàn, và đặt tay lên bàn trong giây lát...

Và đây nữa.

- Khi còn trẻ, mẹ anh cũng khom người nhẹ nhõm như thế để nói với anh... và khi mẹ ngồi vào pi-a-nô thì...

Tiểu thư Gale liền đề nghị được chơi đàn khi trời còn chưa tối. Nhưng góc này phòng khách đã tối rồi, họ phải thắp đèn nền lên. Chao đèn màu hồng, cho nên mặt nàng càng đỏ lựng, nhất là ở hai lúm đồng tiền, đó là dấu hiệu của một nỗi lo âu lớn.

Ở bìa rừng, chúng tôi bắt đầu nghe thấy tiếng bài ca run rẩy mà gió đưa đến, và chỉ một lát sau đã bị cắt ngang bởi tiếng hú của hai chàng điên sắp đến gần chúng tôi trong rừng thông.

Môn đứng nghe cô gái đàn hồi lâu, nhưng vẫn dăm dăm nhìn qua cửa sổ. Bao lần anh quay nhìn khuôn mặt dịu hiền chứa chan, vẻ yếu đuối và đau khổ. Rồi anh đến gần Yvon, và hết sức dịu dàng, anh đặt đôi bàn tay lên vai nàng... nàng cảm thấy ở gần cổ cái vuốt ve triu mến mà đáng lẽ nàng phải biết đáp lại.

- Tối rồi - sau rốt anh bảo - Anh đi đóng cửa, nhưng em cứ chơi tiếp đi...

Cái gì trào lên lúc ấy trong con tim bí ẩn và thích cô độc của anh? Tôi luôn tự hỏi như thế và chỉ biết được khi đã quá muộn. Nỗi ân hận chưa từng hay biết? Niềm tiếc thương không lý giải nổi? Sự sợ hãi thấy sắp tụt nỏ ngay đây, giữa hai bàn tay mình, niềm hạnh phúc kỳ diệu mà anh xiết chặt biết bao? Và từ đó, mưu toan khủng khiếp quật ngay xuống đất một cách vô phương cứu chữa cái kỳ quan mà anh đã chinh phục được?

Anh lù lù đi ra, lặng lẽ, sau khi chăm chú nhìn vợ một lần nữa. Từ ven rừng, chúng tôi thấy anh lưỡng lự, đóng một cửa lại, rồi vừa đóng tiếp cái nữa vừa mơ hồ nhìn về phía chúng tôi, rồi đột nhiên chạy thục mạng về hướng này. Anh đến bên trong khi chúng tôi chưa kịp lánh đi nữa. Anh nhận ra chúng tôi, khi sắp bước qua một hàng rào thấp vừa dựng lên bao quanh một bãi cỏ. Anh lùi lại một quãng. Cho đến nay, tôi vẫn nhớ điệu bộ dữ tợn, và vẻ mặt như một con thú bị dồn đuổi của anh... Anh vờ tiến lên để qua rào chỗ bên dòng suối.

Tôi gọi anh:

- Môn!... Ôguyxtanh!...

Nhưng anh chẳng thèm quay đầu. Tôi liền hiểu rằng chỉ có một điều, điều đó, may ra mới giữ chân anh được:

- Phrăng ở kia! - tôi hét - Dừng lại!

Sau cùng, anh dừng bước. Thở hổn hển và chẳng để tôi kịp suy nghĩ:

- Cậu ấy ở đây! - anh nói - Cậu ấy đòi gì?

- Anh ấy đau khổ lắm - tôi đáp - Anh ấy đến nhờ anh tìm cái mà anh ấy đã mất.

- Trời ơi! - anh cúi đầu than - Tớ đoán chẳng sai. Tớ đã cố bóp chuyện đi mà không được... Nhưng cậu ấy đâu? Nói nhanh lên nào!

Tôi bảo Phrăng vừa bỏ đi và chần chẫn hiện giờ chưa thể gặp lại. Nghe thế, anh lộ vẻ vô cùng thất vọng và chán chường. Anh bỗng dùng dằng, đi hai ba bước, rồi đứng phắt. Anh đang hoang mang và đau khổ đến tột độ. Tôi kể cho anh nghe điều mà tôi đã nhân danh anh hứa với chàng trai. Tôi cũng nói lại rằng chúng tôi sẽ gặp lại chàng ở đúng chỗ này sau một năm nữa.\

Vốn điềm đạm, lúc này Môn bỗng nóng nảy quá chừng:

- Trời, sao lại làm thế! Mà phải, đúng là tớ có thể cứu cậu ta. Phải cứu ngay! Tớ phải gặp được để xin lỗi cậu ta, phải sửa chữa mọi lỗi lầm... Nếu không tớ không còn mặt mũi nào về đằng ấy

nữa...

Và anh ngoái nhìn về phía nhà Xablonnie.

- Chỉ vì một lời hứa trẻ con vớ vẩn - tôi lên tiếng - anh đang phá đám hạnh phúc của mình đấy.

- Chao ôi, chỉ là lời hứa ấy thôi - anh than.

Tôi hiểu còn những cái khác ràng buộc hai chàng trai, nhưng không đoán được đó là gì.

- Dù sao, có chạy theo cũng không kịp nữa rồi. Bây giờ Phrăng đã đang trên đường sang Đức.

Anh sắp trả lời thì một bộ mặt hốt hải, tóc tai rối tung hiện ra giữa chúng tôi. Đó là tiểu thư gale. Có lẽ nàng đã chạy, vì mặt đầm đìa mồ hôi. Chắc nàng đã ngã và bị xây xát, vì trán bị toạc da bên trên mắt phải và trên tóc có máu đã đông lại.

Ở các khu phố nghèo của Paris, tôi thường bất ngờ chứng kiến cảnh loạn đã của một gia đình tưởng chừng hạnh phúc, lương thiện và nổ ra bất chợt vào bất cứ lúc nào, giờ ngồi vào bàn ăn, chủ nhật trước khi cả nhà đi chơi, thời gian chúc mừng cuộc vui của cậu con cưng... Lúc nóng lên, người ta quên ráo, phá hết. Trong cơn thịnh nộ, cả chồng lẫn vợ chỉ là hai con quỷ đáng thương hại, con cái sẽ khóc ré lên, nhào vào ồm riết và hôn họ như điên như dại, van xin họ đừng đánh chửi nhau nữa.

Khi nàng đến bên Môn, tiểu thư gale khiến tôi nhớ đến những đứa trẻ cuồng cuồng kia. Tôi tưởng rằng tất cả bạn bè của nàng, cả làng và toán thế giới đã chăm chú theo dõi nàng, nhưng nàng vẫn chạy, vẫn ngã như thế, tóc tai rũ rượi, mồm khóc mếu, người vấy bẩn.

Nhưng khi hiểu rằng Môn vẫn còn đây, rằng ít ra thì cũng lần này, anh không bỏ rơi nàng, tiểu thư luồn cánh tay vào dưới tay anh, rồi vừa khóc vừa bật cười như một em bé. Cả hai đều chẳng nói năn gì. Nhưng, nàng vừa rút mũi xoa ra, Môn liền dịu dàng cầm lấy, vừa cẩn thận vừa chăm chút, anh lau vết máu trên tóc nàng.

- Giờ thì về thôi - anh bảo.

Tôi để cho hai người với nhau trong gió chiều đông mê hồn, thổi lộng quất rát mặt, anh cầm tay dắt nàng mỗi khi đường khó đi, tiểu thư thì mỉm cười và hối hả bước, đi về căn phòng vừa bị bỏ rơi chốc lát.

Chương 10

"NHÀ CỦA PHRĂNG "

Không yên tâm, vẫn vị giầy vò bởi một nỗi lo âu đến khắc khoải mà kết cục đáng phần khởi của sự việc đêm qua không đủ sức xua tan, tôi phải tự giam trong trường suốt ngày hôm sau. Ngay sau giờ "nghiên cứu" tiếp theo lớp buổi chiều, chẳng bao lâu, tôi lên đường đến Xablonnie. Trời tối thì tôi đi vào lối trồng thông hai bên dẫn đến ngôi nhà. Cửa giả đều đóng cả. Tôi sợ bị coi là bất nhã, nếu xuất đầu lộ diện muộn thế này sau ngày cưới. Tôi loay quanh rất lâu ở ven vườn và trên những mảnh đất lân cận, luôn luôn hy vọng thấy có người ra khỏi ngôi nhà đóng chặt... Nhưng tôi thất vọng. Trong nhà tá điền bên cạnh cũng chẳng có gì động tĩnh. Tôi đành ra về, bị ám ảnh bởi những tưởng tượng ảm đạm nhất.

Ngày hôm sau, thứ bảy, vẫn bồn chồn như vậy. Chiều, tôi hối hả cầm lấy cái áo mưa không tay, cái gậy đi đường, một miếng bánh mỳ để ăn đường, và tôi đến, khi đêm đã xuống, thấy mọi nơi ở Xablonnie đều cửa đóng then cài như hôm qua... Ở tầng hai có chút ánh sáng, nhưng khắp nơi không một tiếng ồn, không một vận động... Tuy nhiên, từ sân nhà tá điền, lần này tôi thấy cửa nhà ấy mở, và lửa cháy ở gian bếp rộng; và tôi nghe những tiếng nói và tiếng chân bước quen thuộc vào giờ ăn tối. Dù chưa báo cho tôi biết gì, điều ấy cũng khiến tôi an tâm. Tôi không thể hỏi hay nói gì với những người này. Rồi tôi quay lại để ý nhìn phía nhà Môn, mong thấy cửa nhà anh mở ra và cái bóng cao lêu đêu của anh xuất hiện. Chỉ uống công!

Mãi chiều chủ nhật, tôi mới nhất quyết gõ cửa nhà Xablonnie. Trong khi leo những quả đồi trọc nho nhỏ, tôi nghe xa xa tiếng chuông vãn kinh chiều đông. Tôi cảm thấy cô đơn và đau khổ. Một linh cảm u buồn xâm chiếm lòng tôi, nhưng tôi không rõ nó là gì. Và tôi chỉ phàn nàn ngạc nhiên khi, sau tiếng chuông gọi cửa của tôi, mình cụ Gale xuất hiện và se sẽ bảo tôi: Yvon de Gale đang sốt nặng, đang nằm liệt giường; Môn đã đi xa từ sáng thứ sáu, chưa biết bao giờ mới về...

Quá lúng túng và buồn phiền, cụ già quên mời tôi vào nhà, tôi bèn cáo biệt. Cửa khép lại rồi, tôi đứng một lúc trên bậc tam cấp, lòng se lại, bối rối lạ thường, đưa mắt nhìn trân trân, mà không hiểu vì sao, một cảnh hoang đàng khô gió du đưa buồn rầu trong nắng.

Cuối cùng, nỗi ân hận thầm kín mà Môn mang trong lòng đã lên đến tột đỉnh như vậy đấy. Cuối cùng, người bạn lớn của tôi phải né tránh niềm hạnh phúc mà anh tìm kiếm xiết bao bền bỉ...

Thứ năm và chủ nhật nào, tôi cũng đến hỏi thăm tình hình Yvon de Gale, cho đến một chiều, khỏi bệnh và đang dưỡng sức, tiểu thư nhờ mời tôi vào chơi.

Tôi thấy nàng ngồi bên lửa, trong căn phòng khách mà cái cửa sổ rộng và thấp mở ra đồng và rừng thông. Nàng không hề xanh xao như tôi tưởng, mà ngược lại, cứ phùng phùng với những đám đỏ lựng dưới hai mắt, vẻ vô cùng kích động. Dù còn rất yếu, nàng vẫn trang phục như để đi ra ngoài. Nàng nói ít, nhưng câu nào cũng hết sức sôi nổi, tưởng như nàng tự thuyết phục hạnh phúc chưa tắt đâu... Tôi không nhớ những điều chúng tôi trao đổi với nhau. Tôi chỉ nhớ rằng tôi đã đánh bạo hỏi khi nào Môn trở về.

- Tôi không biết bao giờ anh ấy về đâu - tiểu thư đáp sôi nổi.

Mắt nàng có vẻ van xin, và tôi tự kìm mình, không hỏi gì thêm.

Tôi thường đến thăm nàng. Tôi thường trò chuyện với nàng bên lò sưởi trong căn phòng khách

thấp mà hể đêm đến, thường tối nhanh hơn các phòng khác. Không bao giờ nàng đã động đến bản thân và nỗi đau âm ỉ của nàng. Nhưng nàng luôn sốt sắng gọi tôi kể tỉ mỉ cho nàng nghe về cuộc đời học trò của chúng tôi ở Xanh-tơ-Agat.

Chuyện về những phiền toái của cánh học sinh lớn chúng tôi, nàng nghe dịu dàng, trang trọng, với niềm thích thú gần như của tình mẫu tử. Nàng không tỏ ra mảy may sung sướng, ngay cả trước những trò trẻ con táo tợn và nguy hiểm nhất của chúng tôi. Sự triu mến đầy chăm chút mà tiểu thư thừa hưởng của cha không hề bị những cuộc phiêu lưu đáng phàn nàn của em trai làm cho suy giảm. Niềm tiếc nuối duy nhất mà quá khứ gọi lên cho nàng, đó là nàng đã không phải người bạn tâm tình đủ tin cậy cho em, bởi vì, vào thời điểm thất bại ê chề, cậu em không dám thổ lộ gì với nàng như với bất kỳ ai, tự cho là mất hết không sao cứu vãn. Hể nhớ lại, tôi hiểu rằng đây là một bốn phận nặng nề mà cô gái đã đảm đương - bốn phận nguy hiểm, trợ giúp một cái đầu ảo tưởng đến điên loạn như em trai nàng; bốn phận gần như quá sức, khi cậu phải liên kết với trái tim phiêu lưu là anh bạn Môn cao kều của tôi.

Một lần nàng cho tôi bằng chứng xúc động nhất và có thể nói gần như bí ẩn của niềm tin mà nàng lưu giữ trong những mơ mộng tuổi thơ của em nàng, của sự chăm lo ít ra cũng bảo tồn cho cậu những gì còn sót lại của của những mộng mơ mà cậu sống cho đến tuổi 20 kia.

Đây là một chiều tháng tư ảm đạm như cuối thu. Gần một tháng rồi, chúng tôi sống trong một mùa xuân đến sớm thật dịu ngọt; người thiếu phụ trẻ đã lấy lại những cuộc dạo chơi với cụ Gale. Nhưng hôm ấy, cụ già thấy mệt, còn tôi thì rồi, nàng bảo tôi cùng đi mặc dù thời tiết đe dọa. Rồi Xablonnie được hơn nửa dặm, chúng tôi đi dọc cái đầm thì giông, mưa và mưa đá ập đến. Vào tránh cơn mưa dưới mái nhà kho, bị gió quất lạnh buốt, chúng tôi đứng bên nhau, tư lự, trước quang cảnh tối sẫm lại. Trong cái áo dài nhẹ nhõm nhưng nghiêm trang, nàng tái nhợt cả người và lộ vẻ vô cùng khổ sở.

- Phải về thôi - nàng nói - Ta đi lâu quá rồi. Liệu có gì xảy ra không?

Nhưng khi cuối cùng chúng tôi có thể rời chỗ trú, trước sự ngạc nhiên của tôi, đáng lẽ về Xablonnie, tiểu thư đi tiếp và yêu cầu tôi đi cùng. Đi khá lâu, chúng tôi đến trước một ngôi nhà mà tôi không biết, chơ vơ ven con đường lún chắc dẫn đến Prê-vơ-răng-giơ. Ấy là một ngôi nhà nhỏ thường thường bậc trung, ốp đá đen, không có gì khác biệt với phong cách ở địa phương ngoài cái hẻo lánh và đơn độc của nó.

Thấy Yvon de Gale, ta dễ tưởng ngôi nhà này là của chúng tôi và bị chúng tôi bỏ rơi suốt một cuộc du lịch dài. Nàng cúi xuống mở cửa một hàng rào lưới thấp mắt cáo và, vẻ lo lắng, hối hả xem xét chốn cô liêu. Một cái sân lớn đầy cỏ dại, mà chắc chắn trẻ con đã đến chơi trong những buổi tối dài dằng dặc và chậm chạp cuối đông, bị gió mưa tàn phá. Một cái vòng dầm mình trong một vũng nước. Trong mấy mảnh vườn nhỏ mà lũ trẻ đã gieo giống đậu và các loài hoa, mưa lớn chỉ còn để lại những vệt sỏi trắng. Cuối cùng, chúng tôi phát hiện ra một đàn gà con bị mưa rào đập chết, tấp vào một khung cửa gỗ. Gần như cả đàn đã chết dưới đôi cánh cứng đờ và bộ lông xác xơ của gà mẹ.

Trước cảnh thương tâm ấy, thiếu phụ kêu lên một tiếng ghen ngào. Nàng ghom người, và không để ý gì đến bùn, nước, chọn ra những chú gà còn sống, bắt đặt vào vạt áo măng tô của mình. Rồi chúng tôi vào căn nhà mà nàng có chìa khóa. Bốn cửa ra vào mở ra một hành lang hẹp có gió lùa vào làm phát ra những tiếng kêu rú rít. Yvon de Gale mở cửa đầu tiên bên phải và đưa tôi vào một căn phòng tối, trong đó, một lát sau, tôi nhận rõ một tấm gương to và một cái giường nhỏ phủ một tấm mền lụa đỏ theo kiểu nông thôn. Còn tiểu thư, sau khi tìm kiếm trong phòng còn lại, nàng trở ra, mang theo lũ gà ốm đờ trong một cái giỏ lót lông tơ, rồi cẩn thận luồn xuống dưới tấm mền. Trong chút ánh ngày mệt mỏi, chút đầu tiên và cuối cùng, làm cho bộ mặt chúng tôi nhợt nhạt hơn và bóng đêm đáng buồn tắm tối hơn, chúng tôi đứng đó, giá lạnh và đau khổ, trong căn nhà kỳ lạ.

Thỉnh thoảng, nàng lại chăm chú nhìn đàn gà ốm, nhắc ra một con mới chết để những con còn lại khỏi chết lây. Mỗi lần như vậy, chúng tôi có cảm giác như có một cơn gió to thổi qua các cửa kính bị vỡ ở trên gác, hay một nỗi khổ đau bí hiểm của những đứa trẻ không quen biết đang lặng lẽ thở than.

- Đây là - cuối cùng người bạn đường bảo tôi - nhà của Phrăng khi em còn nhỏ. Em từng muốn một ngôi nhà chỉ của riêng em, xa mọi người, ở đó hề thích là em có thể đến sống và chơi đùa. Trò ngông đó, ba tôi thấy sao mà kỳ lạ, buồn cười đến nỗi Người không từ chối. Khi nào thích, thứ năm, chủ nhật, Phrăng lại ra ở nhà ấy như một người lớn. Trẻ em các trại lân cận đến chơi với em, giúp em nấu nướng, làm vườn. Một tro chơi rất tuyệt! Đêm đến, em không sợ ngủ một mình. Còn chúng tôi, chúng tôi khâm phục em đến nỗi chẳng lo lắng gì.

- Đã lâu rồi, và bây giờ cũng vậy - tiểu thư thở dài nói tiếp - căn nhà bỏ không. Vì đã già nua, lại quá đau khổ, ba tôi chưa hề động tính hay tìm kiếm gì để gọi em về. Mới lại ba có thể làm gì kia chứ?

"Tôi sang đây luôn luôn. Các thiếu niên ở các trang trại xung quanh vẫn đến chơi trong sân như trước. Tôi thích thú nghĩ rằng đây chính là những bạn cũ của Phrăng. Mong rằng chính em vẫn còn là một đứa trẻ, và chả bao lâu nữa, em sẽ trở về với người vợ chưa cưới mà em tự chọn.

"Lũ trẻ ấy rất biết tôi. Tôi chơi với chúng. Ổ gà con này là của chúng tôi...

Nỗi đau lớn mà nàng chưa hề hé răng, sự luyến tiếc đã mất đứa em vô cùng điên rồ, hấp dẫn và đáng khâm phục, phải nhờ cơn mưa rào và cuộc tan băng này mới được nàng thổ lộ với tôi. Tôi lặng im chăm chú nghe, thì thầm nước nở...

Cửa ra vào nhà đóng lại hết, cửa hàng rào đóng xong, lũ gà con trả về cái ổ bằng cành cây ở sau nhà, tiểu thư buồn bã luồn tay vào dưới cánh tay tôi và tôi đưa nàng đi về.

Bao tuần, bao tháng trôi qua! Trời đã qua! Hạnh phúc đã mất! Về người từng là nàng tiên, công chúa và tình yêu bí hiểm của tất cả tuổi vị thành niên của chúng tôi, chính tôi được chọn để khoác tay và nói những gì cần nói để làm dịu nỗi đau khổ của nàng, trong khi bạn tôi đã bôn tẩu. Về thời gian ấy, về những cuộc chuyện trò, sau khi tôi lên lớp ở quả đồi nhỏ Xanh Bơnôđê Săng, về những cuộc dạo chơi mà điều duy nhất cần phải nói ra lại là điều duy nhất chúng tôi quyết định nín lặng, giờ đây tôi biết nói gì? Tôi không giữ được kỷ niệm nào khác ngoài kỷ niệm sẽ phai mờ một nửa, về bộ mặt gầy rộc đi, về đôi mắt khi nhìn tôi thì từ từ hạ mí, như thể chỉ còn thấy một thể giới bên trong.

Tôi là người bạn trung thành của tiểu thư - đôi bạn của cuộc đợi chờ mà chúng tôi không thốt ra lời - suốt một mùa xuân và mùa hè không bao giờ có nữa. Nhiều lần cứ chiều đến là chúng tôi quay lại nhà Phrăng. Nàng mở tung các cánh cửa cho nhà thông thoáng, để không có gì bị mốc khi cặp vợ chồng trẻ trở về. nàng chăm sóc đàn gia cầm đã gần trở nên hoang dại vẫn cư trú trong sân nuôi. Thứ năm và chủ nhật, chúng tôi khích lệ lũ trẻ láng giềng chơi nhởi, và trong cảnh cô tịch nơi đây, tiếng cười đùa và la hét của các em kiến cho ngôi nhà bị bỏ rơi càng hoang vu trống trải.

Chương 11

CUỘC CHUYỆN TRÒ DƯỚI MƯA

Tháng tám, nghỉ hè, khiến tôi phải xa Xablonnie và người thiếu phụ trẻ. Tôi phải về nghỉ hai tháng ở Xanh-tơ-Agat. Tôi gặp lại cái sân khô cứng thênh thang, căn nhà dành cho trẻ em chơi, lớp học trống trải... tất cả gợi nhớ Môn cao kều và như thì thầm mãi với tôi về anh. Tất cả chứa chan kỷ niệm tuổi thanh niên đã chấm dứt của chúng tôi. Trong những ngày nghỉ hè dài lê thê và óng vàng này, tôi cảm cung như xưa trước ngày Môn đến, trong phòng lưu trữ và các phòng học vắng vẻ. Tôi đọc, tôi viết, tôi hồi tưởng... Cha tôi đi câu xa. Mẹ tôi ngồi khâu hay chơi pi-a-nô trong phòng khách như thuở ấy... Và trong phòng lặng tờ, với những vòng giấy xanh lá cây bị xé rách, những tờ giấy bọc bì những quyển sách quý lẫn lóc lung tung, những tấm bảng đã xếp lại một chỗ, tất cả nói rằng năm học đã kết thúc, các phần thưởng đã được trao, tất cả đang chờ dịp mùa thu, chờ đợi ngày tựu trường vào tháng mười và những cố gắng mới - cũng thế, tôi tự nhủ rằng tuổi trẻ của chúng tôi đã chấm dứt, hạnh phúc của chúng tôi đã lỡ mất rồi, chính tôi cũng đang chờ đợi lúc mình trở lại Xablonnie và Môn trở về với chúng tôi, dù có thể không bao giờ nah quay về nữa.

Tuy vậy, vẫn có một tin mừng tôi báo cho mẹ, lúc bà dứt khoát hỏi tôi về cô dâu mới. Tôi sợ những câu hỏi của mẹ, sợ cái cách vừa như vô tình vừa như lấu cá, mẹ đột nhiên làm chúng tôi lúng túng, tuồng như bà sờ được ý nghĩ thầm kín nhất của chúng tôi. Tôi lờ hết, bằng cách thông báo rằng cô vợ trẻ của Môn, bạn tôi, sẽ làm mẹ vào tháng mười.

Riêng tôi, tôi vẫn nhớ ngày Yvon de Gale cho tôi biết cái tin trọng đại ấy. Cả hai chúng tôi bỗng im bất, tôi hơi lúng túng, cái lúng túng của một chàng trai chưa vợ. và để che giấu lúng túng - tôi hỏi ngay, mãi rất lâu sau mới nghĩ đến toàn bộ tấn kịch vẫn ám ảnh tôi đến tận giờ.

- Hẳn tiểu thư rất hạnh phúc?

Nhưng không ầm ý hay luyến tiếc, không oán trách hay ân hận, nàng đã đáp lại với một nụ cười sung sướng tuyệt đẹp trên môi:

- Vâng, hạnh phúc vô ngần.

Suốt tuần cuối của kỳ nghỉ, tuần đẹp nhất và thường gây xúc động nhất, tuần mưa to triền miên, tuần mọi người bắt đầu đốt lửa sưởi, và tôi hay đi trong rừng thông ẩm ướt đen ngòm của Vior Năngxây, tôi chuẩn bị hành trang để về thẳng Xanh Bonoadê Săng, Phiêcmanh, Dì Juyli và các chị họ ở Vior Năngxây liền thoảng hỏi han quá nhiều, đến nỗi tôi không buồn đáp. Lần này, tôi từ chối cuộc sống mê hồn trong tám ngày của một người thợ săn thôn dã và trở lại trường bốn hôm trước ngày khai giảng.

Trước khi trời tối, tôi đã đi vào mảnh sân phủ lá vàng lốm đốm như một bức thảm. Người đánh xe đi rồi, trong căn phòng chỉ còn tôi với tâm trạng buồn rầu tháo các bọc đồ ăn dự trữ mà mẹ chuẩn bị cho ra, rồi đẩy đệm kỹ lại. Sau khi ăn quàng quấy, có ngon gì đâu, một bữa ăn nhẹ, vừa sốt ruột, vừa đau đớn, tôi khoác cái áo mưa không tay lên mình rồi nóng nảy, tuy nghĩ là đi chơi, đến thẳng ngoại vi Xablonnie.

Tôi không muốn vừa chân ướt chân ráo tới trường đã xuất hiện ở Xablonnie như một vị khách không mời mà đến. Tuy thế, bao hơn hồi tháng 2, sau khi đảo một vòng quanh lâu đài thì chỉ có cửa sổ phòng thiếu phụ sáng đèn, tôi nhót qua rào vườn ở phía sủa nhà và ngồi xuống một ghế dài dựa vào rào trong bóng đêm đang buông, lòng thực sự hân hoan được có mặt ở đây, sát bên

cái cảm dỗ tôi và làm cho tôi lo lắng nhất trên đời.

Đêm xuống, mưa bắt đầu rơi. Tối cúi đầu ngắm đôi giày ướt dần và lấp loáng nước, nhưng tâm trí để tận đâu đâu. Bóng tối dần dần bao phủ lấy tôi, khí mát thấm dần vào người, nhưng không khuấy động mơ mộng của tôi. Buồn bã và dịu dàng, tôi mơ thấy những con đường ngẫu bunn ở Xanhtr- Agat cũng vào chính tháng chín này. Tôi mừng tượng lại quảng trường đầy sương mù, cậu con trai hàng thịt vừa huýt sáo vừa đi tới cái máy bơm, hiệu cả phê sáng trưng, chiếc xe chở đầy hàng nhìn rất thích với mái che là một loạt ô xòe rộng - chiếc xe đến nhà bác Phlorăngtanh ngay trước khi kết thúc kỳ nghỉ hè... Và tôi buồn rầu tự nhủ: "Tất cả niềm vui sướng ấy cũng là vô nghĩa, bởi vì Môn, bạn tôi, cũng như người vợ trẻ của anh đã không thể tham dự..."

Đang nghĩ thế, tôi chợt ngẩng lên và thấy nàng cách tôi chỉ hai bước thôi. Chân giày của nàng bước nhẹ trong cát, tôi nghe lầm là tiếng nước nhỏ giọt trên hàng rào. Đầu và vai nàng trùm một tấm khăn len rộng màu đen. Mưa nhỏ làm bật từng món tóc trên trán nàng. Chắc chắn là từ phòng mình, nàng đã nhìn thấy tôi qua khung cửa sổ hướng ra vườn. Và nàng đến với tôi. Khác nào trước kia mẹ tôi vẫn lo lắng và đi tìm tôi để bảo: "Phải về thôi con!", nàng cũng bắn khoả nói: "Anh đến cảm lạnh mất!", song đã quen với kiểu dạo chơi ban đêm dưới mưa, nàng chỉ nhỏ nhẹ bảo tôi thế, rồi trò chuyện mãi với tôi...

Yvon de Gale giơ cho tôi một bàn tay nóng hổi, và không mời tôi vào nhà, tiểu thư ngồi xuống cái ghế dài mộc meo như gỗ đồng, phía ít ướt hơn, trong khi tôi vẫn đứng, tựa đầu gối vào ghế, nghiêng người xuống nàng để nghe cho rõ.

Đầu tiên, nàng thân mật mắng tôi đã rút ngắn thời gian nghỉ hè. Tôi đáp:

- Rõ ràng tôi phải quay về đây càng sớm càng hay để tiểu thư có bạn.

- Thực tình tôi vẫn cô đơn - nàng thở dài nói khẽ - Ôguyxtanh chưa về.

Coi tiếng thở dài này như một nỗi tiếc thương, một lời oán hận nén lại, tôi bắt đầu chậm rãi nói:

- Bao diên rồ trong cái đầu vô cùng cao quý đó! Có lẽ cái thú phiêu lưu mạnh hơn tất cả!...

Nhưng thiếu phụ trẻ ngắt lời tôi. Và ở chỗ ấy, đêm ấy, lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, nàng nói với tôi về Môn.

- Anh đừng nói vậy, Xoren ạ - nàng ngọt ngào bảo tôi - Chỉ chúng ta, chỉ tôi là có lỗi. hãy nghĩ xem chúng ta đã làm gì...

"Chúng ta đã nói với anh ấy: đây là hạnh phúc, đây là cái anh kiếm tìm suốt tuổi thanh xuân, đây là cô gái ở tận cùng mọi mơ ước của anh!

"Kẻ mà chúng ta nắm vai đẩy đi như thế làm sao không phân vân, rồi sợ hãi, rồi kinh hoàng, và đành nhượng bộ ý định bỏ trốn.

Tôi nói nhỏ:

- Yvon! Tiểu thư biết rõ rằng chính tiểu thư là niềm hạnh phúc ấy, là cô gái ấy.

Nàng thở dài:

- Ôi, làm sao tôi dám có ý nghĩ kiêu ngạo như thế, dù chỉ là thoáng qua? Chính ý nghĩ đó gây ra

mọi chuyện?

"Tôi từng thưa với anh: "Có lẽ tôi không làm được gì cho anh ấy". Nhưng thâm tâm lại nghĩ: "Vì anh ấy đã ra công tìm tôi, và vì tôi yêu anh ấy, tôi phải mang lại cho anh ấy niềm hạnh phúc mong chờ". Nhưng nhìn anh ấy ngay bên với tất cả sự cuồng nhiệt âu lo, và hối hận bí ẩn, tôi hiểu rằng tôi cũng chỉ là một người đàn bà tội nghiệp như những người đàn bà khác...

"Tôi không xứng với tiểu thư", anh ấy nhắc lại khi trời rạng sáng và đêm tân hôn sắp tàn hẳn.

"Tôi gắng an ủi và trấn an anh ấy. Nhưng đau khổ của anh ấy thì chẳng gì có thể khiến khuây nguôi được. Tôi bèn bảo: "Nếu anh nhất thiết phải ra đi, nếu tôi đã đến với anh đúng lúc chẳng gì có thể khiến anh hạnh phúc, nếu anh cần bỏ tôi lại một thời gian, rồi sau tâm hồn dịu đi, anh quay về bên tôi, thì chính tôi yêu cầu anh lên đường..." "

Trời tối, tôi vẫn thấy nàng ngược mắt nhìn tôi. Đấy như một lời thú tội nàng thổ lộ với tôi, và nàng đau đớn chờ đợi xem tôi lên án hay tán thành nàng. Song, tôi có thể nói gì đây? Dĩ nhiên, trong đáy lòng, tôi lại thấy anh chàng Môn cao lệnh khênh của thưở nào, một anh chàng vụng về và hoang sơ, bao giờ cũng tự yêu cầu được trừng phạt còn hơn xin lỗi hay đòi hỏi một sự cho phép mà chắc chắn người ta chấp thuận. Không nghi ngờ gì nữa, hẳn Yvon de Gale đã cưỡng ép anh, và ôm lấy đầu anh mà bảo: "Trước đây anh làm gì cũng chẳng sao; tôi yêu anh, chẳng phải đàn ông người nào cũng phạm tội là gì?" Hiển nhiên, nàng đã làm to, khi đo đức hy sinh và lòng đại lượng, nàng đã bắt anh trở lại con đường phiêu lưu... Nhưng làm sao tôi có thể phản đối lòng yêu thương nhường nấy, lòng đôn hậu nhường nấy được!

Lặng đi hồi lâu, xúc động tận đáy lòng, chúng tôi nghe rõ những giọt mưa lạnh lẽo nhỏ tí tách trong hàng rào và dưới các cành cây...

- Vậy là sáng ra, anh ấy lên đường - nàng nói tiếp - Từ nay, không gì có thể chia rẽ chúng tôi. Anh ấy ôm hôn tôi, giản dị vậy thôi, như một người chồng để lại người vợ trẻ trước chuyến viễn du...

Tiểu thư đứng dậy. Tôi nắm lấy bàn tay nóng rực, rồi cánh tay nàng, và chúng tôi ngược lên trong bóng đêm tối mịt.

- Thế, anh ấy chưa hề viết thư cho tiểu thư? - tôi hỏi.

- Chưa hề - nàng đáp.

Tức thì, cũng nghĩ ngay đến cuộc đời phiêu bạt của anh lúc này trên các nẻo đường nước Pháp hay nước Đức, chúng tôi bắt đầu nói đến nah như chưa từng nói. Những tình tiết đã quên, những ấn tượng xa xưa sống dậy trong tâm trí, trong khi chúng tôi nhẩn nha đi về, hầu như sau mỗi bước đều dừng lại hồi lâu để trao đổi cho nhau tường tận hơn các kỷ niệm... rất lâu, cho đến tận những ba-ri-ê vào vườn, trong bốn gđêm, tôi nghe được tiếng thì thầm quý báu của người thiếu phụ trẻ; phần tôi, lại phấn khởi như xưa, không hề biết chán, tôi nói mãi với nàng một cách vô cùng thân thiết về con người đã bỏ rơi chúng tôi...

Chương 12

GÁNH NẶNG

Thứ hai tuần sau đã phải lên lớp. Khoảng năm giờ chiều thứ bảy, một phụ nữ ở lâu đài ủa vào sân trường. bà đến báo cho tôi biết rằng ở Xablonnie đã có một bé gái ra đời. Thiếu phụ đẻ rất khó. Chín giờ tối, cụ Gale phải nhờ đến bà đỡ ở Prêvorănggiơ. Nửa đêm, gia nhân lại phải thắt ngựa đi tìm bác sĩ ở Viecdông. Bác sĩ phải dùng đến các dụng cụ bằng sắt. Cô bé bị thương ở đầu, la hét rất nhiều, nhưng xem ra còn đầy sức sống. Yvon de Gale hiện rất suy sụp, nhưng nàng đã chịu đau và chống chọi phi thường.

Bỏ công việc đấy, khoác vội cái áo khoác khác, dù sao cũng hài lòng về những tin vừa nhận, tôi chạy theo bà đầy tớ đến tận Xablonnie. Sợ rằng một trong hai sinh mạng bị thương chưa thiếp đi được, tôi thận trọng leo lên cái cầu thang gỗ hẹp dẫn lên tầng hai. Tại đấy, mặt nàng mệt mỏi, nhưng hớn hờ, cụ Gale mời tôi vào căn buồng đang đặt tạm chiếc nôi buồng màn chung quanh.

Tôi chưa bao giờ bước vào một ngôi nhà vừa có một em bí sinh ra, ngay cả ban ngày. Đối với tôi, chuyện ấy sao ảm kỳ lạ bí hiểm và tốt đẹp! Ấu là một buổi tối tuyệt đẹp - một buổi tối mùa hè thực thụ - đến nỗi cũ Gale không ngại mở cái cửa sổ hướng ra sân. Đứng gần tôi và chống cùi tay lên khung cửa sổ, vẻ mặt nhọc và sung sướng, cụ kể lại câu chuyện hồi đêm; và vừa chăm chú lắng nghe, tôi vừa mơ hồ cảm thấy có người là đang có mặt cùng với chúng tôi trong phòng...

Từ dưới tấm màn, bỗng nổi lên tiếng hét, nhỏ thôi nhưng chói tai và dồn dập mãi... Cụ Gale nói thầm với tôi.

- Cháu đau vì vết thương ở đầu đấy!

Như cái máy, tôi hiểu cụ đã làm thế từ sáng và quen tay, cụ Gale bắt đầu đu đưa cái nôi nhỏ nhỏ.

- Cháu lại cười rồi - cụ bảo - và mút tay nữa cơ. Nhưng anh chưa thấy cháu nhí?

Cụ vén hé màn lên và tôi nhìn thấy một cái mặt bé xíu, đỏ hồng và phì ra, một cái sọ dài và biến dạng vì các dụng cụ của ông bác sĩ.

- Chẳng sao đâu - cụ Gale nói - Ông bác sĩ bảo rằng nó khắc tự khỏi, đâu sẽ vào đấy... Anh giờ một ngón tay cho cháu xme nào, cháu sẽ nắm chặt ngay...

Tôi như phát hiện ra một thế giới mình chưa hề biết. Lòng tôi rộn ràng một niềm vui kỳ diệu và mới mẻ...

Cụ Gale thận trọng mở cái cửa vào phòng người mẹ. Nàng không ngủ.

- Anh có thể vào - cụ nói.

Nàng nằm dài thườn thượt, bộ mặt phùng phùng như đang lên cơn sốt giữa bộ tóc hoe vàng buông xõa hai bên. Vẻ mặt lử, nàng mỉm cười giờ hai tay ra cho tôi. Tôi chúc mừng nàng. Bằng một giọng hơi khàn, với vẻ thô bạo không quen - cái thô bạo của một người từ chiến trận trở về.

- Cám ơn anh. Nhưng người ta đã làm cho cháu bị thương - nàng mỉm cười đáp.

Tôi phải cáo lui ngay cho nàng khỏi mệt.

Chiều hôm sau, chủ nhật, tôi hồi hả, gần như hí hửng, đi đến Xablonnie. Ở cửa đình một biển nhỏ, khiến tôi đã giơ tay lên nhưng không gõ:

Xin đừng gọi cửa.

Tôi không đoán nổi có chuyện gì. Tôi gõ khá mạnh. Tôi nghe bên trong có tiếng chân rón rén chạy ra. Một người tôi không quen, và đây là ông bác sĩ ở Viecdông, mở cửa:

- Chuyện gì thế, thưa ông? - tôi hấp tấp hỏi.

- Suyt! Suyt! - ông thì thầm thật khẽ, vẻ bức bối - Đứa bé đêm nay sắp chết. Mẹ cháu yếu lắm rồi.

Quá sửng sốt, tôi nhón chân theo ông lên tầng ghai. Cháu bé đang thiếp đi trong nôi trông nhợt nhạt và trắng bệch, như một em nhỏ đã chết. Bác sĩ đang nghĩ cách cứu cháu. Còn người mẹ, ông không khẳng định điều gì... Ông giải thích từng thôi dãi với tôi như với người bạn duy nhất của gia đình. Ông nói về bệnh tụ máu trong phổi, bệnh sung huyết. Ông không chắc, và do dự...

Cụ gale đi vào, lơ lảo, run rẩy, mới hai ngày mà già sọm đi đến phát sợ.

Cụ dẫn tôi vào phòng mà như không biết đang làm gì. Rồi cụ thì thảo với tôi:

- Phải làm sao cho nó không hoảng. Bác sĩ đã lệnh phải thuyết phục nó rằng cháu bé vẫn bình an.

Mặt đỏ bừng như đẫm máu, Yvon de Gale vẫn nằm thượt trên giường, đầu ngửa ra như hôm qua. Hai má và trán đỏ bầm, đôi mắt thỉnh thoảng lại trợn trừng như một người tắt thở, nàng chống lại cái chết một cách dũng cảm và dịu dàng không bút nào tả xiết.

Nàng không nói được, nhưng giơ cho tôi một bàn tay nóng bỏng như lửa, với biết bao tình thân khiến tôi suýt òa ra nước mắt.

- Đó, đó... - cụ Gale nói rất to, vui vẻ một cách đáng rợn, như kiểu người điên - Anh xem, mặt em đâu đến nổi, ốm thế đã ăn thua gì!...

Tôi không biết đáp ra sao, nhưng vẫn nắm lấy bàn tay nóng bỏng đến đáng sợ của người mẹ trẻ đang hấp hối.

Nàng muốn ráng sức nói gì đấy với tôi, muốn yêu cầu tôi điều gì đó, nàng đưa mắt về phía tôi rồi về phía cửa sổ, như thể ra hiệu cho tôi ra ngoài tìm người nào đó... Nhưng bỗng một cơn tức thở kéo đến; một thoáng cầu cứu tôi một cách thảm thiết. Đôi mắt lơ xinh đẹp của nàng trợn trừng lên; hai má và trán nàng sạm đi; nàng khẽ giẫy dụa, tìm cách nén cho đến cùng nỗi tuyệt vọng và hoảng hốt của mình. Người ta nhào đến - bác sĩ và mấy phụ nữ - với một túi oxy, khăn mặt và chai lọ; trong khiu đó, cúi xuống bên nàng, cụ Gale thét lên - thét lên như chưa chi nàng đã xa cụ - bằng một giọng khàn đặc run rẩy.

- Đừng sợ, Yvon. Chẳng là gì đâu. Con không phải sợ.

Rồi cơn nghẹt thở dịu đi. Nàng đã thở được chút đỉnh, nhưng cổ vẫn khô khè, mặt trắng dã, đầu

ngửa ra, đem hết sức nhưng vô hiệu ít nhất là trong phút này để tìm cách nhìn và nói với tôi, để thoát ra khỏi cái vực xoáy mà nàng đã rơi vào.

Có ở lại cũng chẳng ích gì, tôi đành phải bỏ đi. Dĩ nhiên, tôi có thể nấn ná một lúc nữa... Nghĩ thế, tôi thấy tiếc vô cùng. Song tiếc gì? Tôi vẫn còn hy vọng. Tôi tự thuyết phục rằng kết cục chưa gần đến thế đâu.

Trong lúc đi ra bìa rừng thông ở sau nhà, vẫn vương tới cái nhìn của người thiếu phụ trẻ quay về phía cửa sổ, tôi dò xét kỹ càng với sự chú ý của một người tuần tiễu hay của một kẻ săn người chiều sâu hun hút của cánh rừng này, nơi ngày xưa Môn đã vượt qua để đến đây, nơi mùa đông vừa rồi anh đã luồn qua để chạy trốn. Ôi, không gì động đây! Không một bóng tối đáng ngờ, không một cành cây rung rinh! Nhưng dưới kia, về phía lối đi từ Prêvorànggiơ, tôi nghe thoáng qua một tiếng chuông; một lát sau đã thấy xuất hiện ở chỗ đường ngoặt một đứa trẻ mũ giáo sĩ màu đỏ, áo blu học sinh đi theo một linh mục... Và tôi vừa nuốt nước mắt vừa rời xa.

Hôm sau là ngày tựu trường. Bảy giờ, trong sân trường đã có hai ba đứa trẻ. Tôi dùng dằng mãi vẫn không muốn xuống hay xuất đầu lộ diện. Cuối cùng, khi tôi hiện ra, mở khóa cái phòng học đóng kín đã hai tháng nay đến mốc meo cả, điều tôi sợ nhất trên đời đã đến: tôi thấy em học sinh cao lớn nhất tách khỏi nhóm bạn đang chơi dưới mái nhà chơi và lại gần tôi. Em thưa rằng:

- Thiếu phụ trẻ ở Xablonnie đã qua đời chập tối hôm qua.

Tôi choáng váng và như mù đi trong đau xót. Giờ phút này, tôi tưởng chừng không sao còn đủ can đảm lên lớp dạy học. Nguyên đi qua cái sân khô cứng trong trường, tôi đã đủ gầy gup đầu gối rồi. Nàng chết rồi, tôi thấy sao mà nặng nề và cay đắng. Thế gian bỗng trống vắng, kỳ nghỉ hè thế là xong. Hết luôn những cuộc phóng xe không kết quả; chẳng còn lễ hội bí ẩn... Chỉ còn nỗi đau khổ ngày xưa.

Tôi báo với học sinh rằng sáng nay lớp nghỉ học. các em đi về thành từng nhóm nhỏ, báo tiếp cho các em khác trên đồng quê. Còn tôi, tôi đội cái mũ đen, khoác cái áo dài đàn ông viền vạc mà tôi có, rồi thất thểu đi đến Xablonnie...

... Giờ này tôi đang đứng trước ngôi nhà mà cách đây ba năm chúng tôi đã ra công tìm kiếm. Chính trong nhà này mà Yvon de Gale, vợ của Ôguyxtanh Môn đã ra đi tối qua. Một khác lạ dễ tưởng nó là một nhà thờ nhỏ, bởi vì từ giây phút ấy, nó lặng hản đi giữa nơi cô quạnh này.

Đó là cái mà buổi sáng tựu trường đẹp đẽ này, vàng mặt trời mùa thu giải quyết đang lướt dưới các cành cây này để lại cho chúng tôi. Làm sao tôi có thể cưỡng lại nỗi đau đang nhói mãi lên trong tim, làm sao tôi kìm nỗi nước mắt đang dâng trào?! Chúng tôi đã tìm thấy cô gái đẹp. Chúng tôi đã chinh phục được nàng. Nàng là vợ bạn tôi. Tôi yêu nàng bằng một tình bạn sâu thẳm và bí mật không bao giờ nói ra. Tôi ngắm nàng và mãi nguyện như một em nhỏ. Một ngày nào đấy, có thể tôi cưới một cô gái khác, và chính cô ấy là người đầu tiên tôi sẽ thổ lộ nỗi niềm trọng đại của mình...

Người ta để tấm biển nhỏ ở góc cửa, gần cái chuông. Quan tài đã được đem xuống tiền sảnh bên dưới. Trong căn phòng tầng 2, chỉ có thức ăn của đứa bé chào đón tôi... Nàng đây. Hết sốt, chẳng còn vật lộn, hết đỏ mặt, chẳng còn chờ đợi... Chỉ có lặng ngắt và, ấp bông xung quanh, một bộ mặt trắng bệch không cảm xúc dờ ra, một vàng trán chết lộ ra dưới mái tóc rậm cứng.

Ngồi xổm trong một góc, quay lưng về chúng tôi, không giầy mà chỉ đi tất, cụ Gale đang ngang nhanh lục lọi lung tung trong mấy cái ngăn kéo rút ra từ một cái tủ. Lát lát, với một đợt nước nổ rung cả vai, cụ lôi ra một tấm ảnh đã ố vàng của con gái.

Lễ an táng sẽ cử hành vào buổi trưa. Bác sĩ sợ xác chết rửa nhanh, hiện tượng đôi khi xảy ra với những người chết vì bệnh tắc huyết. Vì vậy mắt và toàn thân nàng ủ bằng tấm phenôn.

Ăn vận xong cho nàng, người ta mặc vào cho người chết cái áo dài dáng trầm trồ may bằng nhung xanh thẫm điểm xuyên những đốm bạc nhỏ như những ngôi sao, nhưn phải ép bẹp và thu gọn đôi ống tay hình đùi cừu giờ đã hết mốt - lúc muốn đưa quan tài lên, người ta mới nhận ra rằng nó không quay được trong hành lang quá hẹp. Muốn đưa nó lên và hạ xuống, phải ròng dây ngoài cửa sổ vậy... Nhưng, vẫn gặp người trên đám đồ cũ trong đó chẳng hiểu tìm thấy những kỷ niệm nào, cụ Gale bỗng xen vào một cách quyết liệt đến phát khiếp, giọng nghẹn ngào, lời nhát gừng vì chen tiếng nấc:

- Ai lại là... quái quỷ... như vậy? Tôi sẽ... bế... cháu... xuống!

Và hẳn cụ sẽ làm y lời, bất chấp tuổi già sức yếu, có thể ngã gục giữa đường hay lăn xuống chân cầu thang cùng con.

Lúc này, tôi tiến lên và làm cái việc duy nhất có thể làm: với sự giúp sức của bác sĩ và một phụ nữ, một tay đỡ lưng người chết, tay kia đỡ chân, tôi nâng nàng lên ngang ngực và ôm chặt lấy nàng. Như ngồi vào cánh tay phải tôi, đôi vai dựa vào cánh tay trái, đầu nàng rũ xuống dưới cằm tôi, nàng đè nặng lên tim tôi một cách khủng khiếp. Tôi từ từ lần xuống từng bậc trên chiếc cầu thang dài dốc đứng, trong khi bên dưới, mọi việc đã xong, mọi người đang đợi.

Mới vài bước, tay tôi đã mỏi nhừ. Với sức đè ấy trên tim, mỗi lúc tôi một khó thở. Níu lấy cái xác chết bất động đang đè nặng, tôi cúi hôn mái đầu của người đàn bà tôi bế trên tay, tôi thở hào hể, và làn tóc xiết bao ao ước của nàng lùa vào miệng tôi - làn tóc chết có mùi vị của đất, cái vị đất và vị tử thần này, sức nặng đè trĩu bên tim này, đó là tất cả những gì còn lại cho tôi từ cuộc phiêu lưu vĩ đại, từ nàng nữa, Yvon de Gale, thiếu nữ được kiếm tìm với bao công sức - được yêu vô chừng vô hạn...

Chương 13

QUYỀN VỎ GHI BÀI TẬP HÀNG THÁNG

Trong ngôi nhà tràn đầy kỷ niệm u buồn, nơi suốt ngày những người phụ nữ ru nựng cháu nhỏ còn bé teo teo đang ốm, chả bao lâu cụ Gale cũng ốm liệt giường. Ngay từ những đợt rét đậm đầu tiên của mùa đông, cụ lẳng lẽ tắt đèn và tôi không sao nén được những giọt lệ nhỏ xuống đầu giường của ông già thú vị dễ thương mà tư tưởng khoáng đạt với óc lãng mạn rất khăng khít với ý thích bay bổng của người con đã là nguyên nhân toàn bộ cuộc phiêu lưu của chúng tôi. Cụ qua đời, rất đúng lúc rồi, trong sự im lặng gần như tuyệt đối, trong khi cụ hoàn toàn không hiểu những gì đã xảy ra. Như thế đã từ rất lâu, không còn bạn bè và người thân ở vùng này của nước Pháp, cụ di chúc lập tôi là người thừa tự toàn phần cho đến khi Môn trở về, nếu một mai anh về thật, và lúc đó, tôi phải giao tất cả cho anh... Kể từ đấy, tôi đến sinh sống ở Xablonnie. Tôi chỉ đến Xanh Bonoa để giảng dạy, mờ sáng đã ra đi, trưa đến thì dùng bữa ăn làm sẵn ở lâu đài và đem hấp nóng trên lò sưởi, buổi tối lên lớp là về ngay. Do đó tôi có thể giữ bên mình đứa bé mà phụ nữ trong trại chăm sóc. Nhất là nhờ thế, tôi có thể tăng dịp may được gặp Môn, vì như nah trở về Xablonnie.

Vả lại, tôi không thất vọng, mà tin rồi sẽ phát hiện ra trong các đồ gỗ, các ngăn kéo trong nhà một mẫu giấy nào đó, một dấu hiệu nào đó cho tôi biết cách dùng thời gian của anh trong suốt mấy năm anh im hơi lặng tiếng vừa rồi - và có thể từ đấy nắm được lý do khiến anh bỏ trốn, hay ít ra cũng tìm thấy dấu vết của anh... Tôi đã phí công lực tìm không biết bao nhiêu tủ đựng và tủ hộc tường, các phòng chất đồ cũ mở ra vô số hộp các-tông đủ kiểu đủ cỡ, cái thì đầy những bó thư cũ hay ảnh đã ố vàng của gia đình Gale, cái thì đầy hoa giả, ngòi bút lông, tua ngủ hay chim chóc đã lỗi thời. Từ những hộp ấy bay lên một mùi nhạt thếch, một hương thơm đã tàn, chúng đột nhiên gọi lại cho tôi trong suốt một ngày biết bao kỷ niệm và tiếc thương, khiến tôi tạm ngừng tìm kiếm.

Một ngày nghỉ, tôi trông thấy trên phòng áp nóc một cái hòm cũ, thấp và dài, phủ đầy lông lợn bị gặm nhấm nhỏ, và tôi nhận ra đó là cái hòm học sinh của Môn. Tôi trách mình đã không bắt đầu tìm kiếm từ đây. Tổ mở cái khóa đã gỉ chẳng khó khăn gì. Đầy đến miệng hòm là sách, vở thời Xanh-tơ-Agat. Số học, văn học, cử toán... bao nhiêu thứ. Vì xúc động hơn là vì tò mò, tôi bắt đầu lần giở tất cả, đọc lại những bài chính tả mà đến nay tôi vẫn thuộc lòng, đã bao lần chúng tôi chép lại. "Đường thủy" của Ruxxô, "Một cuộc phiêu lưu ở Calabrop" của P.L. Cueriê, "Thư Joocjơ Xăng gửi con trai"...

Cũng có một quyển "Vỏ bài tập hàng tháng". Tôi lấy làm lạ, vì những vỏ loại này đều để lại lớp, không bao giờ học sinh mang ra khỏi trường. Đây là một quyển vỏ màu xanh mà mép đã úa vàng. Tên học sinh, Ôguyxtanh Môn, viết ngoài bìa thành một vòng tròn khá đẹp. Tôi mở vỏ ra. Nhìn thời gian chép bài tập: tháng tư, 189..., tôi nhận thấy rằng Môn bắt đầu ghi chỉ ít ngày trước khi rời Xanh-tơ-Agat. Những trang đầu được giữ gìn hết sức trang nghiêm và cẩn thận như quy tắc khi dùng vỏ tập làm văn. Nhưng chỉ có không quá ba trang đã viết, phần còn lại trắng nguyên, vậy là tôi hiểu vì sao Môn đem vỏ về.

Quỳ trên đất, vừa suy nghĩ đến những nội quy và thói quen trẻ thơ từng chiếm chỗ lớn biết chừng nào trong tuổi thanh niên của chúng tôi, tôi vừa lần giở những trang của quyển vỏ ghi dở. Chính do vậy mà tôi phát hiện ra chữ viết trên các trang khác. Sau bốn trang để trắng, người ta lại bắt đầu ghi.

Đó vẫn là chữ của Môn, nhưng viết tháu, gần như khôn đọc được. Từng đoạn dày mỏng khác nhau, phân cách bởi những dòng để trắng. thỉnh thoảng lại thấy một câu chưa viết xong. Có khi

chỉ một con số thời gian. Ngay từ dòng đầu, tôi đã đoán có thể tìm thấy trong quyển vở này những chỉ dẫn về cuộc sống đã qua của Môn ở Paris, những chỉ dẫn về con đường mới mà tôi từng tìm kiếm, tôi bèn xuống phòng ăn để đọc thật đã giữa aban ngày ban mặt tài liệu kỳ lạ này. Đây là một ngày mùa đông sáng sủa và náo động. Lúc thì ánh nắng chói chang vẽ những hình thập tự vương vừa lên những tấm màn cửa sổ trắng xóa, lúc một cơn gió bất chợt nổi lên, ném vào mặt kính cửa một thoáng mưa rào lạnh ngắt. Chính bên lửa, trước ô cửa sổ ấy, tôi đã đọc những dòng giúp tôi hiểu rõ bao chuyện và sau đây tôi xin chép lại nguyên xi...

Chương 14

BÍ MẬT

Một lần nữa tôi đi qua dưới cửa sổ. Kính cửa vẫn đầy bụi và trắng ra bởi hai tấm ri-đô ở phía sau. Yvon de Gale mà mở ra, tôi sẽ chẳng có gì để nói với nàng, bởi nàng đã lấy chồng... Làm gì bây giờ? Sống ra ao đây?

Thứ bảy, 13 tháng hai. Tôi đã gặp trên bờ sông cô gái đã chỉ dẫn cho tôi hồi tháng sáu, và hiện cũng chờ đợi như tôi trước ngôi nhà đóng chặt... Tôi đã nói chuyện với cô. Khi cô bước, tôi nhìn từ phía bên những nhược điểm nho nhỏ của khuôn mặt: một nếp nhăn mờ ở khóe miệng, má hơi hóp, phần thoa hơi nhiều ở hai cánh mũi. Cô đột ngột quay lại, nhìn thẳng vào mắt tôi, có lẽ bởi nhìn thẳng cô đẹp hơn nhìn nghiêng, có nói gọn lỏn:

- Anh khiến tôi vui lắm. Anh gọi tôi nhớ lại một chàng trai trước đây tán tỉnh tôi ở Buôcgior. Thậm chí chàng đã hứa hôn với tôi...

Tuy nhiên, khi đêm tối hẳn, trên hè phố vắng vẻ và ẩm ướt lấp loáng ánh đèn hơi, cô đột ngột sáp đến bên tôi, đòi tôi đưa chị em cô đi xem hát tối nay. Lần đầu tiên, tôi nhận ra rằng cô mang đồ tang, với một cái mũ bà già quá cũ kỹ so với khuôn mặt trẻ măng của cô, một cái ô cán quá dài, trông như một cây gậy. Vì quá sát cô, khi nâng tay lên, tôi để móng tay cào phải cái băng tang trên ngực. Tôi tỏ ý khó có thể chấp nhận yêu cầu của cô. Cô giận, toan bỏ đi ngay. Bây giờ, chính tôi giữ cô lại và van lạy. Vừa hay, một công nhân đi qua trong bóng tối, buông nhỏ một câu đùa:

- Chớ nghe em ạ, nó hại em đấy!

Hai chúng tôi sững ra.

Ở nhà hát - Hai cô gái, bạn tôi tên là Valăngtin Bôlôngđô và chị cô, đã đến với những tấm khăn quàng xoàng xĩnh.

Valăngtin ngồi trước tôi. Chốc chốc, cô lại quay xuống, vẻ lo lắng, như tự hỏi tôi muốn gì ở cô. Phần tôi, ở bên cô, tôi cảm thấy gần như hạnh phúc. Lần nào tôi cũng đáp lại cô bằng nụ cười.

Các bà các cô ở khắp xung quanh để hở cổ quá rộng. Chúng tôi lấy đó pha trò với nhau. Thoạt đầu, cô tủm tỉm cười, sau đó cô bảo:

- Tôi không nên cười. Chính tôi cũng để hở cổ nhiều quá.

Cô choàng kín vai bằng tấm khăn quàng. Thực tế, dưới tấm đăng ten hình vuông, người ta nhìn thấy, qua cửa chỉ hấp tấp của cô, rằng cô đã đẩy cái cổ sơ-mi giản dị rất đứng trể xuống.

Ở cô, tôi thấy có nét gì ngây thơ và tội nghiệp. Trong mắt cô bé, có vẻ gì đau đớn và liều lĩnh lôi cuốn tôi. Bên cổ, người duy nhất trên đời có thể nói cho tôi biết về những người ở lâu dài, tôi không ngớt nghĩ đến cuộc phiêu lưu kỳ lạ của tôi thuở ấy. Tôi muốn hỏi cô một lần nữa về cái khách sạn nhỏ trên đại lộ. Nhưng đến lượt mình, cô đưa ra những câu hỏi đến bức mình mà tôi không biết đáp ra sao. Tôi cảm thấy rằng từ nay cả hai chúng tôi đều câm lặng trước việc này. Tuy nhiên, tôi cũng biết rằng tôi sẽ gặp lại cô. Ích gì? Và tại sao nhỉ?... Bây giờ, tôi bắt buộc phải lần theo dấu vết bất cứ ai, bất cứ cái gì mang trong mình chút mùi khó chịu xa xôi nhất, mông lung nhất về cuộc phiêu lưu lở dờ của tôi...

Nửa đêm, một mình trên phố vắng, tôi tự hỏi rằng câu chuyện mới mẻ và kỳ cục này muốn đòi gì ở tôi? Tôi đi dọc theo những căn nhà giống như những hộp các-tông sắp lên nhau, trong đó có cả một lớp người đang ngủ. Và tôi chợt nhớ đến một quyết định của mình tháng trước: tôi nhất quyết đến đó vào đêm khuya, khoảng một giờ sáng, đi quanh khách sạn, mở cửa vườn, và nghe một chỉ dẫn nào đấy cho phép tôi tìm thấy lâu đài đã mất, để gặp lại nàng, chỉ gặp lại nàng thôi... Nhưng tôi mệt nhoài. Tôi đói. Tôi đã vội vàng thay trang phục trước khi đến nhà hát; và tôi đã không ăn chiều... Tuy nhiên, xao động và lo âu, tôi ngồi mãi bên mép giường trước khi đi ngủ, lòng băng khuâng hồi hận. Vì sao?

Tôi còn ghi điều này: hai cô, không muốn tôi đưa về nhà, cũng không muốn cho tôi biết nơi ở. Nhưng tôi đi theo cho đến khi không theo được nữa mới thôi. Tôi biết hai cô ngụ ở một phố nhỏ rẽ vào vùng lân cận Nhà thờ Đức bà. Nhưng nhà số mấy? Tôi đoán hai cô là thợ may hay bán trang phục phụ nữ.

Giấu chị, Valăngtin hẹn gặp lại tôi trước nhà hát chúng tôi vừa xem vào bốn giờ chiều thứ năm.

- Nếu thứ năm tôi không đến được - cô nói - thì anh hãy đến, cũng bốn giờ chiều, thứ sáu, rồi thứ bảy, cứ thế mọi ngày.

Thứ năm, 18 tháng 2, Tôi đến điểm hẹn trong gió lộng kèm theo mưa. Tôi nhủ thầm mãi: sắp mưa rồi...

Tôi đi trong ánh mờ mờ qua các phố, tìm đập nặng nề. Một giọt mưa rơi xuống. Tôi sợ trời sắp đổ mưa: mưa rào sẽ cản cô đến cùng tôi. Nhưng gió lại nổi lớn và vẫn chưa mưa. Trên kia, trên bầu trời xám buổi chiều - lúc xám xịt, lúc chói bùng - đám mây lớn đã tan ra trong gió. Và tôi vẫn nép mình đợi chờ khốn khổ ở đây.

Trước nhà hát, sau 15 phút so với giờ hẹn, tôi chắc cô không đến. Từ chỗ mình trên bờ sông, tôi quan sát dòng người qua lại tấp nập trên cây cầu mà cô tất phải qua. Tôi nhìn bám lấy tất cả phụ nữ trẻ mặc tang đang đi tới, và gần như cảm ơn những người - đi gần tôi và đi qua tôi lâu nhất - hao hao giống cô và khiến tôi hy vọng.

Một giờ chờ đợi. Tôi chán nản. Chập tối, một nhân viên an ninh lôi về đồn bên cạnh một gã du côn trong lúc gã uất ức chửi rủa không tiếc lời. Nhân viên kia tái mét, lặng ngắt và giận sôi lên... Vừa đến hành lang, ông bắt đầu đập vào, rồi đóng cánh cửa đằng sau họ để tha hồ đánh gã vô lại đáng thương... Tôi chợt có ý nghĩ khủng khiếp rằng tôi đã từ chối thiên đường để về đây giẫm đạp lên cửa địa ngục.

Chán chường, tôi rời chân và đến cái phố hẹp và thấp, ở khoảng giữa sông Xen và nhà thờ Đức Bà, ở đây tôi biết qua vị trí nhà hai cô. Một mình, tôi cứ lui lui tới tới. Thỉnh thoảng một cô hầu hay một bà nội trợ ra khỏi nhà, bất chấp mưa nhỏ, để đi mua bán lật vạt trước khi trời tối... Trong màn mưa trắng sáng đang kìm bóng đêm như muốn bùng, tôi trở lại quảng trường mà chúng tôi hẹn chờ nhau. Người đông hơn lúc nãy - một đám đen sì...

Phỏng đoán - thất vọng - mệt mỏi. Tôi lại bám lấy ý nghĩ: ngày mai, giờ này, chỗ này, tôi sẽ lại đến đợi cô. Và tôi mang ngày mai mau đến. Tôi buồn bã tưởng tượng buổi tối hôm nay, rồi buổi sáng mai mà tôi phải qua trong nhàn rồi. Nhưng phải chăng chưa chi ngày hôm nay đã gần như hết rồi? về nhà ngồi bên lửa, tôi nghe bao tiếng rao các báo buổi tối. Không nghi ngờ gì nữa, từ căn nhà chìm biển nơi nào đó trong thành phố, gần Nhà thờ Đức bà, cô cũng nghe rao như thế.

Cô... tôi muốn nói: Valăngtin.

Cái buổi tối mà tôi muốn lẩn tránh này đè nặng lên tâm hồn tôi một cách kỳ cục. Trong khi thời gian càng trôi đi, ngày hôm nay nhất nữa là hết, và chưa chi tôi đã muốn nó hết hẳn, thì có những người gởi gắm vào nó tất cả hy vọng, tình yêu và sức lực cuối cùng của mình. Có những người đang hấp hối, số khác chờ đến lượt và muốn rằng lượt đó dứt khoát không phải ngày mai. Có những người mà ngày mai lộ ra như một nỗi ân hận. số khác thì mỗi một và đêm nay không sao đủ dài để họ được nghỉ ngơi đúng yêu cầu. Còn tôi, kể đã mất ngày hôm nay, tôi có quyền gì để gọi "ngày mai".

Tối thứ sáu - tôi đã định viết tiếp: "Tôi không gặp lại cô". Và thế là xong mọi chuyện.

Nhưng bốn giờ chiều nay, khi tôi đến trước nhà hát: cô đây rồi. Mảnh mai và trinh trọng, mặc đồ đen, nhưng mặt đánh phấn, cổ áo phồng khiến cô có vẻ như một vai hề phạm tội. Vẻ vừa láu cá vừa đau khổ.

Ấy là để báo tôi rằng cô muốn rời bỏ tôi ngay lập tức và sẽ mãi mãi không trở lại.

Tuy nhiên, trong bóng đêm đang buông, chúng tôi vẫn bên nhau, lưng chừng bước đi trên cát sỏi vườn Tulyori. Cô kể chuyện mình nhưng quá kín đáo, nên tôi không hiểu mấy. Cô nói: "người tình của tôi" khi đã động đến người cô đã đính hôn nhưng không lấy. Tôi nghĩ rằng cô cố tình nói vậy để xúc phạm tôi và để tôi không còn muốn gần gũi với cô nữa.

Có những lời của cô mà tôi chép lại, chẳng hứng thú gì:

- Chờ tin tôi - cô bảo - Mãi mãi tôi chỉ làm những trò rồ dại.

- Tôi lêu lổng khắp nơi, mà chỉ một mình.

- Tôi đã làm cho chồng chưa cưới của tôi thất vọng. Tôi bỏ anh ấy vì anh ấy tôn sùng tôi quá đáng; anh ấy kỳ ảo hôn tôi, chứ không nhìn tôi đúng như thực tế. Vậy mà tôi đầy nhược điểm. Có lẽ chúng tôi sẽ vô cùng bất hạnh.

Trong từng phút giây, tôi bắt gặp cô cố tỏ ra xấu xa khác hẳn thực tế. Tôi nghĩ cô muốn chứng minh với chính mình rằng ngày ấy cô làm cái trò dại dột mà cô kể với tôi là đúng, rằng cô chẳng việc gì phải tiếc, rằng cô không xứng đáng với hạnh phúc đến với cô bấy giờ.

Một lần khác:

- Điều khiển tôi bằng lòng ở anh - cô vừa nhìn tôi hồi lâu và nói - điều khiển tôi bằng lòng ở anh, tôi không biết vì sao, đó là những kỷ niệm của tôi...

Lần khác:

- Tôi vẫn yêu anh ấy - cô nói - còn hơn anh tưởng cơ.

Rồi bất ngờ, hối hả, thô lỗ, buồn rầu:

- Nhưng rút lại, anh muốn gì? Anh cũng yêu tôi ư? Anh cũng muốn lấy tôi sao?...

Tôi ấp úng, Tôi không rõ tôi đáp thế nào. Có lẽ tôi đã nói: "Vâng".

Nhật ký dừng lại ở đây, và bắt đầu bản nháp những bức thư khó đọc, dị hình và bị gạch bỏ lung tung. Cuộc đính hôn bấp bênh!... Do Môn van vủ, cô gái đã bỏ nghề. Anh lo sắm sửa và chuẩn bị để tổ chức lễ cưới. Nhưng vẫn không ngừng khát khao tìm kiếm thêm nữa, không ngừng khát khao lần theo dấu vết của mối tình đã mất, anh đã biến đi nhiều lần, hiển nhiên là vậy, và, trong

những bức thư này, với một sự lúng túng bi kịch, anh tìm cách tự biện bạch trước Valăngtin.

Chương 15

BÍ MẬT (tiếp)

Rồi nhật ký tiếp tục. Anh ghi lại những kỷ niệm về một đợt hai người ở nông thôn, nơi nào thì tôi không rõ. Nhưng lạ là từ giờ phút này, có lẽ do hồ thẹn âm thầm, anh viết không ra hàng không ra lối, ngắt đoạn luôn luôn, chữ vừa tháu vừa nguệch ngoạc, đến nỗi tôi phải đọc kỹ và viết lại cho dễ hiểu.

14 tháng sáu - Sáng sớm khi anh thức dậy trong buồng quán trọ, nắng đã soi tỏ những hình vẽ đỏ chói trên bức ri-đô đen. Ở phòng bên dưới, các công nhân nông nghiệp vừa uống cà phê sáng vừa nói oang oang; qua những câu từ tốn mà gay gắt, họ bộc lộ phần uất đối với một ông chủ của mình. Dĩ nhiên, trong giấc ngủ, từ lâu Môn đã nghe thấy tiếng ồn ào điềm tĩnh ấy. Bởi vì lúc đầu anh chẳng để tâm đến làm gì. Tấm ri-đô lốm đốm những chùm hoa quả đỏ bừng torng nắng, tiếng chuyện trò buổi sớm vọng lên tận căn buồng yên tĩnh, tất cả hòa lẫn trong ấn tượng duy nhất của một lần thức dậy ở nông thôn, vào đầu đợt nghỉ thú vị.

Anh trỗi dậy, nhẹ nhàng gõ cái cửa ra vào bên cạnh, nhưng không được trả lời; và anh thận trọng hé cánh cửa ra. Anh liền nhận thấy Valăngtin và hiểu từ đâu mình được hạnh phúc thanh thản thế này. Cô đang ngủ, hoàn toàn bất động và thanh bình, đến không nghe tiếng thở, đúng như một con chim ngủ. Anh ngắm hoài bộ mặt như trẻ thơ đang nhắm nghiền đôi mắt, bộ mặt xiết bao thanh thản, đến nỗi không ai nỡ đánh thức và khuấy động.

Để chứng tỏ mình không ngủ nữa, cô không có cử động nào khác ngoài việc mở mắt và ngắm nhìn.

Cô mặc quần áo vừa xong, Môn đã vào ngồi xuống bên.

- Chúng ta dậy muộn rồi - cô bảo.

Rồi tức thì, cô như một bà tề gia nội trợ thực thụ.

Cô sắp xếp lại hai phòng, chải những quần áo Môn mặc hôm qua; khi đến cái quần, cô bỗng dưng buồn: phần dưới hai ống quần đều bám đầy bùn. Cô phân vân, rồi tước khi chải, cẩn thận lấy mũi dao cạo bùn đi.

- Khi đuổi bắt nhau trong bùn đất - Môn nói - thanh thiếu niên ở Xanh-tơ-Agat đề bê bết gấu quần như vậy.

- Con em, chính mẹ em dạy cho làm thế - Valăngtin phụ họa.

Đây hẳn là người bạn đời mà Môn - chàng nông dân kiêm thợ săn - từng mơ ước cuộc phiêu lưu bí ẩn của anh.

15 tháng 6 - Trong bữa ăn chiều ở trang trại mà nhờ bạn bè giới thiệu hai người là vợ chồng, Môn và Valăngtin được mời dự - cả hai đều thấy rất phiền về chuyện nay - cô cứ e ấp như một nàng dâu mới.

Ở mỗi đầu bàn phủ vải trắng, đều có những cây đèn nến hai chân thấp sáng, đúng như ở một đám cưới nông thôn êm ả. Dưới ánh nến yếu ớt, các khuôn mặt khẽ cúi xuống là chìm ngay vào bóng tối.

Bên phải Patorix (con trai chủ trại), có Valăngtin, rồi đến Môn rất ít lời từ đầu chí cuối, dù gần như lúc nào khách khứa cũng bắt chuyện với anh. Ở làng quê heo hút này, từ khi quyết định để cho thiên hạ coi Valăngtin là vợ mình, để tránh những tiếng xì xầm, anh lại rầu rĩ bởi nỗi tiếc thương và niềm ân ận cũ. Và trong khi Patorix điều khiển bữa tiệc theo kiểu một quý tộc nông thôn, Môn nghĩ:

- Đêm nay lẽ ra phải chính mình chủ trì tiệc cưới của mình trong một phòng thấp như phòng này, một phòng đẹp mà mình biết rõ.

Bên anh, Valăngtin e lệ từ chối tất cả các thứ mà người ta mời cô. Cứ như là một cô gái thôn quê vậy. Mỗi khi được mời ăn hay uống, cô lại nhìn Môn và như muốn trốn vào sau lưng anh. Từ lâu Patorix nài nỉ cô uống, nhưng không được; cuối cùng, Môn nghiêng người về phía cô bảo khẽ:

- Uống đi, Valăngtin thân yêu!...

Cô ngoan ngoãn uống liền, Patorix mỉm cười khen Môn có cô vợ biết vâng lời.

Nhưng Môn và Valăngtin, cả hai đều lặng im, nghĩ ngợi. Dần dần, họ thấy mệt. Những bàn chân họ vừa dầm bùn trong cuộc dạo chơi lạnh giá đi trên nền gạch vuông được lau chùi cẩn thận trong bếp. sau đó, thỉnh thoảng, chàng trai buộc phải nói:

- Vợ tôi, Valăngtin, vợ tôi đây...

Mỗi lần khàn khàn thốt ra tên đó trước những người nông dân xa lạ rong căn phòng ẩm đạm này, anh lại có cảm giác phạm lỗi.

17 tháng 6 - Chiều hôm ấy bắt đầu khá dỏ.

Patorix cùng vợ đi dạo với hai người. Dần dần, trên sườn quả đồi trọc, hai cặp tách nhau ra. Môn và Valăngtin đến ngồi trong một khoảng rừng thưa giữa những cây đỗ tùng.

Gió cuốn đến những giọt mưa và trời đầy mây thấp tịt. Buổi tối có vị cay đắng, hình như thế, vị u sầu mà ngay tình yêu cũng không xua tan nổi.

Họ ngồi đấy bao lâu trong chỗ ẩn dưới các cành cây, và rất ít trò chuyện. Rồi mây tan, trời quang đãng. Họ tin rằng bây giờ mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

Họ bắt đầu nói đến tình yêu, Valăngtin nói hoài, nói mãi...

- Đây là cái nhà chồng chưa cưới của em hứa với em, như trò trẻ: chúng ta có ngay một ngôi nhà, như một túp lều tranh nơi đồng quê heo hút. Nó đã hoàn toàn sẵn sàng. Anh ấy bảo. Chúng mình sẽ đến đó như vừa đi du lịch xa trở về, đứng vào đêm cưới, vào giờ gần tối như lúc này. Và dọc các nẻo đường, từ các sân nhà, ẩn trong các lùm cây, lũ trẻ không quen hò reo chúc mừng chúng ta: "Cô âu muôn năm!"... Thật là điên, phải không anh?

Sửng sốt, lo âu, Môn lắng nghe. Anh có cảm tưởng đây là tiếng vọng của một tâm tình anh đã nghe thấy. Trong giọng điệu của cô gái khi cô kể lại câu chuyện, cũng có một nỗi luyến tiếc mơ hồ.

Nhưng cô sợ làm phật lòng anh. Cô quay về phía anh, vừa sôi nổi vừa dịu dàng:

- Em muốn cho anh tất cả những gì em có, đối với em, đó là cái quý hơn mọi thứ... Anh hãy

nhận và thiêu hủy nó đi .

Đến đây, vừa chăm chú nhìn anh với vẻ khắc khoải, cô vừa lôi từ túi ra một hộp thư, thư của chồng chưa cưới, và giờ choa nh.

Ôi, tức thì nah nhận ra nét chữ thanh nhã. Ao anh không nghĩ ra sớm hơn! Đó là chữ của Phrăng, chàng Bô-hê-miêng mà anh đã được đọc thưở ấy trên tấm thiệp tuyệt vọng bỏ lại trên phòng của lâu đài...

Giờ đây hai người bước trên một lối đi hẹp hai bên mọc đầy bạch cúc hay những đồng cỏ khô mà ánh nắng năm giờ chiều xen vào. Dù vô cùng sững sờ, Môn vẫn chưa hiểu tất cả những chuyện khiến anh ngạc nhiên có nghĩa là gì. Anh đọc thư bởi vì cô yêu cầu. Những câu trẻ con, đa cảm, xúc động... Đây là câu trong bức thư cuối cùng:

... Ôi, cô đã đánh mất trái tim nhỏ của mình, hỏi Valăngtin thân yêu không thể tha thứ được. cái gì sẽ đến với chúng ta? Vả chăng, tôi không mê tín mà...

Môn vẫn đọc, mắt như lóa đi vì luyến tiếc và giận dữ, mặt bất động nhưng tái nhợt, da mặt dưới ánh mắt giật giật liên hồi. Thấy anh như vậy, Valăngtin soi mói nhìn xem vì sao lại giận dữ và lạnh lùng như thế.

- Đây là một vật quý anh ấy cho em và yêu cầu em thề giữ mãi trọn đời - cô hấp tấp nói - Trong đó toàn là những ý nghĩ điên rồ của anh ấy.

Nhưng cô chỉ khiến cho Môn điên tiết hơn.

- Điên rồ! - anh vừa bỏ thư vào túi áo mình vừa thốt lên - Sao cứ nhắc lại từ ấy? Sao không bào giờ tin cậu ta? Tôi biết cậu ấy. Đó là chàng trai tuyệt vời nhất trên đời.

- Anh biết anh ấy ư? - cô hỏi vô cùng xúc động - Anh biết Phrăng de Gale?

- Cậu ấy là người bạn tốt nhất của tôi, bạn cùng phiêu lưu, vậy mà tôi lại chiếm vợ chưa cưới của cậu ấy!

"Chao ôi, cô, cô đã chơi xỏ cả hai chúng tôi, bởi cô không tin ai hết - anh lồng lên nói tiếp - Cô là nguyên nhân của tất cả. Chính cô đã mất hết, mất hết!

Cô muốn trao đổi lại, muốn nắm lấy tay anh, nhưng anh đẩy cô ra một cách thô bạo.

- Cô đi đi! Để tôi một mình thôi!

- vâng, đã thế này... - cô vừa thều thào, vừa lấp bắp, mặt đỏ bừng - em sẽ đi. Em sẽ về nhà ở Buôgior với chị em. Và nếu anh không đến tìm, anh biết đấy, đúng không, bố em rất nghèo, chẳng nuôi nổi ea đâu. Cho nên, em sẽ lại lên paris, lại lang thang bát phố như trước đây, chắc chắn em sẽ trở nên một cô gái hư hỏng, bởi lẽ em có còn việc làm đâu...

Cô bỏ đi tìm hành lý để đáp tàu hỏa về quê, trong khi không thềm nhìn cô, Môn tiếp tục đi vợ đi vắng.

Nhật ký lại dừng.

Tiếp theo lại là những bức thư viết nháp, thư của một người không dứt khoát lắm. Về đến Phectê d'Angilông, Môn gửi thư cho Valăngtin, bề ngoài là để khẳng định quyết tâm của anh không bao giờ gặp lại cô và để biện bạch với cô bằng những lý do xác đáng, nhưng thực tình có

lẽ là để co trả lời. Trong một bức thư như thế, anh hỏi cô điều mà trong cơn bối rối, anh đã quên hỏi cô: Cô có biết lâu đài mà anh tìm kiếm bấy lâu nay ở đâu không? Trong một bức thư khác, anh vui vì cô làm lành với Phrăng de Gale. Chính anh sẽ đi tìm Phrăng về cho cô... Tất cả các bức thư mà tôi thấy bản nháp đều không được gửi đi. Nhưng nah đã phải viết hai hay ba lần, mà chẳng bao giờ được trả lời. Đối với anh, đó là một giai đoạn tự vật lộn đau đớn và khủng khiếp, trong sự cô đơn hoàn toàn. Hy vọng gặp lại Yvon de Gale đã tắt hẳn; theo thời gian, quyết tâm sắt đá của anh yếu dần đi. Căn cứ những trang tiếp theo - những trang nhật ký cuối cùng của anh - tôi mừng tượng một sáng đẹp trời đầu kỳ nghỉ hè, anh đã phải thuê một cái xe đạp để đến Buôcgior thăm nhà thờ.

Mờ sáng, anh đã lên đường, đạp theo lối đi đẹp để thẳng tắp giữa các rừng cây, vừa đạp vừa nghĩ ra vô số có để xuất hiện đường hoàng chứ không phải đau hờn hay cầu khẩn trước cô gái mà anh đã đuổi đi.

Bốn trang chót, mà tôi có thể viết lại, sẽ kể về chuyến đi và lỗi lầm cuối cùng này.

Chương 16

BÍ MẬT (hết)

25 tháng 8 - Tìm mãi Môn mới phát hiện ra nhà Valăngtin Blôngđơ ở bên kia Buôcgior, tận cùng các làng mới. Một phụ nữ - mẹ Valăngtin - đứng ở ngưỡng cửa có vẻ như đang chờ anh. Mặt bà nhăn nheo, nặng nề, nhưng còn đẹp, đó là bộ mặt phúc hậu của một người nội trợ. Bà tò mò nhìn anh đi đến, và khi anh hỏi:

- Nhà hai chị em Blôngđơ ở đây phải không ạ?

Bà nhỏ nhẽ đáp bằng một giọng tử tế rằng hai cô đã quay lại Paris từ 13 tháng 8.

- Các em không cho tôi nói địa chỉ mới của chúng - bà tiếp lời - nhưng cứ gửi thư đến địa chỉ cũ, chúng sẽ nhận được.

Trong khi dắt xe qua mảnh vườn nhỏ, anh nghĩ:

"Cô ấy đi rồi. tất cả đã kết thúc như mình muốn. Chính mình đẩy cô đến chỗ ấy. Chắc chắn cô sẽ trở nên một cô gái hư hỏng, cô đã bảo vậy. Chính mình ném cô ấy xuống bùn. Chính mình làm hại và làm hư vợ chưa cưới của Phrăng".

Rồi anh cứ thì thầm như điên như dại:

- Càng tốt! Càng tốt! - tuy biết rõ thực ra mình muốn nói: "Càng tệ! Càng tệ!"

Và trước ánh mắt của bà già, anh vấp luôn cả hai chân và ngã khụy xuống.

Anh chẳng còn nhớ đến chuyện ăn trưa, và đứng chân trong một hiệu cà phê, ở đây anh viết cho Valăngtin một bức thư dài chỉ để thét lên, chỉ để tự giải thoát khỏi tiếng thét tuyệt vọng đang làm anh tức thở. Thư anh nhắc đi nhắc lại hoài: "Cô đã có thể! Cô đã có thể! Cô đã có thể cam chịu như vậy ư? Cô đã có thể sa ngã như vậy ư?"

Các sĩ quan đang uốn gằn anh. Một người đang oang oang kể một chuyện chim chuột bằng những câu nhát gừng mà người cùng uống chăm chú nghe: "Tớ đã bảo cô ả... Hả em rất biết anh... Đêm nào anh chẳng hẹn với chồng em!"... các sĩ quan cười ầm lên, rồi quay nhổ xuống dưới các ghế dài. Người lấm bụi, mặt xanh xao, Môn nhìn họ như một gã ăn mày. Anh tưởng như thấy họ đang bế Valăngtin trên đầu gối.

Anh cưỡi xe, lang thang mãi xung quanh nhà thờ, mồm lẩm bẩm một cách khó hiểu: "Tóm lại, mình đến đây chính là vì nhà thờ này". Trên quảng trường vắng vẻ, ở cuối tất cả các dãy phố, đều có thể nhìn thấy ngôi nhà thờ sừng sững và đĩnh đạc. Các phố này đều hẹp và bẩn như mọi phố nhỏ bao quanh các nhà thờ ở nông thôn. Đây đó có biểu hiện của một ngôi nhà mờ ám, một cái đèn lồng ánh đỏ... Môn cảm thấy đau khổ một cách tuyệt vọng trong khu dân cư bẩn thỉu, dâm dăng, trốn tránh này, như thuở xa xưa, dưới các cửa cuốn của nhà thờ. Chợt trỗi dậy trong anh nỗi sợ hãi kiểu nông dân, sự ghê tởm đối với ngôi nhà kiểu thành phố này, trong đó mọi cái xấu đều được chạm khắc ở những chỗ kín đáo, bản thân nó thì được xây nên những nơi xấu xa, và cũng không chữa nổi những nỗi đau tình trong sáng nhất.

Hai cô gái ôm lưng nhau đi qua, nhìn anh trơ trẽn. Hoặc giỡn chơi, hoặc chán chường, để trả thù cho tình yêu của mình hay để nhấn chìm nó đi, Môn chậm chậm đạp xe theo; và một trong

hai cô gái, một cô khốn khổ với một vài món tóc hoe lơ thơ búi thành một cái búi tóc nhỏ sau đầu, hẹn gặp anh lúc sáu giờ ở vườn hoa Tổng giám mục, cái vườn mà Phrăng, trong một bức thư của chàng, đã hẹn gặp Valăngtin đáng thương.

Anh không xưng tên, hiểu rằng giờ này đáng lẽ anh phải xa nơi này từ lâu rồi. Và từ trong khuôn cửa sổ thấp trong cái dốc phố xuôi thoai thoải, cô gái ra hiệu mãi với anh, những tín hiệu mơ hồ.

Anh hồi hã ra đi.

Trước khi đi, anh không cưỡng nổi cái ý muốn buồn bã đi qua lần cuối trước nhà Valăngtin. Anh dồn hết tâm trí ra để nhìn và có thể dự trữ thật nhiều buồn đau. Đây là một trong những căn nhà cuối cùng của khu ven ngoại, đường phố ở đây đã là đường dẫn khách ra khỏi địa phương... Trước mặt, một khoảng đất trống nom như một quảng trường nhỏ. Chẳng còn thấy đâu bóng người suia cửa sổ hay trong sân. Chẳng có một cô gái bắn thủ mặt bự phấn dặt hai thằng nhỏ rách rưới đi qua dọc một bức tường.

Đây là nơi Valăngtin đã qua tuổi thơ, nơi cô bắt đầu nhìn đời bằng đôi mắt khôn ngoan và tin cậy. Cô đã may vá, lao động đằng sau những cửa sổ này. Và Phrăng đã đến nhìn cô, mỉm cười với cô trong cái phố ngoại ô này. Nhưng bây giờ chẳng còn gì, chẳng có gì hết... Buổi chiều u buồn vẫn còn dang dở. Môn chỉ biết rằng ở đâu đó, cũng chiều này, Valăngtin đang trầm ngâm nhìn thấy trôi qua trong ký ức cái quảng trường ứ đọng mà mãi mãi cô không trở lại nữa.

Chuyến trở về dài dằng dặc mà anh phải thực hiện hẳn là sự chống trả cuối cùng đối với nỗi đau khổ của anh, sự giải khuây cưỡng bức cuối cùng trước khi anh hoàn toàn chìm ngập vào trong nỗi đau ấy.

Anh ra đi. Trong thung lũng gần đường, giữa cây cối bên bờ nước những ngôi nhà kỳ diệu phả ra những đầu hồi nhọn hoắt gần lưới mắt cáo xanh lá cây. Không còn nghi ngờ gì nữa, đằng ấy, trên các bãi cỏ, những cô gái biết chiều bạn tình đang nói chuyện tình yêu. Có lẽ họ là những cô gái có tâm hồn, những tâm hồn tươi đẹp.

Nhưng đối với Môn lúc này, chỉ tồn tại một tình yêu duy nhất, một tình yêu không thỏa mãn mà người ta vừa xúc phạm một cách độc ác, và cô gái duy nhất mà anh phải che chở, bảo vệ lại chính là cô mà anh vừa quảng đi mất tăm.

Vài dòng nhật ký ghi vội còn cho tôi biết rằng anh đã nảy ra dự định là dù thế nào cũng phải tìm cho ra Valăngtin trước khi quá muộn. Chữ số chỉ ngày tháng ở góc trang nhật ký khiến tôi tin rằng đó chính là cuộc đi dài mà mẹ anh đã chuẩn bị các thứ anh cần mang theo, thì vừa hay tôi đến La Phêctê d'Ăngilông làm lỡ hết. Một sáng đẹp trời tháng tám, Môn đang ghi lại các kỷ niệm và các dự kiến của mình, thì tôi đẩy cửa, đem đến cho anh cái tin vĩ đại mà anh không đợi. Anh đã bị cuộc phiêu lưu cũ xâm chiếm và cầm tù mà không dám phản ứng gì mà cũng không dám tự thú. Từ đấy rong anh bắt đầu dấy lên nỗi ân hận, tiếc thương và đau khổ, lúc lịm đi, lúc hùng hục, cho đến ngày cuối mà tiếng kêu từ rừng thông của chàng Bô-hê-miêng đã nhắc lại cho anh nhớ một cách bi thảm lời thề thanh niên đầu tiên của mình.

Cũng trong quyển vở bài tập hàng tháng này, vào lúc bình minh, anh còn hấp tấp ghi vài lời cho Yvon de Gale, người đã là vợ anh từ hôm qua, những lời ghi trước lúc rời bỏ nàng, tuy được phép của nàng, nhưng là sự rời bỏ vĩnh viễn.

"Tôi đi. Tôi phải lần cho ra ấu vết của hai chàng Bô-hê-miêng hôm qua đến rừng thông và hiện đã đi về hướng tây bằng xe đạp. Tôi chỉ về bên Yvon nếu dẫn theo và đưa về sinh sống trong "nhà của Phrăng" Phrăng de gale và Valăngtin Blôngđơ đã nên vợ nên chồng".

"Những trang viết mà tôi đã bắt đầu viết như một cuốn nhật ký bí mật và đã trở thành lời tự thú của tôi đây, sẽ là tài sản của bạn Phrăngxoa Xoren, nếu tôi không trở lại".

Hắn anh đã phải nhét vội quyển vở này xuống dưới những quyển khác, khóa cái hòm học sinh cũ nhỏ của mình lại, và biến đi.

ĐOẠN KẾT

Thời gian mãi qua. Tôi mất hy vọng gặp lại bạn tôi, và những tháng ngày buồn bã trôi đi trong ngôi trường thôn quê, còn trong ngôi nhà hoang vắng là những ngày tháng sầu thảm. Phrăng không đến điểm hẹn mà tôi đã báo, và chẳng đã lâu rồi bà dì Moanen của tôi không nhớ Valăngtin ở đâu nữa.

Chẳng bao lâu niềm vui duy nhất ở Xablonnie là cháu bé mà người ta đã ó thể cứu được. Chuối tháng chín, thậm chí cháu lộ cho biết trước cháu sẽ là một cô bé rắn rỏi và xinh đẹp. Cháu sắp được một tuổi rồi. bám lấy nan các ghế tựa, cháu một mình vừa đẩy ghế, vừa bước đi không sợ sẽ bị ngã, gây nên tiếng ầm ĩ vang vọng âm âm rất lâu trong ngôi nhà bị bỏ rơi. Khi tôi bế cháu trong tay, chẳng bao giờ cháu kêu đau, đến nỗi lần nào tôi cũng phải thơm cháu một cái. Vừa như hoang dại, vừa thật dễ thương, cháu quấy chân quấy tay, cười rúc rích hay ré lên, xòe cả bàn tay bé bóng đẩy mặt tôi ra. Dường như cháu sắp xua tan bằng tất cả sự nhí nhảnh và toàn bộ vẻ hoang sơ của mình nỗi đau buồn đè nặng ngôi nhà từ khi cháu sinh ra. Thỉnh thoảng tôi tự nhủ: "Hiển nhiên, dù có vẻ hoang sơ, phần nào cháu cũng sẽ là con ta". Song, một lần nữa, Thượng đế lại định đoạt một cách khác.

Một sáng chủ nhật cuối tháng chín, tôi dậy khá sớm, trước cả bà già nông dân giữ con mọn. Tôi sẽ đi câu cá ở Sê với hai người ở Xanh-Bơnoa và Giacxmanh Đơluso. Dân làng chung quanh cũng rất hay thông đồng với tôi đánh trộm những mẻ cá lớn, mò tay xuống bắt hay ban đêm quăng lưới, tuy ngay việc này cũng bị cấm... Những ngày nghỉ trong suốt mùa hè, chúng tôi ra đi từ rạng sáng, và mãi trưa mới về. Đó là cần câu cơm của gần như tất cả những người nông dân rủ tôi đi. Đối với tôi, đó là cách giết thời gian duy nhất, là nhữn cuộc phiêu lưu duy nhất gọi lại những cuộc "bôn tẩu" ngày xưa. Kết quả là tôi đam thích những cuộc viễn du ấy, những cuộc bắt trộm cá rất dài dọc sông hay rừng lau sậy ven đầm.

Năm rưỡi sáng hôm ấy, tôi đứng trước nhà, dưới một mái nhà kho nhỏ dựa vào bức tường phân cách khu vườn kiểu Anh của nhà Xablonnie với vườn rau của bên chúng tôi. Tôi đang loay hoay gỡ lưới mà thứ năm vừa rồi tôi chắt bừa thành một đồng.

Trời chưa sáng hẳn. Một buổi sáng tháng Chín huy hoàng đang dưng. Nhưng gian kho nơi tôi tắt bật gỡ lưới, còn tối mờ mờ.

Tôi đang lặng lẽ chăm chú làm thì nghe cửa vườn mở ra và tiếng chân lao xao trên sỏi.

"Chà, chà, các vị đến sớm quá hè, tôi tự nhủ. Thế mà tôi chưa sẵn sàng đi ngay được"...

Nhưng người đi vào sân kia không phải người quen. Tôi chỉ nhận ra trong ánh nhập nhoạng một chàng trai cao lêu đêu, râu ria vù xù, ăn vận như một người thợ săn hay một tay ăn trộm. Đáng lẽ phải đến chỗ mà các bạn cùng hội cùng thuyền vẫn đến tìm tôi vào lúc này, người kia đi thẳng đến cửa ra vào.

"Hừm, tôi nghĩ, chắc đây là một người bạn mà họ rủ cùng đi, nhưng chưa kịp nói với mình, và họ phải đi "tiền trạm".

Người khách kéo then cửa rất lẹ, không một tiếng động. Nhưng tôi khép cửa lại ngay, và theo luôn. Người khách mở cửa bếp cũng nhẹ nháng như vậy. Rồi ngấp ngừng giây lát, người ấy quay về phía tôi, bộ mặt bồn chồn và khó tả trong ánh bình minh đang lên. Mãi lúc này tôi mới nhận ra Môn cao kều.

Một lúc sâu, tôi đứng đực ra đó, bàng hoàng, tuyệt vọng, đột nhiên đau nhói vì tất cả nỗi đau đã nguôi đi chột thức dậy trước việc anh trở về. Anh biến ra sau nhà, vòng quanh một lượt, rồi trở

lại, dáng bần khổn.

Lúc này, tôi mới tiến đến, chẳng nói chẳng rằng ôm hôn anh mà khóc nức lên. Anh hiểu ngay tức khắc:

- Tiểu thư mất rồi, phải không? - anh ghen ngào.

Rồi anh đứng chờ ra, bất động và khủng khiếp. Tôi khoác lấy tay anh và dịu dàng mời anh vào nhà. Trời đã sáng hẳn. Như để cho nỗi đau trọn vẹn, tôi dịu anh leo cầu thang lên căn phòng mà nàng đã chết. Vừa vào, anh đã quỳ xuống bên giường và gục đầu mãi vào hai cánh tay.

Sau cùng, anh đứng lên, mắt lơ lảo, người lão đảo, chẳng hiểu mình đang ở nơi nào. Vẫn nắm tay anh dịu đi, tôi mở cánh cửa thông sang buồng cháu bé. Cháu đã thức dậy một mình - trong khi vú nuôi ở dưới - và, sau phút ngẫm nghĩ, cháu ngồi lên trong nôi. Chúng tôi nhìn thấy cháu ngạc nhiên quay về phía chúng tôi.

- Con anh đấy - tôi bảo.

Anh giật mình và dăm dăm nhìn tôi.

Rồi anh bế lấy cháu và nâng cháu lên. Thoạt đầu, anh không nhìn rõ cháu vì anh khóc. Để tìm bớt xúc động và nước mắt, anh vừa siết chặt đứa con ngồi bên tay phải, vừa cúi đầu quay bảo tôi:

- Hai bạn kia, tớ đã dẫn về. Cậu hãy đến thăm ngay ở nhà họ.

Đúng thế, và đầu buổi sáng, khi vừa dăm chiêu vừa gần như sung sướng đi đến nhà của Phrăng, mà trước đây, Yvon de Gale đã chỉ cho thấy thật cô tịch, từ xa tôi đã nhìn thấy một cô chủ gia đình mặc áo cổ phồng đang quét bậc cửa, một cô gái mà nhiều chàng trai chặn bò đi lễ nhà thờ qua cứ hau háu nhìn vừa tò mò vừa thích thú.

Tuy nhiên, bắt đầu chán vì bị siết chặt, và vì Môn vẫn cứ cúi đầu sang bên để tìm giấu nước mắt và vẫn không chịu nhìn cháu, cháu bèn giơ bàn tay nhỏ xinh tát mạnh vào cái mồm râu ria ướt đầm nước mắt của anh.

Lần này, người bố giơ cháu lên thật cao, tung bổng cháu và như cất tiếng cười. Cháu bé vỗ tay khoái chí.

Tôi khẽ lùi lại để nhìn thật rõ hai cha con. Hơi thất vọng mà thỏa lòng, tôi hiểu rằng rốt cuộc, cháu bé đã tìm thấy người bạn đường mà cháu đã mơ hồ mong đợi. Niềm vui sướng duy nhất mà Môn cao kều để lại cho tôi, tôi hiểu rằng đó là anh đã trở về đón cháu từ tay tôi. Và chưa chi tôi đã tưởng tượng rằng ngay đêm nay, lấy áo măng-tô quần áp cho gọn, anh lại cùng con lao vào những cuộc phiêu lưu mới.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>